NĂM THỨ SÁU • #67 • NOVEMBER 1994

English Section PAGE 45

THẾ KỶ 21

PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

PHỤ TỬ TÌNH THÂM

HẠ QUYÊN

NGỦ ĐỐ

NGUYỄN THIỆU GIANG

MỘT CHIỀU TRONG ĐẠI NỘI

HỒ MINH DŨNG

VAALA

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Vietnamese American Arts & Letters Association

Triển Lãm • Hội Thảo • Ra Mắt Sách
Nhạc Thính Phòng • Văn Nghệ Thân Hữu • Câu Lạc Bộ
Quán Sách Báo Băng và Mỹ Nghệ Phẩm...

11022 ACACIA PKWY # A, GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 537-8352 • FAX (714) 638-1944

Hằng triệu khán thính giả trong và ngoài nước đã yêu thích:

VIDEO PARIS BY NIGHT 22
LAM PHƯƠNG 1

Nhạc LAM PHƯƠNG thật đại chúng, mang nhiều sắc thái quê hương dân tộc, dạt dào tình cảm lãng mạn, là một thứ ngôn ngữ diễn tả tình yêu tuyệt vời (Bài Tango Cho Em, Chỉ Có Em, Thiên Đàng Ái Ân, Duyên Kiếp, Em Đi Rồi, Em Là Tất Cả, Tình Như Mây Khói, Thành Phố Buồn...)

VIDEO PARIS BY NIGHT 28

SACRÉE SOIRÉE 3

Điều khiển chương trình: NGUYÊN NGỌC NGẠN

CHỦ ĐỀ: *Dòng Nhạc Tiếp Nối*
LAM PHƯƠNG 2

Giá 25$ / 1 bộ 2 cuốn
luôn cước phí (TẠI USA & CANADA)

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada:
P.O. Box 2174
Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860
Fax (714) 891-9673

Âu Châu:
44 Ave D'Ivry
75013 Paris - France
Tel. 45 83 34 30

Úc:
323 Chapel Rd.
Bankstown - N.S.W 2200
AUSTRALIA
Tel. (02) 796-7227

Khánh Hà - Ái Vân - Thanh Lan
Ý Lan - Hương Lan - Dalena
Phi Khanh - Phương Hồng Quế
Diễm Liên - Trang Thanh Lan
Mỹ Lan - Phương Loan - Bảo Hân
Jenny Loan - Ngọc Thúy - Elvis
Phương - Anh Khoa - Duy
Quang - Don Hồ - Quang Bình
Henri Chúc - Nguyễn Hưng
Chí Tài - Chí Thiện...

HÃY MUA BĂNG CHÍNH GỐC
Để có hình ảnh và âm thanh tuyệt hảo

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Vietnamese American Arts & Letters Association

Nơi tụ hội của văn nghệ sĩ thuộc mọi bộ môn (nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật trình diễn, văn chương và học thuật):
Phòng triển lãm, quầy sách báo, phòng hội thảo, sân khấu bỏ túi...

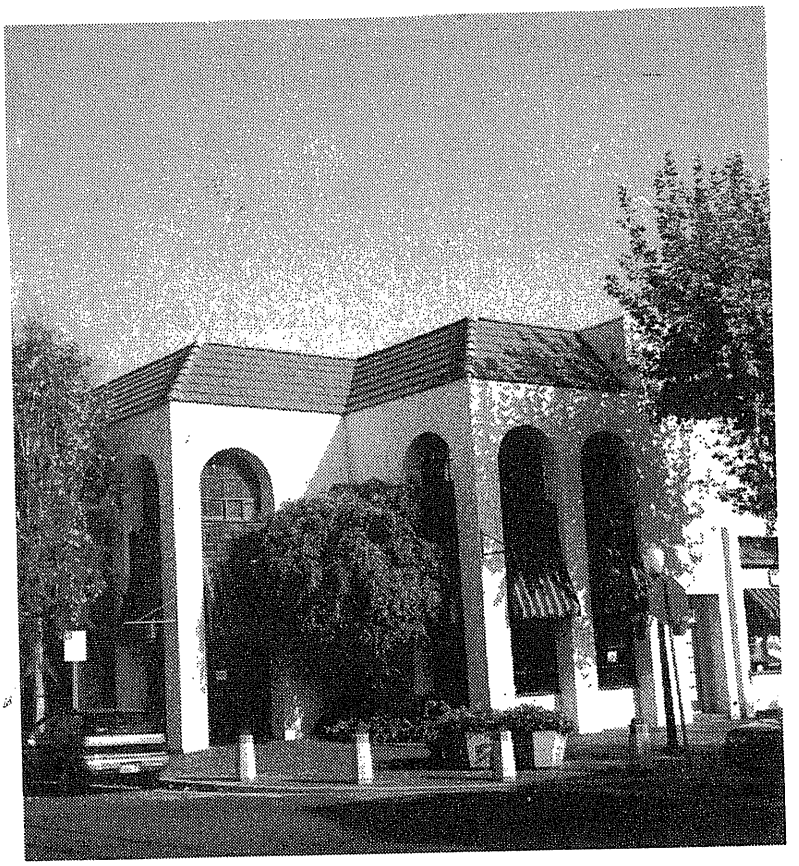

Hội viên* được đọc sách báo Việt, Anh, Pháp (tại chỗ) miễn phí; mua các sản phẩm và dịch vụ của Hội được bớt 10%. Uống cà-phê, nghe nhạc, và chuyện trò với bạn bè trong không khí văn nghệ, thanh lịch, và ấm cúng.

11022 ACACIA PARKWAY #A,
GARDEN GROVE CA 92640 USA
(góc đường Main, gần ngã tư Euclid và Garden Grove,
đậu xe ở Public Parking phía sau — vào lối đường Main.)

TEL (714) 537-8352

* Hội viên đóng niên liễm $30.00 (sinh viên và cao niên $20.00).
Độc giả dài hạn của Thế Kỷ 21 nhập Hội được trừ 10% trên tiền mua báo.

Có nhiều điều chị em muốn hỏi
bác sĩ, nhưng lại ngần ngại
vì thấy chỉ tiện nói với bạn gái thôi.
Các bạn có một người bạn gái là
bác sĩ. Hãy đến với BS Đoàn Thị Mai Anh

Nữ Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

ĐOÀN THỊ MAI ANH, M.D.

10301 BOLSA AVE., SUITE # 107, WESTMINSTER, CA 92683

(714) 531-9667

- *Tốt nghiệp Đại Học Y Khoa University of California, San Francisco*
- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại Santa Clara Valley Medical Center, San José*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.), Y Sĩ Đoàn Tiểu Bang California (C.M.A.), và Y Sĩ Đoàn Orange County (O.C.M.A.)*
- *Bác Sĩ Sản Phụ Khoa điều trị tại St. Joseph Hospital, Orange, CA và Garden Grove Hospital, Garden Grove, CA*

CHUYÊN TRỊ:

- Các bệnh phụ nữ, sinh lý, hiếm muộn.
- Thăm thai và đỡ đẻ với máy Ultrasound tại phòng mạch để theo dõi thai kỳ.
- Hướng dẫn dinh dưỡng và săn sóc tiền sản.
- Kế hoạch hoá gia đình.
- Giải phẫu các bệnh phụ nữ.
- Truy tầm và chữa trị các bệnh ung thư của phụ nữ.

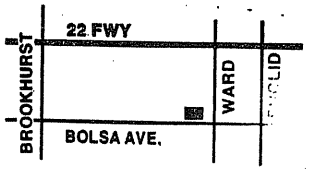

NHẬN: INSURANCE, MANAGED CARE HMO,PPO, MEDI-CAL

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai đến Thứ Bảy: **9:00 AM - 6:00 PM**

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE

Phạm Hồng Ngọc
Agent
Chuyên môn:
- Bảo Hiểm Nhân Thọ
- Bảo Hiểm Tàn Phế
- Bảo Hiểm Sức Khoẻ

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, Suite 330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 #16
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-565-8853

DỰ ÁN 20:

Chuẩn bị kỷ niệm 20 năm sống xa quê cha đất tổ

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

THẾ KỶ 21
P.O.BOX 2054-H39, Westminster, CA 92684, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / Full name:.....

Địa chỉ / Address:.....

.....

Điện thoại / Telephone: .....

Tôi đặt mua / I would like *The Ky 21* delivered to me: Bắt đầu từ số / Starting from issue:.....

☐ 06 số / issues (US$17.10) ☐12 số / issues (US$32.40) ☐24 số / issues (US$61.20)

Ngoài nước Mỹ, thêm cước phí cho mỗi số: Canada US$1.48. Âu châu: US$3.01. Các nơi khác US$3.90.

Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of: $.....

Có thể trả bằng tiền địa phương qua các đại diện phát hành sau đây:

- **Pháp: Mme Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris. ĐT (1) 45 83 19 12.**
- **Đức: Trần Hưng, Krimstr 9, 44145 Dortmund 1. ĐT 833 075.**
- **Canada: Hoàng Chiêu Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8. ĐT (514) 445-0529.**

Tranh bìa: *Nguyễn Mai Phương*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp*
Minh họa: *Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Nguyễn Hữu Nhật, Hiếu Đệ*
Hí họa: *Vẹt, Babui Mamburao 75, Hiếu*
Ảnh: *Lý Kiến Trúc, Lê Tam Ca, Nguyên Lai, Trần Đại Lộc*
Kỹ thuật: *Thanh Diễm, Thúy Hằng*

MỤC LỤC

SỐ 67 . THÁNG MƯỜI MỘT 1994

CHÍNH TRỊ - LỊCH SỬ

12 Quan hệ Pháp Việt và vấn đề dân chủ Việt Nam (*Phạm Trọng Chánh*)
17 Tư tưởng: Trở về nguồn "Diên Hồng tâm" của tư tưởng Việt (*Hạ Long Lưu Văn Vịnh*)
25 Lịch sử: Phong trào công binh (lính thợ ONS) tại Pháp 1940-1950 (*HKK ghi*)

KHOA HỌC

34 Sinh con rồi mới sinh cha (*Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh*)
80 Những khám phá mới nhất về bệnh đau bao tử (*BS Hoài Nam*)

NGHỆ THUẬT

19 Nghệ thuật tạo hình: Tác phẩm nghệ thuật (*Thái Tuấn*)
65 Âm nhạc: Ai đưa con sáo sang sông... (*Ngô Đình Vận*)

KÝ

20 Phụ tử tình thâm (*Hạ Quyên*)
24 Hà Nội, Minneapolis và Chicago (*Hoàng Khởi Phong*)
39 Một chiều trong Đại Nội (*Hồ Minh Dũng*)

VĂN HỌC

32 Chuyện văn học trong nước: Hoàng Cầm không sụp đổ (*Lý Kiệt Luân*)
52 Chuyện trò với Võ Phiến (*Hoàng Khởi Phong*)
60 Đọc "Câu chuyện của lá phong" (*Nguyễn Xuân Hoàng và Nguyễn Mộng Giác*)
62 Phê bình văn học: Truyện tình của Nguyễn Thị Hoàng (*Võ Phiến*)
82 Ngôn ngữ: Góp ý về thuật ngữ thông dụng (*Nguyễn Hưng Quảng*)
86 Nhịp cầu văn hóa nối đôi bờ sắc tộc (*Phan Sinh*)

TRUYỆN

70 Sẽ rực rỡ mùa thu này (*Ngô Thế Vinh*)
75 Ngủ đỗ (*Nguyễn Thiệu Giang*)

THƠ

22 Bẩy chữ tám câu (*Trần Vấn Lệ*) - 23 Thơ gửi người Liège (*Phố Thị Ngọc Ni N.D.*) - 33 Thơ tặng Hoàng Cầm (*Phùng Quán*) - 41 Trăng lạnh (*Đỗ Thì Kênh G*) - 42 Thiền (*Nhất Tuấn*) - 55 Hương Cảng đầu thu tức sự (*Trần Hồng Châu*) - 57 Người phương trời cũ (*Tân Thu*) - 59 Vùng đất mới hay là bài thơ tình không trao tặng (*Hoài Vũ*) - 64 Đêm trăng trong tù (*Viên Phong*) - 67 Không gặp nữa (*Huỳnh Liễu Ngạn*) - 68 Sóng xuân (*Nhất Uyên*) - 72 Cõi tâm (*Trương Ái Minh*) - 73 Chào nhé, Bá Linh em... (*Đỗ Quyên*) - 77 Rồi cũng bỏ qua thôi (*Võ Phiến*) - 79 Cõi tình ngàn dâu (*Đoàn Nhật*)

MỤC THƯỜNG LỆ

6 Thư tòa soạn
7 Bạn đọc viết
7 Tòa soạn và bạn đọc
84 Vòng chân trời văn học nghệ thuật
88 Sách báo trong tháng

ENGLISH SECTION

#67 NOVEMBER 1994

45 Voices: Coming to North America (*H.Merrill Jackson*)
46 Poetry: America; America goes to war (*Dam My-Linh*)
48 VAALA celebrates new "home" in Garden Grove
49 CSUF joins "Project 20," plans several events in 1995

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PKWY #A
GARDEN GROVE
CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510
FAX (714) 638-1944

P.O. Box 2054-H39
Westminster, CA 92684 USA

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh

Tổng thư ký tòa soạn:
Nguyễn Xuân Hoàng

Phụ tá Chủ nhiệm:
Đỗ Việt Anh

Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự

Quảng cáo:
Minh Phú, Võ Thẩm, Mai Văn, Laura Do, Hank Wu

Đại diện phát hành:
San Jose:
Bùi Duy Thuyết

Washington DC.
Nguyễn Văn Khanh

Paris
Mme Lê Tất Luyện

Đức
Thế Giang

Úc
Gia Du

Canada
Hoàng Chiêu Nhân

Quảng cáo: Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa soạn và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

THƯ TOÀ SOẠN

Dọn về trụ sở mới, Thế Kỷ 21 bước vào một giai đoạn mới, đầy hứng khởi, đầy hứa hẹn. Nhưng trong giai đoạn chuyển tiếp, cũng có nhiều xáo trộn, gây ra sự chậm trễ về nhiều mặt: thư đến không kịp hồi âm, bài đọc không kịp, và... báo ra muộn "như chưa bao giờ muộn thế!" Xin quý văn hữu và độc giả thông cảm mà tha thứ cho.

Chúng tôi tin tưởng, kể từ số tới báo sẽ ra sớm hơn, chuẩn bị cho việc tăng trang, tăng số phát hành, và dĩ nhiên quan trọng nhất, tăng cường giá trị nội dung. Vừa qua, nhân làm danh sách văn hữu khắp nơi trên thế giới để mời viết bài cho báo Tết, chúng tôi ghi nhận được Thế Kỷ 21 có tới 242 cây viết cộng tác từ số 1 tới nay. Với lực lượng này, chúng ta có thể ra thêm... vài tờ tạp chí nữa! Nhưng vấn đề "đầu tiên" (tiền đâu) vẫn là câu hỏi cần được trả lời đầu tiên. Do đó, chúng tôi dự trù sẽ gửi tới quý vị (văn hữu cũng như độc giả) một phác thảo kế hoạch gây vốn để phát triển tờ báo.

Một trong những cải tiến về quản trị nhằm gia tăng số thâu hầu giúp tờ báo đứng vững và đi lên là kể từ nay Thế Kỷ 21 có sự hợp tác của cô Phan Mỹ Sương trong vai trò Đại diện quảng cáo. Chúng tôi hy vọng tất cả quý vị giúp cô Mỹ Sương thành công — tức là giúp cho tờ báo của chúng ta phát triển.

Về báo Tết, thể theo yêu cầu của quý độc giả, chúng tôi sẽ không "nghỉ Tết" (tức là in gộp hai số làm một), mà vẫn ra đủ mỗi tháng một tờ. Tuy nhiên, số Tết rơi vào tháng Hai 1995 sẽ dày hơn số thường, vì đã có dấu hiệu cho thấy các văn hữu đáp ứng lời mời của tòa soạn nồng nhiệt — số bài sẽ nhiều hơn gấp bội.

Cuối cùng, về địa chỉ mới của tờ báo: trong số trước (như văn- hữu-độc-giả Võ Doãn Nhẫn nhận xét) có hai mã số bưu điện khác nhau. Xin ghi lại lần nữa (lần này có dò lại cẩn thận!) để quý vị tiện liên lạc:

THẾ KỶ 21
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510
FAX (714) 638-1944.

BẠN ĐỌC VIẾT

Mong báo sống lâu

Báo dạo này rất được, về chính trị cũng như về văn học nghệ thuật. Càng ngày càng có những cây bút tài nghệ hợp sức. Chẳng hiểu về mặt kinh tế tài chánh ra sao? Song rất mong *Thế Kỷ 21* sống lâu mạnh khỏe.

Thái Tuấn
Orléans, Pháp

Cám ơn anh đã nghĩ tốt và chúc lành cho tờ báo. Quả thật về tài chánh còn yếu lắm, đang tính kêu gọi bà con góp vốn để cải tiến và phát triển, anh nghĩ sao? Kính thăm và chúc sức khỏe anh chị.

Mới lạ nhưng thân quen

Thế Kỷ 21 mới lạ đối với tôi vì đây là lần đầu tôi được đọc, do một người bạn tặng. Nhưng những tên tuổi trên báo tôi thấy rất quen thuộc, vì tôi thích đọc sách báo từ hồi nhỏ. (...) Một lần nào đó được đọc một bài thơ, hay một đoạn văn nói về Dalat, tôi bỗng cảm thấy nghẹn ngào, nhớ Dalat của tôi quá. Tôi nói là "Dalat của tôi" vì tôi đã sinh ra và lớn lên ở Dalat, chứng kiến bao thăng trầm của thành phố bé nhỏ, dễ thương này. (...) Ở một thành phố ít người Việt như Memphis, thuộc tiểu bang Tennessee này, tìm được một tờ báo Việt Nam thật là khó. Chúng tôi chỉ chuyền nhau đọc một số báo chí do các bạn từ các nơi gởi về cho, hay của những người đi xuyên bang về cho mượn — có tờ từ năm 1991, 92 hoặc 93. Còn thư viện Memphis chỉ có vài ba cuốn truyện tiếng Việt, mà lại là... truyện kiếm hiệp Kim Dung (!!!) Nói thế chắc quý vị hiểu là chúng tôi thèm đọc sách, báo tiếng Việt đến thế nào. (...) Xin gởi đến *Thế Kỷ 21* tất cả những cảm tình nồng hậu của tôi. Mong *Thế Kỷ 21* sẽ là một tờ báo của mỗi gia đình Việt Nam.

Vinh Nguyễn
Memphis TN

Rất cảm động vì cảm tình cô dành cho tờ báo, nhưng nhất là vì biết đến tình trạng thiếu sách báo, và thèm đọc sách báo tiếng Việt ở Memphis. Nếu có thể, nhờ cô làm đại diện phát hành cho tòa báo và nhà xuất bản TK ở vùng đó, cô nghĩ sao? Thân chào.

Mong gặp nơi quê cha đất tổ

Dù bất cứ ở đâu, những tờ báo đứng đắn, có giá trị, đều được tôi quý trọng như người bạn hiền từ hơn 70 năm rồi. Từ khi còn nhỏ tuổi tôi ở bên Tầu mà cũng mua báo từ Saigon gửi sang vì báo miền Nam vẫn có phần tự do hơn các báo hai miền Trung Bắc.
Xin chân thành chúc quý vị được mọi sự an vui và mong còn có dịp gặp nhau ở quê cha đất tổ.

Trần Văn Hương
San Jose CA

Trân trọng cám ơn cụ, và ước điều cụ mong sớm thành sự thực.

Bận gì thì bận...

Tôi vừa là độc giả trung thành, vừa là người thường gửi bài về tòa soạn, vừa là người... mai mối cho quý báo. Tôi đặt mua báo tặng, người được tặng báo chỉ nhận được hai số 63 và 64 (cùng một lúc) rồi thôi.
Tôi đoán chừng là quý báo hiện nay bận, rất bận. Tuy nhiên, tôi cũng xin được góp ý là: dù bận gì thì bận, lúc nào cũng có đối tượng là độc giả. Việc gửi báo đến độc giả, nếu có trễ, cũng chỉ trong chừng mực nào đó. Đọc một tờ báo đến tay quá trễ, niềm vui chắc chắn giảm đi nhiều. Bản thân tôi lúc nào cũng muốn *Thế Kỷ 21* ngày càng lớn mạnh, do vậy, sẵn sàng giới thiệu với độc giả. Việc *Thế Kỷ* dọn nhà mà có những hai địa chỉ khác nhau làm tôi rất thắc mắc. Trong *Thư Tòa Soạn* thì là CA 92643, ở ngoài sau thì là CA 92640. Tôi gọi điện thoại đến tòa soạn thì cô thư ký nói CA 92640 mới đúng. Ôi, quý vị bận đến nỗi không xem lại cả thư mình gửi!

Võ Doãn Nhẫn
Santee CA

Mấy tháng vừa qua, quả thật có sự bê trễ, khiến cho báo đến tay độc giả muộn. Chúng tôi thành thật xin lỗi, và cố gắng sửa chữa khuyết điểm này. Riêng số này, ngoài việc dọn nhà, còn thêm việc anh Phạm Phú Minh, tức Phạm Xuân Đài, phải vào bệnh viện giải phẫu đầu gối (do bị ngã hồi ở trại "cải tạo" Thanh Cẩm, Bắc Việt Nam), và anh Nguyễn Xuân Hoàng đi Pháp, đúng vào thời gian báo sắp lên khuôn, nên còn muộn hơn các số đã muộn! Hy vọng từ số 68, báo sẽ đến tay độc giả sớm hơn. Cám ơn anh Nhẫn đã góp ý nghiêm khắc nhưng hợp lý. Xin tuân!

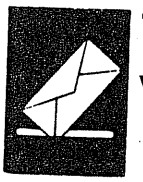

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

LÊ ĐÌNH ĐIỂU

LTS.- Theo yêu cầu của bạn đọc, từ nay tất cả các mục trên báo đều có ghi tên người phụ trách (byline), để được... công bằng với độc giả. Mục "thư tín" coi vậy mà... khó, vì không ai chịu nhận. Cuối cùng có giải pháp là ai trả lời ai thì ký tên, chứ không để khơi khơi, chẳng biết ai vào ai. Văn hữu nào "huơn" muốn ra tay nghĩa hiệp, xung phong viết mục này, xin mời đến tòa soạn. Lương có thể được đến mười giờ một đồng lận. Xin mời!

Độc giả gia hạn hoặc đặt mua dài hạn: Nguyễn Vinh (Memphis TN), Nguyễn Hoàng Thịnh (Canada), Nguyen Michael Le (Austin TX), Đoàn Nhật (Springfield VA), Trần Roanh (Dorchester MA), Trần Văn Hương (San Jose CA), Deichmanske Bib-

liotek (Norway), Nguyễn Ngọc Liên (Jersey City NJ), Lê Kim Trang (Montréal CND), Phạm Thị May (Sacramento CA), Hoàng Tâm Hilton (Mclean VA), Võ Thị Tiềm (Fremont CA).

Thư (hoặc báo) bị trả về: Le Hoang An (Los Angeles CA), Nguyen Van Cuong (Mission Viejo CA), Nguyen Viet (North Hollywood CA), Tran Tuan Le (West Covina CA), Truong Buu Giam (Fountain Valley CA), Tran Cong Khanh (Midway City CA), Van Moch (Solana Beach CA). Xin quý độc giả và thân hữu liên lạc với tòa soạn để cập nhật địa chỉ. Rất cám ơn.

Phạm Đỗ Chí *(Washington DC)*: Đã nhận được cuốn *Economic Development in Laos P.D.R.: Horizon 2000*. Sẽ giới thiệu trong một số tới, vì cuốn này "nặng ký" (cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng!) Việc tóm lược lại khó hơn, nên phải kêu gọi sự tiếp tay của nhiều bạn khác. Hẹn gặp. Thân ái.

Phấn Nguyễn Barker *(Hawaii)*: Thư và fax nhận đủ. Mong có dịp tổ chức một triển lãm các tác phẩm mới tại vùng này. Chúc vui.

Bửu Sao *(New York NY)*: Đã nhận được sách. Có giới thiệu trong số này. Nếu anh chị dọn xuống Orlando, vẫn là hai thềm đại lục, dù cùng ở miền Nam! Nhưng ở đâu thì cũng xin giữ liên lạc. Thân ái.

TAXCALI

HÀ DƯƠNG DỰC

Master of Business Administration

HÀ DƯƠNG NGA

Enrolled Agent

• INCOME TAX
• BOOKKEEPING
• BUSINESS CONSULTANT

2619 W. EDINGER, SUITE A2
SANTA ANA, CA 92704
Tel: (714) 662-3149

Lý Kiệt Luân *(San Francisco CA)*: Mấy bài trong đĩa đều dùng được, nhưng xin phép cho đi từ từ, và xen kẽ giữa truyện và ký. Đã bắt đầu nhận bài cho báo Tết, xin gửi cho. Cám ơn và chúc vui. Có dịp xuống vùng này xin mời ghé tòa soạn.

Thái Tuấn *(Orléans PH)*: Xin tạ lỗi về việc dùng bức tranh để minh họa không đúng chỗ. Nhưng chắc anh cũng đã thông cảm cho tòa soạn "phút chót" thường phải "chữa cháy"(!) Mong anh có dịp sang đây chơi, để được đón tiếp và... xem tranh mới của anh. Kính.

Trùng Quang *(San Jose CA)*: Thư và bài (của QĐ) nhận được đã lâu, mà chậm trả lời, thật đắc tội! Bài đó quả thật khó đi trên TK; nếu bà và tác giả cho phép, xin chuyển cho báo Xuân NV. Kính chúc vạn an.

Phạm Xuân Tích *(Paris)*: Đã nhận được phiếu mua báo, tập kịch thơ và thư của anh TTH về việc in tập này. Đáng lẽ phải viết thư riêng, nhưng đã nhờ anh H nhắn các chi tiết cần thiết rồi, xin phép cho gửi vài hàng thăm hỏi ở đây thôi. Hy vọng sách ra kịp cho anh vào dịp Tết. Tôi đang cố gắng thu xếp để có thể đi cùng Phạm Xuân Đài sang Âu châu, đúng dịp "ra mắt sách" của anh. Thân chào.

Hà Mai Phương *(Campbell CA)*: Vẫn chờ các cụ LV, NĐH và NKK xuống về việc ra mắt *Dòng Việt* dưới này. Xin hết lòng tiếp tay — chắc là Hội Cựu Giáo Chức sẽ "đứng cái." Xin gửi cho bản thảo cuốn "Địa danh hành chánh nước ta xưa và nay," nếu TK kẹt chỗ thì NV sẵn sàng. Thân ái.

Vinh Nguyên *(Memphis TN)*: Đa tạ đã gửi thư và thơ. Mấy số báo gần đây, quả thật có lủng củng về phát hành, xin chịu lỗi cùng cô và quý độc giả các nơi. Xin hứa chấn chỉnh — nhưng cả tòa soạn chỉ có vài ba người, lại mới dọn nhà, lu bu quá sức là lu bu! Sẽ đăng một bài thơ. Mong được tin và bài luôn. Thân chào.

Miranda Arana *(Middletown CT)*: Chắc là bận học lắm? Bài đó gây sôi nổi khắp nơi. Mong nhận được tiếp những bài tương tự. Nếu có bài bằng tiếng Anh cũng xin gửi về. Cám ơn và chúc vui.

Nguyễn Hữu Thành *(Paris)*: Những mẩu chuyện "chữ và nghĩa" rất vui và hữu ích. Kỳ này định đăng, nhưng thấy bên HL (hay DĐ?) đăng rồi. Xin chờ các bài khác. Báo Tết cần bài loại này lắm. Mong tin.

Lê Ngộ Châu *(Van Nuys CA)*: Chúng tôi sẽ tìm và biếu anh mấy số báo anh cần. Anh có đem theo được bộ BK không? Nhiều người muốn được đọc lại, và nhiều tác giả muốn tìm bài của mình trong đó. Các bài của PD anh có giữ được không, để kết hợp in cho PD một tập. Anh nghĩ sao? Hẹn gặp. Kính chào.

Jean-Marie Lebon *(Los Angeles CA):* Rất cám ơn ông đã gửi thư cho biết tin về Lydie Bertrand. Xin gửi lời chào tới Hélène Aubry, và mong giữ mãi dây liên lạc. Kính chào.

Đàm Trung Pháp *(Dallas TX)*: Cám ơn bạn đã giới thiệu báo và nhà xuất bản với học khu Dallas. Đã gửi sách theo yêu cầu. Xin viết bài về văn hóa Việt, bằng tiếng Việt cũng như tiếng Anh — nhất là báo Tết cần nhiều. Thăm N. Chúc vui.

Đàm Mỹ Linh *(Chicago IL)*: Sẽ đăng dần mấy bài thơ tiếng Anh. Không ngờ "cô người Mỹ" này lại làm được cả câu đối — "ông già" có dự phần trong đó không? Gửi lời thăm M. Thân ái.

Thong H. Vo *(Webster NY)*: Bản tin đó không bán, chỉ... biếu thôi! Chúng tôi sẽ gửi khi nào có số mới. Thân chào.

Trần Quang Hải *(Limeil-Brevannes PH)*: (1) Sẽ gửi tới anh số báo anh cần. (2) Xin anh cho bài 20 năm đó, để đi trong báo Xuân và Kỷ yếu "Project 20." (3) Tôi chưa nghe anh CT nói về vụ phỏng vấn, nhưng nếu có thì hoan nghênh cả hai tay! (4) Đề nghị của anh về việc viết những bài nghiên cứu âm nhạc cho TK, cũng rất hoan nghênh. (5) Việc phê bình các đĩa và băng rất cần, nhưng "lực bất tòng tâm" anh Hải ơi. Anh giúp một tay đi. (6) Hai bài anh nói ở Cornell, xin gửi cho ngay, để đi trên trang Anh ngữ. (7) Bài du ký anh định viết, xin viết ngay, kẻo... nguội! Gửi lời thăm BY. Chúc vui và hẹn gặp, ở Cali hay ở Paris!

Đoàn Nhật *(Virginia)*: Đọc cái *note* thấy anh vừa đi nghỉ hè xa tới một tháng, thèm ghê. Tụi này cũng đi đây đi đó luôn, nhưng cả chục năm nay không có nghỉ hè! Làm báo bận như nuôi con mọn, và có tới hàng chục (hàng trăm!?) bà... mẹ chồng. Nhưng cũng đầy ắp niềm vui do các... bà đó mang lại. Cám ơn anh thỉnh thoảng cho thơ, và mỗi năm cho cái ngân phiếu! Thân chào.

Nguyễn Thuyết Phong *(Kent OH)*: Bài anh dùng ClarisWorks, phải nhờ "chuyên viên" chuyển dùm sang VNI. Nhưng không sao, anh và quý văn hữu cứ dùng các nhu liệu sẵn có; bây giờ "VNI Tân Kỳ" có thể chuyển tới/lui các nhu liệu khác nhau một cách giản dị và nhanh chóng. Anh LVK sẽ liên lạc với anh về việc trình diễn nhạc cổ truyền vào năm 1995 ở quận Cam. Xin anh gửi cho ít sách và CD "Eternal Voices" bày bán ở Hội quán VAALA — có nhiều người hỏi mua. Hoa hồng tặng cho Hội, có làm biên nhận để anh có thể trừ thuế cuối năm.

Trần Văn Hương *(San Jose CA)*: Cám ơn cụ đã ủng hộ báo và nhà xuất bản TK. Những chậm trễ hoặc thất lạc trong thời gian gần đây hoàn toàn ngoài ý muốn và làm chúng tôi áy náy lắm. Hy vọng chấn chỉnh dần để không phụ lòng quý độc giả. Kính chúc vạn an.

Phạm Anh Dũng *(Santa Maria CA)*: Cám ơn về việc ủng hộ Hội cùng báo TK. Những độc giả do D giới thiệu đều rất... dễ thương, phần lớn đặt mua hai năm, và cho biết rất thích tờ báo này. Hy vọng sẽ có thêm nhiều thân hữu như D để số lượng độc giả dài hạn tăng theo... cấp số nhân! Xin gửi xuống một ít CD "Đưa Người Về Phương Đông" để bày bán ở Hội quán VAALA, có nhiều người hỏi lắm.

Đỗ Quyên *(Hoechstadt/Aisch)*: (1) Cám ơn đã gửi thư và thơ. (2) Xin tán thành "chiến dịch" phỏng vấn. Xin cứ thực hiện như đề nghị trong thư. (3) Dự án điện ảnh cũng hấp dẫn đấy, dù chúng tôi không "nghề" về xi-nê-ma, nhưng giúp được gì cũng xin sẵn sàng. (4) Hội Điện Ảnh và Truyền Hình Việt Nam Hải Ngoại đang mở cuộc thi viết kịch bản phim. Đã thấy đăng lai rai trên nhật báo NV một số bài dự thi. Không khí đang thuận lợi, có lẽ các bạn nên xúc tiến. (5) Phim về thuyền nhân thì nghe... nói nhiều, nhưng chưa thấy ai làm (ngoại trừ những phim tài liệu do Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển và Médecins du Monde làm cách đây năm, sáu năm.) (6) Rất có thể, vào dịp Tết này, Phạm Xuân Đài làm một chuyến Âu du (ra mắt tập tùy bút "Hà Nội Trong Mắt Tôi" ở Paris), sẽ thu xếp sang Đức luôn, gặp nhau nói chuyện nhiều. Nhân dịp xin tìm dùm "trẻ lạc" là ông Thế Giang, biến mất từ nửa năm nay, không thư từ, điện thoại gì được! Thân ái.

QUÝ VỊ ĐÃ THÍCH THÚ THEO DÕI
"CON ĐƯỜNG CÁI QUAN CỦA ĐỆ TAM THẾ GIỚI"
HÃY TÌM ĐỌC TÁC PHẨM MỚI NHẤT CỦA BÙI ĐÔNG TRIỀU
"HÀNH TRÌNH VỀ PHƯƠNG TÂY"

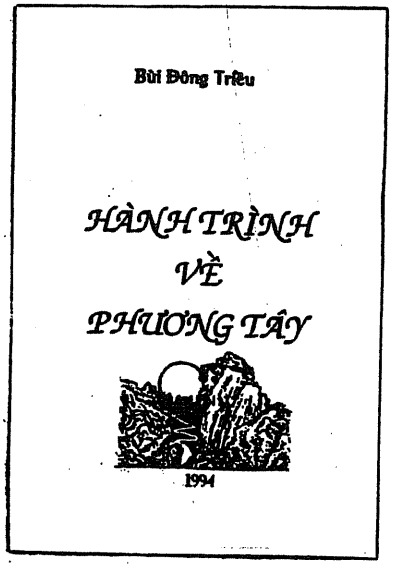

TỔNG PHÁT HÀNH
ALPHA
6771 Wilson Blvd., Falls Church, VA 22044
Đ.T: (703) 536-4008 * Fax: (703) 536-4045

Nguyễn Hưng Quảng *(Connecticut)*: Đã nhận được cả bài trước lẫn bài sau! Tuy rằng góp ý nhưng cũng công phu như một bài nghiên cứu. Đã đưa đánh máy, nhưng nếu không đi kịp kỳ này, xin đừng sốt ruột nhé, vì chuyện chữ nghĩa là chuyện muôn đời, đâu có sợ mất thời gian tính, phải không? Lần sau, nếu đã đánh sẵn, xin gửi cho cái *disket* luôn. Chúc vui. Thân chào.

Vũ Ký *(Bruxelles BỈ)*: Cám ơn anh đã cho cuốn sách. Giới thiệu trong số này. Sẽ nhờ bên NV chạy vài kỳ quảng cáo. Bài về NL tôi đã chuyển cho anh NXH để đi trên NV. Thân chào.

Nguyễn Kết *(Đan Mạch)*: Xin lỗi đã không sửa kịp theo yêu cầu của anh. Xin ghi lại đây (để làm tài liệu tham khảo) vậy. **Đính chính**: Bài của Nguyễn Kết trên TK21 số 66, trang 27, cột 2, dòng 1, xin đọc là "không thể tin rằng tôi CHƯA đọc tác giả này." Trang 26, cột 3, dòng 3, xin đọc là "Nó nói rằng trước tiên tôi chính là một pha trộn, vừa là thợ NỀ vừa là Phật (...)" Trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và độc giả.

Phan Thị Trọng Tuyến *(Nancy PHÁP)*: Đã gửi báo tặng tới BS Tân. Cám ơn những khen tặng và chúc mừng. Mong gặp vào dịp đầu năm như T nói trong thư.

Chu Bá Bằng *(Houston TX)*: Cám ơn anh đã ủng hộ TK. Đã gửi sách. Còn CD của Dũng sẽ gửi sau, vì tác giả chưa kịp "bổ sung" cho quán sách ở Hội quán VAALA. Rất mong có dịp tiếp đón anh chị ở quận Cam — và được nghe chị hát. Chúc vui.

Nguyễn Thành Vân *(San Francisco CA)*: Cám ơn đã cho CD. Giới thiệu trong số này. Thính giả Việt Nam quen nghe cách hát đơn ca hơi "phăng" một tí, sợ rằng kỹ thuật chính xác quá làm người ta... sợ chăng? Ráng thu xếp xuống đây làm một buổi — "Đêm Vân Tình Mong Manh" chẳng hạn?! Chúc vui. Thân ái.

Ngọc Sương / Ngàn Khơi *(Garden Grove CA)*: Cám ơn cô đã... cám ơn TK. Lúc nào cũng sẵn sàng ủng hộ hết mình. Nếu có nhận định "khe khắt" về một vài điểm kỹ thuật, xin cũng hiểu cho là vì lòng yêu mến, muốn NK ngày một hay hơn, cao hơn. Năm nay, dân "quận Cam chúng tôi" không được nghe Ngàn Khơi (vì chỉ có chương trình trên San Jose), nhớ rồi đấy. Hay là cuối năm làm một "Đêm Ngàn Khơi mini" đi? Thân ái.

Lê Kim Trang *(Montréal CND)*: Cám ơn bà đã viết thư hỏi. Xin trả lời như sau: (1) Giá báo dài hạn ở Canada là US$47.00 một năm, kể cả cước phí (tính theo hối suất hiện hành thành tiền Canada là C$65.00). (2) Bà có thể trả bằng ngân phiếu cá nhân hoặc lệnh phiếu bằng tiền Canada, đề tên "Hoàng Chiều Nhân" và gửi về 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8. (3) Báo TK ra từ năm 1988, nay đã được 67 số. Cám ơn bà có nhã ý giới thiệu tờ báo với bạn bè, dù chỉ mới biết tờ báo lần đầu. Kính chúc an khang.

Philip Blackburn *(St Paul MN)*: Cám ơn bạn đã cho phép đăng bài, cả tiếng Việt (bản dịch của Cung Tiến) và tiếng Anh. Nếu có "tiếng vọng" sẽ thông báo cho bạn ngay. Cũng mới nhận được thiệp, kèm theo thông báo về CD "Stilling Time." Sẽ giới thiệu. Khi nào có CD "Người Ngồi Ru Thời Gian" xin gửi cho để giới thiệu luôn. Chúc vui.

Võ Doãn Nhẫn *(Santee CA)*: (1) Số nhà sai là lỗi của... ông chủ nhà (khi làm hợp đồng cho VAALA và TK thuê, ghi sai!). Nhưng biết là sai mà không sửa kịp trên báo mình rõ ràng là lỗi của chủ nhiệm. Xin nhận lỗi và hứa sửa. Sửa rồi mà vẫn sai thì... xát xà phòng nữa! (2) Vụ để sót tên độc giả VTT sau số báo tháng Tám, cũng lại lỗi chủ nhiệm nữa — vì phiếu ghi tên độc giả thay vì đưa cho người đánh *data* thì lại đưa cho ông Minh (để viết bài?!) (3) Đúng như anh viết trong thư, vì mới dọn nhà nên có nhiều lộn xộn. Xin ghi nhận những lời "mắng mỏ" rất là chẳng oan tí nào, để lưu tâm làm cho tốt hơn. Thân chào.

Nghiêm Tâm Anh *(Van Nuys CA)*: Bài thơ đó không đăng được. Xin gửi thử bài khác. Cám ơn và chúc vui.

Hiếu Đệ *(Holland MI)*: Đã nhận được bài và tranh. Xin để đăng dần. Đã chuyển bài "con lợn" cho NV

CHÚC MỪNG

Được tin đến ngày 5 tháng 11 năm 1994, ông bà Nguyễn Đình Nhạc sẽ làm lễ vu quy tại Portland, Oregon, cho thứ nữ là:

Cô NGUYỄN THỊ BÍCH KHANH

đẹp duyên cùng:

Cậu BÙI ĐÌNH THỤY

trưởng nam ông bà Bùi Thịnh ở San Jose, California

Thành thực góp vui cùng hai họ
và mến chúc cô dâu chú rể
SẮT CẦM HÒA HỢP, BÁCH NIÊN GIAI LÃO

Ông Bà Lưu Trung Khảo
Ông Bà Phạm Quân Hồng
Ông Bà Nguyễn Triệu
Ông Bà Trần Văn Dũng
Ông Bà Phạm Cao Dương
Ông Bà Nghiêm Xuân Khuyến
Ông Bà Nguyễn Bào
Ông Bà Nguyễn Đình Cường

theo yêu cầu. Xin anh vẽ cho ít tranh vui (không phải biếm họa chính trị) để in trên báo Tết cho độc giả cười trong ba ngày Tết. Trịnh Cung hiện đang ở Paris. Nguyễn Phước đã tới Mỹ, đang ở Minnesota. Anh thử liên lạc với các "đương sự" để thêm những chi tiết "sống động" cho các bài ký sự nhân vật trong ngành nghệ thuật tạo hình mà anh phỏng theo *Asian Art News*, nên chăng?

Miêng *(Paris PHÁP)*: Truyện "ngắn" sẽ đi số tới. Tôi tin là cây bút này sẽ "vẫy vùng" chứ không... ngủ gật như cô nói trong thư. Nếu cần thêm báo xin cho biết, sẽ gửi thêm ngay. Các số thiếu chưa tìm ra để gửi cho thư viện theo yêu cầu của ban quản thủ. Có lẽ phải "rao" trên báo, để mua, đổi, xin tặng, hay cách nào đó có được những số báo cũ còn thiếu! Cô mách kế đi. Chúc vui.

Trần Huy Bích *(Torrance CA)*: Bài "Tìm hiểu thêm về Trung Hoa hiện nay" thật công phu. Với độ dài đó chỉ có thể đi trên báo Tết (tăng trang), nhưng e rằng chờ đến lúc đó thì nhiều báo khác đăng trước mất rồi. Hôm nọ đã có "độc giả khó tánh ở DC" chê TK chuyên đi bài cũ đến phải đổi tên báo (?), nên bây giờ cũng... ơn ớn cái vụ đăng chậm. Nếu anh có bài nào "dành riêng" cho TK21, xin lâu lâu cho một bài cũng được. Một bài thơ Đường cho số Tết chăng? Có dịp nam du, xin mời anh ghé chơi.Thân kính.

Nguyễn Hoài Vân *(Pháp)*: Anh cũng hay gửi bài đi "tùm lum" làm TK21 bị "hổng giò," vì cứ tưởng bài riêng cho TK21! Có lẽ chỉ có mấy bài "góp ý" với HHC và NK là "riêng" thôi, phải không? Xin cho gửi lời thăm và kính chúc sức khỏe đến lão ký giả TVÂ, vì anh hay gặp ông cụ. Ông Đỗ Đình Phương ở quanh đây nhưng chúng tôi cũng ít gặp. Nếu gặp sẽ chuyển lời thăm của Vân. Bên này có Hội Tây Ban Cầm Việt Nam, bao giờ Vân sang sẽ giới thiệu để tổ chức "récital" cho bà con quận Cam thưởng thức. Chúc vui.

Nhất Tuấn *(Olympia WA)*: Đã nhận được các bài thơ mới. Bài "Thiền" rất thú, vì đó là thiền giả vờ. Ông NT mà thiền thật thì chúng tôi hết được đọc thơ tình ướt át của ông. Thân.

Hoàng Thế Đạo *(Campbell CA)*: Cám ơn bạn đã gửi cho bài TPSM, nhưng không đăng được vì mất thời gian tính, và cũng không hợp với một tờ báo ra hàng tháng.

Du Tử Lê *(CA? TX? Canada?)*: Ông chọn bút hiệu chính xác quá, nghĩa là tôi tìm ông không bao giờ gặp, ông "du" tối ngày! Đã nhận được mấy bài thơ do Nguyễn Ngọc Bích dịch. Sẽ đăng dần. Vụ in tập thơ tiếng Anh, nên lắm. Nhưng phải gặp mới bàn vào chi tiết thực hiện được. Mong tin.

Lê Đại Lãng *(Melbourne ÚC)*: Sẽ đăng "Ý Nhi" trong một số tới. Đừng gửi cho báo khác nhé! Muốn bàn với bạn việc phát hành TK21 ở Úc. Có ý kiến gì không? Mong tin. Chúc vui.

Nguyễn Đức *(Carrboro NC)*: Cám ơn rất nhiều. Đang nghiên cứu để đăng bài về đại học Mỹ. Có lẽ TK21 cần loại bài này nhiều để báo bớt "đi trên mây" (như một số độc giả nhận xét). Thân chào.

Lâm Lễ Trinh *(Huntington Beach CA)*: Rất mong được ông viết cho những bài phân tích hiện trạng chính trị hoặc kinh tế và chỉ ra một hướng giải quyết. Bài ở trang Anh ngữ nhằm nói với người Mỹ nhiều hơn, nên cần những bài có tính "đặt vấn đề" với các tác giả và dư luận Mỹ về các vấn đề của người Việt mình. Bài "Democracy..." chúng tôi nhận được có nhiều trang bị mờ đọc không ra. Nếu có thể, xin ông gửi cho cái *disket*, những bài mới. Trân trọng cảm tạ và kính chào.

Dương Thành Lợi *(Toronto)*: Bài của KTS Nguyễn Ngọc Đính rất hay, chỉ tiếc có vài điểm đề cập đích danh một vài người mà lại thiếu dẫn chứng, e không tiện đăng. Nếu tác giả cho phép, chúng tôi sẽ nhuận biên, và đăng trong một số sắp tới. Rất cám ơn và mong tin.

Nguyễn Vũ Văn và **Tuấn Huy**: Tòa soạn xin lỗi hai bạn thơ về việc số 66 có đăng bài thơ ***Tầu đêm*** của Nguyễn Vũ Văn mà lại in lầm tên tác giả là Tuấn Huy.

Các văn hữu **Túy Hồng, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Mạnh Trinh, Vi Khuê**: Sẽ đăng. Xin cho tòa soạn được phép sắp xếp vào những số báo thích hợp (về nội dung cũng như thời gian). Thân chúc vui và mạnh. Mong tin luôn. Thân ái. ■

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ
Tạp chí VĂN HỌC
Tạp chí THẾ KỶ 21

HỘI LUẬN VĂN HỌC:

"NHÌN LẠI
20 NĂM VĂN HỌC HẢI NGOẠI"
Nhóm điều hợp: **Nguyễn Mộng Giác - Nguyễn Xuân Hoàng - Phạm Xuân Đài - Lê Đình Điểu**
vào hồi 2:00 giờ chiều
thứ Bẩy 19 tháng Mười Một 1994.

tại:
VAALA
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
.Vào cửa tự do.
.Liên lạc: **(714) 537-8352**

QUAN HỆ PHÁP VIỆT VÀ VẤN ĐỀ DÂN CHỦ VIỆT NAM

TS PHẠM TRỌNG CHÁNH

Sau chuyến viếng thăm Việt Nam của Tổng Thống Mitterrand ngày 23-27/6/1993 và của Thủ Tướng Võ Văn Kiệt vào tháng 9/1993 tại Pháp, các phái đoàn của Bộ Trưởng Pháp: Y Tế Xã Hội, Văn Hóa, Khối Pháp ngữ, Ngoại thương, Tài chánh...dập dìu đến TP Hồ Chí Minh, Hà Nội.

Và các Bộ Trưởng, Phó Thủ Tướng, Chủ Tịch Quốc Hội... Việt Nam, thậm chí các tỉnh ủy địa phương, các giám đốc công ty cũng lên đường đến Paris rộn rịp tấp nập. Các viện nghiên cứu, các trường đại học, các cơ sở ngân hàng đón tiếp hàng loạt người được học bổng đào tạo tại Pháp.

Voi sứ Bình Dương tràn ngập thị trường, giày dép, gạo, bàn ghế gỗ Việt Nam chen chân vào các siêu thị Pháp...

Hoạt động viện trợ Pháp nhằm giúp đỡ Việt Nam chuyển hóa đến kinh tế thị trường và ủng hộ Việt Nam tìm lại một vị trí xứng đáng trong cộng đồng quốc tế và vùng Đông Nam Á.

Pháp giúp đỡ Việt Nam xây dựng một quốc gia pháp trị mở cửa đến tự do dân chủ mới, tìm được thăng bằng và ổn định để phát triển kinh tế. Đồng thời Việt Nam cũng giúp Pháp một điểm tựa cho việc phát triển các cơ sở kỹ nghệ Pháp tại vùng Đông Nam Á, một vùng phát triển năng động nhất thế giới hiện nay. Việt Nam có một tầm quan trọng đặc biệt cho ảnh hưởng Pháp tại Đông Nam Á, một liên hệ lâu đời gần 100 năm. Tính năng động của người Việt, tài nguyên thiên nhiên phong phú của Việt Nam với sự trợ giúp đào tạo của nước Pháp Việt Nam đang "thay da đổi thịt" để bước vào quỹ đạo phát triển.

Nhận định về những bước phát triển trong quan hệ Việt Pháp, những biến chuyển thời cuộc quốc tế sẽ giúp cho cộng đồng người Việt hải ngoại tránh được những đường hướng đấu tranh "siêu thực" và "viễn mơ" như ra "tuyên cáo đòi đảng Cộng sản giải tán tức khắc" hay "lập một đội quân kháng chiến" tiêu diệt cộng sản.

Mấu chốt trong vấn đề dân chủ Việt Nam là vấn đề "dân trí" lẫn "quan trí." Có thể nào có dân chủ khi các ông quan tòa chỉ có trình độ "bổ túc văn hóa," chỉ có khả năng ngồi đọc bản án đã soạn sẵn. Dân chủ có thể nào thực hiện bằng những cuộc biểu tình tưởng tượng ở Ba Đình, Phú Vân Lâu, Bến Bạch Đằng, bằng sự sụp đổ tự nhiên của quân đội, bằng một nội các năm mười ông "Bộ Trưởng" một sáng cao hứng đáp máy bay về Saigon, hay bằng một âm mưu ném vài quả lựu đạn, bắn vài phát súng?

Bài nói chuyện của ông Đỗ Mười tại Hội nghị cán bộ Hà Nội ngày 3-3-1994 cho thấy một tâm trạng hốt hoảng chới với của một tổ chức chính trị không còn thích ứng với thời cuộc, nói chẳng ai nghe, cũng chẳng còn lòng dân, sợ hãi bóng ma "diễn biến hòa bình", đập phá hoảng hốt vào các đối tượng như người bị loạn trí. Thái độ xem người này là phản động, người kia là kẻ thù, phản đảng, chống phá cách mạng không còn là thái độ hợp với xu hướng thời đại là đối thoại, dân chủ, tôn trọng nhân quyền, tôn trọng tự do.

Phải biết nhìn thấy sự khác biệt tư tưởng chính trị, tôn giáo, văn hóa như là nền tảng cho giàu có phồn vinh và sự tiến bộ. Và nhà nước có bổn phận tổ chức để điều hòa mọi tư tưởng khác biệt để dẫn đến tiến bộ. Thấy trò tư tưởng khác nhau để tìm con đường mới, anh em, bạn bè, cha con tư tưởng khác nhau. "Con hơn cha là nhà có phúc" nhân loại tiến bộ nhờ sự phát triển trăm hoa đua nở của tư tưởng. Các chế độ độc tôn tư tưởng, độc tôn quyền hành vào một người, một nhóm không có khả năng nhạy cảm trước sự biến đổi của tình thế, khi mắc sai lầm cứ đi sâu mãi vào sai lầm cho đến ngày sụp đổ.

Kinh nghiệm Việt Nam vụ cải cách ruộng đất, đánh tư sản miền Bắc, vụ án Nhân Văn

Giai Phẩm, Vụ án Hoàng Minh Chính, vụ phá đình chùa lấy gạch ngói xây trường học ở vùng Thanh Nghệ Tĩnh (1958-1964), vụ đốt sách sau 1975,đánh tư sản Miền Nam... đã làm thiệt hại bao nhiêu tài sản, gia tài văn hóa, công sức dân tộc, đẩy đất nước đi thụt lùi hàng chục năm. Xã hội nào cũng phải đi trên hai chân tả hữu, có đối lập xây dựng để cảnh tỉnh những sai lầm, có một lực lượng chính trị hậu bị để thay bánh xe khi xe bị bể bánh, để đất nước luôn luôn tiến lên, không có gì phải sợ hãi trước dân chủ, nhân quyền và diễn tiến hòa bình.

Một người tù nhân 27 năm như ông Nelson Madala trở thành Tổng Thống Nam Phi, điều đó cách đây mươi năm không một người da trắng Nam Phi nào có thể tưởng tượng nổi, nay đã thành sự thực. Do Thái và Palestine có ai tưởng tượng sẽ đến nay chung sống hòa bình. Những điều đó đã thực hiện thì Việt Nam cũng không thoát khỏi trào lưu tư tưởng dân chủ, dân quyền của nhân loại.

Không ai có thể sống mãi đời đời để buộc thế hệ con cháu đi theo "khuôn vàng thước ngọc" của mình. Sinh tử của đời người là lẽ thường sinh tử của một triều đại, một tổ chức chính trị cũng là lẽ thường. Một tổ chức chính trị đã làm xong nhiệm vụ lịch sử nhường chỗ cho một tổ chức khác là việc bình thường cho nhu cầu và sự sống của dân tộc và đất nước. Các thế hệ thứ ba, thứ tư không thể nào biện minh đây là công lao xương máu của ông nội, ông cố tôi kháng chiến nên tôi tiếp tục độc quyền thừa hưởng.

Chuyển hướng tất cả mâu thuẫn dân tộc vào đấu tranh dân chủ nghị trường, xây dựng một nhà nước, một quân đội vững mạnh độc lập với mọi đảng phái chính trị, lấy lá phiếu nhân dân làm nền tảng, tổ chức nào chiếm đa số đại biểu quốc hội sẽ lãnh đạo đất nước là việc dân chủ tất yếu phải tiến đến. Do đó vấn đề Việt Nam hôm nay vì sự cần thiết để phục hưng và phát triển đất nước không thể nào giải quyết bằng bạo động, cách mạng, xáo trộn mà phải đấu tranh liên tục để từng bước cải cách dân chủ, nâng cao dân trí, chấn hưng công thương nghiệp, chấn hưng tôn giáo làm nền tảng đạo lý dân tộc.

Những thái độ kết án, thù hận, chụp mũ, trả thù... không còn thích ứng với thời cuộc, mà phải tiến đến đối thoại, công nhận lẫn nhau. Các tổ chức chính trị phải tiến đến một trưởng thành chính trị. Việc nước là việc lớn, những tổ chức năm bảy người, vài chục người, đường lối mơ hồ, không biết đưa dân tộc đi đâu, không thể nào đảm trách được việc lớn của đất nước mà phải tiến đến những tập hợp to lớn, có đường lối, có cán bộ có trí thức, có bộ tham mưu như những tổ chức chính trị hiện đại các nước tiên tiến trên thế giới.

Thời đại của những tổ chức chính trị đấu tranh dành độc lập đã qua, nhường chỗ cho những tổ chức đấu tranh xây dựng đất nước, phát triển kinh tế, giải quyết những vấn đề an sinh xã hội, môi sinh, giáo dục, văn hóa... Sự viện trợ của các cường quốc rất qúy báu khi chúng ta thông minh, tài trí biết tận dụng để phát triển đất nước nhanh chóng đưa đất nước hội nhập vào sự tiến bộ thế giới. Nếu chúng ta dốt nát, trục lợi thiển cận thì viện trợ trở thành cái dây oan nghiệt ràng buộc, lệ thuộc. Các sự viện trợ luôn luôn có giới hạn, thái độ và cách sử dụng viện trợ sáng suốt là yếu tố quyết định sự hưng thịnh của dân tộc. Nhận thức mối liên hệ đó và không ỷ lại vào một viện trợ nào. Kinh nghiệm của miền Nam Việt Nam và Nam Hàn trước năm 1975, là một bài học lớn của lịch sử. Ngồi khơi lại lịch sử, oán trách ai, "nếu" thế này, "nếu" thế kia cũng bằng thừa. Vấn đề của dân tộc Việt Nam hôm nay là nắm bắt cơ hội lịch sử để đi kịp chuyến tàu tiến bộ vùng Châu Á Thái Bình Dương.

Trong những năm qua Pháp đã giúp đỡ Việt Nam tham gia vào các tổ chức tài chánh quốc tế, đứng đầu các nước giúp Việt Nam trả nợ 140 triệu đô la cho FMI (Quỹ tiền tệ Quốc tế), ngày 27-9-1993 giúp Việt Nam thoát khỏi các bế tắc chính trị trong hồ sơ gia nhập vào FMI, nhờ tiền mượn của BFCE (Ngân Hàng Ngoại Thương Pháp) 85 triệu đô la, viện trợ song phương 56,1 triệu đô la trong đó 15,2 triệu đô la viện trợ Pháp. Pháp cũng giúp Việt Nam ký kết các hiệp định hợp tác với Liên Hiệp Âu Châu, triệu tập "Club de Paris" giải quyết nợ Việt Nam 4 tỷ đô la ngày 13-4-1993 hủy bỏ được 50% số nợ và trả dài hạn số nợ còn lại.

Nhờ các sự trợ giúp này, Việt Nam tìm thấy ở Pháp một đồng minh ưu tiên so với các nước Âu Châu, tìm lại được sự cân bằng chính trị ngoại giao trước những cường quốc trong vùng như Trung Quốc và Nhật Bản. Về phần mình, Pháp cũng tìm thấy cho mình một vị trí đặc biệt hiện diện trong vùng Đông Nam Á.

QUAN HỆ KINH TẾ

Các hiệp ước tài chánh viện trợ Pháp cho Việt Nam không ngừng gia tăng từ năm 1990 dưới hình thức nghị định thư viện trợ. Năm 1990, 45 triệu quan Pháp (MF); năm 1991, 95 MF; năm 1992, 180MF; năm 1993, 483 MF trong đó 150 MF là tiền cho vay. Năm 1994 với sự tham dự của Quỹ nước Pháp Phát Triển các viện trợ tài chánh đang ký kết sẽ còn tăng hơn nữa.

Liên hệ kinh tế song phương trao đổi thương mại Pháp Việt nâng cao so với sự trao đổi của Pháp với các nước Châu Á khác (hơn 5% tại Việt Nam năm 1991 so với 2% so với các nước Á Châu). Trị giá sản lượng trao đổi khiêm tốn 800 MF năm 1991 đã tăng lên 1,6 tỷ F năm 1992.

Các hiệp ước căn bản cho sự phát triển đầu tư kỹ nghệ Pháp tại Việt Nam đã được ký kết. Hiệp ước khuyến khích và bảo vệ đầu tư ký ngày 26-5-1992, nghị định thư tài chánh ký tháng 2-1993. Các xí nghiệp Pháp hiện diện và hoạt động mạnh mẽ trong nhiều lãnh vực.

Những ký kết quan trọng đáng kể như:

— Hợp đồng Alcatel tháng 2-1994

— Hợp đồng Xưởng lọc dầu Total trị giá 1 tỷ 2 đô la.

— Hợp đồng Air France và Air Việt Nam bán ba máy bay Airbus và sẽ giao 5 Airbus A 320. 200 bán trả góp.

— Xây dựng đường dây cao thế Nam Bắc 500 KW trị giá trên 1 trăm triệu đô la.

— Gec-Alsthom xây dựng trung tâm nhiệt điện Bà Rịa trị giá 35 triệu đô la.

— Hợp đồng Thomson xây dựng hệ thống radar toàn quốc VN.

— Hợp đồng với Safège (Groupe Lyonnaise des eaux) và Sade (Groupe Général des Eaux) về lọc nước và cung cấp nước.

— Xây dựng cầu sông Gianh bởi công ty Freyssinet.

Các con số sau đây cho một ý niệm về Viện trợ Pháp tại Việt Nam:

	Direction Générale DG	Ngân khố	Caisse Francaise de développement	Tổng cộng
1989	20	5		25
1990	30	45		75
1991	35	95		130
1992	41	180		220
1993	73	100 cho không 150 cho vay	110	483

1) Ngày 22-7-1994 Bộ Trưởng Tài Chánh Pháp đã ký kết tại Hà Nội xóa bỏ 50% món nợ là 1 tỷ 216 triệu quan Pháp và triển hạn thanh toán 1 tỷ 280 triệu từ 23 đến 30 năm và nâng tài khoản viện trợ năm 1994 lên 425 (RFI ngày 22-7-1994).

2) Sự giúp đỡ của Pháp để trả món nợ bị chậm trễ cho FMI (Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế) là 15 triệu đô la (khoảng 90 triệu quan Pháp) năm 1993 và 35 triệu đô la (kể vào nghị định thư viện trợ năm 1994).

3) Đóng góp của Pháp trong khuôn khổ Liên Hiệp Âu Châu viện trợ cho Việt Nam lên đến 38,1 triệu quan Pháp trong đó:

-Giúp đỡ cho người tỵ nạn	31 MF
-Hoạt động nhân đạo các tổ chức không thuộc chính phủ (ONG)	2,4 MF
-Hoạt động giúp người tỵ nạn qua HCR và các tổ chức ONG khác	4,2 MF
-Môi sinh	0,2 MF
-Linh tinh	0,3 MF
- Tổng cộng	38,1 MF

Ngoài ra Viện trợ lương thực qua khối Liên Hiệp Âu Châu: 5500 tấn gạo, 90 tấn dầu, 250 tấn sữa bột, 180 tấn bột mì.

4) Trợ giúp các tổ chức không thuộc chính phủ (ONG) 4,6 triệu quan Pháp.

Hiện nay có 4 ngân hàng Pháp đã thành lập chi nhánh tại Việt Nam (Indo-Suez, BNP, BFCE, Crédit Lyonnais) trên tổng số 7 ngân hàng ngoại quốc.

5) Hợp tác văn hóa, khoa học kỹ thuật ngày càng trở nên tích cực từ năm 1989.

24 MF năm 1989 45 MF năm 1992 73,5 MF năm 1993

Ngoài các khoản tín dụng viện trợ còn thêm vào ngân khoản dành cho việc đào tạo cán bộ và các tổ chức phi chính phủ khoảng 50 MF.

Các hướng chính hợp tác gồm:

— Năm 1994 chuyển ba trường trung học tại Hà Nội, Huế và TP Hồ Chí Minh thành Trung học Pháp Việt và phát triển các trung tâm dạy tiếng Pháp, tiếp tục theo đuổi việc phổ biến Pháp ngữ. Chuẩn bị Hội nghị Thượng Đỉnh các nước nói tiếng Pháp tại Hà Nội năm 1997.

— Trợ giúp kỹ thuật để thiết lập từng bước một quốc gia pháp trị với sự trợ giúp việc soạn thảo các bộ Luật Việt Nam (Luật Dân sự, Hình sự, Luật Thương mại...) Đào tạo luật sư và viên chức ngành Tư pháp.

— Đào tạo cán bộ trong lãnh vực quản trị, ngân hàng, quan thuế, với sự trợ giúp các xí nghiệp Pháp (ngành hàng không, dầu khí, kỹ nghệ hầm mỏ, tin học, nông nghiệp...). Tặng hơn 450 học bổng dài hạn và ngắn hạn cho sinh viên Việt Nam năm 1993 và 10 học bổng tại các trường cao đẳng kỹ sư Pháp (tuy nhiên chỉ có 3 sinh viên đạt đủ năng lực sinh ngữ để vào học). Sự hiện diện của Pháp nhằm vào các lãnh vực thiết yếu như luật, y khoa (là những điểm mạnh của giáo dục Pháp) và nhiều lãnh vực khác cần thiết cho sự phát triển kinh tế Việt Nam. Trung Tâm Đào Tạo Quản Trị mở năm 1992 và nhà luật Pháp-Việt ở Hà Nội là bước đầu đáng khích lệ thuộc hai lãnh vực cần thiết cho sự phát triển Việt Nam.

Hội Đồng hỗn hợp hợp tác văn hóa, khoa học, kỹ thuật giữa Pháp và Việt Nam đã hộp tại Paris ngày 8,9 tháng 3 năm 1994.

Những quan hệ hợp tác Pháp Việt sẽ có một tầm ảnh hưởng sâu rộng đến tương lai Việt Nam, sẽ mở có khả năng ra cánh cửa đến dân chủ, tự do, nhân quyền.

Đối lập Việt Nam nghĩ gì và làm gì? Không thể chờ đợi nước Pháp đấu tranh giùm dân chủ, tự do, dân quyền cho người Việt Nam. Cũng không thể chờ đợi một ân huệ ban ra từ đảng Cộng Sản. Các cường quốc luôn luôn đối thoại với một chính quyền sẵn có, nếu đối lập không liên kết được một tập hợp rộng rãi, không tạo được một thế đứng đối thoại thì mãi mãi sẽ đứng bên lề các diễn tiến chính trị đất nước.

Kinh nghiệm quá khứ từ Quốc Trưởng Bảo Đại, Thủ Tướng Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm, đến các nhà yêu nước không cộng sản Hồ Tá Khanh, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Tường Tam, Vũ

Hồng Khanh, Phan Quang Đán... là những nhà trí thức tài năng có thừa nhưng không nắm bắt được những vận hội lịch sử, không xây dựng được một thực lực quần chúng nên bị loại ra ngoài vòng lịch sử. Cần nhìn lại thực lực các tổ chức chính trị đối lập loại bỏ những khả năng vũ trang bạo động không còn thích hợp với xu hướng đối thoại của thế giới hiện nay, tìm kiếm một nền tảng tư tưởng và một chiến lược phát triển.

Hiện nay Việt Nam có những nhân vật chính trị đối lập như TS Đoàn Viết Hoạt, BS Nguyễn Đăng Quế, LS Đoàn Thanh Liêm, Bùi Tín, Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, Dương Thu Hương, Nguyễn Xuân Tụ... nhưng việc nước là việc lớn, nó vượt khỏi tài năng một cá nhân, nó lâu dài hơn đời hoạt động một người, một nhân vật chính trị. Nếu không có một tổ chức lớn mạnh yểm trợ thì tài năng cũng sẽ bị mòn lụt.

Tình hình các tổ chức chính trị Việt Nam, những tổ chức lâu đời từ thời kháng chiến chống Pháp cũng chia năm xẻ bảy, chỉ có danh tiếng quá khứ mà không có thực lực quần chúng hiện tại, ngay thời Nguyễn Văn Thiệu miền Nam được tự do ra ứng cử cũng chẳng dành được bao nhiêu ghế.

Những tổ chức chính trị hải ngoại hầu như không có thực lực quần chúng và cán bộ trong nước, trừ hai tổ chức Phật giáo và Công giáo có khả năng có một hệ thống cán bộ đông đảo hàng triệu người cho những vận động chính trị tương lai. Ảnh hưởng Công giáo có tầm giới hạn trong các địa phận tập trung người công giáo 8% dân số. Phật tử có tiềm lực ảnh hưởng rộng rãi hơn, vững chắc tại miền Trung, tại các thành phố lớn miền Nam nhưng còn yếu ớt tại miền Bắc. Dầu sao Phật tử vẫn là tổ chức quần chúng có khả năng tương quan lực lượng với đảng Cộng sản trong một cuộc bầu cử dân chủ tương lai. Trước sự sụp đổ của chủ nghĩa Mác-Lê, sự tàn phai của Khổng Lão, sự thất bại của chủ nghĩa nhân vị, Phật giáo còn lại như một nền tảng tư tưởng có khả năng tập hợp dân tộc, giải quyết mâu thuẫn dân tộc, đưa đất nước hội nhập vào vùng Đông Nam Á có ảnh hưởng Phật giáo.

Trong hoàn cảnh dân trí hiện tại, những tư tưởng dân chủ còn giới hạn trong các thành thị miền Nam. Hai mươi năm qua các tổ chức chính trị hầu như thất bại trong việc tập hợp, ngay tại hải ngoại không có khủng bố, đàn áp, các tổ chức đối lập cũng không ngồi lại được với nhau. Hiện nay nếu có một cuộc bầu cử tự do bãi bỏ điều bốn Hiến Pháp, các tổ chức đối lập vẫn chưa có một chuẩn bị chính trị, sự tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, sự tập trung vào các thành thị miền Nam, các tổ chức này sẽ tự làm suy yếu lẫn nhau, nhường lại vùng quê, vùng núi miền Bắc cho đảng Cộng sản.

Sự tập hợp các nhân vật chính trị đối lập các trí thức nhân sĩ, đảng phái trong sự yểm trợ của Phật tử và Công giáo, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo phải chăng là một lối thoát để mở cửa đến dân chủ trong tương lai? Phải có tương quan lực lượng với đảng Cộng sản, thắng được đảng Cộng sản trong bầu cử mới có thể bàn đến Hòa Hợp Hòa Giải Dân Tộc. Còn không, những kinh nghiệm lịch sử của Chính phủ Liên Hiệp năm 1945, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, Liên Minh Dân Tộc Dân Chủ Hòa Bình, Mặt Trận Tổ Quốc, trong đó một cá nhân, một nhân vật chính trị bên cạnh một đảng Cộng sản chuyên chính chỉ là một tù binh, nạn nhân của thủ đoạn mượn tên tuổi, khi xong việc thì về vườn nuôi heo, uống trà, nhổ râu, ngậm đắng nuốt cay số phận của người "bạn đường giai đoạn."

Sự viện trợ của Pháp cho Việt Nam là một sự trợ giúp quý báu, nó đẩy mạnh tiến trình dân chủ đào tạo luật gia, soạn thảo các bộ luật,

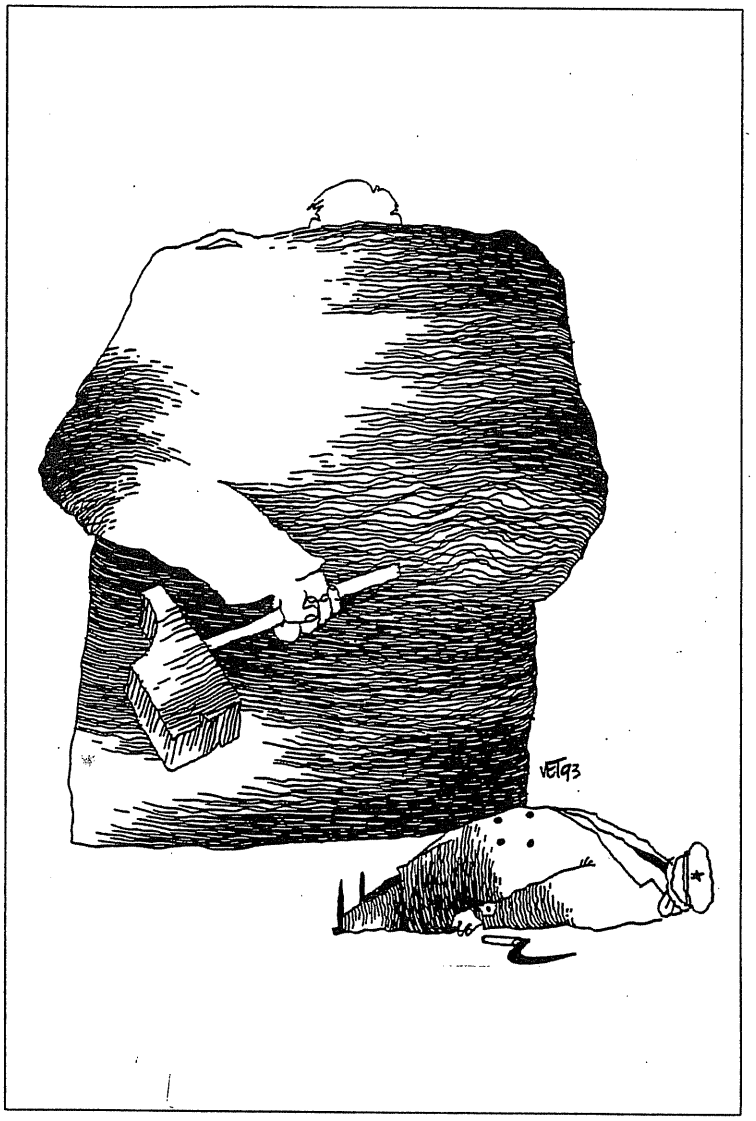

tuy nhiên nó chưa đủ nếu đối lập Việt Nam không đẩy mạnh đấu tranh để tiến đến sự phân quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Phải tách rời đảng cộng sản ra khỏi bộ máy nhà nước, quân đội, xây dựng một cơ cấu quốc gia hữu hiệu để bất cứ một tổ chức chính trị nào chiếm đa số ghế quốc hội cũng có thể điều khiển được, chứ còn trong điều kiện hiện tại toàn thể cán bộ đào tạo bởi trường đảng Nguyễn Ái Quốc, những hô hào dân chủ chỉ là bánh vẽ. Kinh nghiệm các Việt kiều từ Pháp về, từ Trần Đức Thảo, đến Nguyễn Khắc Viện, Võ Nhân Trí... dù có tài năng và nhiệt huyết vẫn không xoay nổi bộ máy và bị bộ máy tập thể nghiền nát hay loại ra ngoài vòng xã hội. Nước Pháp hiện đang đào tạo giúp Việt Nam hàng năm một số cán bộ hành chánh trẻ tại các học viện Quốc tế Hành chánh, Quốc Gia Hành chánh. Thúc đẩy quá trình phát triển này để trong năm mười năm có đủ một thế hệ trẻ có học vấn, năng lực đảm nhận việc quản trị hành chánh và các cơ cấu quốc gia thay thế lớp cán bộ sống lâu lên lão làng của đảng Cộng Sản. Dân chủ sẽ tiến nhanh khi có được một thế hệ trẻ có trình độ học vấn cao, nắm việc quản trị đất nước.

Bộ máy quân đội hiện nay có vẻ như một thành trì cố thủ của đảng cộng sản, nó có thể là một công cụ đàn áp dân chủ như ở Trung Quốc, nhưng nó cũng có thể là một yếu tố để thúc đẩy sự phát triển của dân chủ. Quân đội hiện nay được sự ve vãn của Hoa Kỳ, lẫn các nước Đông Nam Á, vì nó có khả năng ngăn chận sự bành trướng của Trung Quốc về phía Nam. Nếu nó sụp đổ hay bị Trung Quốc mua chuộc nắm giữ, Việt Nam sẽ mất vào tay Trung Quốc.

Bộ máy quân đội ấy hiện nay thiếu thốn trang bị đã chuyển hướng sang sản xuất kinh tế. Sau khi Liên Xô sụp đổ số vũ khí trang bị vẫn còn xử dụng được một thời gian, nhưng rồi cũng phải đến ngày thay thế. Thay thế bởi ai? Hoa Kỳ, Pháp, Trung Quốc hay Nga?

Việc bang giao với Hoa Kỳ còn quá mới, cuộc chiến tranh quá khứ vẫn còn ảnh hưởng. Các nước thuộc Liên Xô cũ có thể thay thế các phụ tùng, nhưng nguồn tiếp liệu bế tắc vì phải ký kết với nhiều quốc gia khác nhau. Trung Hoa không muốn viện trợ cho một nước có khả năng là địch thủ của mình, trừ phi đảng CSVN phải qùy gối chịu sự lãnh đạo của Trung Quốc, điều này khó xảy ra khi xung đột vùng biển đông còn gây cấn. Nước Pháp có khả năng đảm nhận vai trò trang bị, huấn luyện sĩ quan, phi công... điều đó sẽ dẫn quân đội đến chỗ độc lập với cơ cấu đảng phái, và đứng ngoài vòng các cuộc đấu tranh nghị trường.

Tóm lại những quan hệ Pháp Việt hiện nay đang tạo những nền tảng vững chắc cho tiến trình dân chủ hóa Việt Nam. Nhưng việc dân chủ hóa hiện nay là việc của người Việt Nam, không ai có thể làm hộ mình, cũng không phải là việc ban ơn của đảng Cộng sản. Một Gorbachev, Elsine (Yelsine) Việt Nam không thể xuất hiện nếu không có một áp lực xã hội mạnh đòi hỏi dân chủ, cũng như một tinh thần cởi mở không cố chấp quá khứ biết ủng hộ đúng lúc và biết thúc đẩy dân chủ tiến lên. Nó đòi hỏi đối lập Việt Nam có một trưởng thành chính trị, một đường lối lâu dài, một tổ chức hiện đại phù hợp với trào lưu dân chủ thế giới.■

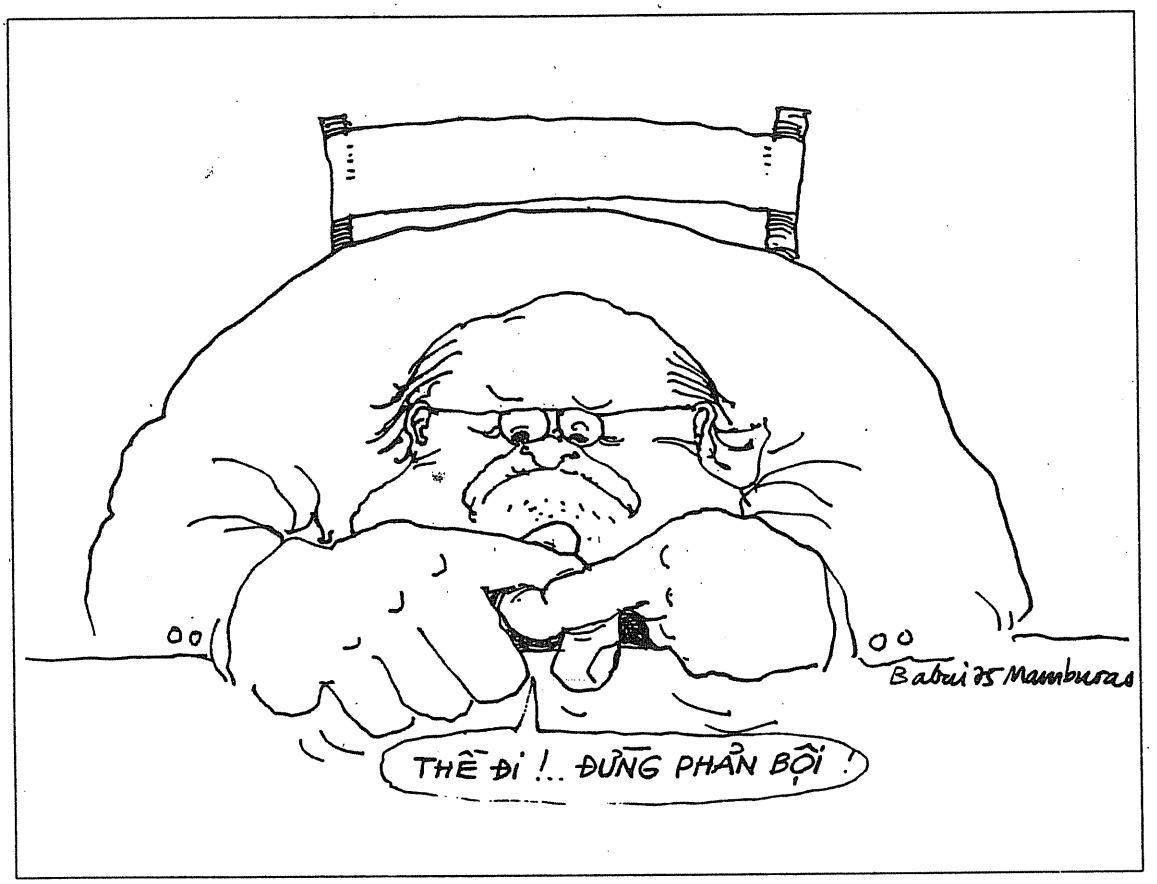

NHÂN ĐỌC ĐẠI BỘ 3600 TRANG "LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG VIỆT NAM" CỦA GS NGUYỄN ĐĂNG THỤC

TRỞ VỀ NGUỒN "DIÊN HỒNG TÂM" CỦA TƯ TƯỞNG VIỆT

HẠ LONG LƯU VĂN VỊNH

Trong năm 1993, hai bộ sách mang cùng nhan đề "Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam" được xuất bản ở Việt Nam. Bộ sách của Giáo sư Nguyễn Đăng Thục xuất bản ở Sài Gòn gồm bảy tập in làm sáu cuốn, dầy gần 3600 trang, bộ sau của Viện Triết học Hà Nội mới ra tập I (500 trang, từ tiền sử tới thế kỷ 18), nghiêng về lý luận triết học theo quan điểm Mác Ăng Ghen.

*
* *

Bộ Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam của GS Nguyễn Đăng Thục là một công trình kéo dài gần 40 năm khảo cứu, tập I "Tư Tưởng Bình Dân Việt Nam" đã được ra mắt từ năm 1963 với nhan đề "Tư Tưởng Việt Nam" và tập chót "Tư Tưởng Tổng Hợp của Lê Quý Đôn" hoàn thành vào năm 1991.

Khởi đi từ hai nguồn gốc Trống Đồng và Hang Động, hiện thực và siêu nhiên, nguyên lý Cha và Mẹ, Bổn phận và Tự do, tác giả đã quán triệt 18 thế kỷ tư tưởng dân tộc qua những đợt tổng hợp và tập đại thành:

— đợt tổng hợp đầu tiên vào thế kỷ thứ II: do Sĩ Nhiếp khai mở ở Luy Lâu (Bắc Ninh), tổng hợp Nho giáo chính thống từ phương Bắc xuống với Phật giáo từ Hy Mã Lạp Sơn qua, cộng với các phái Thần tiên, tịch cốc, trường sinh... Sách "Lý Hoặc Luận" của Mâu Bác là khái luận tập đại thành của Văn hóa Giao Chỉ dựa trên căn bản Phật giáo. Sĩ Nhiếp được tên là Sĩ Vương Tiên (Vua Tiên), là "Nam giao học tổ", ông là người bản xứ Giao Chỉ vì tổ tiên từ nước Lỗ qua đã sáu đời.

— đợt tổng hợp Tam Giáo đời Lý Trần (thế kỷ 11-13) tiếp tục truyền thống tư tưởng khai phóng trên, đã thâu hóa sáng tạo ra hai Thiền phái: Thảo Đường với chùa Một Cột "nhất trụ kình thiên" đời Lý, và Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đời Trần. Cả hai dòng Thiền đều tích cực nhập thế chính trị với các vị Vua thiền sư đầy đủ nhân, trí, dũng.

Nhưng tư tưởng khai phóng đa giáo đa nguyên chỉ tồn tại tới thế kỷ 14-15 với Nguyễn Trãi là đại biểu cuối cùng. Ngay từ cuối đời Trần, các nho sĩ Tống Nho như Lê Văn Hưu, Trương Hán Siêu... đã bắt đầu bài bác Thích, Lão để độc tôn Nho giáo theo Tống Nho, "tạo nên ở Việt Nam trong triều đình bè phái tàn sát lẫn nhau gây nên tranh giành, nào Lê Mạc, Lê Trịnh, Trịnh Nguyễn suốt hai trăm năm cho đến ngày mất chủ quyền với thực dân." (tr. 22)

Tuy vậy, truyền thống tư tưởng tổng hợp đa nguyên đã ăn sâu vào tâm não dân Việt cả ngàn năm, nên trong những thế kỷ Nho giáo độc tôn vẫn có những thiền sư như Hương Hải, Chân Nguyên, (thế kỷ 17-18) những kẻ sĩ như Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Du, Ngô Thời Nhiệm, Lê Quý Đôn... tiếp tục con đường "hợp sáng" khai phóng "đồng qui như thù đồ" (đường đi khác nhau mà cùng về đích chung.) Tác giả bộ sách 3600 trang đưa ra nhận xét kết luận:

"Lịch sử tư tưởng Việt Nam cho ta thấy vận mệnh của dân tộc do truyền thống tập đại thành, thân hóa sáng tạo, khai phóng hơn là đóng cửa bế quan." (tr. 22)

*
* *

Hợp sáng

Nằm giữa hai khối văn hóa lớn Ấn-Hoa dân tộc Việt đã tiếp nhận cuộc giao lưu văn hóa Phật Khổng Lão trên mảnh đất Giao Chỉ. Ta không có những bậc thánh hiền, đại trí bản xứ, nhưng cũng đã có khả năng thâu hóa tổng hợp, tổng hợp là một diễn trình sáng tạo, sáng tạo từ nền triết lý vĩnh cữu (perennis philosophia) để tạo nên tư tưởng Việt hóa thích hợp với môi trường đất nước. Nếu nói tư tưởng Việt Nam chỉ là sự nhai lại tư tưởng ngoại lai Phật Khổng Lão thì chẳng khác gì nói các nước Pháp, Đức... nhai lại tư tưởng ngoại lai Ky Tô từ Trung Đông, Platon, Aristote... từ Hy Lạp đến.

Chính truyền thống tư tưởng dung thông của dân tộc đã giúp Việt Nam tiếp nhận các trào lưu mới nhanh chóng và êm đẹp trong quảng đại quần chúng (thí dụ như sự truyền bá tư tưởng Tây phương), mặc dù mấy trăm năm Tống Nho độc tôn đã làm tổn hại rất nhiều tinh thần khai phóng tổng hợp. May thay, tư tưởng Tống Nho hẹp hòi chỉ ảnh hưởng tới lớp vua quan và nho sĩ, còn giới bình dân vẫn giữ được lối sống cởi mở hiền hòa, lối nghĩ rộng rãi và thực tế.

Văn hóa và tư tưởng của một dân tộc là một khối tổng hợp linh động, cái cũ lồng vào cái mới... cũ và mới cùng biến thể trong diễn trình tiến hóa. Trước khi có ảnh hưởng Ấn-Hoa, đời Hùng Vương

cũng đã có văn hóa Văn Lang, văn minh Trống đồng, triết lý Thiên động, thờ cúng tổ tiên... nhưng rồi Phật, Khổng, Lão tới để phong phú hóa thành Pháp Vân, Pháp Vũ, thành Tiên thành Bụt, thành Phật bà Hương Tích, thành Quan Âm Đại Thị, thành Thiền Thảo đường, Trúc Lâm... Cũng như ở Trung Hoa, rất nhiều tập tục và tư tưởng gia, nhưng vẫn tiếp nhận Phật giáo và chuyển biến thành Thiền, thành Phật bà Quan Âm, ở Nhật Thiền đạo và Zen song hành kiến tạo văn hóa...

Nói khác đi, trong văn hóa và tư tưởng sự chia cắt phân tích chỉ có trên bình diện tri thức trừu tượng, trong thực tế văn hóa tư tưởng là một khối, không thể nói văn hóa tư tưởng thuần tuý Việt Nam là x, y... vì cái "thuần túy" là một tổng hợp đa nguyên.

Có lẽ vì lịch sử Việt Nam là một lịch sử đề kháng ngoại xâm nên trên bình diện văn hóa tư tưởng người ta e ngại những nhân tố ngoại lai và muốn đi ngược thời gian tìm về truyền thống cội rễ. Nếu ví truyền thống như một cái lò tổng hợp ta sẽ thấy mọi nhân tố cũ, mới được kết lại với nhau, nhân tố toàn phần hoặc bán phần được kết hợp nếu thích hợp, nhân tố nào không "đồng tính" với truyền thống sẽ bị đào thải... và chỉ có thời gian, cả chục cả trăm năm, mới trả lời được thế nào là "hợp kim" thế nào là cặn bã thải bỏ.

"Diên hồng tâm"

Tư tưởng Phật Khổng Lão đã có 2000 năm để trở thành "hợp kim" trong lò luyện, sẽ tới lượt các tư tưởng mới từ Tây phương sang kể cả Mác Lê. Truyền thống tư tưởng tổng hợp Việt Nam đích thực là một "hợp sáng" như GS Nguyễn Đăng Thục viết, nó không chấp nhận một sự độc tôn tư tưởng nào, lại càng không chấp nhận sự triệt hạ lẫn nhau. Dân Việt không cuồng tín tín ngưỡng, không nô lệ tư tưởng vì thế đã bao dung được nhiều luồng gió, đã đạt được cái "Tâm Diên Hồng" dân chủ từ thế kỷ 13 cùng thời với hiến chương dân quyền Magna Carta bên Anh Quốc. "Diên Hồng Tâm" trong chính trị cũng không khác gì Bồ Đề tâm trong tôn giáo, nó là cái tâm bao dung vượt trên dị biệt tâm, vật, Đông, Tây... Sự trở về nguồn nếu có chính là trở về với "Diên Hồng Tâm" cội rễ của tư tưởng Việt sau khi đã bị Tống Nho "ma đưa lối quỷ đưa đường" dẫn dắt dân tộc qua những nẻo đoạn trường từ mấy trăm năm nay vẫn chưa buông.

Sở dĩ nói chưa buông vì so sánh với các nước Đông Nam Á - như Thái Lan - nước Việt mệnh danh văn hiến đã đi vào con đường phản văn hiến, từ phong kiến đến thực dân, đến cộng sản, độc tài, đổ máu vì ý thức hệ suốt mấy thế hệ, chết cả mấy triệu người mà vẫn chưa tỉnh ngộ. Cả thế giới còn lại bốn nước Cộng sản thì Á Đông chiếm ba, Bắc Hàn, Tầu và Việt, cả ba nước đều còn vướng óc Tống Nho độc tôn chưa biết đến bao giờ mới được giải thoát. Thế nên các lãnh tụ Hà Nội có đi lễ đền Hùng, đền đức Thánh Trần... mà dân tộc vẫn chưa được cởi trói vì vẫn giữ cái "tâm Mác Lê" tức là mặt khác của cái tâm Tống Nho, chứ không có cái thành tâm "Diên Hồng" khai phóng của tư tưởng Việt.

*
* *

Ba ngàn sáu trăm trang Lịch sử Tư Tưởng Việt Nam của GS Nguyễn Đăng Thục là một kho tài liệu phong phú về tư tưởng và hành xử của tiền nhân. Tác giả đã phân tích tỉ mỉ, tổng hợp khách quan, không suy diễn lệch lạc, không thành kiến và hậu ý chính trị, vì thế tác phẩm giữ được tính chất bác học khảo cứu chân chính. Nhờ những tham bác kê cứu sách vở Nho, Pháp, Anh... tác phẩm tuy bàn về cổ nhân mà vẫn so sánh với kim thời, thẩm định giá trị cũ mà vẫn không quên quán chiếu mức thang mới. Những chương luận bàn về Thiền học Việt Nam tưởng không có tác giả nào viết đầy đủ và thâm cứu hơn từ xưa đến nay, riêng tập I "Tư Tưởng Bình Dân Việt Nam" là một tổng hợp quân bình hiếm có trình bày về nguồn gốc tư tưởng Việt, tác giả không lạc lối trong huyền sử huyền thoại, không vẽ rắn thêm chân, không thiên vị... luôn luôn giữ được mối nhất quán của dòng tư tưởng sinh động dân tộc.

Chỉ tiếc rằng tác phẩm dừng lại ở thế kỷ 18, thiếu phần tư tưởng Việt Nam thế kỷ 19, 20. Phải chăng vì tuổi tác (tác giả đã ở tuổi 90) hay vì hai thế kỷ cận đại có những vấn đề phức tạp dễ đụng chạm tới các ông Tống Nho mới? ■

9/94

Đọc và giới thiệu

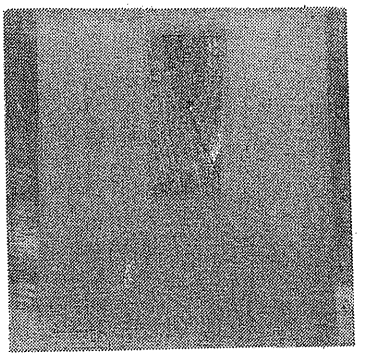

TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

THÁI TUẤN

Không có họa sĩ thì không có tác phẩm nghệ thuật; song không có tác phẩm nghệ thuật cái đẹp vẫn có đó, trong đời sống và nơi vũ trụ thiên nhiên bát ngát. Mỗi con người đều có thể cảm thấy cái đẹp dễ dàng. Như tiếng chim hót trên cành hoa đang nở; như ánh nắng đuổi theo chiếc lá vừa rụng xuống.

Sự gặp gỡ giữa con người và cái đẹp từ thiên nhiên không khó khăn phức tạp song sự tiếp xúc với cái đẹp của tác phẩm nghệ thuật đã có nhiều trở ngại. Đã từng có vấn đề thơ bí hiểm, họa khó hiểu. Thật ra cái đẹp không bí hiểm; vấn đề bí hiểm, khó hiểu là ở những tác phẩm mà tình cảm, tư tưởng, hình sắc chưa được tạo thành một khối duy nhất để làm nên cái đẹp.

Về phía người thưởng ngoạn, có nhiều người tin tưởng cái HIỂU sẽ soi sáng cho cái BIẾT. Để hiểu một bức họa đôi khi đã cầu cứu với các nhà phê bình, lý luận nghệ thuật.

Thường những tác phẩm nghệ thuật được đón nhận rộng rãi trong đám đông, vẫn do sự soi sáng của cái Biết trước cái Hiểu.

Cái Hiểu tạo nên bởi một số tri thức, kinh nghiệm ghi giữ bởi trí óc, là những gì đã có, đã qua, và có thể đổi thay.

Những kinh nghiệm, những tri thức sử dụng để sáng tạo bức họa của ngày hôm trước không thể áp dụng ở hoàn cảnh của bức họa ngày hôm sau. Mỗi tác phẩm là mỗi kinh nghiệm tri thức mới hơn, khác hơn.

Có thể cho rằng sự sáng tạo đòi hỏi những gì mới hơn khác hơn những gì chưa có. Thật ra thì các nhà văn cũng sử dụng bấy nhiêu chữ nghĩa, nhà thơ bấy nhiêu ngôn từ, họa sĩ bấy nhiêu hình sắc, nhạc sĩ bấy nhiêu âm thanh.

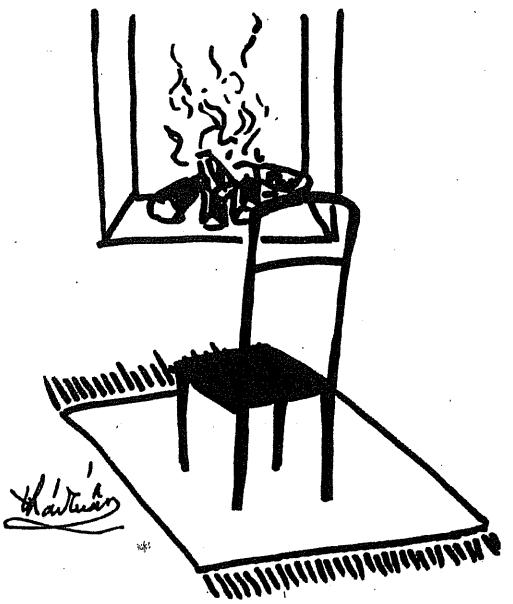

Nếu cái mới cái chưa có là nói về cách thức sử dụng chất liệu trong công việc sáng tác, thì cái mới cái chưa có thuộc phạm vi kỹ thuật, giới hạn bởi vật liệu.

Còn cái mới cái chưa có để chỉ về nội dung tư tưởng, tình cảm? — Cũng vẫn những niềm hạnh phúc và những nỗi khổ đau; về cái thiện cái ác. Tác phẩm nghệ thuật có thể oán than một trận cuồng phong hay ca ngợi một cơn gió mát. Có thể mài giũa những giọt nước mắt thành những viên châu ngọc; những nội dung tư tưởng từ ngàn đời được nhắc đi nhắc lại không ngừng đã trở thành cũ mèm; là những chân lý của con người trong xã hội con người.

Tác phẩm nghệ thuật không có vấn đề cũ mới. Đạt tới nghệ thuật không phải là đạt tới cái đẹp hình thức luôn thay đổi cũng chẳng phải là đạt tới những tư tưởng cao siêu của con người đối với xã hội con người, vì tư tưởng cũng có thể đổi thay theo không gian thời gian.

Đạt tới nghệ thuật chỉ giản dị là đạt tới cái biết tức thời vượt qua mọi điều cấu tạo nên từ vật chất (kể cả không gian thời gian. Không có vật chất thì không thể có không — thời gian) và cũng là vượt qua những cái lý của con người trong xã hội con người để có thể hòa nhập vào cái lý của cái đã sáng tạo nên cả trời lẫn đất.

Những tác phẩm văn hóa nghệ thuật: Văn Thơ Nhạc Họa... có thể tạo nên tiếng cười tiếng khóc, sự phẫn nộ cũng như niềm uất hận; song đứng trước những tác phẩm đã đạt tới cái biết, người thưởng ngoạn bước vào yên lặng trong niềm thư thái vô biên. ■

Mùa Đông 94

PHỤ TỬ TÌNH THÂM

HẠ QUYÊN

Quái Kiệt Trần Văn Trạch mới từ trần tại Paris (tháng 4/94), đã để lại bao thương tiếc cho khán thính giả Việt Nam. Ông chính là anh Ba trong một gia đình đã sống với âm nhạc từ mấy đời trước. Cụ Cố Trần Quang Thọ nguyên là một nhạc sĩ triều đình Huế, sau vào Mỹ Tho (vùng Vĩnh Kim hay Sầm Giang) lập nghiệp. Cụ nội Trần Quang Diệm đờn Tỳ Bà nổi danh, cụ cũng ghi chép lại nhiều bản nhạc tỳ bà đủ cao độ và trường độ, rất tiếc đã bị thất lạc trong chiến tranh. Cụ thân sinh Trần Quang Triều đờn Kim và đờn Bầu xuất sắc, lại là người sáng chế ra dây Tố Lan (một cách lên dây đờn Kim hay đờn Nguyệt mới mẻ để diễn tả nỗi buồn), lừng danh trong giới cổ nhạc Việt Nam. Cụ Triều sanh ra ba người con: anh Hai Trần Văn Khê, anh Ba Trần Văn Trạch, và cô Tư Trần Ngọc Sương. Anh Ba và cô Tư đã từng lập ra ban nhạc Sầm Giang hoạt động trên đài phát thanh Pháp Á (thập niên 1950, trong đó cô Tư Sương ca dưới tên Thủy Ngọc - là tên của cháu gái con ông anh). Thừa hưởng giòng máu Âm Nhạc của bên nội và cả bên ngoại, hai anh em Trần Văn Khê và Trần Văn Trạch, mỗi người một lãnh vực, nhưng đều thực hiện được khá nhiều hoài bão cho riêng mình, trở nên những tài danh trong thế giới âm thanh.

Chúng tôi được gặp giáo sư Trần Văn Khê lần đầu tiên tại đại học Montréal, khi tới dự thính một buổi giáo sư giảng dạy cho sinh viên về "Âm nhạc Phật Giáo Đông Nam Á." Ông là giáo sư thỉnh giảng (visiting professor) cho phân khoa âm nhạc đại học này, cũng như từng đi giảng dạy tại rất nhiều đại học khác nhau trên thế giới. Dáng dấp còn rất nhanh nhẹn, linh hoạt, dù tuổi đời đã trên 70, giáo sư Trần Văn Khê chứng tỏ rất quán triệt đề tài và cách giảng dạy rất dễ hiểu. Giáo sư cũng có tài bắt chước nhiều giọng phát âm khác nhau, giống như nghệ sĩ Trần Văn Trạch, và con ông, Trần Quang Hải. Vì vậy bài giảng của ông thật vui, lạ, và hấp dẫn.

Giáo sư Trần Văn Khê, một nhà nhạc học (musicologue) nổi danh quốc tế, nguyên là giáo sư đại học Sorbonne Paris, đã giữ chức giám đốc trung tâm nghiên cứu âm nhạc Á Đông (Centre d'étude de musique orientale) của đại học này suốt ba mươi năm qua. Giáo sư mới về hưu vài năm nay nhưng vẫn tiếp tục đi dạy theo lời mời, khắp nơi trên thế giới, kể cả Moscou, Iran, Irac, Thụy Điển... Giáo sư Trần Văn Khê đã làm chủ nhiệm bảo trợ rất nhiều luận án Cao học và Tiến sĩ về âm nhạc cho nhiều sinh viên Á Châu, thuộc quốc tịch khác nhau như Mông Cổ, Trung Hoa, Ba Tư v.v... Giáo sư đã dự gần 200 cuộc hội nghị về âm nhạc khắp thế giới, đã thuyết giảng về các công trình nghiên cứu của ông tại 43 quốc gia. Và trong nhiều kỳ đại hội âm nhạc quốc tế, giáo sư đã mang âm nhạc cổ truyền Việt Nam ra giới thiệu. Chính nhờ những công trình nghiên cứu và trình diễn của giáo sư mà mấy bộ môn cổ nhạc Việt Nam như Ca Trù, Hát Chèo (Bắc Việt), Hát Bội (Nam Việt) được giới thiệu ra cộng đồng âm nhạc thế giới. Ca Trù, một điệu hát đặc biệt của miền Bắc, nay sống dậy mạnh mẽ tại Việt Nam. Nghệ thuật Múa Rối Nước cũng được giáo sư Khê đem ra giới thiệu với Unesco bằng cách nói chuyện, chiếu hình, viết bài... khiến cho bộ môn nghệ thuật đặc sắc này của Việt Nam ngày nay đã được dân Pháp rất ưa chuộng. Các buổi trình diễn của đoàn Múa Rối Nước Việt Nam tại Pháp mấy năm gần đây đều bán hết vé.

Tuy đã làm được rất nhiều công trình đáng kể như vậy, giáo sư Trần Văn Khê có dáng dấp của một nghệ sĩ nhiều hơn một nhà khoa bảng. Ông rất vui tính, nói chuyện có duyên và có trí nhớ phi thường. Vào dịp lễ Phục Sinh năm 1991, giáo sư leo bộ một con đường khá dốc đầy băng tuyết dài gần nửa km để tới nói chuyện tại Thiền Đường Làng Cây Phong. Lên tới nơi, sau khi uống chén trà nóng, giáo sư bắt đầu thuyết trình và đàn, hát liền hai tiếng đồng hồ. Trong bữa ăn trưa, giáo sư tiếp tục chuyện trò vui vẻ, và kể lại những giai thoại trong thời còn trẻ... luôn một mạch cho tới bốn giờ chiều. Ông đã sống, đã đi thật nhiều nơi, đã gặt hái không biết bao nhiêu vinh dự... Nhưng tấm lòng yêu Quê Hương Dân Tộc của ông mới chính là động lực mang cho ông sức sống mãnh liệt và sức làm việc không biết mỏi mệt suốt năm chục năm nay. Hiện giáo sư Khê có một "kho tàng" về các tài liệu âm nhạc cổ truyền Việt Nam. Hàng mấy ngàn tấm dương ảnh (diapositive) về các sinh hoạt âm nhạc, mấy trăm cuốn băng thâu những giọng ca của các ca sĩ Chèo, Hát bội, ca Trù, ca Huế v.v... của những người ca sĩ kỳ cựu, nay nhiều người đã khuất núi. Suốt từ năm 1976 tới nay, mỗi năm giáo sư Khê đều được Trung Tâm Nghiên Cứu Khoa Học của Pháp (CNRS) hoặc tổ chức Văn Hóa của Liên

Hiệp Quốc (Unesco) phái về Việt Nam để làm công việc nghiên cứu, phát huy những điệu nhạc dân tộc. Ông rất chú ý tới việc khuyến khích dân Việt phát huy lại lối Hát Ru Con. Sau mười hai năm đi nói chuyện khắp nơi trong nước, giáo sư được thấy kết quả công việc mình làm: Năm 1989, Việt Nam tổ chức Liên Hoan Hát Ru trong ba ngày liền. Hàng ngàn câu hát được 44 người (35 nữ, 9 nam, từ 17 tới 75 tuổi) tham dự. Họ không phải là những người nghệ sĩ chuyên nghiệp, nhưng đem tiếng hát ru của mình ra đóng góp. Có tới mấy chục điệu hát ru khác nhau, tùy địa phương và chủng tộc. Giáo sư Khê cho biết đã cảm động rơi lệ, vì từ lâu, tiếng ru con hầu như đã tắt trên môi các bà mẹ. "Không ngờ lớp bụi thời gian nay đã bị thổi bay đi, còn chút than hồng lại nhóm lên thành lửa." Giáo sư cho tiếng Hát Ru, vốn liếng âm nhạc đầu đời của các em bé, cũng chính là nền tảng là gia tài văn hoá của các em. Giáo Sư đã thấy những nhà trẻ tại Saigon và Huế vặn băng hát ru cho các em bé ngủ trưa. Ông cũng gặp một cặp vợ chồng trẻ người Việt sinh sống tại Hòa Lan, ru con nhỏ bằng băng Hát Ru mua từ Việt Nam. Bà mẹ trẻ đó cũng học nhiều bài để tự hát ru con. Ông cho, đây là phần thưởng vô giá mà ông nhận lãnh được, một cách âm thầm nhưng rất mãn nguyện.

Tuy nhiên, việc về Việt Nam để tìm tài liệu này cũng đã gây nhiều phiền phức cho giáo sư. Mấy năm đầu, chính phủ trong nước làm khó dễ và nghi ngờ giáo sư, dù có các bạn đồng lứa như Đỗ Nhuận, Lưu Hữu Phước hỗ trợ. Người Việt tại hải ngoại thì cho ông là Cộng Sản hay hoạt động có lợi cho chính phủ trong nước...

Giáo sư Trần Văn Khê sanh năm 1921 tại làng Đông Hòa, xã Vĩnh Kim, tỉnh Mỹ Tho. Từ năm lên ba tuổi, ông đã biết đọc chữ Việt và nhảy cà tưng theo điệu đàn Lưu Thủy của ông nội nên thường được cha mẹ cho "biểu diễn" khi có khách tới nhà.

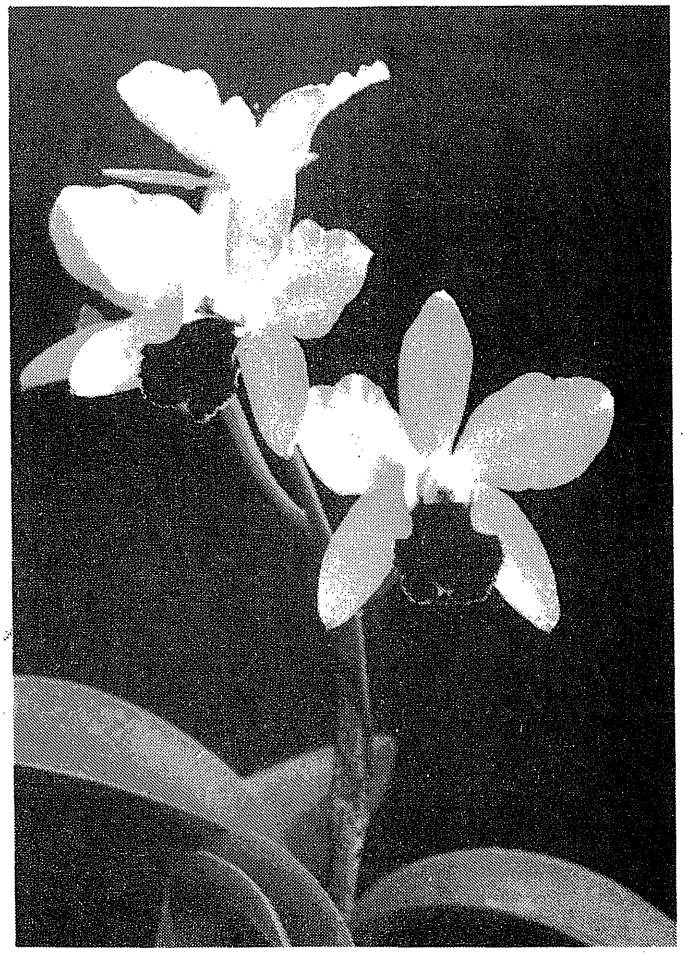

Năm sáu tuổi, ông bắt chước người lớn chơi đàn Nguyệt, bảy tuổi biết chơi Nhị và đặc biệt rất ưa tụng kinh niệm Phật. Vì mẹ ông không thích nên cứ mẹ đi chợ thì ở nhà ông nội và cậu cháu mới mặc áo tràng lễ Phật tụng kinh "lén." Mồ côi cả bố lẫn mẹ vào năm 9-10 tuổi, giáo sư Khê được bà cô ruột nuôi cho ăn học rất đàng hoàng. Khi lên trung học, ông lên Saigon vô trường Petrus Ký. Nhờ học xuất sắc, ông được học bổng ưu hạng mỗi năm. Năm 1938 giáo sư được giải thưởng, cùng mấy anh chị nhất các trường khác đi du lịch trên đường xe lửa xuyên Việt. Năm 1941, giáo sư được giải thưởng đi du ngoạn Đông Dương sau khi đỗ thủ khoa trong kỳ thi tú tài.

Ông tự học nhạc, cùng các bạn lập ra một ban nhạc vừa chơi nhạc dân tộc, vừa chơi nhạc Tây. Năm 1941, ông ra Hà Nội học Y Khoa, cho tới 1943 thì bỏ học trở về Nam, vừa theo tiếng gọi của gia đình (vợ ông có bầu Trần Quang Hải), vừa theo tiếng gọi của núi sông. Ông cùng các bạn rời Hà Nội trở về Nam lập gánh hát để giúp qũy cứu đói cho người Bắc Việt.

Nhưng sau đó, ông về Saigon rồi qua Pháp du học từ tháng 5 năm 1949. Ngay từ tháng 8 năm đó, ông đã nhân kỳ dự đại-hội âm nhạc thanh niên tại Budapest, mang âm nhạc và nhạc cụ Việt Nam giới thiệu cùng quốc tế. Giáo sư đem về cho Việt Nam giải nhì với đàn nhị, đàn tranh. Liên Sô chiếm giải nhất với đàn Balalaika...

Ông vừa đi học về Chính Trị

(Science Politique), vừa đàn hát trong các quán rượu để kiếm sống. Ngoài ra ông còn phải nhận dịch thư (của các cặp vợ chồng Pháp/Việt ở xa nhau), chuyển âm phim hay đóng vai phụ trong mấy phim hạng nhì. Tới năm 1951, ông bị lao, nằm nhà thương hơn ba năm mới khỏi. Thời gian này ông đọc và làm thơ, viết nhạc nhiều.

Nhà xuất bản Tinh Hoa in bài hát "Đi Chùa Hương" của ông (phổ thơ Nguyễn Nhược Pháp), trả ông tiền bản quyền sống được một thời gian. Sau đó, ông sống bằng cách hát cho một hãng đĩa, và vô trường học về Âm Nhạc (Musicologie), tốt nghiệp tiến sĩ năm 1958 tại Paris. Ông trở thành chuyên viên nghiên cứu âm nhạc trong Trung Tâm Nghiên Cứu Khoa Học Pháp và làm Giáo Sư tại đại học Sorbonne (Paris). Sau đó, làm giám đốc trung tâm nghiên cứu Âm Nhạc Á Châu suốt mấy chục năm trường. Giáo sư Khê cho biết, ông thật đã rất may mắn, bỏ môn Y Khoa và Chính Trị để chuyên học và sống với âm nhạc. Thế giới âm thanh mang cho ông những giây phút đẹp tuyệt vời, và trên đường đời, cũng chính âm nhạc đã mang tới ông những người bạn đồng thanh tương ứng rất dễ thương, rất đáng quý. Ông cho là nếu ông theo đuổi nghề Y hay làm chính trị, nhiều phần chắc là ông sẽ không có nhiều Bạn như vậy.

Vào tháng Năm, 1994, giáo sư Trần Văn Khê cùng con trai và con dâu là Trần Quang Hải, Bạch Yến từ Paris qua Montréal để họp mặt cùng cô Tư Trần Ngọc Sương trong một buổi văn nghệ của gia đình họ Trần. Đáng lẽ nghệ sĩ Trần Văn Trạch cũng có mặt trong đêm "Sầm Giang tái ngộ" này, nhưng ông đã ra đi sớm mất mấy tuần, nên chỉ có hình ảnh của ông trong video tham dự. Ngoài các hoạt cảnh do chính cô sáng tác và dàn dựng, cô Trần Ngọc Sương cũng là "trái tim và bộ não" của buổi văn nghệ. Thật là một công trình phi thường, cô đã tự mình tổ chức được một đêm văn nghệ đặc biệt, họp mặt cả gia đình với các khán thính giả mến mộ. Đôi uyên ương Trần Quang Hải và Bạch Yến đã trình diễn những sở trường của họ. Đặc biệt, Trần Quang Hải đã dùng cặp muỗng thay cặp "sinh tiền", hòa nhạc cùng tiếng đàn tranh thánh thót của giáo sư Khê, nghe thật là độc đáo. Sau bài song tấu, hai cha con ôm nhau một cách cảm động trên sân khấu. Hình ảnh này xóa bỏ tin đồn hai cha con ông chống đối nhau vì chính kiến bất đồng. Trong cuộc mạn đàm, Giáo sư Trần Văn Khê cho biết ông quan niệm công việc nghiên cứu âm nhạc là một công trình văn hóa, đứng trên chuyện chính trị. Vả lại, ông muốn có những tài liệu "première main" nên phải tự mình thu góp, gặp gỡ các nghệ sĩ lão thành nơi quê nhà. Ông tôn trọng ý kiến của Hải vì chống Cộng Sản nên không về nước, nhưng hai cha con vẫn có một liên hệ rất bình thường. Không những thế, ngay từ thập niên 80, giáo sư Trần Văn Khê cùng Trần Quang Hải thường trình diễn với Thủy Ngọc (con gái) và Bạch Yến tại chương trình Concerts de Midi của đại học Sorbonne Paris. Lâu lâu lại cùng nhau đi dự các hội nghị Âm Nhạc quốc tế, nhiều lần biểu diễn chung một chương trình.

Tại hội nghị Belfast, Trần Quang Hải và Bạch Yến giới thiệu dân ca, Trần Văn Khê và Thủy Ngọc giới thiệu về cổ nhạc Việt Nam. Trần Quang Hải cũng thường tham gia các màn trình diễn của Bố, như đánh sinh tiền, đệm muỗng v.v... Cách đây ba năm, có một hội nghị của các nhà lý thiên văn (astrophysiciens) tại Blois, bốn cha con lại trình diễn chung.

Kỷ niệm đặc biệt là năm 1990, tại Osaka Nhật Bản, hai cha con Trần Văn Khê và Trần Quang Hải cùng hòa bản Lưu Thủy. (Chương trình buộc các nghệ sĩ phải trình diễn những tác phẩm có lời ca liên quan tới Nước và Hoa, vì chương trình đó được một công ty lọc nước và một hội Hoa tài trợ). Hai cha con hát bài Hoa thơm bướm lượn, đàn bản Lưu Thủy, ngâm Kiều mấy câu có nói tới cả nước lẫn hoa (Buồn trông cửa bể chiều hôm, thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa. Buồn trông ngọn nước mới sa, hoa trôi

TRẦN VẤN LỆ

BẢY CHỮ TÁM CÂU

Ta, một mình ta, đứng ngó trời...
chân thì đạp đất, lạnh chân thôi!
người ta đang cúi nhìn nhân thế
ta cứ ngu ngơ đứng giữa đời!
Đường Luật, Đường Thi đều ném hết
thơ cần chi luật? Viết mà chơi!
ngâm nga cho đỡ cơn buồn tủi
lỡ chết, may ra cũng ngậm cười...

man mác biết là về đâu).

Kỳ đó, trong hội nghị về âm nhạc, Trần Quang Hải nói về nhạc Song Thanh (hát hai âm cùng một lúc) và trình diễn nhạc bằng cặp muỗng. Trần Văn Khê nói về nhạc cổ Việt Nam. Hai cha con ở hai phòng sát nhau trong khách sạn. Mỗi sáng khách sạn đều giao tới phòng một tờ báo mới. Buổi sáng ngày 24/7/90, mở tờ báo ra, giáo sư Khê thấy một tấm thiệp chúc sinh nhật trong đó có bài thơ Trần Quang Hải viết:

"Sinh nhật mừng ngày lễ của Ba
Phù Tang Nhật Bản Osaka
Đúng ngày xứ lạ luôn đàn diễn
Đúng tháng quê người vẫn hát ca
Phụ tử đồng hành trên thế giới
Cha con sát cánh tận trời xa
Câu đàn tiếng muỗng còn đồng điệu
Như nước với sông, lá với hoa

Trần Văn Khê họa:

Vui nhận thơ mừng sinh nhật ba
Quê người hội nghị Osaka
Buổi trưa hội thảo say lời nói
Chiều tối hòa đàn thắm tiếng ca
Già trẻ không nài qua biển rộng
Bố con chẳng ngại vượt đường xa
Nghiệp nhà ba được con gìn giữ
Sung sướng lòng ba đang nở hoa.

Hôm sau, Trần Quang Hải gửi cho ông Bố bài thứ hai:

Sung sướng nhận thơ họa của ba
Chẳng ngờ ở tại Osaka
Non sông vinh hạnh qua lời nói
Đất nước tự hào với tiếng ca
Thế giới muôn nơi đều biết đến
Năm châu khắp chốn hết còn xa
Noi gương nối gót cha yêu quý
Vườn nhạc từ nay có lắm hoa.

Trần Văn Khê họa:

Xướng họa liên hồi con với ba
Nhân kỳ đại hội Osaka
Cha con tri kỷ vui thi phú
Phụ tử đồng tâm rộn hát ca
Nghiên cứu mong con thêm hiểu rộng
Sưu tầm chúc trẻ được nhìn xa
Mừng con vững bước trên đường nhạc
Tô điểm nghiệp nhà dệt gấm hoa.

PHỐ THỊ NGỌC NI (N.D.)

THƠ GỬI NGƯỜI LIÈGE

Phượng ơi, từ thuở xa người
Nắng trưa vàng vọt hồn phơi võ vàng
Đưa tay bắt cái mưa sang
Nghe hơi xuân lạnh bên đàng ngẩn ngơ
Thương người thương vẫn thương vơ
Nhớ Buôn Ma Thuột buồn trơ cái sầu
Xa người mưa nắng dãi dầu
Nhớ người nhớ cả cái cầu thượng gia
Chờ anh, Phượng nhé đường xa
Mai anh bỏ hết đón phà sang sông!...

Cứ như vậy, mỗi ngày xướng họa thi phú với nhau, hai cha con Trần Văn Khê, Trần Quang Hải tiếp tục gửi tặng nhau luôn mười mấy bài thơ với hạn vận Osaka, suốt trong thời gian ở tại Osaka, rồi qua Tokyo, Kobé, Tamba... Hai người như một cặp tri kỷ, cùng sóng vai trình diễn, cùng du ngoạn ngắm cảnh hay thưởng thức cảnh đẹp, món ngon. Suốt hai tuần lễ, hai con người nghệ sĩ sống hết mình với tình thâm phụ tử, với tâm hồn đồng điệu, thật là một kỷ niệm hiếm có và không thể quên, đúng như hai câu trong bài kết của giáo sư Khê:

"... Một kỳ du ngoạn sao vui quá
Cùng hưởng thời gian ngát vị hoa"

Khi giáo sư kể lại câu chuyện kỳ hữu này của hai cha con giọng vẫn còn đầy ắp hân hoan, tiếng cười rộn ràng sung sướng. Giáo sư cho biết ông đã từng viết một lá thư dài khen ngợi Trần Quang Hải về công trình nghiên cứu song thanh của con. Lá thư vừa chứa đựng lời khen của một nhà nhạc học vừa nói lên niềm vui mừng của người cha thấy con thành công và có lòng nhân nghĩa. Song thanh là một kỹ thuật hát ra hai âm một lúc đặc biệt của dân Mông Cổ. Trần Quang Hải đã nghiên cứu và làm ra một cuốn phim được giải nhất trong Hội Phim Khoa Học thế giới cách đây mấy năm. Trần Quang Hải cũng đem kỹ thuật trình diễn này để ứng dụng cho việc chữa bệnh hay giúp người sanh khó. Phụ tử đồng hành tuy mỗi người một lãnh vực nhưng cả hai cha con giáo sư Trần Văn Khê, Trần Quang Hải đều một lòng phục vụ thế giới âm thanh chẳng khác gì hai người tri kỷ. ■

HÀ NỘI, MINNEAPOLIS VÀ CHICAGO

HOÀNG KHỞI PHONG

Tôi mượn chữ của thầy tôi, giáo sư Vũ Khắc Khoan: Hà Nội chỉ là một cái cớ. Ra mắt sách lại là một cái cớ khác, để những người bạn cũ vượt từng chặng đường xa đến với nhau. Một cái bắt tay của 20 năm xa vắng nhau trong đời sống, một cái ôm thân ái chia sẻ những cay đắng, ngọt bùi trong những cơn bão đời ập xuống thế hệ chúng tôi.

Phải, đúng vậy, tác phẩm "Hà Nội Trong Mắt Tôi" của Phạm Xuân Đài đã được ra mắt trên bẩy thành phố dọc theo hai bờ Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. Chi li ra thì tác giả đã cùng với tác phẩm của mình xuất hiện trong những hội trường của các thành phố: Seattle, San Jose, San Diego, Boston, Philadelphia, Washington DC và Westminster, nơi quyển sách ra đời. Tôi không nghĩ những chuyến đi này mang lại cho tác giả con số khả quan về tài chánh, mà chỉ tạo cơ hội cho một số bạn văn của Phạm Xuân Đài... phải bê trễ công việc, giang hồ vặt trên các xa lộ xứ Mỹ này. Khoản giang hồ vặt với ai thì không biết, nhưng với riêng tôi, hễ đi là được. Chẳng biết được cái gì, nhưng cứ mỗi lần sửa soạn hành lý cho chuyến đi xa, là một lần tôi cảm thấy nao nao trong dạ.

Trong chuyến đi này, ngoài tác giả quyển sách là nhà văn Phạm Xuân Đài, có sự góp mặt của Lê Đình Điểu, vợ chồng Hà Tường Cát và tôi. Tuy chỉ có vài người nhưng cũng làm phiền những người phải đi đón làm ba chuyến. Bởi lẽ Phạm Xuân Đài và tôi đi trước, một ngày sau là vợ chồng Hà Tường Cát, và một ngày sau nữa là Lê Đình Điểu.

Trạm "công tác" đầu tiên của chúng tôi là Minneapolis. Đây là một thành phố dính liền với Saint Paul, do đó người Mỹ gọi hai thành phố này là "*Twin City*." Nơi đây là một vùng đất lành nên con người đậu lại. Năm 1975, giáo sư, nhà văn, kiêm kịch tác gia Vũ Khắc Khoan chọn nơi này làm chốn tạm dung cho cuộc đời còn lại của ông. Năm đó người Việt đến đây, đại đa số từ các trại tị nạn ra, vào lúc chớm thu. Những hàng cây phong vàng rực rỡ mầu lưu ly, đứng rũ bóng ven những hồ nước, phải chăng là những quyến rũ thầm lặng, khiến những người như nhà văn họ Vũ đã đến đây thì ở lại đây.

Phạm Xuân Đài và Phan Thanh Tâm ở Minneapolis.

Bên cạnh Vũ Khắc Khoan ngày đó còn Cung Tiến. Khi Cung Tiến mười lăm tuổi, mùa thu ở Hà Nội đã khiến ông sáng tác bản nhạc "Thu Vàng", từ đó tới nay 40 năm đã qua đi và hầu như những người yêu âm nhạc, mỗi lần thấy gió heo may rộ lên đều cảm thấy vang lên trong đầu những lời nhạc thanh thoát: "*...Nhặt lá vàng rơi, xem mầu lá còn tươi... Nghe chừng quanh đây mầu tê tái...*" Và nếu như thế Cung Tiến có chọn nơi đây để dựng lại ngôi nhà của ông, thì cũng không có gì là lạ. Chính nhà văn Vũ Khắc Khoan và nhạc sĩ Cung Tiến đã làm nền cho những sinh hoạt văn hóa của cộng đồng Việt nơi đây. Gần đây một số người tới chậm như Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng đã làm tên vùng đất "vạn hồ" này được nhắc tới nhiều hơn và mùa thu nơi đây có vẻ nhiều thi vị hơn. Tiếc một điều là thầy Khoan đã không còn ở lại trên cõi đời này, để đón nhận những học trò cũ đến thăm, cũng như những người bạn của một thời xa, đã đến đây quá chậm.

Không phải chỉ có những người văn nghệ mới dừng chân lại nơi đây. Phía các anh em hoạt động xã hội của 20, 30 năm trước cũng không thiếu gì những người bạn cũ. Vợ chồng Lê Thành Nhơn và Mỹ, Nguyễn Thanh và Kim Liên, là những người đã có một thời ăn cơm nhà ở... Sài Gòn, nhưng vươn dài cánh tay ra, vác ngà voi (công tác xã hội) tận... Quảng Trị, Pleiku, Bình Long... trong mùa chiến nạn của những năm 68 - 72. Những người như các anh chị Nhơn, Mỹ, Thanh, Liên đó đã từng hát nhạc Cung Tiến, nhưng họ cũng hay hát nhạc mà một thời người ta gọi là nhạc cộng đồng, nhạc thanh ca. Hai mươi năm sau gặp lại ai nấy đều không còn vẻ nhí nhảnh ngày trước, nhưng kỷ niệm về những chuyến đi thì lúc nào cũng óng ả như lá

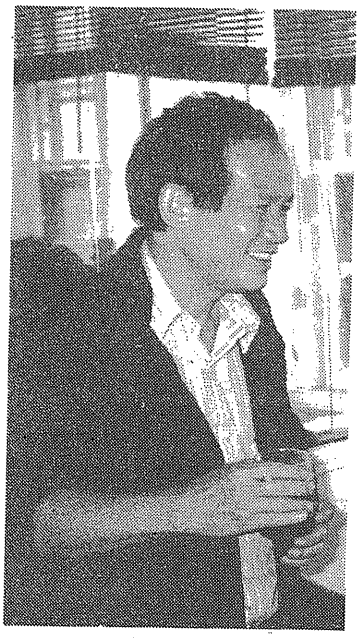

Nguyễn Hà

phong của mùa thu Minnesota bây giờ.

Với những cái cớ vừa nêu trên thì ra mắt sách chỉ là một việc phụ. Tuy vậy buổi sinh hoạt cũng không kém phần trịnh trọng. Sách đã được gửi lên trước, nên đã được điểm một cách tận tình do những người đọc kỹ lưỡng. Các anh Phan Thanh Tâm, Huỳnh Sĩ Nghị đã bỏ khá nhiều công sức và thời giờ lo cho buổi lễ ra mắt sách được chu đáo. Hội trường là một thính phòng tuyệt đẹp của trường Đại Học Concordia, có thể chứa hơn 400 khán giả, nhưng con số người tham dự buổi lễ chỉ xấp xỉ trăm người. Tất cả dồn lên bốn hàng ghế đầu. Nhà văn Phạm Xuân Đài đã vô cùng xúc động trước những tình cảm ấm áp mà anh nhận được nơi những người bạn cũ và mới. Ông Thái Khắc Phan, một trong những diễn giả đã cho khán giả một cái nhìn cặn kẽ chi li của người đọc sách khó tính. Nhạc sĩ Cung Tiến không hát "Thu Vàng" mà ca tụng văn chương Phạm Xuân Đài. Một số bạn làng văn làng báo lên phát biểu cảm tưởng, và một số nghệ sĩ xứ "vạn hồ" lên hát tặng khách phương xa những điệu tình ca nồng nàn muôn thuở.

Bữa cơm chia tay nào mà chả bùi ngùi. Tất cả chụp với nhau một vài tấm hình ngay trong tiệm ăn, bàn ghế của nhà hàng dẹp qua một bên để có đủ chỗ cho hơn ba chục người chen chúc nhau trong một tấm ảnh.

Rồi, ngay khi ra khỏi tiệm, một chuyến xe *van* của Nhơn, vì hào hứng mà giang hồ vặt theo cuộc ra mắt sách kế tiếp trên Chicago vào ngày hôm sau, chở theo ba cặp vợ chồng: anh chị Tô Thùy Yên, anh chị Hà Tường Cát, anh chị Lê Thành Nhơn và tôi, người đang viết những dòng chữ này. Chúng tôi khởi hành trong đêm, chúng tôi cũng không còn trẻ để có thể bất giọng hát những bài hát cộng đồng ngày xưa chúng tôi thường hát, mỗi khi xe chạy bon bon trên đường. Phạm Xuân Đài và Lê Đình Điểu có mặt tại Chicago trong một chuyến bay sớm hôm sau.

Chicago đón chúng tôi khác hơn Mineanapolis và Saint Paul. Càng đến gần Chicago gió càng dữ. Chicago nổi tiếng với nước Mỹ này bằng một cái biệt danh là "Thành Phố Gió" (*Wind City*). Làm như gió của khắp lục địa Bắc Mỹ tụ họp nhau tại đây, trước khi phân tán và thổi qua những hồ nước mênh mông như biển cả không bờ bến của Ngũ Đại Hồ, hay băng qua những thảo nguyên bao la của các tiểu bang Wisconsin, Illinois, và cũng có khi gió thốc qua những cánh đồng cỏ ngút ngàn của vùng Grand Prairie phía Tây Bắc của tiểu bang Colorado. Gió có lúc đánh vào thành xe như tiếng trống ngũ liên trong thơ Tô Thùy Yên: "... *Người đi như cá theo con nước. Trống ngũ liên nôn nả gióng mừng...*"

Chúng tôi đến Chicago vào lúc năm giờ sáng. Những con đường loang lổ ổ gà, những ngôi nhà cũ kỹ cả trăm năm, những đường tầu hỏa cọt kẹt trên đầu. Và mỗi lần một trận gió lướt qua, thành phố như chao qua, chao lại dưới những cơn giá rét cuối mùa thu của vùng lục địa. Ánh đèn đường vàng như nghệ khiến không khí như có mùi ẩm mốc. Cái ẩm ướt do gió đã vờn qua Ngũ Đại Hồ và mang hơi nước đi khắp thành phố, còn cái mốc hiển nhiên toát ra do những ngôi nhà cũ kỹ hằng thế kỷ.

Người đón chúng tôi hôm nay tên là Nguyễn Hà. Hồi nhỏ anh có biệt danh là "Hà Lùn" vì anh có một chiều cao khiêm tốn. Anh đã có một thời làm việc cùng Lê Đình Điểu trong Việt Tấn Xã. Nhưng trước khi là công chức, anh là bạn tôi suốt bẩy năm trời từ Nguyễn Trãi sang Chu Văn An. Tôi đã từng chở anh đi học trên chiếc xe đạp đàn ông hiệu Alcyon, phanh đũa cổ lỗ sĩ. Ngày chúng tôi là bạn với nhau, chúng tôi 11, 12 tuổi đầu. Thậm chí chúng tôi biết cả tên tục của tất cả các anh chị em trong gia đình chúng tôi. Năm 1975, Nguyễn Hà và vài người bạn cùng lớp chạy vội lại nhà tôi xem tôi có về được từ miền Trung. Rồi một tháng sau cũng lại chính anh đến xem tôi có đi Mỹ được không, khi những cán binh Cộng sản đã vào thành phố. Thế rồi chúng tôi bặt tin nhau suốt 10 năm liền, cho tới khi anh sang được đây, anh liên lạc với tôi . Bạn tôi vẫn y như xưa, nghĩa là người thì nhỏ nhưng được cái tiếng to kéo lại. Hà mang tất cả các em có mặt nơi đây, cùng toàn thể các con và cháu sang trình diện tôi. Đột nhiên trên cõi đời này tôi có thêm hai đứa cháu gái rất xinh, và mấy cậu cháu trai học giỏi.

Chưa hết, tôi gặp lại Cao Bá Minh, người vẽ bìa quyển sách đầu đời viết lách của tôi. Anh đến đây khá trễ, chưa đầy ba năm. Anh hiện giờ không còn ký là Cao Bá Minh mà là Văn Kao Minh. Với tôi thì tên Minh nào cũng vậy mà thôi. Tôi chỉ biết anh là người trình bầy cái bìa cho quyển thơ "Mặt Trời Lên" của tôi từ năm 1966, tới nay là 28 năm, không gặp lại trong đời. Chưa hết, tôi gặp lại Nguyễn Đức Trọng, một người bạn đồng khóa 15 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, ra trường năm 1963. Kể từ đó tới nay 31 năm đã qua đi, giờ này không hiểu Đại Đội Sinh Viên của tôi và Trọng ai còn ai mất? Vẫn chưa hết, tôi gặp lại Hoàng Đình Hoạt, ông xếp cũ của tôi nơi hải đảo Phú Quốc, cùng với Nguyễn Bá Hoạt cũng có một thời lận đận nơi chót cùng hải đảo này.

Hà đưa tôi ra Hồ lớn, chúng tôi nhắc lại những người bạn cũ, điểm lại những chuyện xưa. Hai

chúng tôi giống nhau một điều là không còn bố cũng như mẹ trên cõi đời này. Trên ban thờ nhà Hà, tôi nhìn thấy di ảnh anh Hoàng, người anh cả đã nằm xuống khi chưa đầy 24 tuổi đầu cùng với cặp lon trung úy vàng chói nơi cổ áo. Mới đó mà giờ đây chúng tôi sắp là những ông già. Một người em của Hà xém nữa đã lên chức ông. Một người em gái của anh chết năm ngoái vì căn bệnh ung thư ác liệt. Có một lúc chúng tôi đứng lặng yên bên hồ, và dường như mặt nước hồ đột nhiên yên lặng như một mặt gương, mà ở đó cả hai chúng tôi soi được những hình bóng cũ.

Bốn giờ chiều của ngày Chủ Nhật, khán giả chật ních Phòng Hội của Hội Người Việt tại Illinois. Phạm Xuân Đài cùng với chúng tôi trình diện những người yêu văn chương ở nơi này. Không khí của buổi sinh hoạt thân mật cởi mở, với sự điều hợp của Nguyễn Hà. Anh đã chủ trì những buổi sinh hoạt nặng ký hơn những sinh hoạt có tính văn nghệ như thế này. Đây là một trong những buổi ra mắt sách đúng nghĩa. Người đọc, đọc tới nơi tới chốn. Đọc đến độ có quá nhiều điều phát biểu khiến điều hợp chương trình phải ngắt nửa chừng. Trong buổi ra mắt này, tôi thích một điều là có hai độc giả trẻ tuổi, rất trẻ nhưng chịu khó đọc, cũng như phát biểu những cảm nghĩ rất trung thực các anh đã bắt được khi đọc tác phẩm Hà Nội trong mắt tôi. Chính những phát biểu của lớp độc giả trẻ tuổi này khiến cho những người cầm bút chúng tôi có thêm được nghị lực mỗi khi ngồi vào bàn viết.

Tôi rất không thích những lời khen ngợi đãi bôi trong các buổi ra mắt sách, nhưng cả hai nơi, Mineapolis và Chicago, tôi vừa đến đều cho tôi cảm giác khác: có một lứa độc giả mới không mua sách về cất trong tủ cho đẹp, mà mua sách và nghiền ngẫm từng trang. Mặc dù những lời phát biểu của các độc giả này có tính chủ quan, và đôi khi đi quá xa ra khỏi tác phẩm, song dẫu sao vẫn tốt hơn những lời phát biểu chung chung, khen chê lấy lệ. Cái lối phát biểu để mà phát biểu đó thì chẳng thà đừng phát biểu còn hơn.

Tôi không tham dự những buổi ra mắt sách khác của Phạm Xuân Đài, ngoại trừ lần ra mắt đầu tiên ngay tại Phòng Sinh Hoạt của Hội VAALA, trên đường Moran. Tuy nhiên lần ra mắt tại Chicago này, tôi thấy anh có rất nhiều cảm xúc khi thấy người đọc chiếu cố "Hà Nội Trong Mắt Tôi" một cách tận tình. Trong phần phát biểu của chính nhà văn Phạm Xuân Đài,

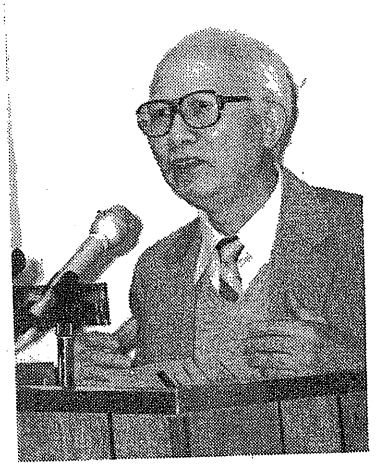

Diễn giả Đỗ Văn Thư

anh nói với những khán giả có mặt là anh sẽ tiếp tục viết, dù "tôi không phải nhà văn."

Đêm đó tại nhà Đàm Mỹ Linh, bạn của Văn Kao Minh, chúng tôi xem những bức tranh còn chưa triển lãm. Chúng tôi uống với nhau những ly rượu của những kẻ xa nhà. Mỹ Linh đọc cho chúng tôi nghe những bài thơ cổ viết dành cho từng bức họa.

Ngoài trời đêm Chicago, gió vẫn ngự trị cả vòm trời. Gió làm như không có lúc nào ngưng, gió thổi những cánh lá vàng của mùa thu nơi đây chạy dọc theo những con phố cũ kỹ. Kỳ lạ thay, mới qua hơn một ngày, cảm giác của tôi về Chicago thay đổi tới độ chóng mặt. Cũng con phố này nửa đêm về sáng của một ngày trước tôi thấy nó xấu xí vô cùng. Thế mà khi ra khỏi nhà người bạn của Văn Kao Minh, đột nhiên tôi thấy thành phố đẹp hẳn ra. Có lẽ đã lâu rồi tôi không thấy được những cái nhếch nhác của một thành phố Mỹ, do đó Chicago cho tôi cảm giác như là thấy lại được một góc phố thân quen nào đó, nơi một vùng đất mà 20 năm trước đây, tất cả chúng tôi đều thật trẻ, và ai nấy như nhau, lòng thật lành, chỉ muốn làm cho đất nước tươi sáng hơn, đẹp đẽ hơn. Giờ đây chúng tôi đã chớm già, nhưng không bao giờ chúng tôi hối tiếc những gì chúng tôi đã làm cho vùng đất đó.

Phần tôi trong hai đêm viếng vùng đất của Al Capone, tôi nằm bệt trên thảm phòng khách nhà Nguyễn Hà. Nào có khác gì ngày xưa chúng tôi học chung với nhau, ngủ la liệt trên sàn gác nhà Nguyễn Đức Bằng, nhà Chu Văn Thiệp, nhà Vũ Công Tuyên... Cách nhà Nguyễn Hà khoảng 15, 20 phút lái xe là những ngôi nhà chọc trời cao nhất thế giới, đèn sáng trưng soi tỏ cả trời cao.

Chị Lê Ngoan, một phụ nữ tiêu biểu của cộng đồng Việt Nam tại thành phố này, đã có nhã ý dẫn chúng tôi đi xem cảnh đêm Chicago, thành phố hoa lệ thứ nhì của nước Mỹ sau New York. Tất nhiên tại những nơi mà Chicago tự hào là Chicago, chứ không phải nơi Chicago có một chút ngượng ngùng vì bóng tối và tội ác.

Nói cho cùng, "Hà Nội Trong Mắt Tôi" quả thật chỉ là một cái cớ. Trước khi chìm vào giấc ngủ, có một lúc nào đó tôi ân hận đã không lên thăm thầy Vũ Khắc Khoan, khi thầy tôi mới lâm trọng bệnh nơi thành phố Mineapolis. Trước khi thầy vĩnh viễn từ bỏ cõi đời, không hiểu thầy có những ý nghĩ gì đối với đất nước, cũng như đối với những thế hệ lưu vong sau thầy, còn đang vất vưởng nơi quê người — kẻ thì mãi mãi muốn là Sơn Ca(1), người nghệ sĩ tuyệt đối; kẻ lại mang ước vọng của Đại tướng Dương Bân muốn được thảnh thơi nằm trên bãi cỏ ven sông quên đi thế sự; và cũng không thiếu những típ Đại Hãn thèm ruổi rong chinh phạt đến hơi thở cuối cùng của kiếp nhân sinh. ■

Tháng Mười 1994

(1) Sơn Ca, Dương Bân, Đại Hãn là tên những nhân vật trong kịch "Thành Cát Tư Hãn" của Vũ Khắc Khoan.

PHONG TRÀO CÔNG BINH (LÍNH THỢ ONS) TẠI PHÁP 1940-1950

Trong thời kỳ thế chiến thứ hai 1939-1945, ở Pháp có hai vạn công nhân Việt Nam, gọi là lính thợ ONS (Ouvriers non spécialisés dịch: thợ không chuyên nghề), sau được gọi là công binh, bị chính phủ thực dân động viên đem qua Pháp, phụng sự cho chiến tranh, thay chân lao động Pháp ra mặt trận. Hai vạn người này phần lớn đã bị lưu giữ tại Pháp từ 1940 đến 1950, nghĩa là ròng rã hơn 10 năm.

Họ là ai? Bị động viên trong trường hợp và điều kiện nào? Hành trình và đời sống của họ ra sao? Họ đã làm gì trong lúc toàn dân kháng chiến ở quốc nội? Đó là những câu hỏi chúng tôi xin tóm lược trả lời dưới đây, dựa trên những tư liệu xác thực.

*

* *

Phong trào công binh có thể chia làm ba thời kỳ:

1) Thời kỳ thứ nhất là thời kỳ bị động viên cưỡng bách qua Pháp "giúp mẫu quốc" — Nông dân nhiều làng xã ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và một phần nhỏ ở Nam Kỳ bị "bắt lính"— Mỗi gia đình, cứ hai người con trai đến tuổi trưởng thành, phải nộp một người đi Pháp. Đây là thời kỳ đau đớn, từ biệt vợ con, bố mẹ, gia đình, làng mạc ra đi không hẹn ngày về. Có những trường hợp bi đát, như anh phải thay em, em thay anh, bố thay con, con thay bố. Trên đường đi lại bị các quan chức thuộc địa bạc đãi, khinh miệt. Điều kiện ăn ở thiếu thốn đủ thứ. Nhiều chuyến tàu vì thiếu vệ sinh, công binh bị mắc bệnh truyền nhiễm như đau màng óc hoặc nhiều thứ bệnh khác. Tàu phải đậu lại nhiều cảng để trị bệnh, thành ra có khi phải mất hai hay ba tháng mới tới Pháp.

2) Thời kỳ thứ hai là thời kỳ đặt chân trên đất Pháp. 19,272 công binh tới Pháp vào khoảng đầu năm 1940, chia thành cơ, thành đạo. Mỗi cơ 250 người. Mỗi đạo 10 cơ. Các cơ, các đạo, tổ chức theo lối quân đội, đặt dưới quyền chỉ huy của quản cơ, quản đạo, gồm những viên chức và sĩ quan người Pháp, đã từng sống ở các thuộc địa nhiễm óc thực dân rất nặng. Tất cả ở dưới quyền điều khiển của sở MOI gọi là sở Chánh nhân công bản xứ (Main d'Oeuvre Indigène), trực thuộc bộ Thuộc địa. Công Binh các cơ, các đạo gửi đi các công xưởng làm thuốc súng, làm đạn hoặc khuân vác, dọn dẹp v.v... Lương lậu chẳng là bao (một quan mỗi ngày) có cũng như không. Nơi ăn chốn ở chật chội, nhơ nhớp. Ngày làm ít nhất 8 giờ, làm luân phiên, không kể ngày đêm, không có ngày nghỉ chủ nhật. Nhiều người sức yếu, không quen khí hậu, bị kiệt sức thành đau ruột, đau gan, đau phổi v.v... Bệnh nhân ốm nặng bị chở đi tập trung ở nhà thương Le Dantec (làng Montolivet) gần Mac-xây. Nhà thương này có tiếng là nơi để bệnh nhân nằm"chờ chết" (mouroir). Thuốc men thiếu thốn. Bác sĩ, y tá và các viên chức phần đông quen thói thực dân, nạt nộ, uy hiếp, khinh người. Bị bạc đãi và thiếu săn sóc, số bệnh nhân chết rất nhiều.

Điều kiện làm việc cực kỳ nặng nhọc. Nhiều công binh phẫn uất đã phản đối bằng cách tự chặt ngón chân ngón tay, để khỏi đi làm. Những ai phản đối bằng lời nói hoặc bằng đơn từ khiếu nại thì bị phạt hoặc bị ngồi tù. Mỗi cơ, mỗi đạo, có một nhà tù. Ngoài ra còn có nhà tù "chính" đặt ở Sorgues (quận Vaucluse) miền Nam nước Pháp. Những ai bị phạt nặng gửi đi Sorgue thì bị giam ở đó ít nhất ba tháng rưỡi.

Tháng 6-1940, nước Pháp bị thua trận, đầu hàng Đức, các nhà máy làm thuốc súng, làm đạn đóng cửa. Sở Nhân công MOI gửi công binh đi làm cho các tư chủ. Họ cho thuê công binh như một chủ thầu cho thuê nhân công. Họ buộc công binh làm đủ nghề: chặt cây, đốn củi, đào than, xúc muối v.v... Có khi họ còn ngạo ngược gửi công binh (là những người sang Pháp giúp Pháp đánh Đức) ra miền ven biển xây đắp "chiến lũy Đại Tây Dương" (Mur de L'atlantique) ở vùng St. Malo v.v... cho quân đội Đức để chống quân đội Đồng Minh Anh Mỹ đổ bộ. Điều này cũng dễ hiểu, vì hầu hết họ là những người ủng hộ chính quyền Pétain chống lại phong trào kháng chiến De Gaulle.

Sau ngày nước Pháp giải phóng, tháng 8-1944, sở Nhân công bản xứ MOI, trực thuộc bộ Thuộc địa, đổi tên thành sở Chánh Nhân công Đông dương DTI (Direction des Travailleurs Indochinois), trực thuộc bộ Lao động. Chế độ cho thuê nhân công Việt Nam vẫn tiếp tục, nhưng được công khai hóa. Sở DTI, cũng như sở MOI trước đây, công nhiên trích lấy 4 phần 5 lương của công binh mà các tư chủ trả, viện cớ phải trang trải các phí tổn ăn ở, quần áo, thuốc men cho công binh. Sự thực, đây là một lối bóc lột công khai, nhân danh Nhà nước. Cũng nhân danh Nhà nước, họ buộc công binh đóng tiền vào quỹ tiết kiệm gọi là "quỹ đồng bạc Đông Dương" (dépôt de piastres indochinois). Họ nói, khi công binh giải ngũ sẽ được lĩnh số tiền này. Nhưng từ năm 1950, công binh giải ngũ ở Việt Nam, mặc dầu đòi hỏi, không ai được lĩnh một đồng xu nào cả. Về số tiền phụ cấp hưu bổng cũng vậy. Đúng lý những công binh giải ngũ ở Việt Nam, mỗi người có quyền được lĩnh vào khoảng 300 quan mỗi tháng như những công binh giải ngũ ở Pháp. Thế nhưng, nhà cầm quyền Pháp nhất định không chịu trả, mặc dầu Ủy ban Bảo vệ quyền lợi của công binh, ở Pháp

cũng như ở Việt Nam đã lên tiếng khiếu nại từ tám năm nay!

Ngoài những lối bóc lột trực tiếp nói trên, còn một lối bóc lột dưới hình thức dấu diếm: ấy là sự ăn cắp kho lương thực, quần áo, giày dép, chăn mền của công binh do những quan chức Pháp Việt. Trên giấy tờ và theo nguyên tắc về việc ăn mặc, công binh được coi như binh lính Pháp. Hàng năm được phát quần áo, hàng tuần được phát lương thực tươm tất. Nhưng trong thực tế công binh chỉ được lĩnh một nửa. Còn một nửa bị các quản cơ quản đạo và các nhân viên chức việc Pháp Việt thông đồng chia tay nhau chiếm đoạt.

Bị đói rét, một số công binh sinh ra ăn cắp ăn trộm, rồi đi tù. Trong lúc ấy, những người cai quản họ, ăn cắp kho, tội nặng hơn, không ai bị trừng phạt.

Trong giai đoạn này đã có nhiều vụ đình công hay bãi thực nổ ra ở nhiều căng trại. Nhưng mỗi lần bị dẹp tan ngay và những ai cầm đầu cuộc phản đối đều bị gửi đi nhà từ ở Sorgues.

3) Thời kỳ thứ ba là thời kỳ kể từ ngày nước Pháp được giải phóng, tháng 8-1944. Dựa theo phong trào nổi dậy của lao động và nhân dân Pháp, công binh đã tự động đứng lên chống áp bức và đòi quyền lợi.

Như một làn sóng, ở khắp các căng trại nổi lên phong trào thành lập các Ủy Ban đại diện. Bắt đầu là Ủy Ban Đại diện các cơ rồi đến các đạo. Sau đó thành lập Trung Ương Công Binh. Các Ủy Ban này đứng ra đòi quyền kiểm soát và quản lý kho lương thực, quần áo v.v... đòi được hưởng lương ngang hàng với lao động Pháp, đòi giảm xuống mực vừa phải số tiền khấu trừ về tiền phí tổn ăn mặc, nhà ở, đòi quyền được gia nhập Nghiệp đoàn CGT, quyền được đi học nghề không phải mất tiền, do chính phủ Pháp tài trợ, như các nghề thợ tiện, thợ dũa, thợ mộc, thợ may v.v...

Tất cả các yêu sách nói trên đều được thực hiện. Một phần do cuộc đấu tranh cương quyết của công binh và các Ủy Ban Đại diện. Phần khác là do lúc ấy các quản cơ, quản đạo và ban điều khiển sở Chánh Nhân công DTI, hoảng sợ, họ sẵn sàng nhượng bộ, quý hồ giữ được chức vụ của mình. Họ phần đông là những người đi theo chính quyền Pétain, bây giờ với chính quyền mới của DeGaulle dựa vào phong trào kháng chiến chống Đức, họ chưa biết số phận của họ sẽ ra sao? Lợi dụng được cái tâm lý này, các Ủy Ban Đại Diện Công Binh ở các cơ, các đạo và Trung Ương Công binh đã tranh thủ giành cho mình quyền hành thực sự trong căng trại.

Đồng thời với phong trào thành lập các Uỷ Ban Đại Diện, công binh còn tiến hành thành lập các tổ chức Thanh niên chăm lo thể thao, thể dục, thành lập các cơ quan Tự Vệ giữ việc an ninh và trật tự trong mỗi căng trại. Những tổ chức khác như Tương Tế, Công nông hàng xã, hàng tỉnh, cũng theo trào lưu xuất hiện, nhằm viễn ảnh sau này đem về Việt Nam, tiếp tục hoạt động và đấu tranh ở Việt Nam.

Báo chí trong các căn trại được hoàn toàn tự do. Cá nhân hay đoàn thể đều có quyền phát hành cơ quan ngôn luận hay Thông tin của mình. Tại Câu lạc bộ trại Việt Nam (Mazargues) chẳng hạn, mọi loại báo được trưng bày, kể cả báo đối lập với công binh của những Việt kiều ngoài hàng ngũ công binh như Công nhân, Thủy thủ Lao động, Cứu tế Bình dân v.v... Ngoài sự thông tin và tuyên truyền bằng báo chí, nhiều căn trại còn đặt đài phát thanh do một Ủy Ban trách nhiệm. Cứ mỗi buổi chiều, khoảng năm giờ, đài trình bày tin tức Việt Nam, Pháp và Thế giới một cách trung thực và đọc Thông cáo hay Quyết nghị đã được chuẩn y. Có nơi còn phát âm nhạc và bình luận văn thơ hoặc các đề tài chính trị.

Chủ nghĩa mác xít, chủ nghĩa của lao động, được tuyên truyền và phổ biến rộng rãi nhưng không áp đặt. Nhiều căng trại như Sorgues (đạo ba), Bergerac (đạo hai) mở lớp dạy mác xít, ai muốn tham dự tùy ý, không cưỡng ép, không bắt buộc.

Để nâng cao trình độ văn hóa và học vấn, ban Trung ương Công binh xuất bản loại sách giáo khoa lấy tên là "Công binh học báo". Loại sách giáo khoa này chia làm ba cấp: sơ cấp, tiểu cấp, trung cấp. Bài vở giảng dạy theo hình thức phổ thông. Hết thảy mọi người bắt buộc phải đi học, tối thiểu là phải biết đọc, biết viết. Chỉ trong vòng 4, 5 tháng, công tác chống nạn mù chữ đã đạt tới kết quả 95%. Sự thành công này cộng với kết quả của các trường dạy học nghề đã tạo cho một số không nhỏ công binh từ người "thợ không nghề" (ONS) trở thành người lao động có nghề trong tay, khi ở lại Pháp cũng như khi về nước.

Tóm lại có thể nói Công binh, nhờ sự giác ngộ và học hỏi, đã thực hiện một thay đổi quan trọng về đời sống của mình. Trước đây có những nạn cờ bạc, rượu chè, trộm cắp, gái đĩ trong trại, những nạn này tự nhiên biến mất! Trước đây, những người Pháp lân cận thường nhìn công binh với con mắt lãnh đạm, khinh rẻ, nay trở nên thiện cảm với công binh. Mỗi lần trong trại mở hội hè, họ đều sẵn lòng tới dự. Mục tiêu của Công binh là xóa bỏ cái hàng rào phân chia chủng tộc.

Ngoài việc cải đổi đời sống trong trại, củng cố hàng ngũ, phát huy tính dân chủ và tính công khai của phong trào, nhiệm vụ chính trị của Công binh là nêu cao khẩu hiệu ủng hộ Kháng chiến Việt Nam. Biểu tình, đình công, bãi thực, rãi truyền đơn, dán áp phích v.v... là những khí giới luôn luôn được sử dụng. Có đọc báo chí trong thời kỳ này mới hiểu cuộc đấu tranh của công binh khó khăn chừng nào! Nhà cầm quyền Pháp đã thẳng tay đàn áp. Những vụ lính Pháp đến vây trại hầu như thường nhật. Cuộc tranh thủ treo cờ đỏ sao vàng, biểu hiện cho nền độc lập Việt Nam, là gay go nhất. Lính Pháp ra lệnh hạ cờ, nhiều công binh xã thân ôm lấy cột cờ, đầu bị đánh đập tàn nhẫn. Tháng Giêng 1948, ở trại Việt Nam (Mazarqyes), 126 đại biểu bị bắt. Tháng 7-1948, ở Lyon, Moulino, Bergerac v.v... hơn 300 người bị giải về nước. Từ 1948 đến 1949, tính có hơn 4000 người có tên trong sổ đen bị lính bắt và trục xuất về Việt Nam, giam giữ ở trại Vũng Tàu (Cap Saint Jacques).

Đối với chính phủ Hồ Chí Minh và phong trào kháng chiến, công binh có thái độ ủng hộ trước

cuộc tấn công của thực dân đế quốc Pháp, mặc dầu không tán thành Hiệp ước Sơ bộ mồng 6 tháng Ba 1946 và khẩu hiệu Liên Hiệp Pháp. Ủng hộ không những bằng tuyên truyền hay vận động, mà còn ủng hộ bằng tiền lạc quyên và đóng góp. Năm 1947, công binh mở hai cuộc lạc quyên thu được 14,517,000 quan nhờ phái đoàn Trần Ngọc Oanh gửi về Việt Nam giúp kháng chiến. Cuộc lạc quyên sau đó đình chỉ vì được biết, (theo lời ông Danh nói) số tiền lạc quyên đã bị giữ lại ở Pháp, không gửi về Việt Nam như lời yêu cầu của công binh.

Đối với Hồ Chí Minh, công binh tôn trọng như một vị chủ tịch của nước Việt Nam, có công đứng đầu trong cuộc khởi nghĩa và kháng chiến. Khi Hồ Chí Minh qua Pháp năm 1946, công binh tổ chức cuộc đón tiếp long trọng. Tuy nhiên, công binh không sùng bái cá nhân như các đoàn thể khác, vì theo công binh, sùng bái cá nhân là vết tích của phong kiến, có tác động che lấp vai trò quần chúng và ngăn cản sự giác ngộ của quần chúng. Các cơ quan đại diện trong căng trại không đứng ra tổ chức những ngày lễ sinh nhật của Hồ Chí Minh, nhưng không ngăn cấm ai, cá nhân hay đoàn thể nào, đứng ra làm việc này.

Đối với lao động và nhân dân Pháp, công binh thực hiện chính sách tranh thủ sự đồng tình của họ để ủng hộ cuộc kháng chiến Việt Nam. Ở nơi nào có căng trại, công binh đều tổ chức những cuộc vận động dư luận bằng cách rải truyền đơn, dán áp phích, nêu biểu ngữ, kêu gọi nhân dân Pháp buộc chính phủ phải đình chỉ ngay chiến tranh xâm lược ở Việt Nam, vì cuộc chiến tranh này đi ngược với quyền lợi nhân dân Pháp.

Đối với các giới Việt kiều, công binh chủ trương chính sách kết hợp lực lượng chống thực dân đế quốc Pháp. Đồng thời với cuộc vận động thành lập các Ủy ban đại diện trong các căng trại, công binh tìm mọi cách nối giây liên lạc với các đoàn thể sinh viên trí thức Việt kiều và các giới Việt kiều. Ở Marseille, Avignon, Lyon, Toulouse v.v... và đặc biệt ở Paris, cuộc vận động này đã được cụ thể hóa bằng sự thành lập một tổ chức đấu tranh lấy tên là Tổng Ủy Ban Đại Diện Việt Kiều tại Pháp (Délégation Générale des Indochinois en France) thay mặt cho toàn thể 25 ngàn Việt kiều các giới. Đây là một thành công lớn nhất của Phong trào Công binh, vì từ xưa tới nay, trên đất Pháp chưa bao giờ có sự kết hợp lực lượng Việt kiều quan trọng như thế. Không có phong trào hai vạn công binh đứng ra làm rường cột thì không thể nào có sự hình thành tổ chức Tổng Ủy Ban Đại Diện Việt Kiều. Trong luôn ba ngày 15, 16, 17 tháng 12 năm 1944, tại thị sảnh tòa Đốc Lý tỉnh Avignon (thuộc miền Nam nước Pháp), đại biểu công binh và đại biểu các giới Việt kiều đã họp nhau đông đảo, bầu ra Tổng Uỷ Ban Đại Diện Việt Kiều, thay mặt cho toàn thể Việt kiều ở Pháp.

Mục tiêu của T.U.B.D.D.V.K. là bảo vệ quyền lợi chung cho Việt kiều các giới, đặc biệt là quyền lợi của Công binh và Chiến binh, thành phần đa số của Việt kiều. Mục tiêu thứ hai, quan trọng hơn, là tranh thủ chống chế độ thực dân, đòi tự do cho Việt Nam.

Nòng cốt và sức mạnh của T.U.B.Đ.D.V.K. dựa trên lực lượng phong trào Công binh ở các căng trại là số Việt kiều đông nhất, quả quyết nhất và có tổ chức nhất. Nhờ đó T.U.B.Đ.D.V.K. đã liên hiệp được đông đảo các giới Việt kiều, không kể tôn giáo, tín ngưỡng hay khuynh hướng chính trị. Đứng trước sức mạnh và sự bành trướng uy tín của T.U.B.Đ.D.V.K., chính phủ Pháp hoảng sợ, ngày 19-10-45 họ đã phải ký sắc lệnh giải tán tổ chức này. Để phản đối và tiếp tục cuộc đấu tranh, ngày 2 tháng 12-1945 công binh và Việt kiều các giới đã triệu tập một cuộc hội họp tại trại Công binh ở Mazargues (gần Marseille) thành lập một tổ chức thay thế, lấy tên là Việt Kiều Liên Minh tại Pháp (Rassemblement des Ressortissants Vietnamiens en France). Khác với tổ chức T.U.B.Đ.D.V.K. bao gồm đại biểu quốc gia và tờ rôt skýt, Việt Kiều Liên Minh mở rộng cho một số Việt kiều đảng viên đảng Cộng sản Pháp (DCF) tham dự.

Tới đây người ta không thể không đặt câu hỏi tại sao khi thành lập TUBĐDVK, những đảng viên Việt Nam này của đảng cộng sản Pháp không tham dự? Không những không tham dự mà còn bài xích phong trào công binh, bài xích TUBĐDVK. Lý do là đảng Cộng sản Pháp (PCF) coi những tổ chức công binh là "tờ rốt skít" vì những tổ chức này không những có những người tờ rốt skít đứng trong đó mà lại còn có đường lối chống với đường lối của đảng.

Ba đảng viên của đảng là Nguyễn Hữu Sơn, Phạm Văn Điều và trạng sư Phan Nhuận, tự coi mình là Staliniêng không ngớt lời công khai bài bác và tố cáo hoạt động và thái độ chính trị của công binh và các sinh viên trí thức Việt kiều thân thiện với công binh. Những cơ quan báo chí của họ như Thủy Thủ Lao Động, Cứu quốc, Cứu tế, Công nhân v.v... Viết những bài thóa mạ và vu cáo các tổ chức và các đại biểu công binh là "Việt gian," "tay sai của Pháp," "phản kháng chiến," "lừa bịp anh em công binh"," lấy tiền đóng góp của anh em công binh chia nhau đút túi" v.v... Có tờ còn đe dọa rằng khi công binh về nước sẽ "bị pháp luật của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa trị tội". Đó là "tội" đã dám phê bình "Hiệp Định Sơ Bộ mồng 6 tháng Ba 1946 và Thỏa Hiệp ấn 14-9-46. Đó là "tội" công binh đã coi "Liên Hiệp Pháp" là đế quốc trá hình (mà thực tế đã chứng minh). Đó là "tội" công binh nêu cao khẩu hiệu "Việt Nam Hoàn Toàn Độc Lập" đối lập với khẩu hiệu "Liên Hiệp Pháp muôn năm" (Vive L'union Francaise) của đảng Cộng sản Pháp.

Trong giai đoạn Công binh vận động thành lập Tổng Ủy Ban Đại Diện Việt Kiều thì chính lúc ấy trạng sư Phan Nhuận, theo lệnh của Đảng Cộng sản Pháp, đi các căng trại công binh tuyên truyền thành lập "Đội Binh Viễn Chinh" cho quân đội Pháp, viện cớ "đem về Việt Nam chống Nhật". Phải đợi đến 1947, đảng Cộng sản Pháp bị loại ra khỏi chính phủ Ramadier, đảng này mới bắt đầu chuyển hướng chính trị đối với vấn đề Việt Nam.

Tại sao công binh chống Hiệp

Định Sơ Bộ và Thỏa hiệp án? Các Uỷ Ban Đại Diện của họ nhận xét rằng trong giai đoạn 1945-46, nhân dân Pháp vừa được giải phóng khỏi ách xâm chiếm của Đức, một cao trào quần chúng thiên tả bùng nổ, hai đảng tả là đảng xã hội và đảng cộng sản chiếm đa số đại biểu trong Quốc Hội, tất cả những yếu tố đó tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển một phong trào phản chiến mạnh mẽ ở Pháp chống lại cuộc chiến tranh thuộc địa ở Việt Nam. Muốn thế, cần phải có một cuộc vận động minh bạch, rõ ràng, nêu cao khẩu hiệu "Việt Nam Hoàn Toàn Độc Lập," tranh thủ dư luận, vạch rõ ý đồ thật sự của bọn quân nhân chủ chiến Pháp là tái chiếm Việt Nam bằng võ lực.

Hiệp định sơ bộ và Thỏa hiệp án đã giúp cho bọn này lừa dối nhân dân Pháp, che dấu chủ mưu xâm lược của họ. Hai văn kiện đó lợi cho phía quân đội Pháp hơn phía Việt Nam. Nhờ có Hiệp Định sơ bộ, quân đội của tướng Leclerc đã đổ bộ ở Việt Nam không tốn một viên đạn. Đối với khẩu hiệu Liên Hiệp Pháp cũng vậy. Khẩu hiệu này chỉ gây ra sự hiểu lầm của nhân dân Pháp, cho rằng Việt Nam đã công nhận đứng trong khuôn khổ Liên Hiệp Pháp thì chóng chày đôi bên Pháp Việt sẽ tìm ra một lập trường thỏa thuận và chiến tranh sẽ chấm dứt. Nói một cách khác, khẩu hiệu Liên Hiệp Pháp cũng như các Hiệp định đã ký kết có tác động gây ra sự "giải giáp" các lực lượng phản chiến của nhân dân Pháp.

Nhận định nói trên, trong suốt một thời kỳ, không ăn khớp với đường lối của chính phủ Hồ Chí Minh. Vì thế, cơ quan đại diện của chính phủ Hồ Chí Minh ở Pháp do ông Trần Ngọc Danh trách nhiệm, tìm mọi cách tấn công vào hàng ngũ công binh, thông qua các tờ báo như Thủy Thủ Lao Động, Cứu Quốc, Công Nhân, Cứu Tế bình dân và cuối cùng là tờ tạp chí Văn Hóa Liên hiệp cơ quan ngôn luận của một nhóm trí thức, (mặc dầu tờ tạp chí này khi ra đời tuyên bố có một thái độ độc lập). Tệ hơn nữa, ông Danh còn gián tiếp dựa vào lực lượng một bọn côn đồ ở Mác-xây, vốn hiềm khích từ lâu với các cơ quan đại diện công binh đã ngăn cấm họ không được có cờ bạc, trộm cắp, bợm đĩ trong trại.

Cuộc tấn công này tiến hành trùng hợp với cuộc tấn công của chính phủ Pháp bắt bỏ một số đông các đại biểu. Sự an ninh và trật tự trong căng trại bị lỏng lẻo. Thừa cơ hội bọn côn đồ, lợi dụng sự che chở của ông Trần Ngọc Danh, đứng ra gây cuộc phá rối bằng cách tuyên bố những lời khiêu khích đối với các đại biểu và các ủy ban đại diện. Sự tất phải xảy ra đã xảy ra! Đêm 15 tháng Năm 1948, một cuộc ẩu đả đã diễn ra ở trại Việt Nam (làng Mazargues) gần tỉnh Mác xây, giữa một bên là bọn côn đồ và những người thân tín của ông Trần Ngọc Danh, một bên là những công binh ủng hộ các tổ chức của họ.

Kết quả, 6 công binh bị thiệt mạng và hàng chục người bị thương. Những người này là nạn nhân của chính sách quan liêu độc đảng của ông Danh, không chấp nhận bất kể một lời phê bình nào của đối lập.

Phong trào công binh thực chất không phải là tờ rốt skít, mặc dầu có nhiều người tờ rốt skít đã đóng góp vào việc xây dựng ra nó và mặc dầu nó đã chịu ảnh hưởng chính trị phần nào xu hướng tờ rốt skít. Đứng về mặt tổ chức, nó là một phong trào Nghiệp đoàn nhắm mục đích bảo vệ quyền lợi và cải thiện đời sống của công nhân. Đứng về mặt chính trị nó bao gồm đa số những người yêu nước. Trong giai đoạn nhân dân kháng chiến chống xâm lược nước ngoài, nó có thái độ chính trị ủng hộ kháng chiến và chính phủ Hồ Chí Minh, nhưng nó không đứng ở vị trí một tổ chức chính trị.

Tổ chức chính trị đã gây dựng ra phong trào công binh là nhóm Tranh đấu thành lập năm 1944, trước ngày nước Pháp được giải phóng. Nhóm Tranh đấu bao gồm những người quốc gia (đa số) và những người tờ rốt skíp (thiểu số). Cơ quan ngôn luận của nhóm là tờ báo Tranh Đấu. Tờ Tranh Đấu là tờ báo đầu tiên được truyền tay trong nhiều căng trại công binh, được công binh hâm mộ, nhiều công binh coi như cơ quan của mình.

Ngay sau khi nước Pháp được giải phóng, nhóm Tranh đấu cử người đi các căng trại, bắt liên lạc với công binh. Chính những người điều khiển nhóm Tranh đấu, gồm quốc gia và tờ rốt skít, đã đưa ra khẩu hiệu thành lập Uỷ Ban Đại diện Công binh. Là một tổ chức chính trị độc nhất thời đó và với lập trường "trung tả phái," giữa quốc gia và mác xít, nhóm Tranh đấu phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ. Ngoài sự thu nhập những phần tử công binh hoạt động nhất và giác ngộ chính trị nhất, nó còn kết nạp một số sinh viên trí thức Việt kiều tiến bộ.

Nhóm Tranh đấu trở thành rường cột của phong trào công binh và chính nhóm này đã tích cực vận động việc triệu tập Đại Hội Nghị ba ngày ở Avignon thành lập Tổng Uỷ Ban Đại Diện Việt Kiều tại Pháp.

Tiền thân của nhóm Tranh đấu là nhóm Tờ rốt skít BL. (Bon sơ vich Lêninnít) thành lập vào cuối năm 1943, khi nước Pháp còn bị phát xít Đức chiếm cứ. Nếu nhóm Tranh đấu là rường cột của phong trào Công binh, thì nhóm Tờ rốt skít BL có thể coi là nòng cốt của nhóm Tranh đấu. Chính nhóm Tờ rốt skít BL đã có sáng kiến cộng tác với những phần tử quốc gia tiến bộ lập ra nhóm Tranh đấu và sau đó lập ra Tổng Uỷ Ban Đại Diện Việt Kiều.

Lập trường nhóm tờ rốt skít không giống lập trường nhóm Tranh đấu. Lập trường nhóm Tranh đấu là lập trường trung gian giữa chủ nghĩa quốc gia và chủ nghĩa xã hội. Nó nhắm mục đích ưu tiên độc nhất là đấu tranh cho nền độc lập và thống nhất quốc gia. Lập trường của nhóm tờ rốt skít không những đấu tranh cho độc lập và thống nhất quốc gia mà còn nhắm viễn ảnh giải phóng xã hội, nghĩa là giải phóng những tầng lớp nhân dân bị áp chế bóc lột, thực hiện một xã hội chủ nghĩa trên nền tảng tự do và dân chủ.

Sở dĩ phong trào công binh chịu ảnh hưởng chính trị của tờ rốt skít là vì trong những năm nước Pháp bị phát xít Đức xâm chiếm, chỉ có đảng Đệ Tử Pháp PCI (Parti Communiste Internationaliste) là lưu tâm đến số phận và đời sống của công

binh trong các căng trại. Sau ngày nước Pháp giải phóng, đảng này đã giúp cho những người tờ rốt skít Vietnam tổ chức nhóm Tranh đấu và xuất bản tờ báo Tranh đấu. Sau này, họ giúp các điều kiện cho sự xuất bản tờ báo Tiếng Thợ, cơ quan của Trung ương Công binh. Năm 1950, sau khi công binh về nước, tờ Tiếng Thợ trở thành cơ quan của tổ chức Hiệp Đoàn Việt Nam tại Pháp.

Trong những thời kỳ nói trên, đảng Cộng sản Pháp (PCF) là đảng lớn nhất của lao động Pháp, không hề chú trọng đến lao động Việt Nam và kiều dân Việt Nam. Khi họ chú ý tới thì họ lại chủ trương "Liên Hiệp Pháp", "cờ tam sắc của nước Pháp phải được cắm trên khắp các xứ thuộc địa của Pháp" (lời nói của lãnh tụ Maurice Thorez, tổng bí thư Đảng). Với thái độ này, không lạ họ đã gán cho phong trào công binh mấy chữ "tờ rốt skít"!

Từ 1950, đại đa số công binh (95%) trở về nước. Một số, chừng 1000 người, vì lý do này hay lý do khác, ở lại Pháp. Để tiếp tục truyền thống đấu tranh của phong trào công binh, một số trong những người này, ở Paris, Lyon, Marseille, và nhiều vùng khác trên nước Pháp, đã triệu tập cuộc Hội nghị ở Paris, ngày 11-6-1950, lập ra Hiệp đoàn Thợ Việt Nam tại Pháp. Lập trường của tổ chức Hiệp đoàn không khác lập trường của Phong trào công binh. Vì vậy nó tiếp tục bị các tổ chức và báo chí của những Việt kiều xung khắc với Phong trào công binh kịch liệt chống lại.

Đặc biệt là về các vấn đề có dính líu đến Stalin, Liên Xô và các xứ Đông Âu. Cuộc tranh luận giữa tờ báo Tiếng Thợ và các tờ báo như Công nhân, Quyết thắng, Văn hóa Liên hiệp v.v... đã kéo dài trong nhiều năm. Một sự kiện đáng ghi nhớ là trong giai đoạn này, Hiệp Đoàn Thợ Việt Nam đã được tặng cho cái nhãn hiệu "Hiệp Đoàn Đệ Tứ Phát Xít Titô". Chỉ vì tờ Tiếng Thợ đã lên tiếng phản đối Stalin về vụ đoạn tuyệt giữa Liên Xô và Nam Tư và nhóm tờ rốt skít Việt Nam đã tổ chức một đoàn Việt kiều, gồm 30 lao động và sinh viên Việt Nam, sang Nam Tư "tìm sự thật!" Titô và Nam Tư có phải là phát xít không? Tờ trình bí mật của Krúp-sếp về Stalin, năm 1956, đã đem lại câu trả lời xác đáng.

Tất cả những sự kiện nói trên là đích thực. Chúng tôi tóm lược những điểm chính và giải thích vì sao người ta đã gọi phong trào công binh là tờ rốt skít. Muốn hiểu toàn bộ lịch sử của phong trào công binh, cần phải đọc các báo chí công binh đã xuất bản và những tài liệu của phe đối lập với công binh mới hiểu rõ hơn. Đây chỉ là bước khai phá mở đầu, phản ánh ý kiến chung của những người ký tên dưới đây:

Paris ngày 18 tháng bảy 1994

1) Trần Văn Tiêu tức Long: cựu Tổng thư ký Trung ương Công binh

2) Nguyễn Đình Lâm: cựu Tổng thư ký Trung ương Công binh

3) Hoàng Khoa Khôi: Cựu nhân viên ban Trung ương Công binh

4) Nguyễn Triển: cựu đại biểu đạo Nhất (Lyon)

5) Nguyễn Văn Liên: cựu đại biểu đạo Tư (Toulouse)

6) Đặng Văn Long: cựu đại biểu cơ 12 (Marseille)

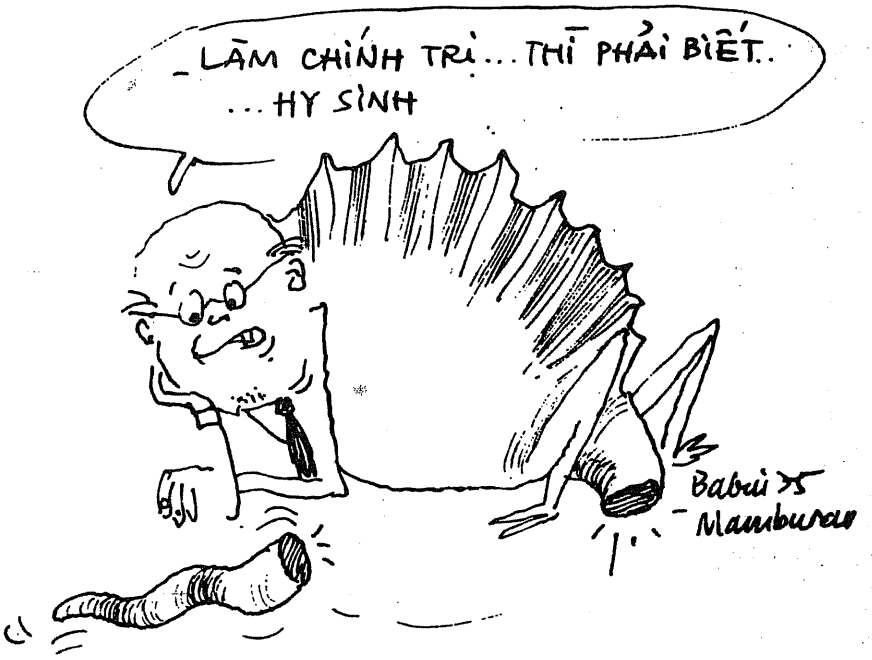

CHUYỆN VĂN HỌC TRONG NƯỚC

HOÀNG CẦM KHÔNG SỤP ĐỔ.

LÝ KIỆT LUÂN

Tập thơ "Kinh Bắc" của Hoàng Cầm nghe nói đã được phép của nhà nước cho xuất bản, hiện chỉ còn đợi khi nhà xuất bản có kinh phí là lập tức cho in. Đây là ơn huệ rất lớn của nhà nước đối với Hoàng Cầm. Tập thơ này rất hay, được Hoàng Cầm làm từ năm 1960. Nhiều bài, Hoàng Cầm đọc lén cho sinh viên nghe, họ học thuộc rồi đem chép truyền tay nhau khắp miền đất nước. Như những bài *Lá diêu bông, Cây tam cúc, Quả vườn ổi...*

Hoàng Cầm vốn người Kinh Bắc, nên đã có những câu thơ rất cảm động khi nói về Kinh Bắc, như:

"Con lạy mẹ,
con trở về Kinh Bắc."

Đầu thập niên 80, chỉ vì sốt ruột muốn cho tập thơ này nhanh chóng ra đời, Hoàng Cầm thân chinh chép tay, nhờ hoạ sĩ Văn Cao làm bìa sách, nhờ họa sĩ Bùi xuân Phái minh họa, nhờ nhà báo Hoàng Hưng khuya đến nhà lấy thơ, định sáng ngày mai ra sân bay chuyển dùm cho Việt Kiều Nguyễn Mạnh Hùng mang về Canada in. kết quả, thơ chưa tới tay Mạnh Hùng, Hoàng Hưng rời khỏi nhà Hoàng Cầm chưa đầy 500 mét thì bị bắt. Hoàng Hưng bị xử tù ngồi ba năm. Hoàng Cầm bị tù hai năm. Bùi Xuân Phái tù bẩy tháng. Văn Cao bị xử kín. Riêng Mạnh Hùng, chiếu cố Việt Kiều, được hưởng án sáu năm án treo, tước danh hiệu Việt Kiều, cấm về nước. Anh em văn nghệ sĩ "nghe người quen Công An nói lại, thì một trong bốn người trên đã phản bội từ đầu! Và người phản bội đáng nghi nhất, có lẽ là nhà thơ Hoàng Cầm (?)."

Tin này đến tai bà Văn Cao, bà nổi giận đòi cấm cửa Hoàng Cầm, Còn Hoàng Cầm thì giận Văn Cao không biết "dậy" bà xã, xía vô chuyện của "đàn ông," tình bạn dài hàng nửa thế kỷ của hai nhà văn nghệ sĩ lớn sứt mẻ, Hoàng Cầm đòi Văn Cao xin lỗi. Văn Cao chỉ im lặng và uống rượu tràn cả ngày lẫn đêm, treo biển xin miễn tiếp khách.

Cái đau của Hoàng Cầm không phải chỉ có hai năm đi tù đó. Theo như Hoàng Cầm nói lại với người viết, nếu chỉ riêng có chuyện đi tù không thôi, đối với ông, cũng chẳng sao! Những ngày ngồi tù, ông được giam chung với đám trẻ con đi móc túi, bọn nầy thích "ông bạn già" vui tính, chúng rủ ông vào hội với chúng và hẹn ông sau này ra tù "sẽ đi làm ăn chung!" (?) Có đứa còn thỉnh thoảng đấm hộ lưng ông nữa. Ở trong tù, lúc nào chúng cũng tíu tít nói chuyện với ông, khoe với ông đủ thứ, cứ như sắp được ăn tết!

Hoàng Cầm cho rằng đây là những ngày sung sướng nhất đời của ông, vô tình, ông đã được trời cho một kho của, ông chợt hiểu nhiều hơn nữa thế nào là thế giới tâm lý con trẻ, và ông đã dự định làm nhiều bài thơ cho trẻ con sau nầy là nhờ ở chúng, khi chúng gãi hộ lưng ông trong tù có nhiều muỗi rệp!

Hoàng Cầm thường bị bắt lên đồn vì tội trong nhà có mấy chai rượu. Rượu này, ông dùng để tiếp anh em văn nghệ sĩ đến nhà ông nói chuyện thơ. Ai không biết nói thơ, ông dậy: "Cứ uống rượu vào là nói được!" Quả nhiên, uống rượu tràn, say tít cung mây, tửu vào ngôn xuất, nhiều anh nói đâm hay! Dĩ nhiên anh em uống của ông là phải trả tiền, không nhiều, cao hơn giá chợ một chút. Một hình thức kiếm ăn hẳn hoi, tuy rằng lãi không được bao nhiêu. Hoàng Cầm phạm tội bán rượu là loại lương thực nhà nước cấm. Bán hàng không có môn bài là hai. Bán hàng tụ tập người tán chuyện ảnh hưởng sản xuất là ba. Hoàng Cầm bị Công An bắt lên đồn làm kiểm điểm. Hoàng Cầm chỉ biết làm thơ, không biết viết kiểm điểm. Công An bắt đứng dựa tường. Họ treo lên cổ Hoàng Cầm tấm giấy bìa: "Hoàng Cầm bán rượu lậu" và chụp ảnh phóng to đem dán ra ngoài khu phố đông người qua lại.

Xẩy ra vụ "Kinh Bắc," Công An đến nhà Hoàng Cầm tịch thu mấy hòm sách, bản nháp thơ của Hoàng Cầm. Những ngày đó, Hoàng Cầm có hai người thân là vợ và con gái đã bị chết cách nhau không xa ngày, và chết rất mờ ám, không được điều tra nguyên nhân. Bị mất vợ, mất con, bị mất sách mất thơ, bị làm nhục và đi tù, ăn đói mặc rét và tuổi già, Hoàng Cầm khi được thả về giống như người mất trí. Lẩm cà lẩm cẩm. Ăn bánh xong, cho lá gói bánh vào tủ khóa lại. Suốt ngày ngồi thẫn thờ.

Phùng Quán, nhà văn và là nhà thơ, bạn quen lâu năm của Hoàng Cầm tới thăm, thấy ông ngồi gục mặt nom thiểu não quá, hỏi:

"Anh Hoàng Cầm độ này có làm thơ không?"

Hoàng Cầm trả lời, mặt vẫn không ngẩng lên:

"Không làm thơ nữa."

"Vậy anh có đọc thơ không?"

"Không đọc thơ nữa."

"Vậy thì anh làm gì?"

"Chẳng làm... gì cả... Bạn đừng hỏi tôi nữa, tinh thần tôi ....đã suy sụp hoàn toàn rồi!"

Phùng Quán, con người "mình đồng da sắt", năm 20 tuổi đã viết

thành công tiểu thuyết dầy, đã có những bài thơ hàng triệu thanh niên trong nước thuộc lòng và được nhắc mãi trong mấy chục năm nay qua các bài viết nói về văn học, ông bị đầy ải, bạc đãi, tưởng mình là người khổ nhất, nay nhìn tình cảnh ông Hoàng Cầm chợt thấy mình chưa phải là người khổ.

Phùng Quán vốn kính trọng nhà thơ Hoàng Cầm, bình sinh coi như ông anh của mình, nên đã phấn chấn tinh thần tìm cách an ủi Hoàng Cầm. Phùng Quán là nhà thơ, ông nghĩ ngay đến thơ tặng Hoàng Cầm. Phùng Quán bảo Hoàng Cầm:

"Cho em xin tờ giấy."

Hoàng Cầm lắc đầu:

"Không còn giấy..."

Phùng Quán cắn môi, dịu nhẹ hỏi tiếp:

"Anh làm ơn cho em mượn anh cây bút, em viết mấy chữ tặng anh, em về."

Hoàng Cầm lắc đầu uể oải:

"Không có bút..."

Phùng Quán lắc đầu bỏ đi xuống bếp nhà Hoàng Cầm.

Trong gian bếp nhỏ, mái tôn cũ gỉ, cong eo, nhìn thấy cả mảng trời u ám bên ngoài. Bếp hoang lạnh, tro tàn bụi bậm với mạng nhện, Phùng Quán tìm mẩu than củi, lột miếng giấy xi măng che gió trên tường, phủi sạch đất bụi, cắm cúi ngồi viết. Than củi ròn, gẫy, khó viết. Nhiều chỗ, Phùng Quán phải dùng ngón tay của mình miết lên bột than trên giấy thay cho cây viết. Tay Phùng Quán rung run trên giấy...

Một hồi sau, Phùng Quán đem tờ xi măng vào nhà. Hoàng Cầm vẫn ngồi gục ở nơi cũ, đầu vẫn cúi gằm. Phùng Quán kiếm cơm nguội dán lên tường bài thơ rồi bảo nhỏ Hoàng Cầm, qua giọng nói nghẹn ngào, nước mắt chảy ướt mặt, che khuất tầm nhìn:

"Em tặng anh bài thơ này, em không tin một con người như anh lại có thể sụp đổ. Thơ em dán trên tường, không có giấy bút, em viết tạm bằng than củi trên giấy xi măng... Em về đây..."

Phùng Quán đi.

Hoàng Cầm vẫn ngồi lặng thinh, phủ tay ôm đầu gối chân, gục mặt.■

THƠ PHÙNG QUÁN TẶNG THI SĨ HOÀNG CẦM

Tôi tin núi tàn !
Tôi tin sông lấp !
Nhưng tôi không thể nào tin:
Một nhà thơ như anh lại ngã lòng suy sụp.
Tôi tin, nhà thơ anh đã viết:
Cách đây 30 năm,
Những vần thơ lẫm liệt!
Tiểu đội anh, những ai còn và ai mất?
Không ai còn ai mất,
Chỉ chết cả mà thôi!
Người sau kẻ trước lao vào giặc,
Giữ vững ngàn thu một giống nòi.
Thế gian, có một ngàn con sông,
Và một ngàn nhà thơ lớn.
Nhưng chỉ có một giòng,
May được thơ xưng tụng,
Nhờ đó mà vang vọng,
Nhờ thơ mà vinh danh,
Đó là con sông Đuống,
Con sông của quê anh,
Mà anh xót xa như bàn tay anh ngón rụng.
Tôi có một niềm tin,
Chắc như đanh đóng cột.
Ngày mai anh nhắm mắt,
Đi sau linh cữu anh,
Ngoài bạn hữu gia đình,
Có cả con sông Đuống.
Sông Đuống sẽ mặc đại tang,
Khóc bên bồi bên lở,
Sóng cuộn bờ nức nở,
Ngàn đời chịu tang anh.
Tôi tin núi tàn!
Tôi tin sông lấp!
Nhưng tôi không thể nào tin
Một nhà thơ như anh
Lại ngã lòng suy sụp.

PHÙNG QUÁN

TUỔI CỦA VŨ TRỤ
SINH CON RỒI MỚI SINH CHA?

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Bài kỳ này đáng lẽ phải là bài Hạt cơ bản, vi hạt quác II, nhưng vì cuối tháng 9-94, một việc lạ xảy ra làm chấn động giới vũ trụ và thiên văn học thế giới, khiến các nhà khoa học bàng hoàng, tôi xin hoãn loạt bài về Hạt cơ bản một kỳ, để viết bài sau đây.

Tôi chỉ là một ký giả, nên mỗi khi thấy tin sốt dẻo, thấy ngứa ngáy tay chân muốn viết ngay, kẻo để lâu, sợ... nguội mất. Đó cũng là thói quen nghề nghiệp, xin bạn đọc thông cảm. Bởi vì nếu đi hết loạt bài về hạt cơ bản, dự liệu đến ba hay bốn kỳ, bài sốt dẻo về vũ trụ học này có lẽ phải đến tháng 3-95 mới ra mắt bạn đọc được.

Cũng vì nghề làm báo quá bận rộn nên mỗi tháng tôi chỉ có thể dành vài giờ đồng hồ để viết bài mục Khoa học cho Thế Kỷ 21. Tôi có lệ đưa bài trước một tháng để tiện cho Tòa Soạn sắp xếp. Viết bài rồi, giao bài xong, tôi đành phải quên nó đi, chờ đúng một tháng sau lại tiếp tục. Bài sau đây viết vào ngày 1-10-94.

Tiện đây cũng xin trình bày với tất cả bạn đọc thân mến rằng từ lâu tôi đã nhận được qua thư từ, điện thoại hay gặp mặt riêng tư, những lời góp ý và khuyến khích về loạt bài khoa học này, tôi xin gửi lời đa tạ chung đến các bạn.

Sự trả lời có chậm trễ, xin quý vị lượng thứ.

S.Đ.

*
* *

Hai toán nghiên cứu thiên văn học rất có thẩm quyền và có tiếng, từ hai nguồn khảo cứu khác nhau, hồi cuối tháng 9-94, đã loan báo một chuyện lạ. Theo kết quả cuộc khảo sát của họ từ nhiều năm qua, tuổi của vũ trụ trẻ hơn người ta tưởng và tầm nhìn của khoa học ngày nay vào vũ trụ cũng không xa như các nhà thiên văn đã nghĩ.

Tuổi của vũ trụ — nghĩa là vũ trụ sinh ra từ bao giờ — vũ trụ già hay trẻ, có ăn nhằm gì đến chúng ta? Ngay cả đối với các chuyên gia trong ngành, vấn đề già hay trẻ chỉ là việc công bố lại con số, theo sự đo lường chính xác nhất mà khoa học hiện đại cho phép.

Thế nhưng, khám phá này đưa đến một nghịch lý cơ bản — chắc chắn làm các triết gia, các nhà thần học và các nhà thiên văn phải nhức óc và nhiều đêm thao thức không ngủ. Đó là tuổi của vũ trụ rất trẻ, chỉ bằng nửa tuổi các vì sao, và các thiên hà (galaxy) mà người ta đã đo được, cũng coi như rất chính xác.

Vũ trụ sinh ra từ một sự bùng nổ năng lượng (Big Bang), sau đó năng lượng mới chuyển thành vật chất cơ bản, và từ những hạt cơ bản này, mới có những đám tinh vân để sau đó biến thành các vì sao, hợp lại thành galaxy. Rõ rệt là vũ trụ sinh trước, các vì sao sinh sau. Nếu tuổi của vũ trụ trẻ hơn tuổi các vì sao, chẳng lẽ đúng như câu nói đầy vẻ huyền thoại và giả tưởng của người dân Việt chúng ta: "Sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu giữ nhà, rồi mới sinh ông?"

Tin được loan báo trên tờ L.A.Times số ra ngày 29-9-1994 cho biết, toán khảo cứu thứ nhất, do nhà thiên văn Michael J. Pierce của Đại học Indiana lãnh đạo, đã phát triển được một thứ "thước đo" rất tốt để đo lường tầm mức rộng lớn, và do đó đo được tuổi của vũ trụ đang giãn nở. Thước đo đó là cách tính với một độ chính xác vô tiền khoáng hậu về khoảng cách của các galaxy trong chòm sao Virgo (Xử nữ), cách chúng ta 50 triệu năm ánh sáng.

Những tính toán của nhóm khoa học gia này cho thấy tuổi của vũ trụ chỉ vào bảy tỷ năm so với con số 20 tỷ năm là tuổi cao nhất được đánh giá cho đến nay.

Toán khảo cứu thứ hai, do nhà thiên văn Robert Kirshner của Đại học Harvard lãnh đạo, lại dùng một thứ thước đo khác. Họ quan sát năm ngôi "siêu sao mới" (supernova) đang nổ trong vũ trụ, và dùng những cái đó như những mốc "trắc địa", — theo kiểu các chuyên viên trắc địa để vẽ bản đồ mặt đất thời trước — để tính các khoảng cách trong vũ trụ. Kết quả sự tính toán của nhóm này, tuổi của vũ trụ chỉ vào khoảng từ 9 đến 14 tỷ năm là cùng.

Dù tính cho thật cao, tuổi của vũ trụ vẫn trẻ hơn tuổi các vì sao. Bởi vì hiện nay người ta được biết các vì sao và các galaxy già nhất cũng đã đạt đến thượng thọ 16 tỷ năm rồi.

Liệu hai toán khảo cứu đó có nhầm không? Các khoa học gia danh tiếng đều là những người rất thận trọng, họ rất sợ bị mất tiếng,

trở thành các loại "dổm" ăn ốc nói mò. Bởi vậy họ chỉ công bố kết quả sau khi nghiên cứu rất kỹ, thử đi thử lại nhiều lần. Gia dĩ nơi họ công bố lại là một thứ "bảng vàng" rất được trọng vọng. Kết quả của toán Đại học Indiana được công bố trên tạp chí chuyên đề khoa học lừng danh thế giới là tờ Nature. Còn toán của Đại học Harvard công bố trên báo chuyên đề Vật lý thiên thể "The Astrophysical Journal".

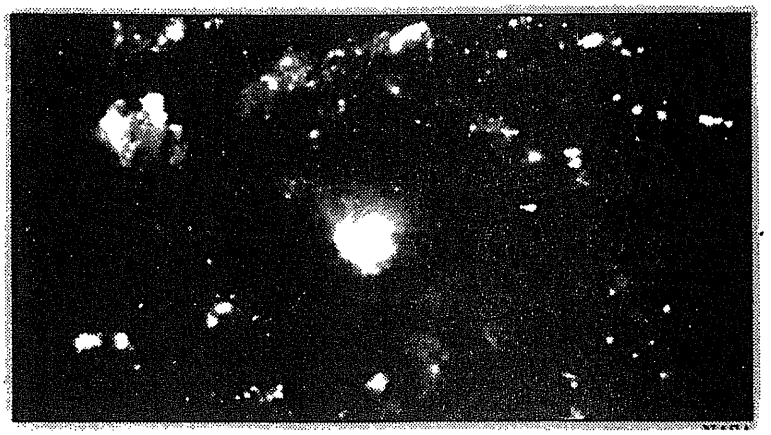

Các galaxy nằm trong bối cảnh của chòm sao Virgo -- theo nghiên cứu của Đại học Indiana. Nhóm nghiên cứu này cho rằng tuổi của vũ trụ có thể chỉ mới...bẩy tỉ năm; trong khi nhóm nghiên cứu ở Đại học Harvard lại cho rằng vũ trụ đã được hình thành từ chín tới 14 tỉ năm rồi.

Xét lại tuổi của vũ trụ đã đành, nhưng vì nghịch lý "sinh con rồi mới sinh cha," kết quả khám phá mới nhất này đưa đến ba đề tài cần phải đào sâu thêm:

1) Hoặc sự tính toán có chỗ nhầm lẫn.

2) Hoặc tuổi của các vì sao cần phải giảm bớt đi.

3) Hoặc... vũ trụ còn có những tính chất kỳ bí nhất mà khoa học ngày nay chưa thể hiểu nổi.

Nội dung đại để bài báo chỉ có vậy. Chúng ta chỉ là những "phó thường dân" đứng ở vòng ngoài, chẳng tội gì mà nhức óc cho khổ. Thế nhưng vấn đề quả có gợi thêm một vài sự thắc mắc tò mò đơn giản. Chẳng hạn như câu hỏi: Làm thế nào biết được các vì sao cách xa chúng ta bao nhiêu? Vấn đề đo lường trong vũ trụ là đề tài chúng tôi vẫn muốn nói đến từ lâu. Để tìm hiểu việc này chúng ta đành phải tóm lược qua một vài định luật trong môn quang học (Optics), hình học (geometry) và lượng giác (trigonometry).

Cách đo "giao điểm" tam giác

Làm thế nào để biết Mặt trăng cách xa chúng ta bao nhiêu cây số? Ngày nay nhờ các dụng cụ hiện đại như radar và laser, người ta có thể đo được chính xác, nhờ các sóng điện tử dội lại từ Mặt trăng. Nhưng xa hơn, thí dụ Mặt trời, các hành tinh, các vì sao, làm thế nào biết được?

Thời xưa, chưa có radar, làm sao người ta biết được các khoảng cách trong vũ trụ, nhất là làm sao biết được vũ trụ đang nở rộng, các galaxy đang chạy xa ra khỏi chúng ta?

Chúng ta phải trở lại từ đầu với cách đo gọi là "giao điểm" (parallax). Lối đo giao điểm này rất đơn giản, ai biết qua các phép tính lượng giác và hình học cũng làm được. Thật ra, chẳng cần đến toán học hay dụng cụ ngắm nhìn gì, trong người chúng ta cũng đã sẵn có hết, do ông Trời ban cho, để đo lường khoảng cách gần xa.

Trong cuộc sống hàng ngày, tự nhiên chẳng cần suy nghĩ, ai cũng có thể ước lượng vật ở ngay trước mắt cách xa độ bao nhiêu mét. Đó là nhờ đôi mắt (hai mắt chớ không phải một) đặt nằm ngang nhau, cách nhau khoảng 5 hay 7 centimét.

Muốn thí nghiệm, bạn ở bất cứ đâu, thí dụ như ngồi ở trong phòng, bạn hãy đưa thẳng cánh tay ra trước mặt, giơ một ngón tay lên và bịt một mắt lại để nhìn bằng một mắt. Trước hết bạn lấy tay bịt mắt phải, kế đó bịt mắt trái. Nếu bạn cứ thay đổi bàn tay bịt một mắt liên hồi và mau lẹ, bạn sẽ thấy ngón tay của bạn có vẻ chuyển dịch, so với bối cảnh, những vật ở xa, chẳng hạn như đồ trang trí trên bức tường sau ngón tay.

Bạn thừa biết ngón tay của bạn vẫn ở yên một chỗ, sự chuyển dịch so với bối cảnh là do mỗi bên mắt bạn nhìn vào ngón tay theo những góc cạnh khác nhau, như hai tia nhìn xéo của mỗi con mắt gặp nhau ở giao điểm là ngón tay và tiếp tục đập vào những vật ở sau ngón tay, thành ra hai luồng nhỡn tuyến tạo thành hai cạnh huyền của một hình tam giác, cạnh nằm là ở giữa hai con mắt, còn đỉnh là ngón tay. Nhờ sự chuyển dịch nhiều hay ít so với bối cảnh, bạn có thể biết được góc độ của cạnh huyền với cạnh nằm. Phép toán sơ đẳng lượng giác có thể cho bạn biết ngay chiều cao của tam giác, nghĩa là ngón tay cách mắt bao nhiêu xa.

Cần một thước đo góc và một computer để tính chăng? Khỏi cần, Tạo Hóa đã cho chúng ta một máy computer trong óc và hai "viễn vọng kính" là hai con mắt. Nó tính trong một phần ngàn của giây đồng hồ. Nhờ đó mà thủ môn một đội banh hay danh thủ môn quần vợt, chỉ cần nhìn thoáng qua đường banh đang bay tới, là có thể "vi tính" được trong khoảnh khắc, biết banh bay tới với tốc độ nào và banh bay còn xa bao nhiêu để chờ đúng lúc nhẩy lên bắt banh hay giơ vợt lên đón banh. Nếu các tay thể thao này chỉ có một mắt, chắc chắn là thua lớn.

Thế nhưng lối đo parallax này có một chỗ bất tiện. Vật càng ở xa càng khó đo khoảng cách, bởi vì đôi mắt của chúng ta chỉ cách nhau có chút xíu. Muốn đo xa

hơn, hai con mắt cũng phải cách nhau xa hơn, nghĩa là cạnh nằm của hình tam giác phải thật lớn. Chỉ nhìn Mặt trăng bằng hai con mắt, làm sao có thể "đo" được Mặt trăng cách xa bao nhiêu?

Môn thiên văn cố nhiên đã có cách kéo hai con mắt của con người ra thật xa... xa đến 13.000 cây số lận... vì đó là đường kính của Địa Cầu. Chỉ cần đặt một viễn vọng kính phía bên này đường xích đạo Trái Đất, một viễn vọng kính thứ hai ở phía bên kia đường xích đạo, người ta đã có hai con mắt tạo thành một cạnh nằm với góc độ khá lớn. Người ta đã có thể đo được độ xa của Mặt trăng hay các hành tinh ở gần.

Nhưng còn các vì sao trong giải Ngân hà ở xa gấp triệu lần, dĩ nhiên hai con mắt cách nhau 13.000 cây số cũng không đủ độ rộng của cạnh nằm. Người ta phải tìm đến một cạnh nằm lớn hơn nữa, bằng 300 triệu cây số. Đó là đường kính của quỹ đạo Địa Cầu quay xung quanh Trái Đất. Một năm hai lần dòm: 1) khi Trái đất ở phía bên này quỹ đạo, 2) khi Trái đất xoay đến phía bên kia quỹ đạo.

Khổ nỗi khi phải đo các galaxy (những ngân hà khác) ở xa hàng tỷ năm ánh sáng, cạnh nằm trên đường kính quỹ đạo Địa cầu cũng quá nhỏ. Không có cách nào tìm ra một cạnh nằm rộng đến hàng triệu tỷ cây số để đặt "con mắt" ở hai đầu cạnh này.

Cũng may vào khoảng đầu thế kỷ này, các nhà thiên văn đã tìm được một phương pháp mới. Đó là phép đo "Cepheid."

Từ sao biến sắc đến độ "hồng chuyển"

Cepheus là tên một chòm sao ở ngay trong giải ngân hà của chúng ta và tương đối ở gần Thái Dương hệ, nằm trong khu vực sao Bắc Đẩu, mắt người có thể nhìn thấy. Ở chòm sao này có một loại tinh tú rất lạ, độ sáng của nó thay đổi từng chu kỳ rất đều đặn, nghĩa là có lúc nó sáng đến độ cực sáng rồi lại mờ đi đến độ cực tối, để rồi lại từ từ trở lại sáng, rồi lại tối, cứ như vậy hoài. Chu kỳ sáng tối như vậy, tùy theo từng sao, khi lâu khi mau, từ hai ngày đến 44 ngày một chu kỳ. Lấy tên từ Cepheus, các nhà thiên văn gọi đó là sao "biến sắc" Cepheids. Thời xưa, người Ả Rập thấy nó, khi mờ khi tỏ, sợ hãi vô cùng, nên gọi đó là Agol, có nghĩa là mắt quỷ.

Vào đầu thế kỷ này, một nhà nữ thiên văn người Mỹ đã khám phá ra một định luật mới rất quan trọng. Chu kỳ độ sáng của sao biến sắc càng lâu bao nhiêu, độ sáng thực sự của nó càng lớn bấy nhiêu.

Nên nhớ độ sáng thực sự của nó (intrinsic brightness) khác với độ sáng mà ta nhìn thấy từ xa, rất mờ. Biết rõ được hai độ sáng khác nhau này, chỉ cần một con tính đại số sơ đẳng người ta cũng có thể biết khoảng cách từ ngôi sao đến chúng ta là bao xa. Tại sao vậy?

Giản dị thôi. Đó là vì định luật quang học, ánh sáng truyền đi xa giảm sức sáng theo tỷ lệ nghịch

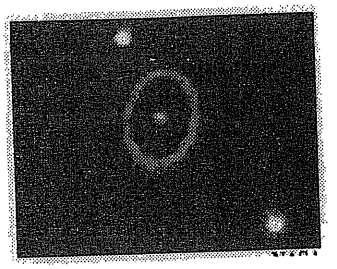

Một siêu sao mới (supernova) đang nổ ở cách trái đất 500 triệu năm ánh sáng. (Nghiên cứu của Đại học Harvard)

với bình phương khoảng cách. Thí dụ ta cầm một cây đèn bấm chiếu ra xa hai mét, thì ở điểm này ánh sáng chỉ còn bằng 1/4 lúc ban đầu, vì hai nhân với 2 là 4. Nếu chiếu xa 8 mét, ánh sáng của nó chỉ còn 1/64, vì 8x8 = 64.

Gần đây các dụng cụ quang học ngày càng tinh xảo, nên sự đo lường này càng chính xác thêm. Ở các galaxy xa hơn đều có những loại sao biến sắc như vậy, nên khi biết độ xa cách của các vì sao Cepheids đó, người ta có thể biết galaxy cách xa bao nhiêu.

Ngoài ra người ta còn tìm được các phương pháp mới cũng tương tự để phối hợp kết quả tìm được. Thí dụ tốc độ quay tròn của cả một galaxy cũng có độ sáng thực sự tỷ lệ thuận với tốc độ quay tròn của nó.

Nhưng tại sao lại biết galaxy đó đang bay xa chúng ta, theo thuyết vũ trụ giãn nở (expansion)? Đó là nhờ một định luật gọi là sự chuyển về màu đỏ (redshift) tạm dịch là độ hồng chuyển, trong quang phổ (spectrum).

Chúng ta đều biết ánh sáng chỉ là một khoảng (giải) nhỏ trong toàn bộ các bức xạ điện từ. Các bức xạ này phát ra thành nhiều loại, tùy theo bước sóng (wavelength) dài ngắn khác nhau. Ở vùng sóng cực ngắn có những tia mạnh như các tia cực tím, tia quang tuyến X, tia gamma... Ở vùng sóng cực dài có các tia như hồng ngoại, vi ba, và sóng radio v.v... Tạo Hóa cho chúng ta cặp mắt chỉ có khả năng nhìn thấy một loại bức xạ tầm trung bình, ở giữa hai thái cực nói trên, còn ngoài ra không thể nhìn được.

Trong phạm vi khoảng nhỏ của bức xạ nhìn thấy ánh sáng có thể được phân tách ra thành 7 màu, gọi là quang phổ, 7 màu đó là: đỏ, cam, vàng, xanh lá cây, xanh lơ, bồ quân và tím, tức là cầu vồng bẩy sắc vậy. Mỗi màu tiêu biểu cho một bước sóng dài ngắn khác nhau. Thí dụ màu đỏ có bước sóng dài, còn màu tím có bước sóng ngắn.

Quang phổ ánh sáng có hai đặc điểm. Một là nó cho biết chất cháy sáng thuộc loại nguyên tố nào. Bởi vậy chỉ cần phân tách quang phổ ánh sáng Mặt trời hay các vì sao, người ta có thể biết ngay ở trên đó chất gì đang phát sáng. Hai là nó cho ta biết vật đang sáng đó đứng im hay di động. Nếu nguồn ánh sáng (các vì sao, các galaxy) chạy xa chúng ta thì trên quang phổ của nó có hiện tượng là redshift, dịch chuyển sang màu đỏ. Nếu nó chạy đến gần chúng ta, quang phổ sẽ dịch chuyển sang màu xanh blueshift.

Điều này cũng dễ hiểu thôi. Nếu vật phát sáng chạy ra xa, các độ dài của sóng điện từ (bước sóng) bị kéo nhằng ra dài hơn, cho nên ánh sáng của nó chuyển sang màu đỏ là màu sắc của bước sóng dài. Còn nếu nó chạy đến gần mắt ta, bước sóng bị dồn ép lại thành ra ngắn hơn nên chuyển sang màu xanh là màu của bước sóng ngắn. Tốc độ của sự chạy ra xa hay đến gần tùy thuộc ở mức độ dịch chuyển trong quang phổ.

Giai do thử đồ xuất

Vào khoảng năm 1929, nhà thiên văn Mỹ lừng danh là ông Edwin Hubble đã quan sát các quang phổ của galaxy và nhận thấy hầu hết đều có "hồng chuyển" trong quang phổ, từ đó ông đưa ra một lời loan báo chấn động: các galaxy trong vũ trụ đang đua nhau chạy ra xa chúng ta. Thuyết vũ trụ giãn nở (expansion) được xác định và từ đó nó đưa đến thuyết Big Bang (vũ trụ bùng nổ) khi khởi thủy. Tưởng cũng nên nhắc lại rằng từ ngữ Big Bang không phải là từ khoa học thuần túy, nó chỉ xuất phát từ một câu nói đùa giữa các nhà vũ trụ học để châm biếm nhau. Chúng tôi vì tôn trọng sự hài hước này nên mới dịch là vũ trụ bùng nổ, thật ra phải nói vũ trụ giãn nở mới đúng.

Thành ra biết được khoảng cách giữa các galaxy (nhờ sao biến sắc) và biết được vector (vận tốc và hướng) bay của các galaxy (nhờ hồng chuyển quang phổ) người ta dễ dàng tính được tuổi thọ của cụ... vũ trụ.

Lạ nhỉ, phải biết các galaxy từ đâu ra, cái gốc xuất phát từ chỗ nào, nghĩa là trung tâm "vụ nổ" Big Bang ở đâu mới có thể tính được chớ? Không lạ chút nào cả, vì vũ trụ bắt đầu từ cái mà gần một thế kỷ trước đây, người ta gọi là quả trứng nguyên thủy, nhưng khoa học hiện đại gọi đó là điểm dị hay lỗ đen nguyên thủy, bùng nổ ra. Hiển nhiên các galaxy ở cùng một chỗ mà ra, kể cả galaxy tức là giải Ngân hà của chúng ta.

Cũng giống như bà Hồ Xuân Hương của chúng ta đã từng mỉa mai bọn đàn ông: "Tứ hải nam nhi giai do thử đồ xuất", nghĩa là bọn mày râu các ông tất cả cũng chỉ từ "chỗ đó" mà chui ra thôi.

Muốn hiểu hình ảnh sự giãn nở của vũ trụ với các galaxy đang đua nhau chạy xa chúng ta, hãy tìm một thí dụ gần gũi nhất. Đó là loại bánh mì ngọt sốp, trong có điểm các trái nho khô mà chúng ta vẫn ăn. Khi còn là một nắm bột bánh do thợ làm bánh nặn, các trái nho trong cục bột đó nằm xúm xít bên nhau. Khi đưa bánh vào lò nướng, bánh từ từ nở lớn, tất nhiên các trái nho khô cũng giãn ra xa nhau.

Thành ra ở bất cứ galaxy nào, loài thông minh hiểu vũ trụ, cũng đều thấy các galaxy khác đang chạy ra xa mình, tưởng đâu như mình là rốn của vũ trụ. Tình trạng này giúp người ta hiểu được thêm một điểm nữa gọi là định luật Hubble hay hằng số Hubble: galaxy càng ở xa chúng ta, nó càng bay nhanh.

Theo luật nở của cái bánh trộn trái nho, nếu thấy trái ở gần nhất đang chạy ra xa với tốc độ nào, thì khi nhìn đến trái nho ở xa hơn một nấc (nó cũng đang chạy xa) cố nhiên trái nho thứ hai này chạy nhanh với tốc độ gấp đôi.

Nhà thiên văn Hubble đã khám phá ra sự giãn nở của vũ trụ. Ông lại đặt ra hằng số (thước đo) để tính tốc độ chạy xa của các galaxy, và do đó tính được tuổi thọ của vũ trụ. Tên ông xứng đáng được đặt cho một viễn vọng kính tối tân đang bay trên quỹ đạo xung quanh Địa Cầu: Viễn vọng kính Hubble.

Tính được tương lai vũ trụ ra sao

Hãy trở lại những phương pháp đo lường mới vừa được công bố.

Toán của Đại học Indiana sử dụng thiên văn kính mới nhất, sở hữu chung của Pháp-Gia Nã Đại-Hawaii, đặt trên núi Mauna Kea, đã xác định được các galaxy trong chòm sao Virgo (Xử nữ) cách xa Trái đất đúng 50 triệu năm ánh sáng. Ở đây có sao Cepheids, nhưng đặc điểm đây là loại sao biến sắc ở xa nhất, xa gấp đôi các sao biến sắc khác đã từng được nghiên cứu trước đây. Nhờ đo được khoảng cách xa chính xác, các nhà thiên văn của toán này có thể tính đúng được hằng số Hubble đến độ chưa từng thấy.

Toán của Đại học Harvard, nghiên cứu các siêu sao mới (supernova) ở một độ xa cũng chưa từng có, 500 triệu năm ánh sáng cách xa Địa Cầu. Điểm lợi của việc này là tuy ở xa thế, các siêu sao mới đang nổ lại sáng gấp triệu lần những sao biến sắc Cepheids trong chòm sao Xử Nữ.

Để tính độ xa của các "siêu sao mới" này, các nhà khoa học, dùng màu sắc của vụ nổ, sức sáng đo được ở Địa Cầu, phối hợp với tốc độ của đám hơi đang bay tỏa ra từ vụ nổ khủng khiếp đó. Siêu sao mới không thiếu gì trong vũ trụ, nhưng điều cần thiết là phải biết mà quan sát ngay từ đầu, trong vòng vài tuần lễ, trước khi đám hơi nổ rực lửa bị nguội mất đi, không còn bức xạ được nữa, và tản rộng để trở thành trong suốt như đám hơi loãng.

Đây cũng là phương pháp tính độ xa và tốc độ dịch chuyển, vì dù đang nổ, các "siêu sao mới" cũng đang bay cùng với galaxy mà nó nằm ở trong.

Biết tốc độ galaxy là biết tuổi của vũ trụ. Chúng ta hãy bỏ qua các con số khó nhớ và các phương trình toán cao cấp, để cho máy computer giải, chỉ cần nhớ một điều như thế này.

Nếu galaxy đang chạy nhanh thì đó là vũ trụ còn trẻ. Nếu galaxy đang chạy chậm thì đó là vũ trụ đã già. Tại sao vậy?

Rất giản dị. Nếu ta nhìn thấy một chiếc xe vận tải cà khổ đang ì ạch chạy qua trước mặt, và đã biết nó xuất phát từ đâu (dù không biết nó khởi hành từ bao giờ), ta cũng có thể tự nhủ: chạy lâu rồi bây giờ mới đến đây. Thời gian dài, vũ trụ già.

Nếu ta thấy một chiếc xe du lịch bóng loáng còn mới chạy qua trước mặt, ta có thể tự nhủ: Chỉ mới chạy nhưng tốc độ nhanh nên giờ này đã đến đây. Thời gian ngắn, vũ trụ trẻ.

Tốc độ của galaxy chẳng những cho ta biết tuổi của vũ trụ, mà còn cho biết... bao giờ vũ trụ chết hay số phận của vũ trụ sẽ ra sao.

Nếu galaxy chạy chậm, đó là vì mật độ vật chất trong vũ trụ đủ nặng, đủ sức hút (hấp lực) ghìm nó lại. Và như vậy, một thuở nào đó sau này, con "ngựa" galaxy sẽ bị lực hấp dẫn kéo trở lại, để vũ trụ thu lại như cũ và sụp đổ (Big Crunch).

Còn nếu galaxy chạy nhanh, điều đó có nghĩa là mật độ vật chất trong vũ trụ quá ít. Thế là... em sẽ ra đi, ra đi mãi không về, để anh chết già trong cô quạnh và lạnh lẽo.■

Bài kỳ tới: Hạt cơ bản và vi hạt quác II

Tạp chí

THẾ KỶ 21

Xuân Ất Hợi 1995

Hơn 40 cây bút từ khắp nơi trên thế giới tập họp trong số báo này, để cống hiến quý độc giả những biên khảo, nhận định, sáng tác độc đáo và hấp dẫn.

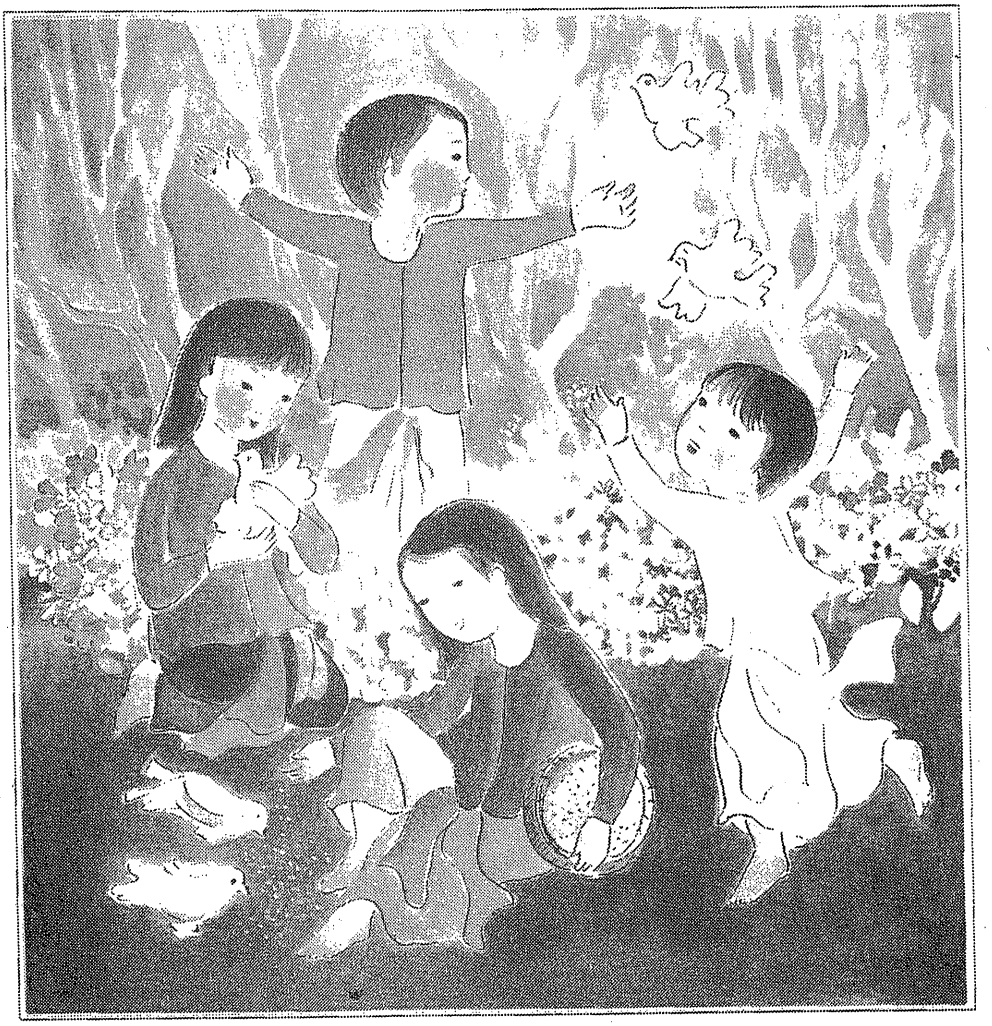

Thân mời quý văn hữu gửi bài từ nay đến hết tháng Chạp 1994.
Quý thân chủ quảng cáo,
xin liên lạc ngay với cô Phan Mỹ Sương (714) 638-9510,
để giữ những trang tốt nhất trong tờ báo!

THẾ KỶ 21

11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92640
ĐT: (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

KÝ

MỘT CHIỀU TRONG ĐẠI NỘI

HỒ MINH DŨNG

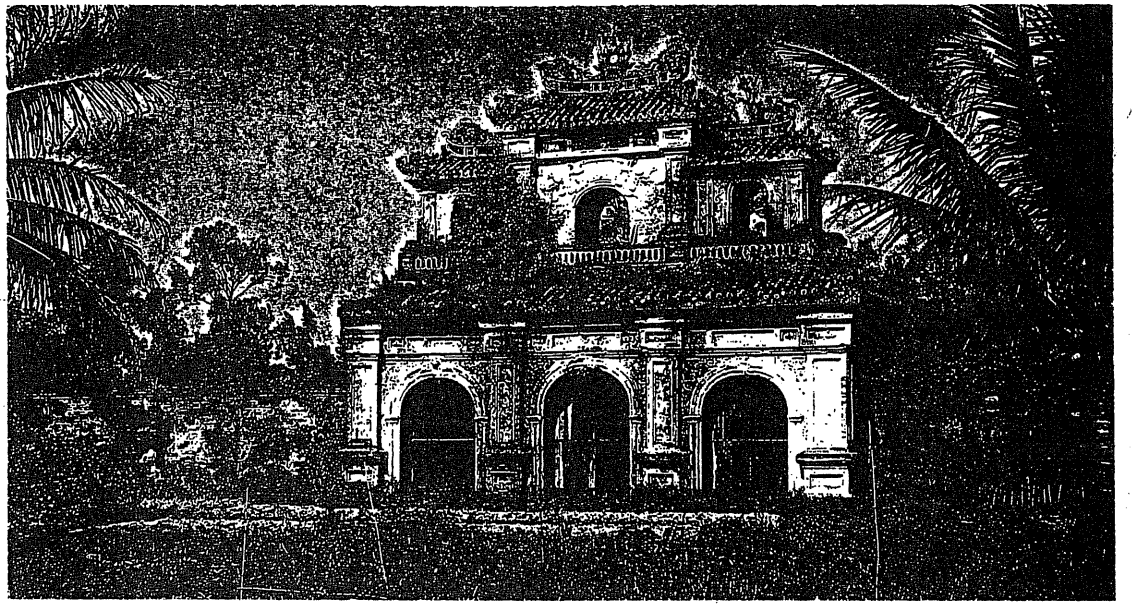

Có ai xa Huế lâu trở về mà không vào thăm Đại Nội, để thêm một lần bùi ngùi chứng kiến biết bao cảnh hoang tàn đổ nát, thời gian vẫn làm mờ đi những vết tích suy đồi, thành quách, cung điện, am miếu, ao hồ, cỏ cây, sỏi đá chìm trong niềm xúc động ngổn ngang.

Tôi đi một vòng, điện Thái Hòa nay sơn thiếp lại đón khách du lịch nước ngoài. Một bên điện, đám nhạc công tập trung chuyện vãn, chờ có khách đến để hòa tấu cho nghe những bản nhạc cung đình chắp vá. Phía sau, bày biện đủ thứ gọi là "văn hóa phẩm" để bán cho du khách làm kỷ niệm với giá cắt cổ. Tôi không khỏi ngạc nhiên, những người đứng bán, thay vì nhã nhặn, lịch sự với du khách, lại nói năng rất tùy tiện, chỉnh mảng, cau có... và trong những món hàng mang tính chất kỷ vật địa phương lại có cả tim sen chữa bệnh khó ngủ, kẹo mè xửng Song Hỷ, kẹp tóc, trâm, lược sừng trâu nghệ nhân Thường Tín, vỏ ốc, sao biển, san hô Đồ Sơn, cắt móng tay nhãn hiệu Korea, bút máy Hồng Hà, rễ gốc đa Tân Trào nhờ bác...

Khách nước ngoài, nếu muốn được "làm vua" năm ba phút cho biết cái thú vẻ vang tột cùng nơi trần thế, thì cứ việc đăng ký và đóng tiền.

Đứng lặng người bên cái cột lớn sơn đỏ, tôi chăm chú nhìn. Một người Mỹ cao to, râu tóc, lông mày, lông mi đều vàng hoe, mỉm cười nói với một hướng dẫn viên du lịch rằng, ông ta trước đây thuộc Sư đoàn Kỵ Binh Hoa Kỳ đóng ở căn cứ Eagle (Dạ Lê), đã từng chiến đấu vào sinh ra tử ở mặt trận Tây Nam để bảo vệ cố đô Huế, Cộng Sản (các ông) chiến đấu không giỏi, nhưng giỏi bắn lén, nên đã tặng ông một phát AK vào bụng phía có ruột thừa. Có một điều, ông và các bạn hữu ông không ngờ các ông lại về được đây, làm chủ một vùng đất nổi tiếng thế nầy, còn làm chủ hay dở, tốt xấu thế nào thì không nói đến. Nay ông qua đây để du lịch, nói đúng hơn là thăm lại những kỷ niệm ngày trước. Những gì ông vật lộn, tránh né trước hiểm họa để sống còn, nếu được nhìn lại sẽ đem đến cho ông một niềm vui trong tuổi già. Ông cũng đọc lịch sử Việt Nam tương đối kỹ, và thấy rằng giá trị của một phút ngồi trên ngai vàng không dễ gì ai cũng có được. Cho nên ông muốn ngồi thử xem sao. Tiếng Anh kém, tôi hiểu tiếng được tiếng mất, nhưng đại khái là như thế. Sau đó, tôi có gặp riêng một cô hướng dẫn viên du lịch khác, mời cô mấy phong chewing-gum rồi hỏi, cô cũng nói ý ông Mỹ kia muốn diễn đạt như thế.

Ông Mỹ được dẫn vào phòng riêng, mấy phút sau ra khoác một cái áo vua có thêu hình hai con rồng uốn khúc vờn quanh một mặt nguyệt, cái áo quá ngắn chỉ đến đầu gối. Ông đứng cách ngai vàng khoảng mười mấy bước, người hướng dẫn đứng sau lưng hô ta "one, two, three...", ông Mỹ từng bước đĩnh đạc bước qua hai hàng nhạc công quần áo sặc sỡ màu mè, tiếng nhạc lại tấu vang lên. Vì chân người Tây phương quá cao nên chỉ có sáu bảy bước đã chạm đến tầng tam cấp thứ nhất của ngai vàng và dừng lại đó chờ hướng dẫn viên. Người ấy đến đưa cao bàn tay gầy gò mời bước lên. Ông Mỹ an tọa trên ngai vàng, đưa đôi mắt

xanh biếc lờ đờ nhìn quanh một lượt trong điện Thái Hòa, cố mỉm một nụ cười, nhưng nụ cười ấy chỉ thoáng qua, để lại một nét mặt đượm buồn, rồi nhổm lên, nhổm xuống không yên, như thể có nhiều rệp cắn vào đít ông, hay là cái ngai quá nhỏ không tương xứng thân hình to cao, béo phệ của ông.

Một cô gái y phục cung nữ màu cánh dán từ phía sau xuất hiện, tay bưng cái khay bằng gỗ mun bóng loáng, trên khay đựng một đĩa trầu cau đã têm từng miếng và một chén trà mời vua, cô gái cúi đầu nâng khay lên quá đầu, ông Mỹ lúng túng không hiểu phải làm gì, người hướng dẫn bèn mời "ngài ngự dùng trầm mã trà và cau trầu vườn thượng uyển". Ông bưng một chén đưa lên môi, gật gật đầu ra chiều khen ngon, trong lúc ấy ban nhạc tấu lên những khúc trong đội ba vũ nội triều ngày xưa, ngoài điệu nam ai, nam bình rời rạc, còn có cả bản "như có bác Hồ trong ngày vui đại thắng." Chỉ có bản nầy là linh động và nhịp nhàng. Không trách gì, đa số họ là những nhạc công bị "bắt cóc bỏ dĩa" từ những ban nhạc quan họ của các tỉnh xa xôi ngoài Bắc vào để phục vụ du khách lấy tiền làm giàu đất nước.

Khi bản nhạc "như có bác Hồ..." chấm dứt, hướng dẫn viên coi đồng hồ tay rồi sửa lại chiếc cà vạt, đứng nghiêm chỉnh nói với vua, lần nầy sau tiếng Anh, có nói thêm tiếng Việt cho du khách trong nước cũng nghe nên tôi hiểu rõ: "Thưa ngài, thế là ngài được đăng quang, dù trong chốc lát, xin ngài cứ tưởng tượng trước mắt, có hàng trăm đại thần áo mũ cân đai đang qùy lạy, chung quanh ngài cả xã tắc đang ngưỡng vọng, tung hô vạn tuế. Tục ngữ đất nước chúng tôi có câu "một ngày dựa mạn thuyền rồng, còn hơn muôn kiếp sống trong thuyền chài," chắc ngài đã hiểu, và cho phép mình được hưởng cái phút vinh hoa tột đỉnh nầy. Khi ngồi ở vị trí vô thượng nầy, nếu chỉ cần một cái chỉ tay thôi, ngài cũng có tức khắc những cao lương mỹ vị, nem công, chả phượng, yến sào, vây cá mập, nách tê giác, chân gấu Tây Tạng, v.v., còn về rượu vì đất nước chúng tôi thiên nhiên ưu đãi thứ gì cũng có... tin chắc quý quốc không có được, có chăng cũng không bổ bằng. Trước khi chấm dứt, tôi xin đại diện công ty Du lịch Huế cám ơn và chúc sức khỏe ngài và gia đình, chúc ngài có những ngày ở cố đô toại nguyện. Có một điều, mong ngài hiểu cho là, chính ngai vàng ngồi đây, đất nước chúng tôi cũng có những vị vua rời bỏ nó để lên đường chống ngoại xâm như Hàm Nghi, Duy Tân. Và, gần đây hơn, Vĩnh Thụy Bảo Đại đã ba lần bảy lượt mời chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại lên ngôi, nhưng bác Hồ chúng tôi khước từ chốn vàng son cung điện mà chọn lựa áo vải chân đất cùng với nhân dân trường kỳ kháng chiến dành độc lập có ngày hôm nay." Ông Mỹ đứng dậy, mỉm cười nói "O.K" rồi bước xuống. Ông đi trở lại con đường ngắn đã đi trước, nhưng không có tiếng nhạc nữa. Và dường như ông không thỏa mãn, không phải tiếc gì 30 đô-la phải bỏ ra, nhưng có một cái gì đó, bây giờ ông chợt hiểu, trong đời mình đã có một khoảnh khắc, không phải là vua, không phải là quan, cũng không phải là dân đen, không phải là gì hết...

Người hướng dẫn đáng lẽ phải ngửng đầu lên cao ngạo vì được đóng vai "tiện quan" dạy cho "thiên tử" nghe một bài học của thời đại, thì anh ta cúi đầu suy nghĩ, nét mặt anh buồn lắm, nếu gặp ông "vua" người Ý, Pháp, Anh thì may ra cũng có cái bì thư nhỏ hay ít lắm cũng có một gói thuốc lá ngoại. Còn ông Mỹ nầy, không có gì cả, chỉ có bắt tay xã giao, mà bàn tay vừa nhỏ, vừa xương xẩu của anh lại bị bóp mạnh quá, phải nghiến răng chịu đau. Người Mỹ xưa nay vốn keo kiệt. Anh cũng biết, nhưng vẫn không vui.

Nhìn xong màn kịch, tôi càng hoang mang trước cảnh thương hải tang điền. Lòng rối bời bước qua những đống gạch vụn của điện Cần Chánh, hai mái Hữu Vu, Tả Vu vẫn còn đó, ngói lở nhiều nơi, bên trong chiếc gương bằng đồng lớn không người đánh bóng, phả một lớp mờ màu rêu úa làm cho hình người soi vào chao đảo, méo mó, mất thần như chết đã lâu hiện về. Và chính chiếc bóng của chính mình ấy cứ theo tôi bước qua con đường trải đá cỏ mọc ngút xung quanh để đến Thanh Hạ Lâu, nơi nhà vua thường ngự ra đọc sách thánh hiền, bây giờ chứa toàn sách của xã hội chủ nghĩa. Có mấy anh mặc quần áo bộ đội vừa canh gác, vừa hướng dẫn cho khách đến xem, bên cạnh những cuốn sách dày cộm, bụi bặm, các anh bày biện la liệt bình trà, chén bát, bình thủy, ống thuốc lào, dao, búa, kềm, lò sô nấu ăn và cả những chiếc võng màu tro treo ngang dọc trong thư phòng. Tôi liếc mắt nhìn qua thấy có sách của Lenin nằm cạnh sách của Lê Duẩn, Trường Chinh, đặc biệt là tập "thơ trong tù" của "bác" bìa dáng vải xanh thẫm chữ mạ vàng rất đẹp, nằm cạnh đó có tập thơ Tố Hữu, cuốn "Những tên biệt kích cầm bút thời Mỹ Ngụy" của Lữ Phương, "Ván bài lật ngửa" của N.T. Thiên Lý và "Ai đặt tên cho dòng sông" của Hoàng Phủ Ngọc Tường... nhiều lắm, tôi không nhớ hết, tất cả đều nằm im, vô hồn. Trên vách lầu một hàng chữ viết bằng sơn đỏ không thẳng hàng "không có gì quý hơn độc lập tự do". Phía dưới hàng chữ ấy, một khoảng xa, không biết ai cố ý hay vô tình, vẽ lên bằng than, hình một người đang cày ruộng, nét vẽ vội vàng, cẩu thả, nhìn vào không biết phía trước cái cày là con trâu hay con bò, người đi theo sau là đàn ông hay đàn bà?

Rời căn gác ẩm mùi mốc meo và thức ăn, tôi bước xuống phía dưới sân, đây là nơi có nhiều chậu cây cảnh, hòn non bộ, có các loài hoa quý, tùng bách chiết hãm thành long, lân, quy, phụng. Hoa vẫn nở, cây lá còn xanh, chứng tỏ có bàn tay chăm sóc hằng ngày để trang trí cho những pho sách "để đời" trên lầu. Tôi cũng dừng lại hồi lâu để nhìn, thấy tâm hồn vui vui, dù giữa hoang phế, hoa còn nở, lại nở rất tươi. Hòn non bộ, mặt nước váng bèo cám đóng kín, nhưng trên tảng núi giả vẫn có một viên đá nhỏ đẽo gọt thành hình một người câu cá (ông Khương Tử Nha chăng?) đầu đội nón lá nhọn chóp, nhưng cánh tay cầm cần câu bị gãy, nên ông ngồi như chờ để nhào đầu xuống nước. Một người vừa mới đến, thấy tôi có cầm máy ảnh, liền lại gần, nói rất tự nhiên như đã quen biết:

"Tôi đứng bên chậu tùng ni, chú em chụp cho tôi một tấm làm kỷ niệm. Mấy chục năm rồi, tôi không có tấm hình nhìn cho vui. Chụp trong tiệm cũng được nhưng không hay bằng ngoài trời."

Tôi nói:

"Máy ảnh nầy không lấy liền được. Mấy ngày sau mới sang, biết bác ở đâu để đưa?"

Bác ấy vui vẻ:

"Tôi biết mà, chú đừng lo chuyện nớ, cứ cho tôi địa chỉ, tôi tới lấy. Chụp liền nghe chú, trời sắp mưa lớn rồi."

Không chờ tôi trả lời, bác sửa sang lại quần áo, đứng tựa lưng vào cái chậu khổng lồ bằng đất nung thô, vuốt tóc và râu, môi ngậm kín, đưa đôi mắt nhìn

cánh đồng nhỏ ngập nước trước cung Diên Thọ, đợi chờ. Tôi ngắm rồi bấm máy. Bác áp hai tay xuýt xoa cám ơn, rồi lấy bao thuốc rê quấn một điếu mời tôi hút, từ tốn nói:

"Chú có chắc chụp một lần là được không, nếu hư thì uổng lắm. Trong đời tôi, đông tây nam bắc đi đủ cả, rứa mà không có một tấm ảnh để lại cho con cháu mai sau. Nay được đứng dưới gốc tùng nầy thì hết ý, chú biết nếu còn vua chúa thì người dân mới đi qua cửa Thượng Tứ đã cúi mặt xuống, không dám nhìn vào, dễ dầu chi đến được đây, đừng nói đến chuyện hình với ảnh. Năm nay tôi đã sáu mươi hai tuổi rồi, năm Ất Dậu, tôi mới mười bốn tuổi, chú biết không, có một lần tôi liều lọt vào được Thành Nội. Úi chà, tôi đi quanh suốt một ngày nhìn ngắm cảnh đã mắt lắm, chỗ mô cũng có bóng mát, vườn nhà mô cũng có bông mẩu đơn, ngâu, nhãn dọc đường tha hồ trèo hái ăn. Thôi, nhắc chi chuyện cũ nớ, rứa chú ở mô đến mà có máy ảnh? du học Đông Âu về à?"

Tôi trả lời:

"Thưa bác, tôi ở Saigon ra."

"Công tác hả chú?"

"Không, ra thăm thôi."

"Ờ, chú xa lâu chưa, chú thấy Huế có chi khác xưa?"

"Dạ khác lắm, tôi đi cũng mười chín năm mới về, nay tưởng như chưa đến Huế lần nào, lạ lắm, không hế nào ngờ được. Thế bác ở đây chứ?" "Chà, đi mô mà lâu rứa chú, không có bà con họ hàng đây hả. Còn tôi mấy đời ở đây rồi, hồi trai trẻ bay nhảy cho bưa, nay lại về cội, chờ ngày gặp mặt tổ tiên. À, chú nè, tôi có mớ quạt đây, tặng chú một cái làm kỷ niệm nghe."

Nói xong, bác lấy trong xách vải ra một đống quạt giấy đủ màu, cái nào cũng vẽ màu sắc sặc sỡ cảnh sông Hương núi Ngự, chùa Thiên Mụ, cửa Ngọ Môn, Lăng tẩm. Tôi hỏi:

"Bác lấy đâu ra nhiều quạt thế?"

Bác cười vui, kéo tôi tới một mô đất ngồi, nói nhỏ vừa đủ nghe:

"Đi bán quạt kiếm ăn đây chú ơi, bán công khai cho du khách họ biết được, lập biên bản, còng tay liền. Thằng cháu ngoại tôi trước đi bán, họ bắt được tịch thu hết tiền, quạt, rồi phạt một tháng đi làm công ích, chú biết làm việc chi không, số là công an thành phố Huế có tịch thu mấy mẫu ruộng của bà Từ Cung bên An Cựu, bắt dân cày cấy để chia nhau bỏ túi, ai phạm tội nhẹ họ bắt vào các nhà xung quanh để xin phân cầu tiêu gánh ra bón lúa, chỉ tiêu một ngày ba gánh thằng cháu tôi phải gánh đủ chín chục gánh như rứa, hết lệnh phạt thì nó xáng bệnh sưng phổi, phải đi viện mất một tháng nữa, vị chi là mất hai tháng, tốn mấy chục ngàn tiền thuốc. Tôi phải bán lén lút kiểu ni, thấy ai hiền hiền thì gạ họ mua cho một vài cái, có ngày kiếm vài lon gạo, có ngày không, coi như mình đi cho khuây khỏa thôi. Chú ở xa không biết, Huế kêu trời không thấu, họ vào được, hạch xách đủ thứ, trăm dâu đổ đầu tằm, coi dân Huế còn tệ hơn rơm rác, nào là tàn dư chế độ cũ, nào đất dung thân của đĩ điếm, nào nơi xuất phát mê tín dị đoan, lôi kéo đà tiến hóa dân tộc lùi lại phía sau, họ nói như sanh như sứa cả hàng chục năm nay. Thôi thì tù tội, đọa đày, trên đe dưới búa bầm dập như tử. Chú về đây ở lại mấy hôm thì biết liền. Lòng dạ họ hẹp hòi như con ốc sên."

Tôi an ủi bác:

ĐỖ THÌ KÊNH G

TRĂNG LẠNH

Trăng lạnh ngủ trên cao
Ông nghè kéo thuốc lào
Phà khói lên trên ấy
Mây thuốc lào thơm sao.
*
Trăng lạnh thức đồng xa
Sương trinh nữ la đà
Nụ sen thèn thẹn nở
Trăng ngủ trong lòng hoa.
*
Trăng lạnh ngủ trong mưa
Sư ông tạm quên chùa
Áo cà sa châm đốt
Trăng à trăng ấm chưa?
*
Trăng lạnh thức vàm sông
Cô dâu mới trốn chồng
Ngồi nựng trăng đáy nước
Trăng à nhớ em không?
*
Trăng lạnh cả một đời
Dẫu thức ngủ ven trời
Phà cho nhau hơi ấm
Bao la quá người ơi.

"Bác nói đúng lắm, mới có mấy ngày tôi hiểu rồi. Chung chung ở đâu cũng thế thôi, nếu bác vào Saigon cũng không khỏi ngạc nhiên. Đà Nẵng, Nha Trang, Đà Lạt, Cần Thơ, Mỹ Tho số phận đều như nhau, có điều Huế thảm thương hơn, vì vết chém nầy chưa lành thì họ lại hạ dao chém túi bụi vết thương khác. Không phải chỉ có cung điện này đổ nát, mà họ biết tất cả mọi nơi đều như thế."

Chúng tôi nói chuyện với nhau đến đây thì một người từ phía điện Cần Chánh lững thững đi đến, tay xách chiếc lồng chim đan bằng mây, bên trong có một con cu cườm màu lông xám tía rất đẹp. Người ấy còn xa, bác đưa tay vẫy, gọi:

"Mau tới đây anh N. ơi, có chuyện vui đây."

Đó cũng một cụ già ngoài sáu mươi, gật đầu chào tôi, rồi hỏi:

NHẤT TUẤN

THIỀN

Mỗi ngày mười giờ thiền
Trong khoảng thời gian đó
Tìm một chút bình yên
Không giận hờn thương nhớ

Mặc sóng xô ào ạt
Mặc gió giật mưa cuồng
Mặc phi lao gầm thét
Lòng thản nhiên vô cùng

Thiền chuyển máu về tim
Dứt sân si... ô trọc
Cho niềm vui dấy lên
Tiếng cười thay tiếng khóc

Xin hồi hướng tất cả
Về một người rất xa
Những ngày thần tiên đo
Của cuộc tình đã qua

Lời xin đều toại nguyện
Nhưng tại sao người ơi
Trong thiền còn ẩn hiện
Một thoáng mắt ai cười

(Truyện Chúng Mình)

"Chuyện chi vui đây anh B. bộ "trúng" phải không, tui sáng đến chừ không có một xu, con chim "nhác chơi" cứ ù lì ra, không chịu gáy."

Bác B. nhìn con chim ũ rũ trong lồng rồi nói:

"Chà, chắc lại trúng gió nữa đây, ông anh không "bồi dưỡng" cho nó, càng ngày càng ốm teo ra rứa thì lấy mô ra tiếng hót?"

Bác N. nhe răng cười vô tư:

"Người không có, lấy chi cho chim. Kệ, nó chết thì tui cũng không sống bao lâu nữa mô. Ông anh có chi vui đó?"

Bác B. quay qua nói với tôi:

"Đây là người bạn thân của tôi, ngày trước hai đứa cùng ở chung một đơn vị thuộc trung đoàn hai Hà Mã đóng bên nầy khu phi quân sự, sau nầy sáp nhập vào Sư đoàn 3, anh bạn tôi hăng lắm, xâm mình nửa đêm tự động bơi qua sông Bến Hải, tung một trái lựu đạn vào đồn công an biên phòng của Việt Cộng, rồi bơi về tỉnh bơ. Anh bạn trung sĩ, tôi trung sĩ nhất, cấp bậc thua tôi, nhưng anh bị thương nhiều hơn tôi hai vết, tôi bốn anh sáu, may mà không có chỗ hiểm. Khi chúng vào, cứ một vết bị trả giá bốn tháng năm ngày, không phải cải tạo cải túng như người khác, chỉ đi dọn dẹp lư hương, tượng Phật, tượng Chúa trong các đình, chùa, nhà thờ để cho họ làm nơi hội họp, ủy ban nhân dân hợp tác xã nông nghiệp. Hết làng nầy đến làng khác khắp huyện Hương Trà, cứ thế anh ấy đủ bảy trăm năm mươi ba ngày, còn tôi đủ năm trăm lẻ hai ngày. Lúc đầu chúng tôi nhất định cứng cổ không nghe lệnh, bảo rằng làm chi thì làm chứ tổ tiên, ông bà, Phật, Chúa là chuyện trên đầu trên cổ không dám đụng đến, bọn công an cũng nhượng bộ, tới mô thì họ tự tay dẹp hết vào cần xé, chúng tôi chỉ việc gánh đi đào hố chôn thôi, nếu chúng tôi không làm thì họ đập bể hất xuống ao hồ thêm tội. May mà hai chúng tôi ở cùng xóm, có chung một bản án, đi làm có nhau cũng vui. Nay thì cả hai đứa đều già rồi lại neo đơn, anh bạn tôi nuôi một con chim, ngày ngày xách vào đây để nó gáy cho khách du lịch nghe, mỗi lần cu gáy khách phải bỏ ra năm ngàn, mua cũng được hai ký gạo. Số tiền nầy phải đóng cho công ty ba ngàn. Nghề cho cu gáy nay cũng đăng ký lôi thôi lắm, không phải ai cũng được, ông bạn tôi phải biếu cho phụ tá giám đốc ty du lịch một con và chiếc lồng mây nữa mới được. Chú em coi, chỉ có người ngoại quốc may ra có người nghe, còn du khách mình ai mà thèm nghe cu gáy làm chi."

Bác N. cũng góp lời:

"Tiếc hè, ngày nay nó biếng ăn, không chịu hót, không thì tôi chỉ bỏ vào vài hột đậu đen là cậu nghe được một bản nhạc hay, nó hót cũng có cung nhịp, khi lên cao, khi xuống thấp, lúc thưa, lúc nhặt, ăn đứt mấy con cu của xứa Nghệ đó cậu."

"Cũng có người làm nghề nầy nữa hở bác?" Tôi hỏi.

"Ban đầu chỉ có mình tôi, sau nầy người ngoài bắt chước vào thêm có chục. Nhưng cu ngoài ấy toàn là cu ngói, không có cườm, tiếng hót khô, cái hậu không có tiếng ngân. Khi hót không đứng yên mà nhảy tứ tung."

Thấy mây ùn ùn kéo đến, bác B. nói:

"Mây như ri thì trời lụt mất, lại khổ nữa, này chú em, luôn đây chú chụp cho anh bạn tôi một tấm ảnh làm kỷ niệm nghe."

Cũng như lần trước, không chờ tôi trả lời, bác vội vã kéo người bạn đến gần, lần nầy lại đứng ngay trước hòn non bộ, tự tay sửa lại quần áo cho bạn, cầm tay bạn choàng qua cổ mình, tay còn lại cầm chiếc lồng chim cho nằm ở giữa hai người. Tôi ngắm cho toàn cảnh vào ống kính rồi bấm máy. Xong, tôi xin địa chỉ khi sang ảnh xong sẽ mang đến. Hai bác nhìn tôi như muốn nói thêm điều gì để cám ơn, nhưng không tìm ra lời.

Chiều tà trong hoàng cung hoang phế đã buồn, những đám mây nặng chĩu sà xuống phả lên cảnh vật một màu tím bầm càng buồn thêm. Tôi bước nhanh qua điện Càn Thành, đứng trên thềm cao, nhìn hồ vọng nguyệt bao quanh cung Khâm Thái nơi hoàng hậu ở ngày trước, nay chỉ còn những cây cổ thụ cành lá xơ xác, thân cây bị dây chìu, bòng bong, bìm bìm quấn leo tận ngọn. Chim cưỡng, ắc là, bị gió thổi tung ra khỏi cành cây, chao cánh liện nhiều vòng, rồi lại chúi xuống một cành thấp hơn. Ếch nhái, ễnh ương, côn trùng thi nhau kêu rầu rĩ. Mặt nước hồ xanh thẫm

như có nhuộm phẩm màu đặc quánh làm cho những nhóm lục bình co cụm lại, đứng yên, hoa lục bình lúc tàn phai điệp màu với lá vàng, rơi xuống, bị gió và sóng đuổi chạy vòng quanh trên mặt hồ.

Khi tôi đặt chân đến cung Diên Thọ thì trời đổ mưa. Chỉ trong chốc lát cả hoàng thành chìm trong màn trắng xóa. Đây là nơi còn sót lại một chút trang nghiêm cuối cùng của một triều đại bị cuốn trôi nhạt nhẽo trên dòng lịch sử. Dưới thềm hoang, có ai đã lật được những tảng đá xanh khổng lồ để mang đi đâu đó, còn lại mấy ô đất trống cỏ dại và hoa vạn thọ mọc chen chúc bên nhau.

Tôi đứng lặng nghe mưa rơi ào ào dội xuống mặt đất, lòng bồi hồi nghĩ đến sự đời. Mấy ngàn năm trước cỏ và hoa dại vẫn mọc quanh đây. Mấy trăm năm qua nhường chỗ cho những loài hoa đài các phô bày hương sắc. Nhưng mưa vẫn thế. Cái tưởng chừng như thiên thu vạn tuế chỉ thoáng qua trong nháy mắt. Mới ngày nào nàng thục nữ đất Gò Công ngồi giữa chốn lầu son gác tía nẫy để nhặt từng hạt lúa giống cho cha — Quân Khâm Thiên Giám Phạm Đăng Hưng — bỏ vào bị mang đến phát cho nông dân gieo vãi mùa màng tránh họa cơ hàn. Cũng mới ngày nào, chính nàng thục nữ ấy khi đã da mồi tóc bạc, ngồi trên ghế tràng kỹ khảm xà cừ xem tuồng cổ "Phàn Lê Hoa tru huynh sát phụ" lòng không nguôi xót xa vì nhân nghĩa không còn. Ôi, cái roi ngày xưa Thái hậu Từ Dũ răn dạy Tự Đức ham vui quên lo việc nước nay đâu. Chiếc lồng ấp nhóm đốm than hồng cho vua còn phân phát hơi ấm trong đêm ba mươi trừ tịch nay đâu...

Còn chăng, tiếng cô gái ngày nào theo cha bủa lưới giăng câu trên phá Tam Giang, chán ngán cuộc đời chân lấm tay bùn bỏ đi làm du kích, mang súng Tiệp Khắc lùng sục từng nhà thu gạo nuôi quân, nay về phục vụ trong ngành du lịch, từ chiếc máy cassette thu băng sẵn, phát ra rè rè: "Thưa quý khách thập phương, nơi đây, đã trải qua nhiều năm tháng, những bà thái hậu ngồi ung dung sau rèm nhung chỉ đạo cho thiếu quân mưu mô bóc lột tàn tệ nhân dân ta. Một trang sử u ám, sâu mọt của chế độ phong kiến lỗi thời đã giở qua. Các vị đến đây, hẳn không phải để tìm kiếm nhìn thấy một chiếc trâm ngà voi nạm ngọc trai, một đôi hài, một dải yếm đào, một bộ bình trà đời nhà Minh hay cái ống nhổ bằng vàng ròng rập khuôn y như của Từ Hy Thái Hậu... Nhưng quý vị sẽ nhìn thấy, trong cái tàn rụi nẫy lộc non đang nhú lên, đêm mịt mùng qua và bình minh xã hội mới đang lên sáng ngời chân lý"!?

Trời ngớt mưa, tôi vòng qua cửa Hiển Nhơn về Thái Miếu, ghé qua Thế Miếu, nhìn cửu đỉnh đứng câm nín trong màn sương hoàng hôn mờ nhạt. Hơn một trăm năm mươi bức phù điêu sông núi, nhật nguyệt, chim muông cỏ hoa, ngày nào còn bóng loáng biểu tượng cho một vương triều vạn thọ vô cương, nay bùn bụi bám đầy, cái sức nặng hơn hai mươi tấn của chín đỉnh còn nhẹ hơn một tạ sấn lát phơi khô nhiều!

Và,

Còn gì nữa, xin hỏi hàng cây
lá rụng, gươm cùn, lòng xơ xác
chờ mảnh trăng lên tìm bia đá bên đường
hồn cửu đỉnh đã bao lần rướm máu
cuội đá làm sao ngửa mặt kêu trời
ta về, đứng lặng dưới thành quách
nhìn sen thoi thóp nở, nhớ người.

Midway City 9/94

Lá lành đùm lá rách...

Từ tháng 1/93 đến nay, với sự yểm trợ nhiệt tình của hàng ngàn thân hữu hảo tâm khắp nơi hội thiện nguyện SAP-VN đã:

- **Bảo trợ giải phẫu chỉnh hình cho 50 trẻ em khuyết tật thuộc gia đình nghèo khó ở các tỉnh lỵ;**
- **Bảo trợ chi phí phẫu thuật vá môi cho gần 200 trẻ em kém may mắn ở Kiên Giang, Phan Thiết...;**
- **Cung cấp dược phẩm và y cụ cho chương trình khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí; phục vụ cho hơn 1.000 đồng bào nghèo khó mỗi tháng;**
- **Hỗ trợ cho 5 Lớp học Tình thương; phát 65 học bổng cho sinh viên, học sinh nghèo hiếu học;**
- **Ủy lạo đồng bào nghèo và nạn nhân thiên tai, bão lụt ở Cần giờ, Kiên Giang, Phú Yên...**

* Mọi sự trợ giúp đều được phân phối trực tiếp bởi các thành viên và thân hữu của SAP-VN.
** Tin tức sinh hoạt SAP-VN được đăng tải trên Bản tin Green Cross, phát hành miễn phí vào mỗi đầu tam cá nguyệt.

SAP-VN Is A Non-profit, Non-governmental Humanitarian Relief Oraganization. It Was Founded In 1992 By A Group Of Young Professionals And Students In California.

SAP-VN Sole Mission Is To Provide Free Medical, Educational And Welfare Services To The Less Fortunate People In Vietnam, Especially Handicapped Children. All Helps Are Directed To The Needy By SAP-VN's Members, And Friends In Vietnam. Contributions Are Tax-deductible. For More Information Please Contact SAP-VN Office.

Thư từ liên lạc và chi phiếu ủng hộ xin gửi về:

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM
SAP-VN

10608 Garden Grove Blvd.
Garden Grove, California 92643
Phone (714) 537-4877 & 636-2959
Fax (714) 379-1214 & 636-2959

Bạn, muốn hàn gắn những vết thương nhân loại, hãy đến với

DÒNG TRUYỀN GIÁO NGÔI LỜI

Các linh mục và tu sĩ Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện đang phục vụ tại hơn 59 quốc gia, trong nhiều lãnh vực như giáo dục, kỹ nghệ, y tế, canh nông..... đặc biệt tại những đệ tam quốc gia hay những nơi còn chậm tiến.

Là một tập thể Công Giáo gồm 5,700 thành viên thuộc nhiều sắc tộc trên thế giới, Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện có 2 cơ sở trên toàn nước Mỹ, cung cấp các chương trình tìm hiểu và giáo dục, đào tạo các linh mục và tu sĩ cho cánh đồng truyền giáo:

* Divine Word College Seminary ở Epworth, Iowa là một đại chủng viện với chương trình học 4 năm giúp việc huấn luyện các chủng sinh trở thành những nhà truyền giáo trong tương lai.

* Associate Program là chương trình một năm dành cho những thỉnh sinh đã tốt nghiệp đại học, tới tìm hiểu Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời.

Để biết rõ hơn về Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời, bạn hãy liên lạc với:

Rev. Giuse Đặng Xuân Oánh, SVD
Divine Word Missionaries
P.O. Box 380
Epworth, Iowa 52045-0380
TEL: 1-800-553-3321

THẾ KỶ 21
The 21st Century

NEWS • TECHNOLOGY
• ARTS & LETTERS
A source for Vietnamese studies

PUBLISHER,
ENGLISH SECTION
EDITOR
Le Dinh Dieu

EDITOR
Vuong Huu Bot
(Do Quy Toan)

MANAGING EDITOR
Nguyen Xuan Hoang

OFFICE MANAGER
(Administration, Circulation & Advertising)
Vu Duy Tu

ADVISORS & CONTRIBUTORS
Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Do Ngoc Yen • Hoang Ngoc Tue • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Nguyen Thien Co • Phan Huy Dat • Phan Ly • Ruth Talovich.

THE KỶ 21 (The 21st Century) is published monthly in Westminster, California, USA, and distributed worldwide. Subscription rates: inside the US $28.00 a year (bulk rate), $43.00 a year (first class); outside the US: see subscription form printed inside. Send check/money order, inquiries and all mail to:

Thế Kỷ 21
11022 ACACIA PKWY #A
GARDEN GROVE
CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510
FAX (714) 638-1944

ISSN 1056-4640

COMING TO NORTH AMERICA

H. MERRILL JACKSON

When Mrs. Abbot talked to me about writing something for you, I thought about how alike we are. We are so much so! We have so much in common. We grew up in Việtnam, but we came to America. We have divided identities — Vietnamese and American — and we have problems over here. (I have had a lot of them).

I am an American professor in Detroit (soon to retire in Hutchinson, Kansas), but I was born in Việtnam. My parents went to Việtnam when they were young, and they stayed for 45 years. I was born in Cầnthơ on the delta; later we lived in Sàigòn (now Hồ Chí Minh city), and my sister was born in Chợ Lớn. Then we moved to Đàlạt. That's where we went to school. My parents had two furloughs to the U.S. — when I was a baby and a child — but I did not come to the States really until I was 19 years old.

I think very often of Việtnam, and my reminiscences are sweet — I feel very nostalgic. Especially I miss and yearn for the rice fields, the banana groves and country villages, having tea with friends when you go visiting. I miss all the people I knew. But yet I am American, and proud of that too. My first language was Vietnamese — my care-taker was a young Vietnamese woman — but now my main language is English, and I have forgotten a lot of my Vietnamese for lack of practice and use. What a pity! Oh, I forgot to say I miss the food so much, especially things like bánh tráng and chả giò. But you see I belong to the United States too, and I am attached to many things here — the countryside, the great mountains and beautiful lakes, the opportunity for education, baseball and apple pie. And I have very good North American friends — I would miss them so much if I went back to Việtnam.

I wanted to come to the U.S. — to see my parents' country (I thought then that it was mine too), to enjoy all the good things I had heard about, and I think especially to go to an American college, which I was very romantic about. But I knew no customs over here. I was entirely green. I think you knew more about American ways than I did because after all Việtnam became greatly Westernized, even Americanized, since my day (I was there in the French period). So you were accustomed to many American customs before you came over. But I knew nothing. What made things worse in my coming into the country was that I had a white face and spoke perfect English (I went to a North American mission school in Dàlạt); so no one would believe that I did not know the customs and so would not help me. They thought I was joking, for example, when I asked for the subway. You see, the way to find the subway or recognize a subway entrance is very obvious in New York City, to a native American; so they thought I was "putting them on", I suppose. I became ashamed for asking, and then confused and frustrated. Some days I was discouraged and disheartened — and sort of lost.

When I went to college I had the good fortune that a cousin of mine was also attending. She coached me in American ways. I followed her and imitated her — even in the cafeteria line. And this way I learned many things and was able to avoid many embarrassements. And making a date with a girl? Ah, that was hard to learn since the girl does not say clearly if she does not want to go out with the young man. She says she is busy, perhaps. I wondered if I should ask for a different time to meet her. I tried that, and again there is a general and rather vague answer. But all this is even harder when it is by telephone. My cousin had me practice on her. I would call her, and if I made some boner she would hang up on me.

DAM MY-LINH

AMERICA

America, land of banners and stars
From afar, with Hope the light in their hearts
America, in God she trusts,
and thus makes Love her glory

America, let Freedom ring
And afford all Great Liberty
A land of Hope, of Dreams, of Spirits Free
That, is America.

AMERICA GOES TO WAR

The World War
D-day, D-day, D-day
The day, the day, the day
America lost its innocence
On the shore of Normandy

Viet Nam
From so far, so far away
Came pictures of a bloody day
Redness, Madness, Badness
But a hammer cannot kill a fly

U.S.-Iraq War
Sand crushed by tanks
Stank of army oil
What's that above?
Planes make rain with awesome bullets
Blessed land, promise land, promises are made for tomorrow
So today let the sand burn under the sun.

I would call her back and ask what I did wrong!

So where do we belong? Here in America, or there in Việtnam? Well, I think both places. It is not either/or. We are marginal people. That means not in the center of a culture. We are not in the center of Vietnamese culture, and we are not in the center of American culture. We do not fully and totally fit the norm in either one, not all the way. We are not completely average in either one. We are on the margin, on the edge, in both. Nothing wrong with that. You get used to it, and there are advantages and beautiful things about it. You become a more full person, one more understanding of all human beings. We know a lot about the human condition. And we can see things from more than one point of view.

Fine and dandy... but we still want to *belong* somewhere, really truly *belong*! We are looking for so many things. We are looking for a new family, one who truly loves us. And a new community. And a new country which we can feel loyal to and patriotic about. A homeland too we want. It is all very confusing and very difficult. Unfortunately, perhaps, a lot of the solving of this awful problem falls to us ourselves. *We* are the ones who have to deal with it all;

nothing satisfactory will happen without *our own work* on it all. There are good Americans and Canadians around us. Learn to recognize them when you see them. Keep alert, keep on the look-up for the good ones. That is a big step in the right direction. Don't judge all by the callous actions toward you of a few. Unfortunately you will have bad experiences too with North Americans. Learn to recognize the ones who will try to understand you, the ones who can help, the ones who mean you well. Overcome being hurt by the other ones.

In the end, you see, you have to stop just seeking — for the perfect home, for the land of your dreams, for a place who will ask you to belong. You have to stop this kind of seeking, and *decide* yourself about it all. *Decide* to make it your home, and look for people to help you do that. Try to find the Americans who try to see what you feel and what you need, find the good-hearted ones. Attract people to you. Be open to love.

Next, please try to distinguish your dreams from realistic expectations. It is all right to dream — about what America could or should give you, should mean to you. Dream yes, but not to the point where you are not making realistic judgments and assessments. You have to assess situations and people and the American potential for you in order to function. Put the functioning first, at least in early stages. We have to learn to get by, to make it. No one will do it for us. We have to bracket dreams to the extent necessary to carry on well. It is terribly important to make real down-to-earth friends with Amerricans, not half-imaginary friends. Don't live all the way in your head or in your heart. I mean in your yearnings. Don't forget your yearnings, but mix them with reality. There *are* things you can realistically expect — you can find out what they are. Be alert, notice in what situations people are kind, what sort of things they are willing to do for you, and so on. And don't ask repeatedly for things you will be refused and thus build up your disappointments and your resentment and eventually your bitterness or confusion. Learn what you can expect.

As I mentioned above, there are good Americans, and you can learn to recognize them. But even them you have to help. You have to help them know you and understand you. You need to show them what it is you truly need and want. They *don't* automatically know.

Well, we are Americans, all right. But Americans with special problems. But America is plenty wide enough for all of us too. There are, after all, many kinds of Americans. It can accomodate us too. We are part of it all, we do in fact belong. And we have something to offer too. We may be hurt, confused sometimes, upset at times, but very real. We are so real. What we have gone through has made us something special too. We are interesting people, and worth knowing. Also very human. We can contribute to this vast American experiment. We have much to give. Remember that. We need America, but she needs us too.

I remember so well, when I was much younger, how thrilled and challenged I was when I heard Senator Kennedy on his tour campaigning to win the election to become President of the United States. In Ann Arbor, Michigan, where I was going to school, he gave his famous speech which really launched the Peace Corps — made it a real possibility. He said, "Don't ask what your country can do for you, ask what you can do for your country." (That's a paraphrase). And we do indeed have things we can do for our country. We are people who are making our future — we are adjusting, struggling, making our future. And part of making ourselves happy here in America is contributing to it all here. Look around you and see what you can give, see what you can add, see how you can help out.

I will end my chat with you with telling you about my first day in America. Remember that I knew no North American customs. I was walking and walking in New York City. So much to see, so much new. I eventually was thirsty and stopped at a short-order shop to get some water. After I drank it I asked the lady the price: drinking water was then more expensive in Việtnam than cheap rice alcohol, in France it was more expensive than red wine. It never came in my mind that it could be free! The girl at the counter said, "Cut it out, I'm busy today." I later understood she thought I was trying to pick her up, since obviously everyone knows about water — there is no charge. But I just didn't know at all what was going on. I only knew I had made a social blunder.

I tried and tried to find out the price of water without asking the attendant again. What should I do? Who should I ask? Of course not another woman; the same embarassment would be there. Not a young man, he could mock me. An older woman? No, perhaps it would embarrass her: after all I didn't know *what* I had done wrong. I decided an older man would be right. I approached him and asked the price of water, and quickly added, before he could answer and perhaps quickly get rid of me, that I had just arrived from the Far East where I had always lived and that *truly* I did not know the price. I was out of breath saying all that quickly before he could reject me.

The expression on his face changed as he took the situation and circumstances in. He straightened up, and replied slowly, "Young man, in these United States of America, we do not *charge* for water." I could see that he was very proud. That was my first day in America. My great journey of discovery had started.

Các em thân mến, I wish you the best on your journey in America.■

H.Merrill Jackson

VAALA CELEBRATES NEW "HOME" IN GARDEN GROVE

Garden Grove mayor pro-tem Mark Leyes joined Professor Mary Kay Crouch of CSUF at noon Sunday, October 23, to start a day-long celebration of the new office of the Vietnamese American Arts and Letters Association (VAALA), on Acacia Parkway, at Main Street.

Dozens of guests joined VAALA staff and members to enjoy the autumnal sunshine outside before coming into the 1,200-square-foot multi-purpose room for the opening ceremony.

In the name of VAALA, Dieu D. Le, president, welcomed guests and outlined the association's goals and activities.

Founded in 1991, VAALA has proved itself instrumental in serving Vietnamese and American artists and wiriters, as well as the community, by organizing fine art exhibits, musical performances and literary symposia.

It also has cooperated with other groups or institutions to offer cultural programs, with a view to building a bridge of communion between ethnic groups and groups of different cultural heritages in order to enrich and embellish the community.

VAALA is a non-profit organization, and it has been suported by individuals and groups, especially the Nguoi Viet Daily News which granted it the free use of a room in the newspaper's building on Moran Street in Westminster, for over three years.

In moving to Garden Grove, VAALA plans to have various activities in visual arts, performing arts and literature. The plans include art exhibits, concerts, recitals, literary discussions. A book store and coffee hours are parts of the plans.

Professor Crouch, who is also chairperson of VAALA Advisory Board, gave a few remarks concerning the need for VAALA in the building of mutual understanding and promoting cultural values of Vietnamese and Americans.

She praised the efforts of aritists, writers, journalists and professionals, who have devoted their time and energy to keep the association running, and she expressed the hope that everybody will help VAALA to grow.

Mark Leyes, in the name of the city of Garden Grove, welcomed VAALA and presented it with a plaque as a token of friendship and cooperation.

Among the distinguished guests were councilmen Robert Dinsen, Bruce Broadwater, professors Jane Welgan, Marguerite Bonous-Hammarth (UCI Extension), Anne Frank (UCI Library, SEA Archives), Michael Reinschmidt (CSUF), members of the Vietnamese and American press. Also present were famous artists and writers such as Mai Thao, Khanh Truong, Hoang Khoi Phong, Do Ngoc Yen, Le Phuc, and others.

The program of the day included an exhibit showing paintings, photographs and sculptures of Ann Phong, Nguyen Thi Hop, Nguyen Dong, Suzie Vuong, Le Chi, Tuan Nguyen, Khuong Tieu, Pham Bach Phi, Le Thuy, Duyen Ha and others.

A meeting of the first Vietnamese ensemble under the direction of Mr. Le Van Khoa highlighting young musicians coming from Los Angeles, Orange Counties and other places.

Professor Mary Kay Crouch (CSUF) in Vietnamese "ao dai," and Mayor pro-tem Mark Leyes, cut the ribbon to start the day-long celebration of VAALA new office in Garder Grove, October 23.

Former communist re-education camp detainees presented a program of songs they wrote while in prisons in Vietnam after the fall of Saigon in 1975.

Le Quang Anh spoke on writing music for the American market, and there was an hour of songs performed by vocalists Bich Lien, Thien Thanh and others, both amateur and professional.

A door-prize raffle ended the day-long event at 10:30 p.m., and VAALA received contributions and donations for its operations and activities.

For further information, call VAALA at (714) 537-8352.■

CSUF JOINS "PROJECT 20," PLANS SEVERAL EVENTS IN 1995

On October 23rd, 1994, at VAALA gallery on Acacia Parkway, Garden Grove, conductor Le Van Khoa, "Project 20" coordinator presided over the first meeting of a newly established Vietnamese ensemble.

"The year 1995 marks the twentieth anniversary of the arrival of Southeast Asian refugees in the United States. In celebration of the freedom, impact and contributions of Southeast Asians in America, communities, orgnizations and institutions in venues across the nation will sponsor a wide range of cultural and educational activities." Dr. Elizabeth W. Mechling, dean of CSUF School of Communications, writes in a letter to the CSUF campus community, in September 1994.

On October 26, in the dean's conference room, Dr. Mechling convened a meeting, with the presence of deans and professors of schools of Communications, Education, and Anthropology, representative of Vietnamese students and "Project 20," to announce a calendar for the "season of affirmation."

The one-year "Project 20"

"Project 20" (a volunteer group based in Little Saigon) is responsible for initiating and coordinating the anniversary celebration. This project brings together representatives of the Vietnamese American Arts and Letters Association, CSUF's School of Communinications, CSUF's Extended Education, UC Irvine's Extended Education, the Pacific Symphony Orchestra, CSUF's proposed Southeast Asian Institute, the East-West Center Alumni Association of Southern California, the Asia Society and others in developing projects and activities commemorating this significant event.

The "Project 20" plan, which is billed as a "season of affirmation," includes events that celebrate the identity of Vietnamese Americans, their leadership, their lives here in a democracy, and their gratitude to the United States.

Choral performances, symphonic premieres, art exhibits, symposia on Vietnamese literature and mass media, as well as many other types of activities will take place locally, regionally and nationally.

The participation of CSUF

The School of Communications, in concert with "Project 20," the proposed Southeast Asian Institute and CSUF Extended Education, will sponsor several commemorative activities. Central to its plan is a series of symposia in March and April 1995, acknowledging and examining the influence that the continuing and sustained presence of Southeast Asians has had on American traditions, values and institutions.

The series is titled "Refugees in America: The First Twenty

Le Van Khoa, Vice-President of Vietnamese American Arts and Letters Association, and Bach Thu Ha, Chairperson of VAALA Fund-raising Committee, prepared to cut the "inauguration cake" to celebrate the new "home" of tha Association where administrative works of "Project 20" will be carried out. VAALA sponsors "Project 20" in administration.

Years." Panelists, speakers and discussants will be drawn from both the University and the community it serves. Special effort will be made to include participants from nearby Southeast Asian communities. Each sumposium will be open to the public and will be followed by a reception sponsored by individuals, groups or organizations.

The School of Communications has secured external funding to support this project. Nguoi Viet Daily News, the largest Vietnamese language newspaper outside of Vietnam, has donated $10,000 to the funds of CSUF's proposed Southeast Asian Institute.

A variety of activities

The School of Humanities and Social Sciences has made introductory steps for a cultural exhibit, entitled "The Cultural Heritage of the Vietnamese People," in the Anthropology Museum. A section of this exhibit will be devoted to artifacts produced by so-called "re-education detainees" (communist political prisoners since the fall of Saigon).

A co-sponsored juried presentation of photographs taken by Vietnamese and American photojournalists is scheduled to open along with the opening ceremony of the first symposium, on March 17, "Southeast Asian Refugees in Orange County," and "Refugee Life in Orange County, The First 20 Year." CSUF President Milton Gordon will preside over this ceremony.

The School of Human Development and Community Service is in the process of identifying specific connections between community service issues and this project.

The School of the Arts will sponsor an art exhibit that will be coordinated with the presentation of the second symposium, on April 4, "Where Culture Connects."

On April 19, the third symposium will focus on mass media: "Media Coverage in the Aftermath of the Vietnam War" having a panel of journalists to discuss how coverage of wars and conflicts has changed since Vietnam. The topic "Covering Southeast Asian Communities" will discuss how regional media cover ethnic communities, with the participation of specialists in the area, Vietnamese journalists and community members.

Additional corollary activities and events are also planned. The CSUF Vietnamese Student Association will host a Vietnamese cultural night, on March 10, with buffet dinner, traditional and contemporary musical performances. The keynote speaker for the night will be Kieu Chinh, a Vietnamese movie star.

A dinner in Little Saigon for symposium participants and selected members of the University and Southeast Asian communities, hosted by CSUF Extended Education and Project 20, will conclude the semester-long events surrounding the celebration of "The First Twenty Years."■

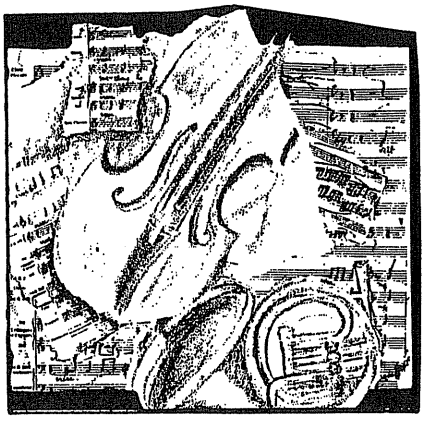

KHI QUÝ VỊ VÀ GIA ĐÌNH CẦN ĐẾN DỊCH VỤ

NHA KHOA

Xin Nhớ Tới

Bác Sĩ Nha Khoa **PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.**

Bác Sĩ Nha Khoa **DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.**

Tài liệu Nha Khoa do Bác Sĩ Phương Lan biên soạn mến tặng quý vị ghé thăm văn phòng.

CHUYÊN VỀ:

NHA KHOA TỔNG QUÁT:

- Chữa bệnh nướu răng, răng bị chảy máu, đánh răng trắng, lấy gân máu, nhổ răng, làm răng giả các loại.

NHA KHOA THẨM MỸ:

- Vá răng sứt mẻ, làm khít răng thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi màu thành trắng đẹp, niềng răng.

NHA KHOA NHI ĐỒNG:

- Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên.

WESTMINSTER
và các khu lân cận
(714) 893-6768
14044 Magnolia St., # 125
Westminster, CA 92683
(Góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Quý vị ở Long Beach xin mời đến
ANAHEIM DENTISTRY
(310) 491-5529
906 E. Anaheim St.,
Long Beach, CA 90813
(Đối diện Phở 79, cạnh Food To Go Sáu Voi)

TRONG CÕI RIÊNG BUỒN THẤY LẠI TA

HOÀNG KHỞI PHONG

Tặng Võ Phiến

Đi vắng từ xa trở lại nhà
Bộ đồ cũ mặc ấm trà pha
Tựa lưng vào vách tường thân thuộc
Trong cõi riêng buồn thấy lại ta

Mai Thảo

1 - Con đường đầy những cây *"palm"* cao vút, mọc rải rác chen kẽ với những cây *"jacaranda"* đầy hoa tím của mùa hè. Đối với người Mỹ, những cây palm này là dấu tích của sa mạc vài trăm năm trước, còn tồn tại khi thành phố của thiên thần (Los Angeles) chưa được người da trắng dựng lên cách đây hơn hai thế kỉ.

Đối với người Việt chúng ta thì những hàng cây jacaranda lại giống như những cây phượng vĩ báo hiệu cho một mùa hè đang tới. Chỉ khác một điều những cây phượng vùng nhiệt đới cho chúng ta những vầng hoa đỏ như những vũng máu trên nền trời xanh, còn hoa jacaranda nơi vùng ôn đới ở đây là những tảng hoa bèo mầu tím, mọc lơ lửng trên không trung. Trong tiếng Việt chúng ta không có danh từ để dịch chữ jacaranda này, nhưng nhiều người trong chúng ta gọi cây này là cây *"phượng tím"*. Riêng cây palm trong tiếng Việt chúng ta gọi là cây cọ. Đó là một loại cây khá giống như cây dừa, chỉ có một điều khác biệt là thân nó cao hơn và trái mọc thành chùm chi chít, nhỏ như những trái cau bị đẹt không ăn được.

Những tảng hoa *"phượng tím"* khiến những con người ly hương như chúng ta bâng khuâng mỗi buổi chiều, và những cây cọ gợi cho chúng ta những khu rừng dừa ven biển, một vùng biển mà chúng ta đã phải bỏ mà đi thắm thoắt đã hai mươi năm ròng rã. Con đường nhỏ nằm kế cận một thung lũng hẹp, khiến cho toàn bộ khu vực đột nhiên như nằm lọt hẳn ra ngoài cái ồn ào của thành phố Los Angeles, chỉ còn liên hệ với thành phố này bởi những cây cọ và những tàng hoa *"phượng tím - jacaranda"*. Đó là nơi trú ngụ hiện nay của Võ Phiến. Đó là nơi nhà văn của chúng ta dàn trải phần thể xác của ông. Còn phần tâm hồn của ông, hình như vẫn lẩn quất nơi những rừng dừa Bồng Sơn, Bình Định, nơi những điệu hát *"bài chòi"* Phù Mỹ, Tam Quan.

Cách đây vài năm, khi ông đi giải phẫu thông tim lần thứ hai trở về. Sau cuộc giải phẫu, một số bạn văn xúm xít đến thăm ông, ngồi chật một nhà. Hiện nay Võ Phiến đã về hưu, ông có một giang sơn rộng hơn căn gác của Mai Thảo. Võ Phiến có một căn nhà ba phòng ngủ. Ông giữ được thói quen của người Việt, không dùng nhà để xe và do đó ông đã biến nó thành một căn nhà phụ thuộc như một cái thư viện bỏ túi. Ở đây ông đọc sách, viết văn, tiếp các thân hữu đến thăm và cũng là nơi ông nằm lơ mơ trong những trưa hè.

Trong những giấc ngủ chập chờn này, dường như ông không phân biệt được đâu là tiếng chim cu đang gù mái của vùng Bình Định, Gò Vấp trong thời quá khứ, và đâu là tiếng của những con chim *"dove"* Hạ Uy Di, cục mịch mà dạn dĩ, hay là tiếng của hàng trăm loại chim may mắn sinh sống trong vùng đất thiên nhiên đãi ngộ mọi loài sinh vật này. Ông đã bước vào tuổi bẩy mươi, với một đời sống thật nhiều biến động. Giang sơn của ông tuy lớn hơn căn phòng của nhà văn Mai Thảo, song dẫu sao nó cũng chỉ là một căn nhà trong triệu triệu căn nhà của thành phố Thiên Thần này, do đó nó là một khoảnh riêng tư thật nhỏ. Nhưng thần trí ông thì đi tới cõi mịt mùng. Cái mà người xưa đã nói ngắn và gọn: *"tiềm thức mênh mang, thùy năng câu thúc"* cho phép ông sống hai cuộc đời trong một con người.

Hiện tại trong ngôi nhà này, ông là một công chức hồi hưu, sáng sáng dậy sớm, pha một tách trà nhâm nhi trong khi chờ bà vợ làm sẵn thức ăn cho buổi sáng và buổi trưa, kế đó ông chờ bà trang điểm qua loa để sửa soạn cho một ngày làm việc nơi công sở. Khi ông vừa cạn tách trà thì cũng là lúc bà vợ đã sẵn sàng ra xe. Ông lái xe đưa vợ đi làm, bởi vì bà vẫn chưa đến tuổi hưu trí, vẫn một ngày tám giờ trong công sở, làm những công việc quen thuộc đến độ nhàm chán trong suốt mười lăm năm liền. Khoảng tám giờ hơn, ông trở lại nhà, nằm lơ mơ dưới bóng mát của những cái cây do chính tay ông trồng. Căn nhà hai vợ chồng ông mua đã được 14 năm, cách đây vài năm ông nới rộng ra vì tin rằng căn nhà thôi không còn quạnh quẽ với hai vợ chồng già. Hai người con trai ông không di tản năm 1975 cùng với vợ chồng ông, vì cả hai là những quân y sĩ không đành lòng bỏ mặc các thương binh trong những giây phút cuối cùng của trận chiến. Hai người con ông đã vắng mặt trong đời sống ông nhiều năm, sau cùng cũng bỏ được nơi phải bỏ, đến được nơi phải đến.

Ông tin tưởng rằng ít nhất cũng phải có một trong hai gia đình người con sẽ ở với ông. Hàng ngày ông cháu sẽ hủ hỉ, mẹ con sẽ hàn

huyên cho bõ mười bẩy năm xa cách. Các con và cháu ông tới Mỹ đầy đủ, nhưng hoàn cảnh không cho phép cùng trú ngụ dưới một mái nhà, bởi vì các con ông phải trú ngụ ở một nơi nào đó thuận tiện cho việc học lại ngành y của họ. Thành thử hiện nay vẫn chỉ là hai vợ chồng già, một căn nhà rộng mông mênh, một khoảnh vườn hẹp mà trong đó chen chúc với những cây cỏ có sẵn trong vườn như đào, mận, chanh, cam bây giờ chen kẽ cùng hàng chục loại cây của vùng nhiệt đới. Những cây ổi, hồng dòn, mãng cầu, táo tầu... và hàng chục loại gia vị khác như ớt chỉ thiên, hành lá, sả, húng, rau má, rau dấp, rau muống, mồng tơi... do chính tay vợ chồng ông trồng trong những ngày nhàn rỗi.

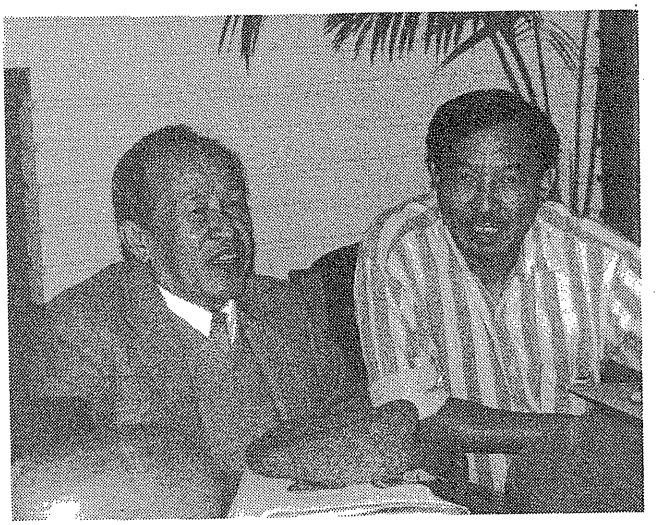

Võ Phiến và Hoàng Khởi Phong

Mỗi buổi sáng khi đã đưa bà vợ đến sở trở về, ông thường nằm nơi cái võng trong vườn. Ở đó ông lơ mơ nửa thức nửa ngủ. Có lúc ông nghĩ không ra ông đang ở đâu? Thần trí ông có khi lui về quá khứ mấy chục năm. Ông tiếp tôi nơi một cái bàn nhỏ kê dưới một khóm trúc um tùm. Bằng một giọng nói đặc biệt của vùng Bình Định, nhà văn Võ Phiến lùi về tuổi thơ của ông... Năm đó ông bẩy tuổi và được nhìn thấy cha ông lần đầu....Giọng ông sũng những thương nhớ, bùi ngùi và đầy xúc động...

*

2 - Nhà văn Võ Phiến sinh ngày 20 tháng Mười năm 1925 tại làng Trà Bình, tổng Trung Bình, huyện Phù Mỹ tỉnh Bình Định. Cho tới năm bẩy tuổi Võ Phiến chưa bao giờ được biết mặt người cha. Qua những câu chuyện của người lớn, ông biết được cha ông bỏ nhà đi vô trong Nam, vào năm Võ Phiến vừa mới chào đời, với cái tên trong giấy khai sinh là Đoàn Thế Cẩn. Tới bây giờ đã nhiều năm qua đi, ông vẫn còn nhớ như in lần hội ngộ đầu tiên giữa hai cha con. Năm đó là năm 1931, ông đang theo học trong một ngôi trường ở đầu làng.

Một buổi chiều đang chơi đùa với đám bạn, bé Cẩn trông thấy một người khách đường xa ghé vào làng. Khách mặc Âu phục, đi giầy Tây nên thu hút toàn bộ tụi trẻ đang chơi đùa nghịch ngợm. Lũ trẻ ngừng chơi, đi theo ông khách, cho tới khi gặp một người lớn giữa làng mới nhận ra đó là cha của bé Cẩn.

Võ Phiến cho biết, bây giờ ông còn nhớ cảm giác của ông trong lúc cha con gặp gỡ lần đầu này cũng không có vẻ gì đặc biệt. Đó là một cảm giác vừa hãnh diện với bọn trẻ cùng chơi. Niềm hãnh diện bát nguồn từ lối ăn mặc sang cả lối thành thị của cha ông nổi bật nơi vùng quê hẻo lánh. Tuy nhiên ông nhớ rõ là ông hơi xao xuyến bồi hồi và nhiều phần bỡ ngỡ, hơn là sự đầm ấm phải có giữa hai cha con chưa hề biết mặt nhau.

Kỳ đó ông cụ thân sinh ra nhà văn Võ Phiến ở lại nhà trong một thời gian ngắn, rồi lại lên đường vào Nam lập nghiệp. Kết quả của lần về thăm nhà này là không đầy một năm sau, năm 1932 người em kế của Võ Phiến ra đời với cái tên là Đoàn Thế Hối. Chữ hối đây phải chăng là sự hối cải của bẩy năm xa nhà, bặt vô âm tín của một cây trụ chính trong gia đình.

Khi bà mẹ sanh người em kế thì ông cha trở về đón bà mẹ vào Nam, Võ Phiến ở lại quê nhà bởi vì ông đang học dở. Những tưởng rằng ông chỉ tạm xa cha mẹ một thời gian, ở lại quê nhà cùng ông chú ruột (em của ông nội). Nào ngờ mãi mấy chục năm sau mới xum họp một nhà. Sau này ông cho biết trong văn chương của ông, ông nghiệm ra một điều là ông ít nói tới tình cha, và cả tình mẹ. Mặc dù đất nước đương mắc nạn chinh chiến, nhiều nhà văn trong những lúc cận kề cái chết hay nói tới các bậc sinh thành hay những người ruột thịt thân yêu nhất. Võ Phiến cho biết trọn đời ông, ông chỉ được sống chung dưới một mái nhà với cha ông không đầy ba năm, còn với mẹ, ông cũng chỉ có không đầy mười năm gần gụi.

Trọn một thời thơ ấu của Võ Phiến nép dưới nách của bà nội. Ông nội thì mất sớm khi bà nội mới ngoài ba mươi, nhưng thời đó sự thủ tiết thờ chồng nuôi con là lẽ bình thường. Trong dòng họ của Võ Phiến người đàn ông cao niên nhất là một người em ruột của ông nội. Chính ông tổ thúc này là người chăn dắt Võ Phiến trong những năm thơ ấu. Thành thử việc dậy dỗ trong nhà là từ ông xuống cháu, từ Nho học đi trực tiếp xuống Tây học mà không có thế hệ cha chú làm chuyển tiếp.

Võ Phiến học xong bậc tiểu học, ông phải vào Qui Nhơn ở trọ khi lên trung học. Tại ngôi trường này ông gặp một ông thầy rất trẻ, chỉ hơn ông chừng dăm ba tuổi, nhưng chính ông thầy rất trẻ này đã mở cho Võ Phiến nhiều con đường trước mặt. Sau này cả hai là những người bạn văn với nhau cho tới bây giờ. Vị thầy trẻ đó bút hiệu là Lam Giang, sau này là bạn văn khá thân với Hà Thượng Nhân và Ký Giả Lô Răng. Năm 1938 Võ Phiến ra trọ học ở Qui Nhơn, chỉ một năm sau việc học của ông gián đoạn vì ông bị sốt rét. Chính ông nội của Võ Phiến cũng mất vì bệnh này. Do đó ông quê dưỡng bệnh. Nửa năm sau ông mới khỏi hẳn và khi ra lại Qui Nhơn, ông phải học ở trường tư để bắt kịp nửa niên học đã mất. Ông gặp Lam Giang và Chế Lan Viên tại trường tư thục này.

Rồi Lam Giang bỏ Qui Nhơn ra

Huế. Ông thầy mến học trò tới độ rủ rê cùng ra Huế với mình. Dẫu sao so với Qui Nhơn, Huế vẫn là kinh đô của triều đình, ở Huế có nhiều trường tốt hơn, nhiều thầy đã thành danh. Về phương diện trường ốc của thời đó, Huế chỉ thua Hà Nội là không có trường Đại Học, ngoài ra những trường trung học ở Huế đã góp phần đào tạo không biết bao nhiêu anh tài cho xứ sở. Nói tóm lại ở Huế việc học thuận tiện hơn ở Qui Nhơn rất nhiều.

Năm 1942 Võ Phiến ra học ở Huế. Chính nơi đây ông gặp gỡ học giả Đào Duy Anh, người có công lớn nhất trong việc dựng nên con người Võ Phiến sau này là một vị thầy khác trong tuổi thanh xuân của Võ Phiến. Đối với Võ Phiến ông không bao giờ quên được ba nhân vật đóng góp cho sự trưởng thành của ông là: Lam Giang, Chế Lan Viên và Đào Duy Anh.

Chính Đào Duy Anh là người đã mang Võ Phiến về ăn ở trong nhà, để có thể tiếp tục việc học sau khi đậu bằng Thành Chung. Đối với một nhà văn của tương lai tiền bạc chỉ là việc phụ, quan trọng nhất là Đào Duy Anh lo lắng cho ông vật chất cũng như tinh thần, ông được ăn học chung với các con của ông Đào Duy Anh, ở chung một nhà, ăn chung một mâm, ngủ chung một phòng. Nhìn bề ngoài vào Võ Phiến nào có khác gì những người con của ông Đào Duy Anh trong buổi thiếu thời xa nhà đó. Sau này Võ Phiến lúc nào cũng cho biết ông coi Đào Duy Anh như bóng dáng một người cha. Tuy không phải là cha đẻ song đã gần gụi, vun trồng cho Võ Phiến phần tâm hồn, để đổi lại với phần xương thịt mà người cha ruột đã ban phát cho Võ Phiến.

Không những thế, sau này khi thầy trò cùng ra Hà Nội, ông Đào giao cho Võ Phiến việc cập nhật hóa và thu gọn bộ Pháp Việt tự điển. Đó là việc làm đòi hỏi sự cần cù nhẫn nại và chính xác. Hơn thế nữa công việc này không ít thì nhiều ảnh hưởng tới văn nghiệp của Võ Phiến sau này. Năm 1945, nhà văn Võ Phiến là một thanh niên chẵn tròn hai mươi tuổi, dân tộc Việt Nam đang cố hất cái ách cai trị của ngoại bang trên mình tổ quốc. Mọi con dân lao mình về phía trước. Các đảng phái, đoàn thể mọc ra như nấm. Chiến tranh thế giới kết thúc như là một luồng gió mới thổi qua đất nước ta, nên vì đó mà nhiều thế hệ con dân, người trí thức cũng như người bình dân, thành thị cũng như nông thôn, gái cùng trai, già với trẻ như say men chiến đấu. Cả một dân tộc trôi đi trên một cái nền bằng máu. Không một người dân nào không cảm nhận được nghĩa vụ của mình trong lúc quốc gia hữu sự. Chính trong thời điểm này, Đảng Cộng Sản Việt Nam lớn mạnh, họ đã ngấm ngầm len lỏi vào hàng ngũ nông dân và thợ thuyền, họ đã gây được một phong trào quần chúng trải dài từ thành thị tới thôn quê, và cán bộ của Cộng Sản đã len lỏi khắp nơi. Họ đã tổ chức được một mạng lưới rộng chờ thời cơ cướp chính quyền. Trong thời điểm đó ông Đào Duy Anh không còn hoạt động chính trị, nhưng vai trò của ông trong Đảng Tân Việt trước kia khiến ông bị Cộng Sản thù hận.

Cuối năm 1945 ông Đào Duy Anh bị cán bộ Cộng Sản mang từ Huế ra Hà Nội. Võ Phiến sống bên cạnh thầy, tiếp tục đi học cho đến khi xảy ra cuộc toàn quốc kháng chiến vào tháng 12 năm 46 thì trở về Bình Định. Tưởng cũng nên nhắc lại Võ Phiến bắt đầu viết từ năm 1942, có một truyện ngắn đăng trên báo Trung Bắc Chủ Nhật vào năm 1943 dưới bút hiệu Đắc Lang.

Không khí chung của cố đô Thăng Long trong năm 1946 là một bầu không khí nghi kỵ, chết chóc. Khi cuộc cướp chính quyền của Việt Minh nổ ra ở Hà Nội vào cuối tháng tám năm 1945, những thanh niên yêu nước của Hà Thành túa ra khắp nơi. Đại đa số những người thanh niên này ngược ra Bắc. Khu vực rừng núi thuộc biên giới Hoa Việt khi đó là địa bàn chính của người Cộng Sản. Chính nơi đây sau này Hồ Chí Minh và toàn bộ đầu não của Cộng Sản trú ẩn, họ biến vùng đất này trở thành thánh địa của Cộng Sản Việt Nam, giống như Diên An đối với Trung Cộng. Cũng cần nói thêm là đại đa số những thanh niên bỏ Hà Nội trong thời gian này đều không có ý niệm gì về Cộng Sản. Họ đi theo tiếng gọi của non sông và lọt vào một vùng gió chướng, nên bị cuốn đi không cưỡng lại được. Võ Phiến nghĩ rằng ở đâu cũng là làm bổn phận con dân khi quốc gia hữu sự. Gia đình ông ở tại miền Trung, tất ông phải chiến đấu cho những thửa ruộng của ông cha để lại cho ông, cũng như những thửa ruộng của thân tộc ông, làng xóm ông. Cuối năm 1946, Võ Phiến đáp tầu hỏa xuôi nam về lại Qui Nhơn. Tại đây thời gian đầu ông tham gia Việt Minh, ông dậy chữ và dậy cả ...chính trị cho những người cán bộ Cộng Sản.

Năm 1948 Võ Phiến cưới vợ. Mãi tới thời điểm này bút hiệu Võ Phiến mới chính thức ra đời. Ông đã tưởng rằng cuộc đời ông sẽ trải dài êm ả nơi quê hương ông. Ở thời điểm này, tại quê hương ông người Cộng Sản hoạt động càng lúc càng dữ dội. Võ Phiến là một trong số thật hiếm muộn những người đã nhìn ra bản chất của người Cộng Sản. Cùng với vài người bạn học thời thiếu thời như Tạ Chí Diệp, nhóm của Võ Phiến nghiêng cảm tình, và nhiệt huyết về phía Việt Nam Quốc Dân Đảng. Vả lại Võ Phiến khi còn làm giảng huấn cho các khóa bổ túc văn hóa cho Cộng Sản, ông đã có thời được coi là đối tượng để kết nạp. Hơn thế nữa Võ Phiến là một người kín đáo, ông chỉ ngấm ngầm tìm cách thoát ra khỏi ảnh hưởng của người Cộng Sản mà thôi. Ông cảm nhận thật rõ ràng cái ách của người Cộng Sản sẽ không thua gì cái ách của ngoại bang.

Cũng trong khoảng thời gian này Võ Phiến có người con đầu lòng, những ánh mắt nụ cười trẻ thơ mang lại cho ông niềm tin bạt núi ở tương lai, ông như triền miên trong hạnh phúc mà nguôi đi những thôi thúc trong lòng. Những năm cuối thập niên 40 trận chiến giữa ta và Pháp càng lúc càng dữ dội. Quân Pháp càng ngày càng bị be lại trong những cái rọ. Khi cuộc chiến Việt Pháp bắt đầu, Cộng Sản dưới chiêu bài Việt Minh, được Nga Sô trợ giúp một cách hùng hậu, tuy chỉ kiểm soát được vùng biên giới Hoa Việt, nhưng Cộng Sản có những cán bộ được huấn luyện thật kỹ về tuyên truyền, do đó họ lôi kéo được đại đa số quần chúng. Về phía những đảng phái quốc gia thời đó, đáng kể nhất là Việt Nam Quốc Dân Đảng. Cái họa ở Yên Báy tuy đã chìm sâu vào trong quá khứ hai mươi năm, song nguyên khí ban đầu không bao giờ hồi phục được. Thành thử những năm cuối cùng của thập niên 40, vô hình chung Cộng Sản được

đồng hóa với dân tộc trong công cuộc chiến đấu dành quyền tự chủ cho nước nhà. Những trận đánh lớn giữa ta và Pháp nổ ra khắp chiều dài đất nước, đồng thời Cộng Sản càng ngày càng lộ mặt.

Đầu thập niên 50, nhóm của Võ Phiến tìm cách bắt liên lạc với Quốc Dân Đảng. Cả nhóm cử Tạ Chí Diệp đi gặp Nguyễn Tường Tam. Nhưng chính bản thân Nhất Linh khi đó mới ở Tầu về, Hoàng Đạo đã chết, Thạch Lam, Khái Hưng cũng không còn. Tú Mỡ, Thế Lữ thì ngả sang phe Cộng thành thử Nhất Linh cô quạnh một mình. Chính Nhất Linh cũng còn đang loay hoay, xoay trở trước những thay đổi mỗi ngày một lợi cho Cộng Sản. Việc ra đi của Tạ Chí Diệp lộ. Lần này Võ Phiến bị bắt.

Ông bị giam giữ trong một nhà lao nằm đâu đó trong vùng rừng núi Bình Định. Thời gian hai năm trong tù của Võ Phiến nghĩ cho cùng là những dưỡng chất cần thiết cho nhà văn sau này. Chẳng một ai thích ở tù để nghĩ về đời sống, để tích lũy chất liệu. Nhưng một khi bị đi ở tù thì không thể chối cãi cái mà người xưa gọi là: *"Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại"* đó làm cho con người nhà văn của Võ Phiến phong phú hơn, sâu sắc hơn, thâm trầm hơn và cũng chi li hơn. Thời gian ở tù này un đúc cho Võ Phiến những suy nghĩ sau này ảnh hưởng tới văn phong của ông và đồng thời là một ám ảnh khôn nguôi về người Cộng Sản, là chất liệu cho ông viết tác phẩm "Người Tù", tác phẩm thứ hai trong đời viết văn của ông.

Trong thời gian ở tù này Võ Phiến mang máng nghiệm ra ông có một chút may mắn khi không có một chọn lựa nào khác hơn là chờ ngày được phóng thích. Nếu ông không bị giam, biết đâu chừng ông phải chọn lựa cho mình một vị trí nào đó. Tính mạng con người trong thời chiến sao mà mong manh, bất cứ đứng trong hàng ngũ nào, tổ chức nào thì vẫn có một tổ quốc trước mặt, một dân tộc trên lưng và một gia đình trong tim. Ví thử như ông ở ngoài thì cho dù là có chân trong bất cứ tổ chức nào ông cũng phải trang trải ba món nợ trên. Và như vậy, biết đâu chừng văn học ngày nay của chúng ta không có nhà văn Võ Phiến.

Những năm đầu 50, chiến tranh Việt Pháp càng lúc càng khốc liệt, những chiến dịch lớn Pháp quân mở càng lúc càng nhiều, những trận đánh lớn với quân số tham chiến của đôi bên lên tới hàng trung đoàn, và vòng vây của Việt Minh xiết dần quân Pháp trong các vùng kế cận các thành phố lớn trong các vùng châu thổ. Vùng kiểm soát của người Pháp càng lúc càng thu hẹp lại cho tới khi chiến tranh Nam Bắc Hàn chấm dứt, chiến tranh Việt Nam bước sang một giai đoạn khác. Với sự trợ giúp của Trung Cộng ồ ạt đổ xuống phía Nam, trận đánh Điện Biên Phủ khai diễn trong vùng lòng chảo phía Tây Bắc Hà Nội, sát với biên giới Lào. Kết quả của trận đánh này là người Pháp xuống tầu về nước, nhưng tại nước Việt lịch sử tái diễn cảnh Trịnh Nguyễn năm xưa với con sông Bến Hải ngăn cách đôi bờ.

Năm 1954, Võ Phiến được phóng thích như là một phần của hiệp ước Genève được thi hành. Ông được thu dụng làm một công chức cho ngành Thông Tin của miền Nam. Thoạt kỳ thủy của đời công chức ông làm Trưởng Ty Thông Tin cho tỉnh địa đầu của miền Nam là Quảng Trị. Một năm sau ông xin về phục vụ tại Quy

TRẦN HỒNG CHÂU

HƯƠNG CẢNG TÂN THU TỨC SỰ

Lạc tinh mãn địa hà sa số
Hào quang thị phố phi nga tận
Bát trân mỹ tửu Nam kinh lộ
Ngũ liễu thâm tình Thượng Hải nhai
Hồng hồng mộ vân bạch âu khứ
Trùng trùng cao ốc viễn phàm quy
Quỳnh Dao song ngoại Châu giang nữ
Tá vấn hà nhật quân tái lai

NGHĨA:

HƯƠNG CẢNG ĐẦU THU TỨC SỰ

Sao rơi đầy phố cát sông Hằng
Đèn đêm bừng sáng chết thiêu thân
Món ngon rượu quý Nam kinh lộ
Ngõ biếc tình sâu Thượng Hải nhai
Chiều mây hoa gấm chim lìa tổ
Xan xát lầu cao bến ghé thuyền
Quỳnh Dao chuyện cũ gái Châu giang
Chợt hỏi: ngày về chàng nhớ chăng?

Nhơn, tỉnh nhà. Những đám mây thời chiến đã qua, cuộc đời nhà văn Võ Phiến bước sang một chương khác tươi sáng hơn.

*

3 - Võ Phiến là một nhà văn đa dạng trong văn học Việt Nam. Về thể loại ông làm thơ, viết truyện ngắn, truyện dài, tùy bút, biên khảo, phê bình và nghiên cứu văn học... đôi khi ông còn viết cả những bài nghị luận đầy chất chính trị. Về đề tài, ông viết về những thị dân thành phố, những người nông dân, những người trí thức, những người lao động. Ông viết về người già, con trẻ, kẻ giầu có, người nghèo khó, lính tráng, thợ thuyền, quốc gia, cộng sản... Đó là nói về người. Ông cũng viết về thú vật, nhỏ thì con sâu cái kiến, lớn thì con trâu, con bò, không lớn mà cũng không nhỏ thôi thì con chó, con mèo, con chim, con chuột. Ông tả tình, tả cảnh, nghị luận. Ngòi bút của ông chợt ở đây, thoắt cái đã nhẩy sang đó, khi thì đông, khi đoài, lúc ra Bắc lúc vào Nam. Có khi lang thang nơi đồng vắng, chớp mắt đã thấy ngơ ngác trong phố thị xe cộ dập đìu. Vừa ở trên rừng, đã nhẩy ngay xuống biển. Có khi ông nhập vào những đám mây xa, có khi ông chìm đắm trong căn gác hẹp.

Văn phong của Võ Phiến làm cho người đọc ông không biết đâu mà lường. Khi thì thâm trầm sâu sắc, khi thì dí dỏm tinh quái, khi thì tài hoa, khi thì trong sáng nhưng cũng có lúc vụn vặt, chi li chẻ sợi tóc làm... tám. Chính Võ Phiến đã phát biểu về những cơ duyên khiến cho ông là một nhà văn thiên biến vạn hóa. Chính Võ Phiến cho rằng những cơ duyên này, tới với ông ngay từ khi ông còn ngồi trên ghế nhà trường. Trước tiên hết phải nói tới bản chất của chính Võ Phiến. Ông sinh ra để làm nhà văn, chứ không phải để làm bất cứ một thứ gì khác. Trên danh nghĩa ông là một công chức, ông còn dậy học. Tại nơi sinh quán của ông, hẳn cũng đã đôi lần ông cầy ruộng... Tất cả những công việc khác chỉ thoáng qua, riêng ngòi bút là ở với ông từ lúc ông mang tên Đoàn Thế Cấn, do mẹ đặt cho tới khi ông tự đặt cho mình cái tên là Võ Phiến. Chỉ ngòi bút là theo ông tới tận nấm mồ. Tưởng cũng nên nhắc lại cái tên Đoàn Thế Nhơn trong giấy khai sinh, chỉ có khi ông bố từ Nam về thăm nhà đặt lại cho ông vào năm ông bẩy tuổi.

Đối với Chế Lan Viên, khi hai bên gặp gỡ nhà thơ đã thành danh với tập thơ Điêu Tàn, nên đứng trên bục giảng ông thầy thi sĩ chinh phục ngay lập tức cậu trò nhỏ sau này trở thành nhà văn. Có điều giữa hai bên mối liên hệ chỉ thoang thoảng của nghĩa thầy trò, để rồi vài năm sau đường ai nấy đi, mỗi người một phần số, mỗi người một thao thức, mỗi người một chính kiến. Éo le thay đây là hai chính kiến trái chiều. Nếu thoảng có một lúc nào đó nghĩ tới nhau, chẳng qua chỉ là những cảm hoài của một thời khoảng êm đềm dưới mái học đường, nhưng ngấm ngầm sôi sục những chính kiến dị biệt. Cái tài hoa hôm nay của Võ Phiến trong tùy bút, phần nào bắt nguồn từ những giao tình với nhà thơ trong thủở thiếu thời.

Võ Phiến cho biết cả đời ông, ông chỉ chung sống dưới một mái nhà với cha ông không đầy ba năm, thế nhưng ông có hai dịp ở chung với ông Đào Duy Anh. Lúc đó ông là một thiếu niên mới lớn, cần một chỗ tựa êm ả mà vững chãi của người cha. Võ Phiến ngồi làm tự điển dưới cái bóng của ông thầy mang dáng dấp của một người cha. Cũng chính vì liên hệ có tính phụ tử này mà Võ Phiến đã mắt thấy cảnh Đào Duy Anh bị mời ra Bắc, đã về tới nơi chôn nhau cắt rốn của mình là Qui Nhơn, đã mơ hồ cảm nhận những bất trắc trong thời chiến, thế mà khi bắt được liên lạc với Đào Duy Anh ngoài Hà Nội, Võ Phiến không một chút ngần ngại mò ra một vùng đất hoàn toàn xa lạ, một nơi lành ít dữ nhiều.

Tại Hà Nội Võ Phiến tiếp tục phụ giúp ông Đào Duy Anh rút gọn quyển tự điển Pháp Việt. Chính trong thời gian này tính chi li, chẻ sợi tóc làm... tám nẩy sinh. Công việc đòi hỏi mỗi một chữ là một lần tra cứu, chung quanh ông la liệt sách, báo cùng những tài liệu. Võ Phiến cũng nói về tính đa diện của ông. Ông cho biết khi còn là một cậu học sinh lớp Đệ Ngũ (cinquième annee) của bậc Trung Học, ông cũng có những ước vọng ngông cuồng như bất kỳ một thiếu niên mới lớn nào. Đã có lần ông định soạn một cuốn *"Lược Khảo Văn Hóa Nhật Bản"*. Chỉ vì ông đọc và mê một bộ sách viết về Nhật Bản của nhà xuất bản Hachette. Sau đó khi Cộng Sản phóng thích ông sau hiệp định Genève, họ vẫn ngấm ngầm theo dõi ông. Tuy nhiên họ yên tâm vô cùng vì Võ Phiến cả ngày chúi đầu vào việc dịch một quyển sách thuốc (Cuốn Hoàng Hán Y Học của Thang Bản Cầu Chân). Ông làm việc này một cách say mê, bởi vì ông thật tâm yêu thích công việc ông đang làm, chứ không phải dùng công việc đó để che mắt các cán bộ Cộng Sản đang theo dõi ông. Khi nói đến chuyện này, ông cho không muốn ghi lại, vì những công việc đó không phải là một thành tích lớn lao gì. Nhưng tôi thấy nó cho mọi người thấy cái ham thích hiểu biết đủ mọi loại kiến thức của ông. Tính đó ông có từ hồi còn nhỏ, không cứ gì khi gặp Đào Duy Anh mới có.

Dạo mới đổi vào Sài Gòn, Võ Phiến cộng tác với tờ Bách Khoa và ngay lập tức ông trở thành một trong những cây bút chính của tạp chí này. Hầu như số nào ông cũng góp mặt, khi thì truyện ngắn, khi thì tùy bút. Nếu không phải hai thể loại trên thì dưới bút hiệu Tràng Thiên ông đã đóng góp những bài vở nhiều giá trị. Bên cạnh cái bóng lặng lẽ nhưng hữu hiệu của Lê Ngộ Châu, người cầm chịch cho tờ Bách Khoa từ số đầu cho tới số cuối, từ năm 1957, cho tới năm 1975. Võ Phiến là một kiện tướng của tờ báo trầm lặng này.

Võ Phiến là một con người ghét cực đoan. Ông nhìn mọi chuyện bằng cặp mắt hóm hỉnh, tinh quái nhưng không nghiêm khắc. Ông bầy tỏ ý thức chính trị của ông trong những bài viết công phu, lý luận sắc bén nhưng không bao giờ dùng ngòi bút để gào lên những khẩu hiệu chống Cộng đầy sáo ngữ. Những khẩu hiệu này chữ dùng thì thật nặng, nhưng nghĩa chẳng được bao lăm.

Năm 1964, nhà báo Từ Chung bị Cộng Sản ám sát, Võ Phiến viết một bài nẩy lửa trên tờ Bách Khoa, kết tội chính sách bạo tàn của Cộng Sản, trong đó ông thẳng tay lên án Hồ Chí Minh vì thái độ hiếu chiến mà vô trách nhiệm khi đẩy hàng loạt thanh thiếu niên ngoài Bắc vào một trận chiến nồi da xáo thịt tương tàn. Đó là bài *"Bắt trẻ đồng xanh"*. Khi viết bài này ông đã kín đáo làm di chúc sẵn, ngõ hầu đề phòng những bất trắc đã

đến với Từ Chung cũng có thể ập đến bất ngờ với ông.

Năm 1968, trước khi trận Tổng Công Kích Tết Mậu Thân nổ ra trên toàn quốc, ông đã gióng lên một tiếng kêu cứu tột cùng bi thảm của miền Nam trong bài *"Tiếng Cú"*. Trong bài này ông tiên đoán nếu miền Nam không thay đổi cách nhìn về chiến tranh, không sớm thì muộn, miền Nam sẽ không đứng vững trong một cuộc chiến hoàn toàn ỷ lại vào ngoại bang. Lời kêu cứu của ông được đón nhận bằng những nhát kéo kiểm duyệt một cách phũ phàng.

Hai mươi năm nay Võ Phiến sống ở đây nhưng hình như hồn ở nơi khác. Ông sống hai con người trong một thể xác. Ông lơ mơ nửa thức nửa ngủ. Giữa những tiếng ồn ào của xe cộ trong một thành phố đông xe nhất, nhì thế giới, ông không nghe thấy tiếng động cơ máy nổ mà chỉ nghe được tiếng của những con dế gáy trong đám cỏ, tiếng dế gáy rền rĩ vang trong đêm trường. Ông nghe được cả tiếng của những giọt mưa chạm vào tầu lá chuối trong khi ngoài sân ánh nắng chan hòa. Ông nghe được cả những tiếng rao hàng trong đêm khuya, tiếng cười đùa của những đứa trẻ tắm mưa chạy tồng ngồng trong các con hẻm bên hông nhà.

Do những ảo giác của mắt và của tai, ông đón nhận những sách báo thoát ra từ trong nước. Ông đọc với tất cả cái chi li ông hưởng được nơi người cha tinh thần của ông. Tuy không đọc hết được những tác phẩm tiêu biểu của dòng văn học trong nước, nhưng không vì thế mà ông không có những cái nhìn tổng quát về những thay đổi nơi những người cầm bút ở quê nhà. Ông đau lòng nhận thấy dòng văn học đó hình như đã ngưng chảy trong nhiều năm nay. Tuy nhiên gần đây ông bắt gặp được sự chuyển mình của nhiều cây bút trẻ. Ông hy vọng ở lứa người mới này sẽ mang lại cho dòng văn học của dân tộc một dòng máu mới nhiều sinh khí. Với những cây bút nhiều tuổi hơn ông, hay là cùng thời với ông, Võ Phiến nhận xét tuy không gay gắt như Mai Thảo, và cường độ chỉ trích không mạnh bằng, nhưng tựu trung Võ Phiến đánh giá nền văn học đó không cao. Võ Phiến cho là ngay từ khi chính thức gia nhập Đảng Cộng Sản thì nhiều nhà văn, nhà thơ đã tự chối bỏ những sáng tác văn học thuần túy.

Ông chọn cái mốc là năm 1945. Năm đó nạn đói xảy ra ở ngoài Bắc hàng triệu người chết đói một cách vô lý ngay trong vựa lúa của lưu vực sông Hồng. Cũng năm đó Đảng Cộng Sản đã đủ mạnh, các đảng viên Cộng Sản không còn e ngại xuất hiện trước công chúng. Những cây bút nào trong hệ tư tưởng này, từ nay không còn được độc lập trong sáng tác. Khi viết văn, làm thơ họ bị nhìn qua lăng kính chính trị, nên vô cùng thận trọng. Tinh văn học thuần túy mất đi, các tác phẩm hiển nhiên với bớt phần nào giá trị đáng lẽ phải có.

Sau 45 và trước 54 Tố Hữu vẫn làm thơ hay, nhưng giọng thơ Tố Hữu quá nhiều chất truyền đơn. Phần lớn thơ của Tố Hữu trong thời gian này đặc sệt giọng tuyên truyền của các văn công. Còn sau 54 thì Tố Hữu không còn gì để nói. Chỉ cần một bài thơ ca tụng Stalin đã tẩy sạch những bài thơ hay mà Tố Hữu cặm cụi trong nhiều năm dài. Tố Hữu không phải là trường hợp duy nhất. Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyễn Công Hoan, Thế Lữ, Tú Mỡ, Hoài Thanh, Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Bính, Nguyên Hồng, Xuân Diệu, Huy Cận, Hữu Loan, Yên Thao, Quang Dũng, Tế Hanh, Lưu Trọng Lư, Thâm Tâm, Thanh Tịnh, Trần Huyền Trân... cùng hàng trăm danh tính khác không có gì đáng kể sau năm 45. Cũng có một trường hợp ngoại lệ là Chế Lan Viên. Thi tập Điêu Tàn chỉ là bước khởi đầu, những sáng tác sau 45 của Chế Lan Viên quả là có hay hơn Điêu Tàn nhiều. Kỳ dư những danh tính còn lại có gì đáng kể sau những thành công của lúc khởi đầu? Một cách nói khác là những cây bút đã thành danh đó, kể từ khi nép mình dưới cái tàn của cái Cây Cộng Sản, thì tâm hồn u

TÂN THU

NGƯỜI PHƯƠNG TRỜI CŨ

Ba mươi năm gặp lại người,
Ngỡ ngàng còn tưởng chuyện đời trong mơ.
Mắt mờ lệ nhớ Tương Như,
Nghẹn ngào khúc Phượng Cầu dư âm buồn.
Nửa đời trôi nổi gió sương,
Ước mơ chỉ nửa hương nguyền đã trao.
Tiếng đàn giờ cũng tiêu hao,
Giòng thơ phiêu bạt ngàn sao cạn lời.
Hẹn xưa người đã quên rồi!
Trời xưa hoang lạnh trăng soi bóng tàn.
Giờ đây muôn dặm Yên bang,
Nước mây cách biệt đường sang Ngân Hà.

uất như là những thảm cỏ xanh đã vì thiếu ánh nắng mặt trời mà bị héo úa dần dần.

Hầu như tất cả những danh tính vừa nêu ở trên viết văn, làm thơ mà lòng nơm nớp lo còn hơn là thí sinh thời Nho học sợ phạm trường quy. Ngày xưa phạm trường quy thì bị cấm thi là cùng, nhưng ngày nay phạm vào chính sách là tù mọt gông. Đến một lúc nào đó những con người nhà văn đích thực trỗi dậy. Vụ án Nhân Văn Giai Phẩm nổ ra như là trận chiến của một số nhà văn, tựa lưng vào nhau chống trả với một quái vật không tim khổng lồ. Cho tới nay 40 năm đã qua đi, những tác hại của vụ án chưa hoàn toàn tan biến. Những Phan Khôi, Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Quán, Hữu Loan, Văn Cao, Phùng Cung, Trần Lê Văn, Hoàng Tích Linh, Trần Duy, Sĩ Ngọc, Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo... cùng hàng chục danh tánh khác chỉ vì không thể mãi mãi cúi luồn, nên một lần ngửng mặt nói "không", để rồi nhiều người vĩnh viễn ngã xuống trong tăm tối.

Trong hai mươi năm chiến tranh Nam Bắc, dòng văn học ngoài đó muôn người như một, chỉ nói tới chiến thắng, hạ *"Mỹ Ngụy"* xuống tận đất đen, vùi xuống cống rãnh, vứt cho diều tha, quạ rỉa. Dưới ngòi bút của những nhà văn này, phía chúng ta hình như không có những con người. Chỉ toàn là hùm, beo, rắn, rết, lang, sói, cầy, cáo... cùng hàng triệu lời bỉ thử và xúc phạm chúng ta. Hai mươi năm liền chỉ toàn một giọng *"Bác"* và *"Đảng"* là những cái gì chí tôn, cao hơn cả trời xanh, rộng hơn biển cả, dài hơn sông, sâu như lòng... con người. Chà, cái này thì quá đúng, nhất là những con người đã sống qua thời *"Xã Hội Chủ Nghĩa"*. Hai mươi năm liền chỉ suy nghĩ và lý luận một chiều. Đó là một chiều từ trên xuống. Ác thay phía bên trên không phải là những con người của chữ nghĩa, mà là những con người lạnh lùng của chính trị, với những chỉ thị làm khô héo mạch đời, làm chữ nghĩa vô hồn như những xác ướp ngàn năm. Đã qua rồi hai mươi năm chiến tranh, và rồi thêm hai mươi năm hòa bình cũng đã hết. Thử hỏi ngày nay dân tộc Việt Nam đã được những gì tốt đẹp mang đến bởi người Cộng Sản???

Xin nhường câu trả lời này cho những người nhà văn hiện còn đang đứng hàng đầu trong hệ tư tưởng này. Bởi chính họ là những người chứng gần gụi nhất với những gì đã xảy ra trên quê hương ta trong suốt hậu bán thế kỉ 20 này.

Nhận định về dòng văn học thời chiến trong Nam, Võ Phiến cho biết ông cảm thấy văn học trong Nam phần nào đáp ứng được những đòi hỏi tối thiểu. Tất nhiên dòng văn học đó cũng có mặt yếu của nó, nhưng ít nhất ở miền Nam nhiều khuôn mặt mới xuất hiện. Ngay từ năm 54 khi đất nước bị chia làm hai phần thù hận, một số rất nhỏ văn nghệ sĩ ngoài Bắc di cư vô, và khoảng đất miền Nam hệt như là một thửa đất phì nhiêu bỏ hoang, nên đã sớm mọc lên những cây danh mộc. Võ Phiến chính là một trong những cái cây này. Trong một thời khoảng vài năm ngắn ngủi tại miền Nam, bên cạnh Võ Phiến một loạt những cái cây đâm chồi mạnh mẽ. Những Mai Thảo, Doãn Quốc Sĩ, Thanh Tâm Tuyền... từ Bắc vô, hợp cùng với những Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam... của miền Nam chẳng mấy chốc làm đầy cho khu vườn văn học của miền Nam.

Những tạp chí văn chương thuần túy như Sáng Tạo, Thế Kỉ 20, Mùa Lúa Mới như là nhà ươm cây cho khu vườn này. Chẳng mấy chốc mà những Tô Thùy Yên, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đình Toàn, Thế Uyên, Túy Hồng, Nhã Ca... đồng loạt tiến lên.

Cho tới khi năm 75 ập xuống thì văn học miền Nam đã thiên hình vạn trạng. Sinh hoạt chữ nghĩa đã không thể thiếu trong đời sống hàng ngày, và do nhu cầu lớn mà dòng văn học đã cung cấp hàng trăm, hàng ngàn nhà văn, nhà thơ thuộc đủ mọi loại lứa tuổi, gồm nhiều thành phần, nhiều giai cấp xã hội. Miền Nam có hàng trăm loại sách, từ những loại sách cần thiết cho văn chương chữ nghĩa, cho tới những loại sách giáo khoa cần thiết cho trường ốc và kiến thức, kể cả những loại sách vô bổ, chuyên phục vụ cho thị hiếu tầm thường của con người. Trong danh mục của các nhà phát hành, các tác giả của miền Nam chen vai thích cánh như những cái cây chằng chịt trong rừng. Chỉ trong vòng hai mươi năm, khu vườn văn học thuở nào đã trở thành một khu rừng nhiệt đới, cây cao bóng cả chen lẫn cùng hoa dại dây leo, đến độ người đọc một khi đã lạc bước vào trong khu rừng sách báo này, nhiều khi không tìm thấy lối ra.

Theo Võ Phiến, giai đoạn văn học 54 - 75 ở miền Nam có một điểm vô cùng khác miền Bắc. Đó là trong khu vườn văn học miền Bắc, những tính danh quen thuộc đã mòn, đã cỗi mãi mãi ngự trị trên một khoảnh đất càng ngày càng khô quắt lại: Hễ nói tới thơ là lập tức người ta nghĩ đến những Tố Hữu, Huy Cận, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Quang Dũng... Hễ nhắc tới văn là người ta mang ra Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Công Hoan...

Sau 75 thì quả tình có một lớp người trẻ sinh động hơn, nhưng hãy còn quá mới mẻ chưa thể xác định được vị trí mỗi nhà văn, nhà thơ của giai đoạn này khi phần lớn họ thì còn trẻ mà con đường thì còn xa. Những Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Lưu Quang Vũ, Phạm Thị Hoài... mới chỉ là những con tầu vừa tách bến. Thế mà đã có người nằm xuống (Lưu Quang Vũ), đã có người bỏ đi (Phạm Thị Hoài), đã có người lao lý? (Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương).

Trong Nam thì khác. Nói về thơ khi Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng... khựng lại thì ngay lập tức những Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Phạm Thiên Thư tiến lên. Vài năm sau thì không đếm nổi những thi sĩ của miền Nam. Về văn, sau đợt Nhất Linh một bước là Võ Phiến, Doãn Quốc Sĩ, Mai Thảo...Kế theo đó một bước nữa là những Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đình Toàn...

Nói tóm lại khu vườn văn học miền Nam là một khoảng đất phì nhiêu, trong hai mươi năm đó biết bao nhiêu là kỳ hoa, dị thảo đã đâm chồi nẩy lộc. Những người làm văn nghệ ở miền Nam như từng lứa một, tuần tự lớn lên, kính trọng nhưng không nhường bước các đàn anh. Cho tới thời điểm 75 ập xuống, cho dù có thêm sáng tác cách mấy, những cây bút của miền Nam cũng đủ khôn ngoan ngừng lại, nín thở qua sông trong các nhà tù lớn bao trùm cả xã hội, nếu không muốn bị câu thúc trong các nhà tù nhỏ nằm rải rác đó đây trong nước.■

(Còn một kỳ)

HOÀI VŨ

VÙNG ĐẤT MỚI HAY LÀ BÀI THƠ TÌNH KHÔNG TRAO TẶNG

Khi em đọc những hàng chữ này
(Không chắc em sẽ đọc
Hay đọc mà không đọc)
Ngày vẫn sáng đêm vẫn tối
Trời vẫn nắng mưa mưa nắng
Gió vẫn thổi mây vẫn bay
Sương vẫn rơi tuyết vẫn đổ
Người và xe vẫn đi trên đường phố
Cuộc đời vẫn là cuộc đời
Không biến cố

Anh viết tên em em không tên gọi
Em là tiếng suối reo cười thổ lộ
Là mùa đẹp nhất của năm
Trăng sáng nhất của đêm
Hoa thơm nhất của vườn
Cây xanh tươi nhất của rừng
Nhạc vui nhất của biển
Nước trong nhất của hồ
Em là mộng đẹp tên gọi những tên gọi
Cất dấu
Nơi thầm kín nhất trong tim anh
Tên em bà hoàng hậu đủ mọi quyền uy
Trên ngai ngự trị
Bộ nhớ anh

Khi ngòi bút anh chạy trên trang giấy
Em còn ở trên một chuyến bay
Hay trong phòng sách hay trước bàn phấn
Hay ngoài công viên hay giữa đại lộ hay ở bên cầu
Em đang ở đây nhưng vẫn còn ở đó
Thật gần mà cũng thật xa
Xa như không bao giờ gần được
Gần như chẳng bao giờ xa nữa

Em đến bên anh
Sau lời hẹn hò chẳng định trước
Năm ấy tháng ấy ngày ấy giờ ấy phút ấy
Nhưng không ở trong dòng thời gian
Và cùng ở ngoài không gian
Hai đôi mắt cùng khép lại
Hai đôi môi cùng hé mở
Hai đôi tay cùng xiết chặt
Hai hơi thở cùng thở một hơi thở

Nhưng em lại quá xa anh
Bởi ta chẳng hề gặp nhau
Như hai cực của địa cầu
Như hai ngả đường xuôi ngược
Của hai hành tinh giong ruổi

Kìa mặt trời đang mọc
Phía xa khoảng trống không
Vùng đất mới
Ánh sáng ban đầu đã chiếu tỏa
Ngày thứ nhất tháng thứ nhất năm thứ nhất
Gió sớm và những giọt nước đọng tinh khiết
Đổ xuống trận mưa mai gột rửa chưa một lần rơi
Phép lạ kỳ
Đất trời thay tên gọi
Tình Yêu không còn tên riêng
Anh và em từ nay
Giã từ ngôn ngữ những bài thơ tình
những bức thư tình
Yêu nhau bằng tiếng nói cỏ cây hoa lá.

CÂU CHUYỆN CỦA LÁ PHONG: NHỮNG TRANG THƠ LÀM BẰNG VĂN XUÔI

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Tôi muốn gọi tập truyện đầu tay của Trần Mộng Tú, cuốn *Câu Chuyện Của Lá Phong,* là những trang thơ được viết bằng văn xuôi.

Thật vậy, cái cảm giác còn đọng trong trí tôi sau khi khép lại trang viết cuối cùng của bà là một không khí *thơ* bàng bạc trên suốt những dòng chữ trang nghiêm.

Có thể nói *thơ* là cái mảng màu chính trong bức tranh của Trần Mộng Tú. Tuy nhiên điều này không hề làm cho tác phẩm của bà trở thành một tập hợp của những sáo ngữ, một kết hợp của những tĩnh từ, trạng từ nhằm tạo hiệu năng... Bởi vì mỗi một truyện của bà đều chứa đựng trong nó một lời nhắc nhở, một kêu gọi thức tỉnh, một đốm lửa tin yêu, một niềm hy vọng.

Truyện của bà có sức truyền cảm mạnh mẽ, và tôi nghĩ là người đọc chúng ta sẵn sàng chia sẻ cùng bà niềm lạc quan chân thật ở trên.

*

Chúng ta đang sống trong một kỷ nguyên của công nghiệp và tốc độ. Và guồng máy xã hội ở đây cứ đẩy chúng ta chạy tới mãi, tới mãi theo cái chiều kim đồng hồ, không ngừng nghỉ đến nỗi có lúc ta quên rằng bên dưới của nhịp đập "trái tim cơ bắp" còn có nhịp đập của "trái tim tâm hồn."

Cũng như tác phẩm của các nhà văn nhân bản, truyện của Trần Mộng Tú cho chúng ta thấy cái xấu, cái ác, sự tuyệt vọng, sự bất hạnh... chỉ là một mặt của đời sống. Bởi vì ở mỗi ngã tư đường của cuộc đời thế nào mà ta chả gặp được cái đẹp, điều thiện, niềm hy vọng và hạnh phúc...

Có phải đó là lý do mà người đọc không tìm thấy sự thô nhám, sần sùi , sỏi đá và giông bão trong văn chương bà. Những câu chuyện mà bà kể, hình ảnh mà bà vẽ, cái âm thanh mà bà muốn cho người đọc nghe... là một tổng thể hài hoà đầy thi tính.

Đừng quên Trần Mộng Tú là một nhà thơ trước khi là một nhà văn. Dưới mắt tác giả *Áo Lụa Hà Đông* bà là một trong số rất ít "nhà thơ-thi sĩ" nhất của văn chương Việt Nam. Và chúng ta đều biết Nguyên Sa không phải là người dễ dãi với thơ.

Tôi đặc biệt yêu thích những thông điệp trong các truyện ngắn của Trần Mộng Tú. Nó trả ta lại với cội nguồn của con người, đưa ta trở lại với quê hương và dân tộc.

Viết về người mẹ hay người con, người tình hay người vợ, bao giờ bà cũng dành cho họ những lời đẹp đẽ, một chỗ ngồi cao quý. Những nhân vật sẩy chân của bà bao giờ cũng được bà nhanh chóng đưa tay kéo họ đứng dậy, phủi những hạt bụi tội lỗi bám trên vạt áo... và chỉ đường cho họ tiếp tục đi tới.

Nếu bút pháp chính là diện mạo của nhà văn thì người đọc *Câu Chuyện Của Lá Phong* sẽ có thể hình dung ra được khuôn mặt đích thực của một Trần Mộng Tú dịu dàng và đằm thắm, đôn hậu và nhân ái. Bà biết bà nói điều gì trong chữ viết của bà và bà muốn người đọc tác phẩm bà sẽ tiếp thu nó tới chừng mực nào.

Một nhà lý luận văn học cho rằng viết là một cách giải thoát ra khỏi bóng ma quá khứ, là một cuộc hành hương trở về dĩ vãng, là một cách sám hối... Trong ý nghĩa đó người đọc có thể tìm ra cho mình câu trả lời vì sao truyện của Trần Mộng Tú "thơ" quá, "văn chương" quá, "đẹp đẽ và nhân bản" quá.

Mỗi một tác phẩm của bà là một lời kinh cầu, một hồi chuông, một chiến thắng của niềm tin trong một kỷ nguyên nghi hoặc, một chiến thắng của lòng trung hiếu trước sự phản trắc bất lương.

Vẻ đẹp trong chữ nghĩa của Trần Mộng Tú kéo theo cái đạo lý mẫu mực trong những nhân vật của bà, trong suy nghĩ của bà, làm bà trở thành một trong những nhà văn hiếm hoi của ánh sáng, của sự thiện, của niềm hy vọng trong văn chương chúng ta.

Trần Mộng Tú đã viết *Câu Chuyện Của Lá Phong* bằng một ngòi bút chấm trong lọ mực nhân ái.

California, 27 tháng Chín, 1994
NGUYỄN XUÂN HOÀNG

NHỮNG HẠNH PHÚC HỒN NHIÊN ĐƠN GIẢN

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Tôi nhớ có lần một họa sĩ trẻ hỏi một nhà danh họa Trung Hoa: Vẽ người dễ hay vẽ quỷ dễ? Nhà danh họa trả lời vẽ quỷ dễ. Khó nhất là vẽ người.

Lời đáp ấy, tôi nghĩ là đúng cho tất cả các bộ môn nghệ thuật. Vẽ cho đúng con người là một việc thiên nan vạn nan, vì thế trong khi khoa học tự nhiên mỗi ngày mỗi tiến về phía trước, thì khoa học nhân văn vẫn loanh quanh với những câu hỏi muôn thuở: Người là ai? Ý nghĩa cuộc đời ở đâu? Vì sao ta sinh ra? Sau cái chết là gì? Thế nào là Thiện? Thế nào là Ác?... Có lúc người ta tưởng đã tìm ra được những lời giải đáp gọn ghẽ, từ đó hoạch định ra những kế hoạch khổng lồ làm tốn hao vô ích hằng triệu sinh linh. Những kẻ ngông cuồng biết vẽ người quá khó nên biến người thành quỷ cho dễ xoay sở với đời.

Chúng ta rủi ro phải sống trong một thời đại có quá nhiều người vẽ quỷ nên dần dần đánh mất những khả năng đáng quý. Càng ngày chúng ta càng quen nhìn những màu chói lòa, nghe những tiếng la hét, nếm những vị chát đắng, làm những điều nghịch lý, dị thường. Chúng ta mất dần những khả năng cảm nhận những cái đẹp đơn giản tế vi, thiên nhiên vắng bóng trong thơ, nụ cười hạnh phúc không còn trong văn, trong nhạc. Tâm hồn chai lì, thản nhiên, cái thô bạo ồn ào trở thành khuôn mẫu.

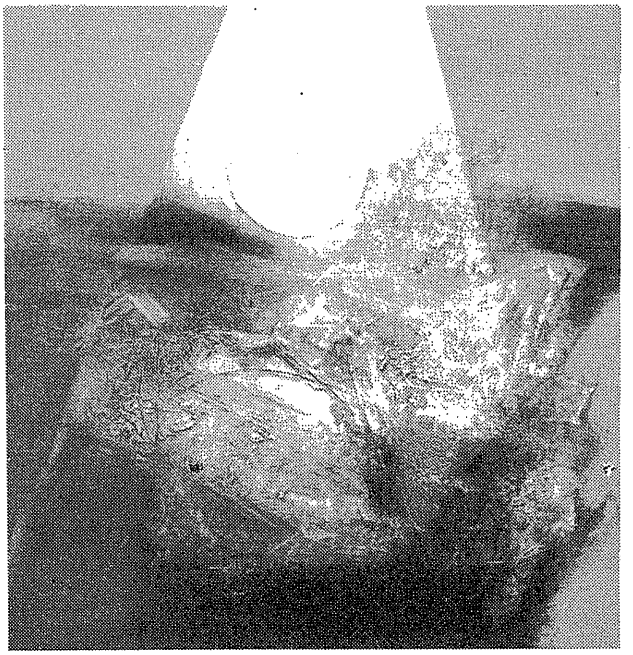

Giữa bấy nhiêu cái thời thượng huyên náo ấy, thơ văn Trần Mộng Tú xuất hiện như một nàng cung nữ thời xưa đang phải mưu sinh bằng nghề hướng dẫn cho những khách du lịch phàm phu tục tử đi thăm nơi cung cấm tiền triều. Vì Trần Mộng Tú không nhập vào dòng chung. Thơ văn Trần Mộng Tú chỉ nói tới cái đẹp của con người, cái dễ thương của đời sống. Hạnh phúc tràn ngập lên từng trang thơ, trang truyện.

Con người được sống trên đời là một ân huệ lớn lao. Tình người đằm thắm. Thiên nhiên ấp ủ che chở. Một chiếc lá phong rơi cũng rơi trong rực rỡ, huống chi những đóa hoa nở.

Vẻ đẹp của con người và cuộc đời trong thơ văn Trần Mộng Tú thể hiện một cách đơn giản hồn nhiên, vì tâm hồn của nhà thơ cũng lạc quan yêu đời hồn nhiên như thế. Những bạn văn quen thân với Trần Mộng Tú thấy rõ điều đó. Trần Mộng Tú ca tụng cái Đẹp, cái Thiện không phải vì muốn làm một nhà đạo đức muốn ra tay ngăn làn sóng Ác đang lan tràn quanh chị. Chị không tự cho mình một sứ mệnh cao cả nào. Chị cảm nhận đời sống ra sao thì viết vậy. Và may mắn cho chị, may mắn cho những người đọc chị, những lời thơ lời văn chị gửi cho bạn đọc đều đẹp, làm cho mọi người phải giật mình tự hỏi: Tại sao cuộc sống vốn đẹp giản dị như vậy mà lâu nay ta luôn miệng ta thán, giận hờn.

Một số bạn đọc có thể nghĩ Trần Mộng Tú nhờ may mắn không phải nếm qua những tân khổ ở đời nên mô tả vẻ đẹp của cuộc đời giản dị, dễ dàng quá. Hạnh phúc như ở sẵn đâu đó, chỉ cần với tay là nắm được. Thay lời chị, tôi xin hỏi lại: Có thật hạnh phúc khó tìm lắm không? Kim Thánh Thán kể những cái khoái ở đời, ngoài cái khoái được đọc những Tây Sương Ký, Nam Hoa Kinh, Thủy Hử, còn có cái khoái được đóng kín cửa tắm nước ấm và gỡ ghẻ vào mùa đông, cái khoái một sáng đẹp trời hay tin tên hàng xóm đáng ghét ngã đùng ra chết... Những cái khoái ấy của Kim Thánh Thán còn nhiêu khê khó tìm hơn những hạnh phúc hồn nhiên đơn giản Trần Mộng Tú mô tả trong tập truyện này.

Phần tôi, bạn văn quen thân của chị, tôi chỉ tiếc cái đẹp trong văn thơ chị trọn vẹn quá, hơi thiếu những cái bất toàn làm nền cho Hạnh phúc. Tôi nghĩ điều ấy cần thiết, vì một họa sĩ vẽ hoa đôi lúc cũng cần có những cánh hoa rũ, những xác lá khô. Thơ văn của Trần Mộng Tú làm tôi liên tưởng đến những bức tranh của nhà danh họa Ý Boticelli. Nhưng đó là ý thích, thói quen của mỗi người. Trong cuộc sống hối hả nhọc nhằn vì mưu sinh, được đọc thơ văn Trần Mộng Tú, được chị nhắc nhở cái đẹp đang âm thầm chờ đợi quanh ta, có lẽ ai cũng thấy yêu đời yêu người hơn. Như thế không tốt hơn phải ôn lại những điều cay đắng hay sao?■

TRUYỆN TÌNH CỦA NGUYỄN THỊ HOÀNG

VÕ PHIẾN

Trong các nữ sĩ thuộc lớp mình, Nguyễn Thị Hoàng ồn ào nhất. Ồn trong cái yêu. Và về khoản ấy, không phải bà chỉ nổi bật trong một so sánh giữa bạn gái với nhau. Không tin, hãy đem bà so với đồng nghiệp bên nam phái xem.

So với ông Vũ Bằng chẳng hạn. Vũ Bằng — ai cũng biết — không phải tay vừa. Chúng ta không cần tốn công theo dõi, điều tra, "tìm hiểu" ông cách vất vả. Cứ nghe ông tự nói về ông, đủ rồi: "Tôi hút. Tôi uống rượu, tôi chơi đĩ bợm." Cậu học trò đáo để của cô Trâm, tức cậu Minh trong cuốn Vòng Tay Học Trò, cũng chưa đến nỗi nghiện thuốc phiện. Cô ấy với trò ấy, đâu đã theo kịp ông Vũ. Ông Vũ bắt đầu cuộc chơi sớm lắm, từ thuở còn đi học, rồi chơi bời lăn lóc suốt Bắc Nam, rồi lìa cửa lìa nhà cho đến chết cũng chính vì ham chơi. Vậy mà cứ đọc những lời ông viết về tình yêu xem. Tình vợ chồng, từ thuở mới quen nhau cho tới lúc sinh ly tử biệt: nó tha thiết, sâu xa, mà đằm thắm biết chừng nào. Một bữa ăn, một ngọn rau, một buổi cùng nhau dạo dưới trăng không lời tình tự..., thế mà suốt đời không quên được. Còn cái tình nam nữ của người đàn ông "đĩ bợm" ấy, nó làm thất vọng nặng những ai muốn tìm cảm giác nóng bỏng. Trái lại, ở Nguyễn Thị Hoàng, tình chồng vợ giữa Duy với Ngọc trong Trời Xanh Trên Mái Cao, giữa cặp Bình và Huyền trong Vào Nơi Gió Cát, tình yêu đương giữa Minh Trâm trong Vòng Tay Học Trò, sao mà nó sôi nổi, nó rắc rối, nó lồng lộn lên: ỉnh ỏi quá chừng.

Đã trót so sánh, thử so sánh thêm về một cái khác nhau nữa giữa hai người. Cô giáo Trâm của Nguyễn Thị Hoàng là người học thức, đọc sách nhiều, biết văn biết thơ nhiều. Vũ Bằng không kém. Văn thơ của ta, của Tàu, của Tây, ông đọc nhiều, ông thông thạo. Lúc nhắc thơ văn thì Vũ Bằng thường khi hoặc dẫn thơ văn các cụ ta xưa, hoặc thơ Đường thơ Tống bên Tàu, hoặc sự tích trong sử ta sử Tàu xen lẫn với ít nhiều sử kiện Tây phương thôi. Trong khi ấy nhân vật của Nguyễn Thị Hoàng toàn dẫn "tích" Âu Mỹ, từ các truyện Tây, phim ảnh Tây (Verité, La Strada...) với tài tử Tây, nhân vật Tây (Brigitte Bardot, Zampano, Gelzomina...), dẫn toàn những câu hát với ca sĩ Tây phương (Chante, chante mon coeur la chanson du matin dans la joie de la vie qui revient; hay I love you so but I still know it was crazy love, qua giọng hát Paul Anka, hay bản Serenade của Schubert, Tristesse của Chopin v.v...)

Nhân vật Vũ Bằng chơi nhiều món, nhưng không khoái cái món của cô Trâm và bạn bè, tức "chơi" xe: Fiat, Anglia, Floride...

Vũ Bằng hay nói chuyện ăn; nhưng không nói đến những món quen thuộc của nhân vật Nguyễn Thị Hoàng: xúp, bơ, cà-rốt, khoai chiên, sauce... Ông Vũ cũng hay nói về hoa về quả; nhưng không nói đến những thứ hoa quanh cô giáo Trâm: oeillet, mimosa v.v... Ông Vũ, khi đề cập đến khung cảnh tình tự hay ăn chơi, ông nhắc tới mùa nọ tiết kia: hoặc nguyên tiêu hoặc trùng cửu, hoặc lập xuân hoặc đoan ngọ v.v... Bà Nguyễn không thế. Bà nói đến Noel, đến réveillon, đến party, đến bước-đề (birthday) v.v... Đại khái thế.

Thế có phải vì Vũ Bằng cũ còn Nguyễn thị Hoàng mới, Vũ Bằng thấm nhuần nếp sống Đông phương, còn Nguyễn thị Hoàng thuộc về Tây phương? Mới ồn hơn cũ, Tây ồn hơn Đông là cái chắc, có gì đáng nói đâu? Vậy so sánh ông Vũ với bà là một so sánh chọn lựa sai lầm chăng?

Hãy chọn so cách khác vậy.

Tình cờ mà Nguyễn thị Hoàng với Kim Lefèvre cùng sinh vào năm 1939, cùng học ở Nha Trang, về sau cùng là văn sĩ tiếng tăm. Vào thập niên 50, ở Nha Trang có xảy ra hai mối tình thày trò. Hai nữ sinh yêu thày mỗi người phản ứng một cách. Người "tây" hơn cả, người có hẳn một nửa lượng máu Tây phương trong huyết quản, lại khuất phục theo truyền thống Á Đông, cúi đầu chịu trận đòn dữ dằn trong gia đình, bỏ Nha Trang đi nơi khác trốn lánh sự đay nghiến của dư luận. Còn người kia... Vậy thái độ đối đầu cương cường, dõng dạc trước dư luận, đâu phải lúc nào cũng là một thái độ... tây!

Cho nên e không tiện cắt nghĩa một phong cách bằng tâm lý thời đại, bằng chuyện thế hệ này thế hệ nọ, hay bằng hoàn cảnh văn hóa, xã hội v.v... Hãy bằng lòng ghi nhận một bản sắc đặc biệt thôi. Cái yêu đương của Nguyễn thị Hoàng nó ồn là bởi... nó ồn. Hãy biết thế.

Ồn không có nghĩa là bậy. Không phải lúc nào cũng... dở. Trái lại.

Có lần hai người bên nhau, "bàn tay Trâm vỗ về nhè nhẹ, chậm và buồn xuống vai Minh như xoa vuốt dịu dàng vào

khoảng trũng đau nhức của vết thương mình. Rồi bàn tay nằm an nghỉ bình yên ở đó. Như đầu Minh đắm thắm an nghỉ trên cánh tay Trâm buông duỗi rã rời. Gió phập phồng len qua bức màn cửa. Tiếng còi xe vẳng lên từ ngoài đường như điệu kèn lạ của một thế giới nào xa tăm tắp (1). Chiều đi mau theo những bước chân vội vàng trên khoảng đường phố nhỏ." Và giữa lúc ấy "Trâm nghe rõ tiếng mình kêu thầm vô nghĩa: tình yêu ơi, vai ơi, môi ơi, mắt ơi, Minh ơi."

Xưa nay đã có người nữ nào kêu như thế? Kêu "vai ơi, môi ơi, mắt ơi"? Dẫu ngay khi âu yếm đã ra chiều lả lơi, cả Kim lẫn Kiều chắc chắn không có ai kêu "vai ơi, môi ơi." Lại như bác Hòa-Hàng-Cơm với Nhỡ của Nhất Linh, ngay trong khi nằm hẳn với nhau cùng giường, ôm ấp quấn quít nhau, mà không một ai nghĩ tới việc kêu "đùi ơi, vế ơi" gì cả. Ấy, xưa nay vẫn thế. Mọi sự diễn ra lặng lẽ, không ồn tí nào.

Môi với mắt, vai với vế..., ấy đều là những bộ phận thân thể, tương ứng với những cảm xúc của giác quan. Giác quan, đó là cái cấm kỵ một thời, không tiện gọi tên. Trước, người ta không ai là không biết đến thú vui của giác quan; nhưng người ta mím miệng lặng lẽ mà... biết, ngấm ngầm hưởng thụ, không kêu lên bao giờ. Nguyễn thị Hoàng thì khác. Nhân vật bà Nguyễn vừa yêu vừa... la! Cái thú của giác quan, họ gọi đích danh nó ra không kiêng kỵ.

Ngày trước, ái tình là chuyện của "con tim." Đến đây, nó không ngại nói huych toẹt hẳn ra cũng là chuyện của làn da: Tình yêu ơi, vai ơi, môi ơi v.v...

Trong Vòng Tay Học Trò, cậu Minh mới dọn đến ở trọ cùng nhà với cô giáo ít lâu, một hôm đi học về, trình cô: "Cô cô, em đi học về." Cô giáo nhìn lên. "Minh đứng ở khung cửa sổ phòng nó, sắp sửa đánh đu ra ngoài vườn. Chiếc áo len xanh ngắn rướn lên để hở một khoảng da bụng trắng muốt."

Lần ấy cô không kêu "da bụng ơi," tuy nhiên chi tiết ấy cũng nổi bật lên, rất... ồn ào.

Sau đó một thời gian, thầy trò đã ở cùng nhà lâu hơn, thì không còn là chuyện từ xa nhìn da bụng trắng, mà là đến gần hít mùi ngực ấm. Cô giáo nói đến cái hơi nóng bốc lên từ tấm áo len nhiều lần: "Hơi nóng từ da thịt người con trai như bốc lên tấm áo len dày"; "Ngực áo len người con trai nồng ấm như hơi thở gần kề. Bỗng dưng, Trâm muốn chết."; "Mùi thơm quen thuộc ở ngực áo len Minh phả lên mặt Trâm, tiếng nàng nhỏ như lời bông lau run trong gió lạnh"; "Trâm choáng váng trong mùi thơm nồng ấm của ngực áo Minh và muốn khóc theo tiếng thở dài của buổi chiều cuối đời đìu hiu" v.v...

Cái hơi trong chiếc tàn y của nàng Thị Bằng chẳng qua là chút hơi lạnh của người quá vãng. Còn cái hơi áo len của học trò cô giáo Trâm: nó bốc nóng hôi hổi, nó nồng nàn khủng khiếp. Xưa nay chưa từng có thứ hơi mạnh mẽ như thế trong tình yêu, nhất là tình yêu của phái nữ.

Bảo cái ồn không dở là thế. Kêu lên "vai ơi, môi ơi", bà Nguyễn đập mạnh vào một cấm kỵ, khui ra một sự thực tâm lý. Một chủ đích quan trọng của người viết tiểu thuyết là đi sâu, phát giác ra những sự thực thầm kín của lòng người. Xưa, nam nữ kết đôi chung thủy trọn đời với nhau là vì đạo nghĩa. Rồi chủ nghĩa lãng mạn bày ra chuyện ái tình, khám phá ra con tim, nhìn ái tình từ phía quả tim. Xong, lại đến lượt những kẻ nhìn ái tình từ phía ngũ quan. Đi đầu những kẻ ấy là bà Nguyễn. Nhân vật nữ của người tiểu thuyết gia táo tợn ấy bảo: "Trâm tìm thấy hương vị đàn ông phảng phất gần gũi." Cái hương thuộc về mũi, cái vị thuộc lưỡi. Tình yêu ơi, môi ơi; mắt ơi, mũi ơi, lưỡi ơi!...

Nguyễn thị Hoàng, với cái bản sắc độc đáo của bà, bà không ngại dõng dạc nêu đích danh những cái khuất khúc khéo trốn khéo nấp trong những chỗ hóc hiểm của lòng người.

Tình yêu dưới sự chủ trì của ngũ quan, nó như thể một cuộc cách mạng ái tình. Nó gây một số đổi thay về quan niệm yêu đương. Chẳng hạn cái "yêu vì nết trọng vì tài" là cái bỏ: Trò Minh tất nhiên kém tài cô giáo Trâm. Mà nết của trò cũng yếu lắm, ngay trong con mắt phán đoán của Trâm. Có lần cô ta nghĩ: "Bây giờ nó đấy. Môi nó ấp lên cánh tay. Mũi giày nó nhọn vắt (2) đen bóng và thon nhỏ. Thằng con trai nào cũng chỉ mang kiểu giày như nó. Nhiều thằng con trai khác cũng ngổ ngáo, lừ đừ, ngu ngơ, mệt mỏi, bê tha, liều lĩnh, phung phí và phẫn uất cái gì không biết như nó (...) Nó không đẹp. Không dễ thương. Không một đặc điểm nào hết." Có lần khác, cô Trâm bảo: "Người con trai đứng dang chân, khoanh tay nhìn xuống, chiếc áo vắt hờ trên vai. Khói thuốc lờ mờ vờn lên khuôn mặt bỗng nhiên kiêu ngạo, tàn nhẫn và điểu giả. Khoảnh khắc, Trâm nhận ra khuôn mặt thực của Minh (...)"

Người như thế có thể là một "chàng" của thiếp, một đấng "lang quân", ít ra là một "anh" của em được chăng? Gọi thế ép quá, đâu được. Đối diện nhau thì họ xưng "cô" với "em". Trong suy tưởng thì cô Trâm gọi Minh là "nó", là "thằng con trai", là "đứa"...

Điểu giả, lừ đừ, bê tha... mà cứ yêu? Sao không? Tình nhân thằng, tình nhân đứa, tình nhân nó? Sao không? Giác quan có những lý lẽ mà lý trí không thấu rõ.

Trước từng có chuyện như thế chăng? Ai mà biết! Không chừng "cổ nhân" cũng không kém kim nhân. Biết đâu! Duy trước không có văn nhân thi sĩ nào nói ra chuyện ấy. Chúng ta đang bàn chuyện văn học, không bàn về xã hội học, về phong tục, về đạo lý... Chuyện có mà không viết ra, không thuộc về văn chương. Nguyễn thị Hoàng là nhà văn nữ giới đầu tiên ở nước ta viết ra, nói ra xông xổng không chút ngại ngần. E bà là nhà văn Việt Nam đầu tiên, kể luôn cả nam lẫn nữ.

Trong quan hệ yêu đương mới, vị trí của đôi bên nam nữ khác hẳn trước. Ý tôi muốn nói cái vị trí tinh thần, tình cảm. Thành thử, từ chuyện mắt nhìn một khoảng da, mũi hít một hơi ấm, miệng thốt ra một lối xưng hô, Nguyễn thị Hoàng đã khui ra lắm điều mới mẻ.

Cái lẩn khuất kín nhẹm mà nêu to, thì chuyện ồn ấy thuộc nhiệm vụ khám phá của người cầm bút. Bà Nguyễn làm thế không khỏi có những bậc đạo cao đức trọng nhăn mặt khó chịu. Thiết tưởng đừng nên vì thế mà

nhụt chí. Phải nhận rằng bà Nguyễn dạn miệng không vì dụng ý xấu: trong truyện bà không có những "xen" làm tình, những cảnh lõa lồ, những bộ phận nọ bộ phận kia phơi bày hay lấp ló v.v... Bà không có ý kích thích ai. Cô Kiều còn có buổi tắm hoa, cô Thu (trong Bướm Trắng của Nhất Linh) còn bỏ quên chiếc áo lót, cô gái của Trương Tửu còn bỏ rơi luôn cả chiếc yếm v.v... Nhân vật nữ của Nguyễn thị Hoàng không hay rơi rớt cái gì.

Đã nói xong mặt tốt của cái ồn. Có lẽ bây giờ tưởng có thể chuyển tạm qua mặt khác.

Trong Vòng Tay Học Trò, lúc cậu Minh quyết định rời nhà cô giáo đi trọ nơi khác, cô giáo Trâm vùng vẫy suốt mấy chương sách. Không dám mời độc giả theo dõi suốt cảnh quằn quại đau thương ấy, chỉ xin trích dẫn một đoạn ngắn làm mẫu: "Còn tôi ở lại. Quằn quại ngày đêm trên sâu khấu vắng ngắt này, dở sống dở chết, mang án tử hình xử chậm suốt đời như thế. Giờ em đi rồi. Một phần đời tôi cũng bỏ đi theo. Còn gì không trong căn phòng nhỏ bé đó? Tất cả lần lượt lách mình ra khỏi cửa đời tôi. Hoặc âm thầm lẩn trốn, hoặc vang động ồn ào. Ồn ào như em đang bỏ đi. Tiếng động chạm của ghế bàn đồ đạc. Tiếng ầm ầm của một góc địa cầu này sụp đổ lên tôi. Tiếng đá rơi và đất đổ, sóng thét và gió gào giờ nguyệt tận (?). Tôi biến thành dã thú bị thương, quay cuồng điên dại trong bẫy đời rộng lớn. Không còn lối thoát. Hai mắt mở to sâu hút dại khờ trừng trừng trong khoảng trống này. Bóng tối xiêu đổ gục xuống như thân cây sét đánh. Đầu tôi chỉ còn là xương sọ rạn nứt điên mê. Mái tóc hoang biến thành con trăn lớn, trườn mình khắp mặt đất bốc cháy này quấn lấy thân em. Cho em biến thành con chim nhỏ bay bổng lên trời, ca hót tình yêu ở một thiên đường khác."

Mẫu văn này trích từ cuốn sách đầu tay, ở đây tác giả còn dè dặt giữ mình, còn mực thước. Sau đó bà vung tay thẳng cánh, không còn tự kiểm soát mình nữa. Trong Vào Nơi Gió Cát chẳng hạn, cũng một người nữ xa người nam: Ôi thôi, chữ nghĩa quấy động ầm ầm, quả như "một góc địa cầu sụp đổ." Sách ấy là truyện chăng? là tiểu thuyết chăng? E không hẳn. Từ đầu chí cuối có truyện gì đâu? toàn là gào thét. Cũng là một nàng chinh phụ với một chàng vào nơi gió cát, nhưng ở Đoàn thị Điểm là Chinh Phụ Ngâm, ở Nguyễn thị Hoàng là Chinh phụ thét, Chinh phụ rống. Nghe hãi lắm cơ. Hãi lắm, hãi lắm.

Càng về sau, trong sách bà, chữ nghĩa càng được tung ra ào ạt, loạn xị, cẩu thả. Nói cho đúng, chữ tung nhiều mà nghĩa chẳng bao nhiêu.

Mười mấy năm sau khi cộng sản tràn vào Miền Nam, Trần thị NgH có lần đến thăm một nữ văn sĩ dưới chế độ cũ đang sống ở Nha Trang; bà ta một mực bảo: "Không, không còn nhà văn nào cả, tôi đã khai tử tôi rồi." Đọc bài viết của Trần thị NgH (trên tạp chí Thế Kỷ 21 số tháng 8-1992), nhiều người nghĩ nữ sĩ tự khai tử là Nguyễn thị Hoàng.

Nếu quả đó là bà Nguyễn thì việc khai tử e là chậm trễ. Thật ra bà Nguyễn coi như đã ngưng nghỉ từ lâu trước tháng 5-1975. Văn nghiệp của bà không có gì đáng kể sau cuốn Vòng Tay Học Trò.■

(1) Có phải tác giả muốn viết: xa tắp? (V.P.)

(2) Có phải tác giả muốn viết: nhọn hoắt? (V.P.)

VIÊN PHONG

ĐÊM TRĂNG TRONG TÙ

Trăng sáng, nhưng nhìn chẳng thấy trăng;
Trời xanh một giải hẹp giăng ngang
Trước hiên, trên mái nhà bên cạnh,
Chỉ thấy sao thưa lấp lánh vàng.

Gió mát ngoài kia giỡn với hoa;
Rong chơi, đom đóm lập loè qua;
Giữa vùng cây cỏ đang tươi lại,
Dế hát vang lừng khúc dạ ca.

Giờ đây, trên khắp giải non sông,
Từ núi đồi cao tới ruộng đồng,
Ngàn vạn con người đang thưởng ngoạn
Cảnh thiên nhiên đẹp dưới giăng trông

Ngắm giăng, hóng gió, muốn ra sân
Hưởng thú chung thường tại thế-gian,
Gióng sắt chặt cài song sắt bảo:
"Đêm trăng đâu phải của tù nhân"

Trại Thanh Cẩm (Thanh Hóa) 1977

"AI ĐƯA CON SÁO SANG SÔNG, ĐỂ CHO CON SÁO..."

NGÔ ĐÌNH VẬN

(Tiếp theo)

Một mùa "Sáo Nạn"

Trong lịch sử Dân Nhạc VN kể từ thời nhà Lý 1025 tức là khi Vua Lý Thái Tổ đặt ra chức Quản Giáp cho giới ca nhạc (lối hát Á Đào) tới ngày nay, chưa có thời kỳ nào nhạc Truyền Thống Dân Tộc đã và còn đang bị đánh phá một cách tàn bạo như hiện nay vì đường lối của Cộng Sản Việt Nam.

Nếu ví nhạc Truyền Thống Dân Tộc VN là loài sáo thì dưới thời Cộng Sản cai trị chính là một mùa "Sáo Nạn", loài Sáo đã bị hành hạ đến trụi lông, gãy cánh, què chân và nếu may mắn "sổ lồng" thì cũng khó "nhảy chân sáo" mà hót, mà bay được.

Phải nói rõ thủ phạm bạo hành *"loài sáo"* nhạc Truyền Thống Dân Tộc là ông Hồ Chí Minh và Đảng CSVN. Hồ Chí Minh, kẻ tự hào là *"đệ tử trung thành của Marx-Lenin"* theo Triết gia Pháp Jean Francois Revel thì *"Hồ Chí Minh là một trong những người thực hiện khắt khe nhất phương pháp mà chủ nghĩa Cộng Sản đã dùng trong suốt thế kỷ 20."*

Võ Nguyên Giáp trong cuốn "Những Chặng Đường Lịch Sử" trong 687 thì viết "Kỷ nguyên mới của loài người đã bắt đầu với Cách Mạng Tháng Mười Nga vĩ đại; Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) là người dân thuộc địa đã sớm tìm ra con đường cứu nước trong thời đại mới là con đường cách mạng vô sản, con đường của chủ nghĩa Lê-nin."

Từ năm 1923, Hồ Chí Minh đã theo phe Cộng Sản Zinoviev để chống lại phe CS Trostky, vì vậy khi là nhân viên của cơ quan Viễn Đông Vụ Liên Sô (cơ quan tình báo) sang hoạt động tại Trung Hoa, Hồ Chí Minh đã thực hiện đúng theo đường lối của cơ quan này là tận diệt các phe phái quốc gia không nằm trong tổ chức Cộng Sản.

Điểm hình nhất cho việc hãm hại các lãnh tụ quốc gia uy tín là vụ Hồ Chí Minh thông đồng với Nguyễn Công Viễn báo cho Mật Thám Pháp bắn chí sĩ Phan Bội Châu tháng 6 săm 1925 để lấy tiền, theo học giả Hoàng Văn Chí số tiền là 100 ngàn Đông Dương như tác giả J. Buttinger là 150 ngàn đồng.

Từ năm 1933 ông Hồ Chí Minh đã phải chấp nhận cảnh "cá chậu, chim lồng" trong cái lồng thép của CS quốc tế mà Tác giả Tưởng Vĩnh Kinh của cuốn Hồ Chí Minh tại Trung Hoa đã viết "từ năm 1933 đến 1938 ông Hồ ở hẳn Mạc Tư Khoa và bị cưỡng bách học tập."

Nguyễn Khánh Toàn, cựu Bộ Trưởng Giáo Dục VC cũng viết "thời kỳ này có nhiều đồng chí người Việt Nam ở Mạc Tư Khoa nhưng không ai biết Hồ Chủ Tịch đã tới Liên Sô. Chỉ có tại Viện Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Thực dân và các vấn đề dân thuộc địa là một nữ đồng chí bí thư, vì có trách nhiệm tiếp xúc, liên lạc với các đồng chí nên biết được việc này thôi. Nữ Đồng chí đặc trách tiểu tổ VN vốn là một cán bộ quốc tế Cộng sản. Mấy ngày sau bất ngờ trên đường phố, tôi mới được gặp Hồ Chủ Tịch, nhưng vì tổ chức chưa có giới thiệu chính thức nên tôi không dám gọi, lại thêm mấy hôm nữa, chúng tôi mới được chính thức hội kiến."

Vào giai đoạn đó chính là lúc Stalin ra tay giết hại trên 10 triệu dân Ukraine, 1/4 dân số của dân tộc này vì dân Ukraine đã gây trở ngại cho cuộc Cách Mạng vô sản để tiến lên một thế giới Đại Đồng.

Về Truyền Thống Dân Tộc theo quan niệm của Lenin thì chỉ có Truyền Thống Cách Mạng kể từ Marx-Angels là đáng kể những gì cũ hơn thì chỉ là tàn tích của các chế độ Quân Chủ, phong kiến thối nát.

Dân Tộc thì là một trở ngại lớn cho Cách Mạng và vì thế Stalin đã thẳng tay tiêu diệt các dân tộc Kratchai, Kalmouks, Tchetchene, Irgouche, Banca, Ukraine từ 1943 đến 1944 theo như Tờ Trình Bí Mật của Krutchev về Stalin được nói lên trong Hội Nghị lần thứ 20 của Cộng Đảng Liên Sô vào năm 1956.

Ở thời kỳ đầu của Đảng CSVN, ông Hồ Chí Minh đang có nhu cầu cạnh tranh với các "đồng chí" đối thủ VN và cả các "đồng chí" thuộc các nước nhược tiểu khác để được sự tín nhiệm của Stalin thì người ta không ngạc nhiên gì khi thấy ông Hồ Chí Minh đã triệt để áp dụng đường lối "Cách mạng bạo lực" rất sắt máu của Stalin ở Việt Nam.

Trong thời kỳ này, Hồ Chí Minh mới chỉ có "Đạo Đức Cách Mạng" thôi, tức là "triệt để trung thành với Marx-Lenin," đẩy mạnh "Kách Mạng" theo đường lối của Stalin để đưa cả dân tộc Việt Nam tiến lên "một thế giới đại đồng, vô sản chuyên chính."

Về mặt "quản lý" Văn Hóa, ông Hồ Chí Minh đã giao cho Trường Chinh, Tố Hữu là những kẻ chỉ muốn làm "Kách Mạng"

mau chóng, muốn đưa tất cả các Văn Nghệ Sĩ vào cái lồng của Đảng để phục vụ cho "Kách Mạng."

Hồi ký của Nhạc sĩ Phạm Duy ghi rõ trong Đại Hội Văn Nghệ Nhân Dân vào năm 1950 tại Yên Giả, "Chủ tịch đoàn đưa ra một đường lối gọi là "Văn nghệ Hiện Thực Xã Hội Chủ Nghĩa." Mục đích chính là đưa ra một thứ kim chỉ nam cho tất cả mọi ngành sáng tác. Mục đích phụ (hay đây mới là mục đích chính) là biểu dương lực lượng văn nghệ sĩ và báo cáo đường lối chỉ huy văn nghệ của Nhà Nước cho quan khách biết. Các quan khách đó là ai? Đó là một số cố vấn Liên Sô, Trung Cộng và vị tân khách Léo Figuères, đại diện của đoàn Thanh Niên Pháp Quốc đang ngồi ở hàng ghế đầu cùng với Trường Chinh, Tố Hữu, Trần Độ..."

Vẫn theo Hồi ký của Phạm Duy thì "Tố Hữu đã chỉ huy xong sự khai trừ bài Vọng Cổ, đi tới phán quyết thứ hai là mạt sát Kịch Thơ."

Tố Hữu đã bất chấp các ý kiến khác, "lên án Vọng Cổ ủy mị làm mất nước, còn kịch thơ phần nhiều chỉ phản ảnh tinh thần phong kiến. Cốt truyện đưa ra toàn những nhân vật quan liêu."

Vì quan niệm chỉ huy Văn Hóa, Văn Nghệ của Trung Ương Đảng CS như vậy nên người ta không lấy gì làm lạ là ở hầu hết các vùng nông thôn do Việt Minh kiểm soát các tập tục ca hát cổ truyền đều bị dẹp bỏ không vì lý do là tàn tích của phong kiến thối nát thì cũng rơi vài "tội" mê tín dị đoan.

Chẳng hạn như tục lệ hát thờ (Chầu Văn) ở các văn chỉ, đình đám thì phải dẹp vì tàn tích phong kiến, lên đồng với dàn ca nhạc cung văn bị cấm vì "mê tín dị đoan."

Suốt giai đoạn từ 1945 đến 1949, Việt Minh đã ra tay giết hại không biết bao nhiêu người quốc gia yêu nước mà họ coi là đối thủ nguy hại cho Cộng Sản.

Việt Nam Máu Lửa của Nghiêm Kế Tổ, trang 89 ghi rõ "Đối với các đảng phái yêu nước, Việt Minh hoặc công khai thủ tiêu (giải tán Đại Việt, Thanh Niên Ái Quốc v.v...) hoặc dùng biện pháp quân sự (tiêu diệt Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Vĩnh Yên, Nghĩa Lộ, Đồng Minh Hội ở Tiên Yên, Phục Quốc ở Lạng Sơn..."

Tiếp đó tác giả Nghiêm Kế Tổ viết ở trang 176 "từ 1945, dưới bàn tay của Việt Minh, những phần tử có khuynh hướng quốc gia đều lần lượt bị thủ tiêu với cái nghĩa rộng rãi của nó."

Trong giai đoạn này những xác chết bị thả xuống sông, trôi dạt thành bè trên sông Hồng đến độ những dân thuyền chài sợ không dám uống nước sông mà phải vào trong các làng mạc lấy nước giếng để dùng.

Ở nông thôn trong các vùng kháng chiến vào những năm 1949 trở đi, Việt Minh đã du nhập các điệu hát múa Nông Tác Vũ của Trung Cộng gọi là Nhảy Son Đố Mì hay bài "dân Liên Sô vui hát trên đồng hoa" và các bài hát "Kách Mạng" khác để thay thế toàn bộ sinh hoạt văn nghệ truyền thống của nông thôn miền Bắc.

Đàn Đáy, Đàn Nguyệt, Đàn Tranh, Nhị... bị dẹp bỏ, bị đem làm củi đun bếp rất nhiều vào giai đoạn "Kách Mạng" này.

Từ 1949 trở đi, tức là kể từ khi Mao Trạch Đông lấy trọn Hoa Lục thì "Bác Đảng" lại có thêm "tư tưởng Mao Trạch Đông" để hướng dẫn theo đường lối Cộng Sản Châu Á dựa vào sách Đông Phương Hồng của "Mao Chủ Tịch."

Ông Hồ Chí Minh từ chỗ "Đạo Đức Cách Mạng" đã tiến sang thời kỳ "tác phong." Các cơ quan tuyên truyền của Đảng phải làm chuyện cổ võ cho "nguyên tắc và trật tự mới" là "Chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Mao Trạch Đông, tác phong Hồ Chủ Tịch."

Ông Hồ Chí Minh đã rất khôn khéo chọn vị thế thứ ba của CS ở vùng Á Châu. Người có "tác phong" về "Kách Mệnh" tức là kẻ đã học tập thấu triệt chủ nghĩa, Marx-Lenin, tư tưởng Mao Trạch Đông để đem thực hiện một cách "đúng đắn" theo như sự giải thích của sách vở CSVN.

Tuy thế cái "trật tự" mới này đã biểu lộ rõ ràng trở ngại to lớn của mục tiêu "một thế giới Đại Đồng vô sản chuyên chính," biến mục tiêu này thành ảo tưởng.

Tới năm 1953 khi nhà độc tài Joseph Stalin qua đời, Tố Hữu

dịp này đã làm một bài thơ tiếc thương mang tựa là "Đời đời nhớ ông" với những câu như sau:
"Stalin! Stalin
"Yêu biết mấy, nghe con tập nói!
"tiếng đầu lòng con gọi Stalin..."
để rồi ai oán khóc than:
"thương cha, thương mẹ, thương chồng,
"thương mình thương một, thương ông thương mười,
"Yêu con, yêu nước, yêu nòi
"Yêu bao nhiêu lại yêu Người bấy nhiêu..."

Ông Hồ Chí Minh cũng là kẻ rất ưa phô diễn "tác phong Cách Mạng", ông ta đã thường ôm hôn các cán bộ CS theo tập tục của Liên Sô. Nhiều lần trong các buổi hòa nhạc liên hoan, ông Hồ đã dành lấy vai trò nhạc trưởng để điều khiển toàn ban ca nhạc hát bài "Kết đoàn" của Trung Cộng với các lời lẽ như sau:
"Kết đoàn chúng ta là sức mạnh.
Kết đoàn chúng ta là sắt gang,
Mà sắt với gang còn kém bền vững.
Chúng ta thề phá tan quân thù
Thực dân, đế quốc sài lang
Với phe phản động ta đập tan hoang..."

Bức hình chụp ông đóng vai nhạc trưởng sau này được Nhà Nước CSVN dùng để in một con tem cho ngành Bưu Điện.

Tới thời kỳ từ 1954 đến 1956, là thời kỳ "Bác Đảng" đã gây ra một cuộc giết chóc đẫm máu nhất tại nông thôn miền Bắc qua "chính sách cải cách ruộng đất."

Theo tài liệu của Giáo Sư Lâm Thanh Liêm, nguyên Trưởng Ban Địa Lý thuộc Đại Học Văn Khoa Saigon thì "qua năm cuộc cải cách ruộng đất kế tiếp nhau đã làm cho nông dân miền Bắc đẫm máu..." Giáo sư Liêm viết tiếp "các chuyên viên nghiên cứu ước tính đã có khoảng từ 120,000 đến 200,000 người đã bị giết oan và hàng chục ngàn người khác đã bị đày đi các trại cải tạo." Sau cuộc "cải cách" bạo lực này, Đảng CSVN thấy có nhiều khuyết điểm làm nông dân bất mãn, nên Hồ Chí Minh đã ra lệnh cho Trường Chinh đứng ra nhận lỗi. Nhưng Trường Chinh đã đổ vạ việc sai lầm ấy là do các cán bộ địa phương làm quá chứ Đảng và Nhà Nước không hề sai lầm trong đường lối chính sách.

Võ Nguyên Giáp trong cuốn "Chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước" nơi trang 45 thì viết rằng "Tuy cải cách ruộng đất có mắc phải sai lầm, nhưng sai lầm chỉ là bộ phận, là thứ yếu..."

Sau đó Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh "Thực hiện cải cách ruộng đất trong kháng chiến là một chủ trương chính xác của Đảng ta, một chủ trương có tính cách sáng tạo."

Kết quả của vụ thảm sát này đã khiến cho môi trường sinh hoạt của loài sáo dân nhạc VN là nông thôn biến thành "Đất Dữ."

Ca dao Việt Nam nói "Đất lành chim đậu", đất không còn lành nữa, nông dân bỏ ruộng đi kiếm các nghề sinh sống khác. Nông thôn miền Bắc qua cuộc cải cách ruộng đất và sau này được đưa vào tập thể thì miền Bắc không còn nông dân chuyên nghiệp theo cảnh:
"Chồng cầy, vợ cấy, con trâu đi bừa..."

Tới cuối năm 1959 đến đầu 1960, "Bác Đảng" đã phát động chiến dịch "Đồng Khởi" để gây chiến tranh thôn tính miền Nam thì lúc đó cả miền Bắc biến thành hậu phương cung cấp người và của cho cuộc chiến tranh mới.

Nông thôn miền Bắc kể từ 1960 trở đi đã chỉ còn một vế của lối hát đối tức là phe nữ mà thôi. Vế đáp là phe Nam giới đã "được" vận động để lên đường chiến đấu, miền Bắc xảy ra nạn "gái thừa trai thiếu," ca dao VN có câu
"gái phải hơi trai như thài lài phải cứt chó"

Sức trai đã được điều động vào con đường xâm nhập mang tên đường mòn Hồ Chí Minh để làm phân bón cho các cánh rừng Trường Sơn, cho các trận đánh

HUỲNH LIỄU NGẠN

KHÔNG GẶP NỮA

Không gặp nữa từng sớm chiều qua vội
tháng năm dài cơn mộng cũ trôi đi
từng ngõ ngách đã vờn sông núi lại
con đường về hoài vọng cũng lâm ly

bóng mẹ đổ đường ghềnh bên xóm chợ
hai chân nghèo níu vai nặng qua truông
sông với nước cùng đời người trôi mãi
bóng mẹ gầy níu vũ trụ qua mương

Không gặp nữa mà cần chi gặp nữa
một mối tình đã hẹn biển thề non
cứ như thế để đau thương cho trọn
rồi ra về cùng mặt đất héo hon

cứ như thế nhìn mưa bay gió bão
một cuộc đời lỗi đạo với trầm luân
lạy mẹ già sớm chiều ra ngõ đợi
cùng với tình xin lỗi một thanh xuân.

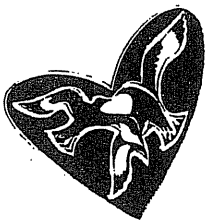

NHẤT UYÊN

SÓNG XUÂN

Cát vàng sóng soãi bên trời
Sóng hôn hổn hển môi người tình say
đồi xuân nắng lõa dáng mai
thì thầm tơ liễu hoa cười ngậm sương
trời xanh mây trắng nõn nường
bên em triều vọng, êm êm núi đồi
dạt dào sóng lượn xa khơi
dạt dào sóng cuộn tung trời tình sâu
xa xa đôi cánh hải âu
giao cánh bên cầu, lơ lửng tình xuân

Paris 4/94

biển người ở Nam Bộ thì nữ giới miền Bắc đương nhiên biến thành những cọng thài lài tong teo, cằn cỗi, sống dập dờn ở ven ruộng, bờ ao là điều không thể tránh được.

Trong giai đoạn chiến tranh được gọi là "Chống Mỹ Cứu Nước", ông Hồ Chí Minh cũng đóng góp vào việc cải biên dân nhạc.

Chẳng hạn như ông Hồ đã lấy câu ca dao:

"Còn non, còn nước, còn trời,
Còn cô bán rượu anh thời say sưa..."

để cải biên thành ca dao chống Mỹ như sau:

"Còn non, còn nước, còn người
Đánh thắng giặc Mỹ ta thời xây dựng gấp mười năm xưa"

Ở trong cả một tình huống khổ cực như thế, miền Bắc còn gì là ca hát ngoại trừ tiếng "sáo hót trong lồng" để ca ngợi chủ nghĩa, tôn vinh Cách Mạng mà lãnh đạo chính là "Bác Đảng." "Nhạc Đảng" đã đại diện cho toàn thể Nhân Dân, các cán bộ văn hóa của Đảng đã thay thế mọi sự lên tiếng của quần chúng, gạt bỏ nghệ sĩ dân gian ra ngoài.

Nhạc của miền Bắc vì thế đã bị lai Nga, lai Tầu, lai Hung... là điều đương nhiên. Trong giai đoạn mở rộng chiến tranh xâm lược vô miền Nam VN này, ông Hồ Chí Minh có nuôi chim nhưng không hiểu việc nuôi nấng này ra sao mà nhà thơ Bút Tre đã tức cảnh sinh tình làm thơ vịnh chim với hai câu rằng:

"Bác Hồ có một con chim
Nhờ bà Thị Định đi tìm cái lông." (cái lồng)

Nhà thơ Bút Tre tự nhận là người làm thơ dở nhất, ngang phè nhưng biệt tài của ông lại là từ chỗ dở ấy người ta tìm ra được những điều mỉa mai, gai góc, ông đã đặt bẫy một cách tài tình để chơi trò "vuốt râu hùm, mó dái ngựa."

Một chuyện khác đáng ghi nhận là miền Bắc rất "tự hào" vì không còn nạn ăn mày nữa. Nhưng dư luận từ dân chúng đã trả lời cho Nhà Nước rằng "toàn dân đã trở thành bần cùng cả rồi thì có đi ăn mày nữa cũng chẳng ai có gì mà cho."

Đường lối "quản lý" lương thực, nhu yếu phẩm theo chế độ "nhân khẩu" của Nhà Nước CSVN rất khắc nghiệt vì thế trong dân chúng đã có câu ca dao:

"Một năm ba thước vải sô,
làm sao che nổi Bác Hồ đây em"

Nhạc sĩ Phạm Duy sau này đã phổ nhạc câu trên và đặt ở phần "ca dao thời Hồ" trong tập Ngàn Lời Ca.

Kết quả của sự "tự hào" này là ngành Hát Xẩm đã không còn đất để sống, cách chơi và những cây đàn bầu của nghề Hát Xẩm bị trôi vào lãng quên.

Năm 1969 thì ông Hồ Chí Minh qua đời, Đảng và Nhà Nước VC đã làm những bài điếu văn thương tiếc, ca tụng "sự nghiệp" của ông, bên cạnh những tiếng khóc đồng điệu đó, nhà thơ Bút Tre lại một lần nữa làm hai câu thơ thảm thiết rất lạc điệu là:

"Tin đâu như sét đánh ngang
Bác Hồ đang sống chuyển sang từ trần"

Cái thâm hiểm của ông Bút Tre nó nằm ở chỗ dở nhất, hai chữ chuyển sang nghe rất ép uổng, nhưng lại hàm ý rằng đây là cái chết thình lình, bất đắc kỳ tử mà phong tục VN vốn coi là điều gở dành cho những kẻ độc ác.

Trên cả cái tài làm thơ hay ở chỗ rất dở để "vuốt râu hùm" này, nhà thơ Bút Tre đã lách được các sự thanh trừng hay bị xếp vào loại "phản động" đó là điều kỳ lạ chưa ai tìm được nguyên do.

Tới năm 1975 khi miền Bắc đã chiếm được miền Nam rồi thì các đường lối, chính sách của Nhà Nước CS đã áp dụng ở miền Bắc được đưa vô thực hiện ở miền Nam theo khẩu hiệu "tiến nhanh, tiến mạnh lên Xã Hội Chủ Nghĩa." Nhưng thực tế xảy ra thì lại khác, các cán bộ CS được "chi viện" cho miền Nam để nắm trọn guồng máy lãnh đạo đã chỉ thích các sản phẩm, Văn Hóa của miền

Nam mà thôi mặc dù Đảng gay gắt lên án và thẳng tay dán cho tất cả mọi sản phẩm Văn Hóa miền Nam là "đồi trụy". Ở khắp nơi tại miền Nam vào các năm từ 1976 đến 1977 Nhà Nước đã cho Du kích, công an đi tịch thu mọi loại văn hóa "ngụy" để tiêu hủy.

Có vùng thì tổ chức đốt sách vở "đồi trụy", có nơi thì lập đám ma, thu hết sách vở "đồi trụy" bỏ vào những chiếc quan tài đem đi chôn.

Những bộ sách quý mang tên tác gia Lê Quý Đôn, Nguyễn Trãi... những sách dịch trong loại "học làm người" đều chịu chung số phận "đồi trụy" đưa đi chôn.

Tuy nhiên đường lối của Nhà Nước CSVN đã có nhiều sơ hở, mà cái sơ hở nhất là để cho các cán bộ Miền Bắc được quyền "nghiên cứu tội ác Mỹ ngụy." Phần lớn các Cán Bộ Miền Bắc đều thích "nghiên cứu" cái phần "tội ác đồi trụy" lắm, vì thế ở nhiều nơi chính du kích lại là những kẻ hành nghề bốc mả "đồi trụy" lên, tức là đào trộm sách, băng nhạc vàng để cung cấp cho Cán Bộ, Bộ Đội đem về Miền Bắc làm quà "nghiên cứu" cho bà con. Hiện tượng trên đã khiến cho những gì gọi là Truyền Thống Dân Tộc còn lẫn lộn trong mớ sản phẩm "đồi trụy" có cơ hội sống sót và quảng bá rộng hơn, mặc dù Nhà Nước CS vẫn triệt để tiêu diệt "tội ác Mỹ Ngụy."

Kể từ 1977, CSVN gia nhập tổ chức Liên Hiệp Quốc, sau đó vì muốn tham gia vào các cơ cấu của Liên Hiệp Quốc và thế giới bên ngoài khối CS trong đó có tổ chức Nhạc Truyền Thống Dân Tộc Thế Giới thì CSVN mới tích cực đi tìm Truyền Thống Dân Tộc ngoài cái Truyền Thống Marx-Engels. Thế nhưng khi muốn gia nhập tổ chức này thì phải hội đủ các điều kiện tối thiểu về sự định nghĩa, phẩm chất, tiêu chuẩn và nguyên tắc chung. Nhà Nước CSVN ở nhu cầu này đã đành phải chỉ cái kho tàng "cải biên dân nhạc" mà họ đã khởi đầu làm "Kách Mạng" từ cuối thập niên 40 đầu 50 kế tiếp về sau này để bảo đó là "nhạc Truyền Thống Dân Tộc," vì những gì là Truyền Thống đều đã bị loại bỏ.

Đây chính là một sự sai lầm tai hại vì không ai lại chỉ những món tân tạo mà bảo rằng đó là đồ cổ cả.

Cái dữ kiện mà nhạc sĩ cổ nhạc Lữ Liên đã kể lại về việc cải biên dân nhạc của ông Nguyễn Xuân Khoát cũng chỉ là một sự kiện nổi, giản lược mà thôi. Có cải biên dân nhạc cũng vẫn không sao cả, dùng ký âm pháp Tây Phương để ghi lại dân ca VN trong mục đích quảng bá rằng dân ca VN có nhiều làn điệu hay lạ, đây là cách chơi mới làm phong phú hơn cho nhạc Truyền Thống Dân Tộc thì vẫn không có gì đáng trách. Từ lâu rồi các nghệ sĩ Tây Âu đã dùng dân nhạc của chính xứ sở họ làm nguồn hứng khởi, làm nhạc đề để viết ra các khúc nhạc mới có sao đâu. Tchaikovsky của Nga Sô đã từng dùng nguyên một khúc nhạc Hát Xẩm để đưa vào tấu khúc Andante Cantabile, Brahms đã đem làn điệu của nước ông vào các tác phẩm Hungarian Dances, ngoài ra còn Chopin, Franz, Listz, Grieg, Mahler v.v... Ở Việt Nam có nhiều nhạc sĩ như Thẩm Oánh, Lê Thương, Dương Thiệu Tước, Phạm Duy... cũng dựa vào cái gốc dân nhạc để sáng tác các ca khúc mới thì có sao đâu.

Nhạc sĩ Phạm Duy, trong hồi ký của ông nói rõ, ông đã nghiên cứu Ương Ca của Trung Cộng, dựa vào dân ca Việt Nam để viết ra những bản dân ca mới làm cho dân nhạc phong phú như một sự trở mình bừng dậy. Trong một buổi tiếp xúc với chúng tôi tại tư thất của ông vào tháng Ba năm 1994 tại thị trấn Midway, California, Nhạc sĩ Phạm Duy đã nói "tôi ôm lấy cái cuống rốn dân tộc là dân nhạc VN để sáng tác những bài dân ca mới và vì thế các làn điệu dân nhạc luôn thấy trong các tác phẩm của tôi".

Trả lời câu hỏi rằng "có dư luận nói là ông lấy dân nhạc đưa vào các tác phẩm của ông nhiều lắm ông nghĩ sao?" Nhạc sĩ Phạm Duy đáp "đúng, tôi lấy dân nhạc nhiều lắm, nhưng cái cách lấy của tôi giống như người ta lấy một hạt lúa để làm lên cả một cánh đồng, việc lấy dân ca của tôi có thể chỉ có nhạc sĩ Trần Văn Khê hiểu được."

Do đó việc cải biên dân nhạc vẫn không có chi là sai trái, gây tác hại cho ngành nhạc Truyền Thống Dân Tộc Việt Nam.

Tuy vậy cái mục Nhạc Dân Tộc Cải Biên Việt Nam do các người lãnh đạo Văn Hóa của Việt Cộng chủ trương thì lại khác. Sự cải biên kể từ việc mở đầu của Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát đã kéo theo cả một phong trào cải biên tiếp tục từ cuối thập niên 40 đến nay với chủ đích làm cả "Cách Mạng" cho Truyền Thống, "Cách Mạng cho lịch sử" thì đây mới là sự tai hại vì đã tróc nã loài sáo nhạc Truyền Thống Dân Tộc rồi thì còn tìm đâu ra những nét đặc thù của Truyền Thống Dân Tộc VN nữa.

Trong thực tế mấy chữ Nhạc Truyền Thống Dân Tộc cũng chỉ được nhắc tới từ thời Lê Duẩn vì nhu cầu của Đảng, cũng như tư tưởng của ông Hồ Chí Minh, cũng chỉ được đảng CSVN đẻ ra kể từ năm 1979, trong mục đích chứng tỏ rằng Đảng CSVN không còn chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng Mao Trạch Đông nữa mà "hạ quyết tâm" đi theo đường lối của Liên Sô.

Tóm lại ngành nhạc Truyền Thống Dân Tộc Việt Nam đã bị đánh phá liên tục vì các nhu cầu ngắn hạn của Đảng CSVN nhưng nó không đi ra ngoài mục tiêu bảo vệ quyền lực cũng như sự sinh tồn của tập đoàn cầm quyền Hà Nội.

Ở Trung Hoa đã có một thời gian Mao Trạch Đông lên án chim trời là loài động vật ăn cắp thóc lúa của nông dân. Ông ta ra lệnh cho cả nước tận diệt "đồ ăn cắp," chim bị giết hàng triệu con, những con chim may mắn "cao bay, xa chạy" đã tìm đất lành mà đậu.

Đồng lúa trên cả nước Trung Hoa sau đó đã bị mất mùa vì nạn sâu rầy, lúc đó Mao Trạch Đông mới biết rằng chim trời đã giúp ích rất nhiều cho nông nghiệp.

Mao hạ lệnh cho cả nước chiêu dụ chim về nhưng đàn chim tan tác trở về rất ít, về rồi thì còn phải đẻ nữa, vì thế cả nước Trung Hoa đã gặp nạn đói qua mấy mùa sau.

Do đó tàn hại loài sáo là nhạc Truyền Thống Dân Tộc rồi thì bây giờ tìm kiếm lại là cả một vấn đề rắc rối cho giai đoạn "Đổi Mới" của Đảng CSVN.■

SẼ RỰC RỠ MÙA THU NÀY

NGÔ THẾ VINH

Khung cảnh nhân vật chỉ là cái cớ và là hư cấu của tiểu thuyết.

Bay sang Cali lần này, cho cuộc họp sơ bộ chuẩn bị Hội nghị y sĩ thế giới lần thứ 5 tại Palo Alto mùa thu tới. Tám giờ đồng hồ đủ cho một chuyến bay xuyên lục địa đang từ vùng tuyết giá lạnh của Montréal bước sang vùng nắng ấm Cali cùng ngày. Cũng khoảng thời gian này nếu là ở một cuộc hành quân mùa mưa trên cao nguyên chắc cũng chưa thoát ra khỏi cái vũng lầy lội cách đấy chưa đầy mươi cây số. Điều đáng kể là kết hợp với chuyến đi này, Chính sẽ có dịp đến thăm Trương, người bạn rất thân mới từ Việt nam qua chưa đầy một tuần lễ. Hy vọng Trương có thể cung cấp cho Chính những tin tức tại chỗ và nóng hổi của tình hình bên nhà. Với một người bạn đã coi là thân, thì cho dù xa nhau bao lâu, ở đâu và bao giờ Chính vững tin rằng cũng sẽ không có gì đổi thay trong cái tâm của bạn.

Những biến đổi dồn dập gần đây, nhất là ngay trong gia đình Chính khiến anh phải suy nghĩ. Những đứa con anh ngày càng trở nên độc lập và tách ra khỏi bố mẹ. Điều đáng nói là cách nhìn của tụi nó về đời sống và thời thế khác xa nếu không muốn nói là đối chọi với Chính. Sau kinh nghiệm của một chuyến về Việt Nam với sự không đồng ý của Chính, Toản đứa con trai lớn của Chính trở nên ít nói. Nếu có thì là tâm sự nhiều hơn với mẹ nó qua những phát triển tình cảm mới của nó với cô bạn gái nhà báo cũng từ Mỹ mà nó gặp khi cả hai đứa cùng lặn lội ngoài miền Trung. Vợ chàng cho biết có nhiều khả năng cô gái Việt 100% nhưng lại không đọc và viết thạo tiếng Việt ấy sẽ lại là con dâu tương lai của gia đình anh. Tuy chưa gặp mặt nhưng Chính đã xúc động sâu xa qua bài báo kể lại câu chuyện thật của một người con 22 năm sau trở lại Việt nam với quyết tâm đi tìm người cha mất tích. Trong suốt cuộc hành trình đi về quá khứ và quê hương cũ, cô đã cảm nhận được sự mỉa mai đến phẫn nộ khi chứng kiến hai kẻ thù cố cựu tìm tới nhau, chia sẻ tin tức chiến trường cũ với hy vọng tìm được người mất tích phe mình. Nhưng rõ ràng họ chẳng đếm xỉa gì đến số phận của cha cô và toàn thể những người lính Việt Nam Cộng Hòa từng chiến đấu cho lý tưởng tự do mà họ tin là đúng cho xứ sở. Tất cả lặng lẽ biến mất trong *khoảng không trí nhớ* suốt hai thập niên qua và không hề là mối bận tâm của một chính quyền nào. Một sự lãng quên tàn nhẫn và toàn thể đối với số phận cha cô, cùng với sự ngoảnh mặt làm ngơ trước những phân biệt và kỳ thị đối xử đối với những người còn sống không thuộc về phe họ.

Truyện tưởng như khó tin nhưng lại rất thật là cho đến cả bài vị của cha cô đặt trong một ngôi chùa rất nhỏ ở vùng ngoại ô Sài gòn cũng chẳng còn dấu tích nào nữa khi mà chính những người cộng sản chiến thắng nhưng độc ác nhỏ nhen với cả những người chết đã xông cả vào chùa cướp và hủy đi tự bao giờ. *Khi những người sống quên người chết, thì người chết ấy chết đi lần thứ hai.* Vị sư trụ trì trong ngôi chùa ấy đã nói với cô ta như vậy. Và chính cô thì vẫn luôn luôn cầu nguyện cho cha cùng bao nhiêu những anh hùng vô danh bất hạnh khác được trở lại đời sống mỗi người bằng cách không bao giờ quên họ...

Quả thực Chính đã bị xúc động mạnh mẽ. Bấy lâu qua bao nhiêu hội nghị, chưa có bản nhận định hay tuyên cáo nào lại có được sức thuyết phục và tố cáo sắc bén như bài báo của một cô gái mới bước qua ngưỡng tuổi trưởng thành ấy. Hồi tưởng lại cách đây hơn 10 năm, Chính là một trong những thành phần chủ chốt sáng lập và tổ chức mỗi hai năm một hội nghị có quy mô quốc tế, quy tụ đông đảo các bác sĩ Việt nam hiện sống ở nước ngoài. Nếu kể mỗi thập niên là một thế hệ, thì đã hai thế hệ qua đi từ sau 75. Và phải nói là Chính đã thành công lèo lái một tập thể phức tạp như vậy với một lập trường nhất quán về vai trò y giới Việt Nam ở hải ngoại đối với hiện tình đất nước. Đó là thái độ dứt khoát "*không làm gì*" cho tới thời kỳ hậu cộng sản. Và hơn thế nữa còn phải ở thế tiến công bằng vận động duy trì phong toả cấm vận và chống bang giao cho đến khi không còn chế độ cộng sản. Bài học Nam Phi, Cuba là những minh chứng củng cố niềm tin của Chính. Rồi trước tin Mỹ bỏ cấm vận, biết trước là cái ngày không thể tránh được ấy — Chính vẫn phản ứng rất xúc động như là Mỹ đã phản bội Việt Nam một lần thứ hai. Và người ta đã không ngạc nhiên khi đọc bài viết của Chính ở "cột phải — *right column*" trên tờ nhật báo *LA Times* phát hành hơn một triệu số, phản ánh quan điểm cực hữu của Chính "*về sự phản bội và đầu hàng đáng hổ thẹn và nhục nhã của Mỹ dưới sự lãnh đạo của một tổng thống đã từng có thành tích trốn quân dịch trong trận chiến tranh Việt Nam*".

Bố Chính gốc Quốc Dân Đảng, gần như cả dòng họ Chính xa gần đều có liên hệ tới cuộc khởi nghĩa Yên Bái và kháng chiến chống Pháp. Nhưng với cộng sản, ai không cùng chiến tuyến với họ đều

là phản động Việt gian, và kinh nghiệm xương máu đối với gia đình Chính là cái giá của tù đầy và cả bằng cái chết tức tưởi của ba Chính: gia đình chỉ được biết ông bị Việt Minh bắt và sau đó không còn tin tức gì nữa. Ai cũng hiểu rằng ông đã bị thủ tiêu, xác ông đã bị vùi nông nơi sông rạch hay một xó xỉnh không tên nào đó mà vĩnh viễn gia đình Chính chẳng bao giờ biết được.

Bản thân anh cũng nếm mùi tù cộng sản bốn năm. Thiếu thốn khổ cực bao nhiêu anh cũng chịu được, nhưng anh không thể nào sống chung với những con người giả dối độc ác, như là bản chất chứ không phải hiện tượng. Có phải vì thế mà Chính trở thành một con người chống cộng rất cực đoan, dưới mắt anh thì "*bọn đỏ*" đó là một lũ quỷ mất hết nhân tính không đáng được đối xử như con người cần phải tiêu diệt.

Chính như người dùng chất *Antabuse*, như một thứ phản xạ điều kiện, chỉ chút hơi rượu không thôi, một chút gì dính dáng đến cộng sản cũng đủ gây lợm giọng và nôn mửa, kinh tởm và cả tránh xa.

Bằng cái ý nghĩ duy nhất đúng ấy, anh đã không tương nhượng ngay cả với những bạn bè không cùng suy nghĩ dập khuôn như anh. Chính không biết mình đã gây tổn thất cho cộng sản tới mức bao nhiêu, điều ấy anh không kiểm kê được, nhưng thiệt hại trước mắt là anh đã không ngần ngại hy sinh cả những người bạn lâu năm, đã từng là đồng nghiệp đã đi cùng chặng đường với anh ít ra là đã hơn 14 năm sống ở hải ngoại.

Bình tâm mà xét, bạn anh vẫn là con người của nhân cách đáng kính trọng, yêu nước và suy nghĩ độc lập. Điều gì đã xảy ra để khiến anh phải nhẫn tâm hy sinh họ. Chỉ vì vợ chồng Văn thì muốn linh đình tiếp đón một người bạn cố tri mới từ Việt Nam qua, nhưng điều đáng nói người bạn ấy vốn là một nghệ sĩ nổi danh của Sài gòn cũ mà sau này Chính cho là hắn thân cộng. Riêng Đình thì can tội vận động tổ chức một cuộc triển lãm tranh cho một họa-sĩ-trẻ-cách-đây-30-năm với thành tích huy chương vàng, nhưng trước đó đã lại có một cuộc triển lãm tranh ở trong nước với nhiều tiếng vang và những dư luận rất mâu thuẫn. Với năng khiếu sắc bén của một con thú chính trị, và bằng tất cả kinh nghiệm của những năm hoạt động, Chính đã dễ dàng tạo được áp lực dư luận trong và ngoài để ép cả Văn và Đình trước sau phải ra đi khỏi ban chấp hành hội mà chính họ đã là những thành

viên sáng lập.

Điều mà Chính sau này tự trách mình là anh đã không phân biệt được rõ ràng đâu là tình bạn lâu dài, đâu là nhu cầu chính trị giai đoạn khi mà cả Chính cũng đang đứng trong một vùng xám. Chính bề ngoài cứng rắn và dứt khoát nhưng thâm sâu lại giàu tình cảm. Lòng Chính đã không tránh khỏi bị chùng xuống khi đọc một bài viết của Văn, với tất cả nỗi cay đắng của một người tị nạn cộng sản ngay từ 75 nay lại phải nghĩ tới một cuộc di tản lần thứ hai để trốn chạy khỏi làn đạn của chính những người bạn hướng tới từ phía sau lưng mình.

Buổi mai thật yên tĩnh. Cũng thật là yên tĩnh cho một bữa ăn sáng từ trong nhà hàng sang trọng của một khách sạn "bốn sao" nhìn ra khu vườn cây xanh. Thực đơn nhẹ: cà phê hương vị từ Colombia, cam tươi vắt từ Florida, và trái cây là những trái dâu đỏ thắm từ Cali. Mấy miếng *French toast* tẩm trứng rắc chút đường trắng khô thơm mềm mại. Cái tiện nghi bình thường của bấy nhiêu năm sống ở Mỹ, bỗng dưng tại sao hôm nay Chính lại quá chú ý tới những chi tiết. Phải chăng do cuộc gặp mặt đầy xúc động với Trương ngày hôm qua cũng trong khung cảnh này nơi chiếc bàn này, đã khiến anh bất chợt nhìn lại cuộc sống mình.

Trương vừa tới Mỹ chưa đầy một tuần, ở vào cái giai đoạn cuối của bệnh *"non-Hodgkin lymphoma"* chứng ung thư có tỉ lệ bệnh cao ở những cựu chiến binh Mỹ bị nhiễm chất da cam trong trận chiến tranh Việt Nam. Là bạn cùng lớp với Chính trong suốt bảy năm học y khoa, Trương vốn cởi mở, ngôn ngữ thì ra vẻ phi luân có óc hài hước nhưng thực sự có lòng và dấn thân. Tết Mậu thân khi các bệnh viện tràn ngập người bệnh thiếu bác sĩ, Trương ở luôn trong bệnh viện, làm việc ngày đêm cho đến khi im tiếng súng. Ra trường nghiệp lính tráng chẳng phải do chọn lựa, tuy là tay dao mổ có hạng nhưng cái chỗ cuối danh sách còn lại mà người ta dành cho anh là y sĩ của một tiểu đoàn Thủy quân lục chiến. Trong bộ rằn ri dữ dằn Trương vẫn hiện nguyên vẻ thư sinh nho nhã. Nhưng rồi như mọi người, anh đã lội đủ hai năm làm hơn nhiệm vụ của một quân y sĩ với công tác dân sự vụ xen kẽ giữa các thời điểm nóng của trận địa cho tới khi anh được cử đi Mỹ du học; học xong anh trở về tiếp tục làm việc trong một quân y viện.

Khác với rất nhiều người, chưa bao giờ Trương lấy màu mũ với bộ áo rằn ri và chiến công của đơn vị như là một thành tích để kiêu hãnh. Trương rất lì trong trận mạc, được lính nể trọng nhưng anh lại ít được cấp chỉ huy ưa thích vì cái thái độ hòa mà không đồng của anh. Và cũng không ngạc nhiên là cho đến ngày rời tiểu đoàn Trương vẫn mang cấp bậc trung úy của ngày nhập ngũ, và anh cũng chẳng có

được lấy một huy chương. Với anh, thì vòng hoa và huy chương chỉ xứng đáng cho những người lính đã hy sinh nằm xuống.

Năm 75, cho dù có người anh là tư lệnh không đoàn, có phương tiện di tản, nhưng anh lại không ở trong số những người tới Mỹ sớm. Để sau đó đi tù năm năm. Ra tù vào đầu năm 80, anh trở lại làm bác sĩ giải phẫu của bệnh viện Sài gòn giữa cao trào của những chuyến đi bán chính thức do công an tổ chức. Anh cũng lại không có mặt trong số từng đợt, từng đợt, của những người ra đi ấy, trong đó có Chính là bạn thân và rất nhiều đồng nghiệp của anh, họ đều tới được bến bờ mới an toàn. Trương vẫn sinh hoạt bình thản cho dù bị khiêu khích từ nhiều phía, rằng anh là thứ "Cách mạng 30" nghĩa là xu thời, rằng anh là loại trí thức ba "N" — nếu không Nghèo thì Nhát hoặc Ngu — nên mới không biết tính chuyện ra đi. Trương thấy rất rõ anh là anh, không lẫn vào bất cứ loại người nào khác. Anh thông minh, nhạy cảm, hiểu rất sớm về những người cộng sản mà anh có cơ hội chung đụng và làm việc với. Theo anh thì không phải không có người tốt nhưng nói chung thì đa số đó là một bọn "giả dối, độc ác và dốt."

Anh đã nhận xét rất vắn tắt với Chính như vậy ở lần gặp gỡ chót trước khi Chính ra đi. Nhưng rồi anh vẫn là người ở lại, vẫn cứ bộc trực rất ít quan tâm về những mối tư lợi cá nhân, sẵn sàng chia sẻ kiến thức với những đồng nghiệp mới kém cỏi, bằng cách ấy anh nghĩ tới lợi ích mang lại cho người bệnh. Anh không chỉ có những bệnh nhân nghèo và bất hạnh, mà còn có cả những cán bộ cao cấp giấu tung tích trốn ra từ bệnh viện Thống Nhất đầy đủ thuốc men dành riêng cho họ, để được tới cho anh mổ và chăm sóc. Với họ, anh không hề có phân biệt đối xử. Rồi các bạn anh, những người ra đi trước sau, đa số đều trở lại y nghiệp, ổn định được cuộc sống nơi quê người. Một thiểu số bất chính, ngay trong mấy năm đầu mau chóng trở thành những triệu phú đô la trên các vùng đất lành đã cưu mang họ. Thành công và những hệ lụy do đám này gây ra vẫn còn là vết thương gây đau nhức cho cả một thế hệ di dân thứ nhất. Nhưng tuyệt đại đa số, chỉ bằng những cuộc sống lương thiện và thuần túy nghề nghiệp, là bác sĩ cho dù ở lục địa nào: Pháp, Úc hay Bắc Mỹ — họ không phải chỉ có tự do mà có cả những tiện nghi sung túc của một thành phần xã hội trên cao. Họ nhớ tới Trương, quý cái tâm tốt của anh nhưng vẫn coi anh như một người bạn gàn, họ hiểu rằng cái tính gàn bướng ấy đã làm khổ cả người vợ và đám con của anh.

Thế rồi những thùng quà được các bạn hữu gửi về như một hình thức tiếp tế cho gia đình anh. Nhưng anh thì lại không muốn như vậy. Anh không cấm đoán nhưng giảng giải cho những đứa con anh hiểu rằng chúng không nên ỷ lại mà hãy sống như mọi người chứ không bằng những trông ngóng các thùng quà và viện trợ từ bên ngoài. Anh vẫn giữ mối liên lạc bình thường với bạn bè, nhắn gửi những cuốn sách chuyên môn mà anh cần. Qua thư anh, vẫn là những dòng bút tự đẹp và tài hoa đề cập tới một cách tinh tế những nét đổi thay đi xuống của xã hội mới, vẫn với cái giọng hài hước nhẹ nhàng tuy thoáng buồn nhưng không lộ vẻ đắng cay; và chưa bao giờ có một dòng chữ kể khổ nào liên hệ tới anh và gia đình. Có lẽ phải nói là xúc phạm nếu như ai đó thấy tội nghiệp cho Trương. Anh tự do chọn lựa và cảm thấy hạnh phúc. Anh chẳng thuộc về phe nào và đã chọn một chỗ đứng độc lập cho riêng anh. Và có điều chắc chắn là cũng chẳng có một phía nào hợp với tâm hồn nhậy cảm và ưa tự do như anh. Trương an nhiên tự tại, thấy được cái tương đối của mọi sự trong cuộc sống nên anh chưa bao giờ hành động như một con người cực đoan hay quá khích. Anh chưa hề tỏ ra sùng tín một điều gì.

Bây giờ ngồi đây, trước mắt Chính là Trương. Hai mươi năm sau 75, nhưng thật sự là 14 năm sau với Chính. Trương y phục vẫn đơn giản, áo sơ mi trắng và quần kaki, với cặp kính cận trắng gọng vàng. Vẫn dáng dỏng cao, tuy gầy và nước da hơi xanh, tóc muối tiêu nhưng đôi mắt vẫn rất sáng như thuở nào. Có phần nào sáng hơn như ánh tro than lóe lên trước khi chợt tắt. Tia mắt sáng ấy đã làm đau nhói cả trái tim Chính. Nếu không có người em trai của Trương báo cho biết trước, Chính chẳng thể nào nghĩ rằng trước mắt mình là một người bạn sắp sửa vĩnh viễn ra đi khỏi cuộc sống này.

Có lẽ bấy lâu sống đã như một thói quen nên Chính và các bạn chàng đã không suy nghĩ và không sẵn sàng chuẩn bị cho cái chết có thể đến cho mỗi người. Và chỉ khi

TRƯƠNG ÁI MINH

CÕI TÂM

Chiều vắng lặng
tiếng chuông rơi
nghe hồn thanh thoát
nghe đời nhẹ tênh
con đường nghiệp chướng
gập ghềnh
trong vòng mê lộ
phù sinh cõi đời
dây oan
buộc
kiếp luân hồi
cõi tâm
là phật
là nơi niết bàn

8/2/94

đối diện với một cái chết rất gần gũi như Trương, Chính mới lại có dịp suy nghĩ về cái chết không thể tránh của chính bản thân mình. Là thầy thuốc Chính đã thấy được những ý nghĩa rất khác nhau về cái chết ở mỗi người bệnh. Đối với một số thì đó là một giải thoát cho những đau đớn hoặc thống khổ khôn nguôi. Với số khác bằng đức tin họ tự cho là một thăng hoa vào một cuộc sống khác. Có cả những cái chết tự nguyện của kẻ tuẫn đạo hay một chọn lựa hy sinh anh hùng. Phải kể cả cái chết nhằm làm đau người khác, hay mong tìm được một tình cảm thương yêu không sao có được khi họ đang còn ở cuộc sống thế gian này. "Cái hộp đen" không biết gì hết ở đằng sau cái chết mới chính là nguồn gốc sợ hãi của con người. Tuy rằng không hề có hai cái chết thực sự giống nhau, nhưng người ta vẫn vẽ ra được trong sách vở từng bước để đi vào cái chết. Từ phủ nhận chối bỏ, đến giận dữ, qua đến thương thuyết trả giá, rồi buồn bã trầm cảm, và cuối cùng là chấp nhận buông xuôi.

Chính đã không tìm được ở Trương một mẫu nào trong các mẫu nhân gian ấy. Cuộc sống Trương như là một dòng suối trong mát, chẳng biết bắt đầu từ đâu và kết thúc nơi nào. Hình như không có một biên thùy rõ rệt giữa hai cõi tử sinh nơi Trương. Nếu Trương chết đi thì cái dòng suối trong mát ấy vẫn hiển hiện chảy rì rào đâu đó trong tâm khảm của nhiều người. Ở lứa tuổi ngoài 50, không ai có thể nói chắc về sức khỏe của mình. Trong đám bạn Chính cũng đã có một số đột ngột ra đi. Với Chính, thì tuổi tác bệnh tật như một thứ *định mệnh sinh học* đâu có chừa ai.

Nhưng không hiểu tại sao lúc này Chính lại rất quan tâm tới những gì đang xảy đến với Trương. Tại sao lại là Trương. Không có câu trả lời cho căn bệnh ung thư của Trương. Phải chăng chính cuộc chiến tranh Việt Nam đã giết chết Trương. Chiến dịch trải thảm chất Da Cam — *Agent Orange*, làm trụi lá những khu rừng già cao nguyên mà Trương và những người lính đã phơi mình lặn lội ở trong đó. Làm sao khẳng định được rằng những người lính và dân chúng Việt Nam, trong đó có Trương, lại có được cái *khả năng miễn nhiễm* với các chứng bệnh ung thư quái ác ấy khi mà chính những cựu chiến binh Mỹ đã không thể tránh khỏi. Vấn nạn lương tâm ấy *sau Việt Nam* phải chăng đó là điều cấm kỵ — một *sujet tabou* khá gai góc đòi hỏi quá nhiều trí tuệ và công sức khiến không ai muốn và dám nghĩ tới.

Trương vẫn bình thản, không nói gì tới chuyện bệnh tật của mình. Anh nói chuyện về bạn hữu, chuyện mới cũ, chuyện xa gần. Nhắc tới kỷ niệm với những đứa con của Chính. Anh có cái tâm rộng rãi thật sự vui mừng khi biết sau 14 năm, hai trong ba đứa con trai của Chính đã vừa ra trường y khoa. Cũng thật là vô tình khi Chính than thở với anh về cách suy nghĩ rất khác anh của những đứa con lớn lên và sống lâu ở bên này. Nhưng Trương thì lại bênh vực tụi nó. Anh bảo hãy để cho tụi nó hồn nhiên, sống như hoa nở, như trăng lên. Đừng bắt tội tụi nó phải sang vai cái quá khứ nặng trĩu của thế hệ mình. Thì ra chính Trương lại rất ư gần gụi với đám con của Chính. Không ồn ào, không chiêng

ĐỖ QUYÊN

CHÀO NHÉ, BÁ LINH EM...

Chào nhé, Bá Linh em ở lại
Thảm cỏ xanh, cung điện, dải sông ngầm
và tượng đá... cùng cựa mình theo với
dòng người này sôi sục ngày đêm.

Chào nhé, Bá Linh em - dãy tường dài oằn oại
Yếu liễu phong sương hai mươi tám khoảnh đời *
Bão tố này em sao chịu nổi
Những vết phá xuyên chạy suốt lòng tôi!

Chào nhé, Bá Linh em... Tôi mộng vỡ
Dặm trường qua xứ sở để lại sau
Tưởng trong em cánh tay vờn xoa đỡ
Nửa đời sau tôi còn biết về đâu

Chào nhé, Bá Linh em - trái tim hai nửa
Tay những kẻ thô xé ứa máu đào
Tôi không được là người nghe hơi thở
Dịu dàng em như chào thế kỷ nào...

Chào nhé, Bá Linh em ở lại
Đây quán trọ đầu tiên đời du dạt trôi qua
Hè hai tháng - sáu mươi ngày động chuyển
Em hồi xuân... Và tôi sắp đi xa

Chào nhé, Bá Linh em ở lại!

Trại Tỵ Nạn Tây Bá Linh 24-5-90

* Bức tường Bá Linh có từ 13-8-69 đến 24-5-90

trống, trong những hoàn cảnh khác nhau Trương vẫn thấy đám trẻ tụi nó âm thầm trở về làm những công việc mà tụi nó thấy là có ích. Thằng Toản, đứa con trai lớn của Chính, khi đang còn là một bác sĩ thường trú về giải phẫu, trong một chuyến trở về Việt Nam, nó cũng đi tìm tới gặp Trương để có thể nói với anh những chuyện mà bố con nó không thể nói êm thấm được với nhau. Toản tới Mỹ từ tuổi không còn nhỏ. Xong bậc trung học khi còn ở Việt Nam, tuy là học sinh xuất sắc muốn thi vào trường y khoa Sài gòn nhưng bị loại vì lý lịch xấu. Mọi phấn đấu của nó đều vô ích cho tới khi nó theo Chính sang được tới Mỹ. Nó vào học y khoa, ra bác sĩ một cách dễ dàng và ngay năm đầu được bầu làm "Nội trú xuất sắc nhất trong năm." Từng là nạn nhân của phân biệt đối xử bất công, nhưng nó không để tâm nhớ lâu để mà nuôi thù hận hay trở nên cay đắng. Được học và trưởng thành ở Mỹ, nó dễ dàng tự coi nó là một người Mỹ. Nhưng khi phải đương đầu với những câu hỏi liên quan tới Việt Nam nó cũng chẳng thể quên được cái gốc gác của nó.

Toản kể lại rằng khi nó đang là *Chief Resident*, có một thằng đàn em Mỹ chính gốc trở về từ Việt Nam sau một *tour* làm công tác thiện nguyện. Nó đã say sưa kể lại những *kinh nghiệm Việt Nam* của nó. Điều đó đã khiến thằng Toản phải rát mặt. Và sau đó bất kể tới ý kiến chống đối và cả cấm đoán của bố, Toản đã bỏ ra nguyên một tháng nghỉ hè về Việt Nam, đi suốt từ Trung vào Nam, cùng với một bác sĩ cũ vốn là bạn đồng nghiệp cùng lớp với ba Toản trước kia. Khoảng thời gian ấy chẳng bao giờ có được đến hai ngày giống nhau. Toản không phải chỉ sống và làm việc trong những điều kiện cực kỳ thiếu thốn chữa trị cho những dạng bệnh mà nếu ở Mỹ chắc cả đời Toản chẳng bao giờ được gặp và sách vở y khoa cũng chẳng bao giờ đề cập tới. Nhưng Toản vẫn có thể vá sửa cho hàng trăm những đứa trẻ môi thỏ và cả giải phẫu phục hồi cho rất nhiều người bệnh với đủ loại thương tật chiến tranh khác. Đám người lớn và trẻ em ấy có một mẫu số chung: tất cả đều thiếu ăn và suy dinh dưỡng.

Nhưng điều đáng phẫn nộ và sót sa là sự bất công và cách biệt đến nhẫn tâm giữa thiểu số đảng viên và đa số dân chúng. Bước ra từ một xã hội mà thực phẩm chưa bao giờ là mối ưu tư hàng ngày, khi chứng kiến sự đói khổ của những đồng bào ruột thịt mình, những ngày lưu lại Việt nam đối với Toản là nỗi khắc khoải và vật vã lương tâm; tình cảm ấy vẫn đeo đẳng tới khi Toản đã trở về sinh hoạt bình thường trên đất Mỹ. Sau này Toản không còn thấy hào hứng theo chân ba mẹ đi dự những hội nghị diễn ra ở các kinh đô ánh sáng, thường thì bao giờ cũng kết thúc linh đình những yến tiệc dạ vũ hay ngoạn cảnh trên các du thuyền lộng lẫy. Cha và các bác thì vẫn cứ khắc khoải về quá khứ, nhưng Toản thì muốn nhìn về tương lai. Toản vẫn thương yêu cha nhưng đồng thời cũng hiểu rằng mình không còn bé nữa để tiếp tục làm cái đuôi của ba mẹ. Toản muốn tự mình khám phá cuộc sống, tự mình mở cánh cửa ra cho một tương lai đi vào.

Ngồi bên Trương, Chính thấy bạn lớn lao hơn mình. Trương tự do trong chọn lựa, an nhiên trong cuộc sống, và thanh thản từng bước đi vào cõi chết. Những lời nói cuối cùng của Trương, phát ra nhỏ nhẹ từ một lồng ngực yếu nhưng từ cả một hùng tâm: "*Đã gọi là nhân đạo thì không có điều kiện Chính ạ. Mà ai lại đi nói chuyện nhân đạo với người trong gia đình mình, với đồng bào mình bao giờ.*" Trương cười xanh xao tiếp. *Vả lại trước niềm đau làm gì có hàng rào ngôn ngữ nào.* Rồi anh nhắc lại câu nói của Goethe. *Lý thuyết nào thì cũng màu xám, chỉ có cây đời là vẫn mãi xanh tươi.* Chính vẫn là con người của nguyên tắc. Anh sẽ chẳng thể nào đổi thay như một thứ triết lý tùy thời hay từ bản chất của bọn người cơ hội, nhưng rõ ràng là Trương đã giúp cho anh có một cái nhìn toàn cảnh thay vì cái-nhãn-quan-đường-hầm, thay vì chỉ thấy "*bệnh,*" anh đã thấy "*người bệnh*" như một toàn thể. Sinh mệnh và niềm đau người bệnh phải là mối quan tâm hàng đầu của người thầy thuốc. *Khi người sống quên người chết... Khi người ta ngoảnh mặt trước niềm đau thì nỗi đau ấy tăng gấp hai.* Trương đã dạy cho anh bài học về sự bao dung. Để cũng thấy rằng đám trẻ lứa tuổi con anh đã trưởng thành trong những bước dấn thân của tụi nó. Hiện diện của tụi nó nơi quê nhà là chất men thăng hoa những bước tiến bộ đồng thời như một thứ lương tâm trong sáng có sức mạnh tố cáo những bất công của xã hội. Vấn đề bây giờ không phải là tiếp tục hoài nghi hay ngăn chặn sinh hoạt của tụi nó, nhưng là làm sao tách chúng ra để không lẫn vào bọn cơ hội.

Nhưng làm thế nào và dễ gì để mở rộng tầm nhìn của cái tập thể đồng nghiệp trong đó có anh, bị ngưng đọng tự bấy lâu và đang từng bước chậm vào tuổi già. Tất cả hầu như đã bị điều kiện hóa bởi thù hận và đắng cay như những kinh nghiệm bản thân tự bao nhiêu năm rồi. Hơn bao giờ hết, lúc này anh mới thật sự cảm thông với Văn và Đình và có thể chính anh sắp tới đây nếu tỏ lộ sự đổi thay anh cũng sẽ nạn nhân — như một thứ *boomerang effect*, của những định kiến khắt khe mà bấy lâu anh ta từng nhiệt tình cổ võ.

Điều khá mỉa mai là tuy sống trên những xứ sở được mệnh danh là tự do nhưng thực ra Chính và các bạn anh lại có rất ít tự do để mà lựa chọn ngoài con đường đơn giản và thẳng băng đã tự vẽ ra trước mặt. Không bước trên con đường đó nữa, số phận dành cho ai đó cũng không khác với số phận của Văn và Đình, nghĩa là đương nhiên sẽ bị hất về phía bên kia. Có thể Chính sẽ phải chịu những trận pháo cường tập nổ chụp lên đầu với rổn rảng những câu những chữ có thể làm vỡ tim anh: *thành phần chao đảo, tên trở cờ, kẻ cơ hội* hay là *bọn cá sấu*. Chính tự hỏi, một con người như anh liệu có đủ hùng tâm để mà vượt qua đoạn đường chiến binh ấy hay không.

Trương thì bước đi thênh thang trên con đường của chính anh. Cả đứa con anh và thế hệ tụi nó thì đầy ắp tự tin, chúng nó không bị một quá khứ điều kiện hóa nên có tự do hơn anh. Trước khi nghĩ tới những gì có thể và cần phải làm cho mùa thu này, thì ngay từ bây giờ Chính phải bắt đầu cuộc hành trình tự giải phóng đi tìm tự do cho chính anh.

Thằng thốt nhìn lại ngót 20 mùa thu vàng. Cả những mùa thu chết. Không, đó là những mùa thu của quá khứ. Hiện tại ở tây bán cầu, mùa thu này đang đầy màu sắc rực rỡ. Và chắc chắn sẽ rực rỡ hơn nữa ở Palo Alto mùa thu tới.■

Palo Alto 94

NGỦ ĐỖ

NGUYỄN THIỆU GIANG

Lần đầu tiên, anh phải ngủ qua đêm, ở cái thị trấn nhỏ hẹp, buồn thiu này.

Mọi bận, anh đều tranh thủ giải quyết công việc, để bao giờ cũng vừa kịp chuyến tàu chiều đưa anh trở lại nhà vào lúc tối sẩm.

Lần này, một phần, do vài chi tiết lắt léo, một phần do tính lề mề cố tật của những cán bộ tỉnh lẻ, lúc kết thúc biên bản, nhìn đồng hồ anh không khỏi thất vọng. Có bay ra bây giờ cũng không kịp. Chuyến tàu chiều đã chạy trước đó vài phút.

Anh thẫn thờ ngả dài trên chiếc ghế bành dành cho anh mỗi lần xuống công tác. Giá không... giá không có vài cái giá không trong quá trình làm việc, lúc này, anh đã ung dung tự tại trên chiếc ghế đệm toa tàu hạng nhất, thường lệ, cô quản lý vẫn ra ga mua sẵn cho anh, lúc công việc sắp hoàn thành. Vài tiếng sau, anh đã có mặt ở nhà.

Nhưng lỡ mất rồi. Chuyến tàu tiếp theo, sớm nhất vào mờ sáng hôm sau, mà tàu chợ, không có toa hạng nhất. Ờ, giá có chiếc xe, anh thầm nghĩ vậy, dù chỉ chiếc xe máy, như vài lần cơ quan gợi ý sắm riêng cho anh. Anh còn muốn hơn thế kia, một chiếc xe con, nhưng để che đậy, anh ngỏ ý thích đi tàu hỏa hơn.

Vì vậy, có một lần, anh lỡ tàu.

"Cơ quan chuẩn bị bữa ăn và một căn buồng ở nhà khách!"

Cô quản lý nhắc lại. Anh vẫn uể oải xoay đi xoay lại trong chiếc ghế bành. Mình lại phải ăn một bữa cơm, ngủ trên chiếc giường cá nhân ở nhà khách cơ quan tỉnh lẻ qua một đêm vô vị.

Lúc gần xong việc, biết đã muộn, một cậu ngỏ ý mời anh về nghỉ tại nhà riêng, cách đó vài ki lô mét. Cậu ta có xe máy. Mới đầu, định nhận lời, nhưng anh kịp

dừng lại. Mình còn xuống làm việc luôn, không nên xử sự như vậy, sau lỡ có gì đâm ra khó ăn, khó nói. Anh thấy vẻ thất vọng, sượng sùng của cậu ta khi bị từ chối. Chẳng cần nhìn vào mặt cũng thấy được. Từ ngày leo lên, ngồi được vào cái ghế này, những chuyện như vậy có phải ít gặp đâu. Không phải lúc nào cũng nhận lời, và không phải lúc nào cũng từ chối. Điều ấy thật tế nhị.

"Thôi, để mình đi dạo cái đã. Mấy khi có dịp thế này..."

Anh đề đà bảo cô quản lý vẫn ngoan ngoãn đứng chờ sau anh.

"Anh định đi đâu? Các anh ấy đã dặn em... đã ra lệnh cho em...phải..."

Anh bật cười trước vẻ quá thật thà đến ngây ngô của cô bé.

"Được, tôi sẽ nói lại với các anh của cô. Bây giờ tôi cần ra phố. Cô cứ yên tâm. Có thể, tôi cũng phải quay lại đây qua đêm."

Anh nặng nhọc xách cái cặp đen căng phồng, lững thững ra cổng, trước vẻ ngợ ngàng thất vọng của cô quản lý, hệt như thái độ cậu cán bộ ban chiều, khi bị anh khước từ.

*
* *

Anh vừa chợt nhớ một người bạn cũ, quanh quẩn ở cái thị trấn nhỏ hẹp này.

Hồi cơ quan chưa triển khai rộng, hai người cùng một cơ sở. Hình như một, hai lần, cậu ấy kéo anh về nhà; một lần, cũng vào tầm này, về dự bữa giỗ mẹ cậu ấy. Bấy giờ cùng nhôm nhoam cả, tính khí còn dễ dãi. Bè bạn, nhất là bè bạn cùng cơ quan, kéo đi đâu, chẳng cần dè giữ, anh đều nhận lời ngay. Vừa được tình thân, vừa biết đó biết đây, có mất gì.

Thế rồi, cậu ấy mắc một khuyết điểm, không trầm trọng. Cái chính là không hiểu lòng cấp trên. Biết không tránh khỏi kỷ luật, cậu ấy tự nguyện xin thôi. Kể cũng đáng tiếc. Tính khái của cậu ta, bộc lộ không đúng lúc. Không đến mức độ như thế, nếu như anh chịu nhảy vào vụ việc. Nhưng do tính toán cá nhân, anh đã bình chân như vại. Chẳng ai chê trách thái độ ngoại cuộc của anh. Kể cả

đương sự. Cậu ta không ưa nhờ vả, cũng không quen đổ vấy để giảm nhẹ tội lỗi. Như cần nhổ một cái gai, tổ chức giải quyết cho cậu ấy toại nguyện. Cậu ta rút khỏi cơ quan, không được hưởng một chế độ gì.

Sau đó không lâu, anh được đề bạt nhanh như diều được gió. Thời gian, cũng như cương vị mới khiến anh quên nhanh những gì thuộc về dĩ vãng, kể cả những kỷ niệm sâu xa.

Hôm nay, vì một chuyến lỡ tàu, anh chợt nhớ đến bạn xưa, đã một thời gắn bó.

Lúc này, gặp lại cậu ấy, kể cũng thú vị. Trong cuộc sống riêng cũng như chung, anh vốn ưa tìm thú vị.

Anh lững thững, lần theo trí nhớ, đi về phía ven thị trấn.

Sẩm tối, anh tìm được nơi định tìm đến. Vật dễ nhận là cái cổng gạch, đầu lối rẽ vào xóm. Cổng xây từ đầu thế kỷ, như hàng số lờ mờ dưới mái, lần đầu về, anh để ý đọc, hình như đã long lở, sứt sẹo thêm nhiều miếng. Có bàn tay nào nghĩ đến việc tu sửa? Cả cái xóm lèo tèo trong kia, chẳng có gì thay đổi hơn. Nhà ở còn chưa sửa sang được huống chi cái cổng xóm. Một niềm hãnh diện vụt loé trong đầu anh. Hiện diện, có riêng anh là một vật thể được thay đổi nhiều hơn cả, hoàn toàn từ bên trong ra ngoài bộ mã.

Vài bước nữa, anh tới nếp nhà người bạn cũ. Nó nằm sau hàng tà-vẹt gỉ, người ta lấy ở ngoài kia, từ bao giờ, đem về, chôn xuống làm cọc rào. Không biết cậu ta có còn ở đấy, sau ngày thất thời thất thế.

Tới mép rào, anh đưa mắt nhìn vào. Một khoảng tối om, leo lét ngọn đèn Hoa Kỳ vặn nhỏ. Hình như trong nhà đã ngủ yên cả.

Anh thấy ân hận, vừa rồi, không chịu chiều cô quản lý, lại lần mò tới nơi heo hút này.

Quay về thì dở quá.

Sau giây lát lưỡng lự, anh đánh liều, hắng giọng gọi trở vào. Ngay lập tức, có tiếng đáp cùng tiếng chó sủa ran. Đúng là cậu ta. Anh hoạt hẳn lên, tiếp tục xưng tên.

Bên trong, ngọn đèn được vặn to, nâng lên cao, đi nhanh ra ngõ. Trong ánh sáng lờ mờ, anh nhận ra bộ mặt quen thuộc của chủ nhà, nhưng vẫn hỏi lại.

Cậu ta chừng chưa hết xúc động, rung rung cây đèn soi gần lại, nói trong hơi thở gấp gấp:

"Tôi đây, chính tôi đây... làm sao... anh lại mò mẫm... giờ này... vào đi... vào nhà cái đã."

Cậu ta tránh sang bên, nhường khách đi trước, còn mình lật đật giơ cao cây đèn để khách thấy đường bước lên thềm.

Khách còn lúng túng xoay quanh sau bậu cửa, chủ nhà đã vơ lấy chiếc mo cau, đập, phủi vội tấm phản mộc kê ở góc nhà, miệng vồn vã:

"Anh ngồi lên đây... anh đã về một hai lần... nhà thế đấy, trước sao, sau vậy, chẳng thay đổi được gì. Anh ngồi lên đi. Không ngờ lại được tiếp anh ở cái lều tranh vách đất này. Rồng đến nhà tôm, quý hóa quá."

Không chờ xem khách đã yên vị trên tấm phản bụi bặm, cậu ta lại vội chạy vào buồng xép.

Ngoài nhà, đặt chân lên phản, khách nghĩ: giá có cái giẻ, nhưng giữ ý, anh vẫn cứ trèo lên, gượng ngồi vào một góc. Tấm phản chắc ít khi dùng đến. Khách đoán vậy và thấy tiếng thầm thì trong buồng.

Cậu bạn bước ra, theo sau, một phụ nữ trẻ, hẳn là vợ. Cô niềm nở:

"Bác mới về chơi... Vợ chồng chúng em, xin tình thực... không mấy khi, chắc bác chưa kịp ăn chiều... Vợ chồng em làm cơm..."

Anh nghĩ chẳng câu nệ:

"Chị ạ! Chỗ anh em lâu ngày, tôi không dám chối từ. Nhưng, tránh bày vẽ, cứ rau, dưa qua quít được rồi."

Cô vợ mặt mày tươi tỉnh:

"Vợ chồng em xin chiều ý bác."

Chị đưa mắt cho chồng.

Cậu ta, từ lúc nào đã bày ra trước mặt khách một chiếc đĩa men dùng làm khay chén và một tích nước, lúng túng:

"Anh uống tạm..."

Rồi quay sang hỏi vợ:

"Nhà có cái chai?"

Chị vợ thoáng không hài lòng, nhưng vẫn nhẹ nhàng:

"Sang đấy mượn luôn cả chai... Mình hắng xuống giúp tôi tí đã."

Chị quay sang khách:

"Chúng em xin phép, tranh thủ..."

Vợ chồng lúc cúc xuống nhà. Khách cầm tích rót nước.

Lát sau nghe tiếng cắt tiết gà phía đầu chái. Anh nuốt miệng, nhấp một ngụm nước, xúc nhẹ, khẽ hé cánh cửa sổ phía sau, nhổ ra ngoài.

Cậu bạn quay về, đặt một chai trắng trước mặt anh:

"Ở đây có khoản 'cuốc lủi', 'cực'... Biết máu anh..."

Khách ngần ngại:

"Cậu này, mình với nhau, thế nào cũng được, e cô ấy quan niệm anh em mình lợi dụng cơ hội..."

Cậu bạn gạt phắt:

"Anh đừng ngại. Nhà tôi được cái nết... không như vợ con người khác đâu."

Không biết cậu ta có ý ám chỉ không? Nhưng khách vội gạt ngay. Chưa hề một lần, anh mời cậu ta về nhà mình. Nhưng anh nghĩ nhanh một cái ý khác. Ờ, đúng ra phải có một cái quà. Bạn bè lâu ngày đến thăm nhau lại chẳng có gì cho vợ bạn. Anh tự nhận giỏi xã giao, nhưng quả thực, lần đầu tiên, anh phạm một sơ xuất đáng trách.

Cậu bạn đã ngồi hẳn lên giường:

"Bây giờ mới tiếp chuyện anh được. Anh chưa biết tài bếp núc của cô vợ tôi. Anh em mình có thể chưa kịp hàn huyên, món nhắm đã bê lên ngay đấy. Thú thực... nhà có con gà, độc một khoản gà luộc, muối tiêu, chanh, ớt, với cái món nước dùng... Anh thông cảm... phong vị quê mùa."

Đúng như cậu bạn giới thiệu, khách chưa kịp mào đầu cái chuyện tìm nơi ngủ đỗ một đêm, chưa kịp lựa lời hỏi han tình hình, gia cảnh người bạn thất sủng, chưa tiện trình bày cái thế đang bốc mạnh của mình, tiếng dao thớt đã khua rộn phía dưới. Rồi tiếng sắp đĩa, bát.

Một thoáng, người phụ nữ đảm đang, đã nhanh nhẹn bước lên, tay bưng một mâm nghi ngút khói.

Ôi! Cái ngày Trạng chơi Khăm, hãm đói Chúa, đến mức, khi cho Chúa xơi cái món dân dã nhất là rau muống luộc chấm nước "đại phong", Chúa đã phải khen rối rít. Mãi lúc ấy, Chúa mới thật hiểu bí quyết của sự ngon miệng.

Anh bây giờ cũng vậy. Hơn cả

Chúa chỉ có rau luộc chấm tương, anh được cả đĩa tú ụ thịt gà tơ luộc vừa chín tới, đang bốc lên mùi thơm quyến rũ cồn cào.

"Thưa bác, hoàn cảnh tối tăm, nhỡ nhàng..."

Chị vợ trịnh trọng đặt mâm giữa phản, ấp úng.

Anh vội gỡ hộ cái lúng túng của lòng hiếu khách thực thà:

"Chỗ tôi với cậu nhà... cứ là... rau muống chấm tương cũng chẳng nề hà. Nào, chị rửa tay rồi vào mâm cả cho vui."

Cô ta đưa đẩy một cách duyên dáng:

"Ấy, ấy... để nhà em ngồi tiếp bác. Chúng em đàn bà, xin bác miễn cho."

Rồi chẳng xem khách có hài lòng, cô giục chồng:

"Đầy đủ rồi, anh rót rượu mời bác đi. Em vùi cả nồi cơm, lúc nào cần, xuống bắc lên hộ em nhé."

Rồi đon đả với khách:

"Xin bác tự nhiên.. đã có nhà em, cho em vô phép."

Biết không thể nài ép, khách đành miễn cưỡng:

"Vậy chúng tôi cũng xin phép... chị cho được như ở nhà..."

Cô ta thoái thác lui vào buồng còn nhắc lại chồng nồi cơm vùi dưới bếp.

Bên ngoài, đôi bạn lâu ngày bắt đầu nhập cuộc.

Cậu bạn so đũa. Khách để ý trong mâm, bên cạnh đĩa thức ăn và bát nước dùng, chỉ có hai chiếc bát ăn cơm và hai đôi đũa.

"Nào cậu!"

"Mời anh!"

Khách chủ động lấy thìa múc cho mình lưng bát nước dùng, làm một hơi, xong mới đưa lên miệng chén rượu vừa được rót đầy.

Vài miếng đầu, chủ nhà còn phải lựa chọn, gắp tiếp cho khách, nhưng rồi khách ngỏ ý liền, sau khi lúng túng trên đầu đũa, cục thịt đùi chưa gặm hết:

"Gù béo quá. Nhưng phải sai năm quân mới thấy hết cái ngon... Cậu với cho mình cái cặp."

Khách mở cặp, lấy một xấp giấy mỏng trắng tinh chia cho bạn vài tờ:

"Cái khoản này hỗ trợ, khỏi sợ nhây nhớt. Bây giờ để cho mình tự nhiên, khỏi cần tiếp, gắp."

Khách thò tay luôn vào đĩa.

Trong buồng, tiếng trẻ vừa

VÕ PHIẾN

RỒI CŨNG BỎ QUA THÔI

Vườn vắng đôi khi ta thơ thẩn
Vườn vắng đôi khi gió quanh quẩn
Thẩn thơ giây lát ta vào nhà
Quẩn quanh giây lát gió bay xa.
Có lần ngẫu nhiên ta gặp gió
Cùng nhau gặp đó, rời nhau đó.
Có lần quét dọn mảnh vườn xong
Quay ra đã thấy lá phủ cỏ
Trên cỏ lá vàng: gió rải thôi!
Ngẩng lên tìm kiếm khắp bầu trời
Mãi không thấy gió.
Lông ngỗng đập rồi, bóng Mỵ Nương đâu?
Nháo nhác một hồi
Cũng bỏ qua thôi

*

Mai kia ta đi mất
Tháng tư cuối vườn hoa tử đằng tím ngắt
Cuối vườn đôi khi gió quẩn quanh...
Tháng chín rập rờn lá xoan xanh thẩm
Cây ngồn ngộn lá xanh, trời đầy trời mây xám
Xóm vắng đìu hiu, nắng nhạt, bướm buồn
Gió đôi khi dừng lại ghé thăm vườn
Thơ thẩn tìm, chẳng thấy bóng ta đâu
Nháo nhác một hồi
Rồi cũng bỏ qua thôi

Vũ trụ thiền hành tiết điều hơi thở
Vũ trụ mỉm cười tiến lên thong thả
Vũ trụ vận hành êm ả thảnh thơi
Chuyện gì rồi cũng bỏ qua thôi.

10-93

thức dậy, giọng ngái ngủ:

"Mẹ ơi! Mẹ thịt con gà rồi phải không mẹ?"

Người mẹ nhỏ nhẹ:

"Con dậy đấy à?"

"Vâng, tại tiếng gà kêu đấy mẹ ạ! Con biết mẹ làm gà. Cả lúc mẹ chặt thịt gà... con vẫn nằm yên."

Người mẹ nựng:

"Con mẹ ngoan quá! Bây giờ con lại ngủ đi."

Đứa trẻ thỏ thẻ:

"Mẹ ơi! Nếu bây giờ con đòi ăn thịt gà là con không ngoan, mẹ nhỉ?"

Không biết người mẹ nói gì, rất nhỏ.

Đứa trẻ vẫn ấm ức:

"Đến ngày kia giỗ bà, mẹ có thịt gà nữa không?"

Người mẹ thoang thoảng:

"Có, có!"

"Mẹ phải vay tiền mua gà nữa à?"

Không biết người mẹ làm gì, đứa trẻ bật lên cười khinh khích:

"Mẹ! Mẹ cứ thổi vào lỗ tai con thào thào... buồn lắm. Con không hỏi nữa vậy. Mẹ cứ xoa lưng cho con là con ngủ ngay."

Buồng trong im trở lại.

Miếng thịt gà vừa cho vào miệng, nhai kỹ rồi, khách phải nuốt mạnh mới trôi xuống được:

"Cậu được mấy đứa?"

Khách làm bộ thản nhiên, hỏi.

"Có thằng nhỏ đó thôi. Sau khi về, rồi triệt luôn. Qua hè này, cháu đi trường."

Một lần nữa, khách thấy mình phạm thêm sơ sót. Lẽ ra còn phải cái quà nhỏ cho con bạn. Bạn bè lâu ngày gì... Nhưng anh đã tự chữa:

"Ờ ... đâu có định mò đến đây, đâu lại được tiếp đãi thế này... Rút kinh nghiệm."

"Nghe như cháu vừa dậy. Cậu cho ra ngồi với chúng mình cho vui."

Cậu bạn dứt khoát:

"Mẹ cháu không chiều con thế đâu. Cháu ra... chả nhẽ không cho một vài miếng. Trẻ con, ăn uống vào giờ này, tối kỵ... nhất là thịt gà..."

Khách ngớ ra. Lại một lời ám chỉ nữa chăng? Khách vơ vội mảnh giấy, vò nhẹ, chùi mép, rồi lại vo viên trên năm đầu ngón tay.

"Kìa! Anh định thôi đấy à? Thức ăn còn nhiều mà."

Khách khua tay:

"Chưa, chưa! Chưa nói được câu chuyện gì". Anh vừa nảy một cái ý hay.

Ở, lâu ngày trở lại thăm bạn, người địa vị như anh, không một cái quà đáng giá cho vợ bạn, không một cái quà nho nhỏ cho con bạn, với bạn, anh phải có cái gì làm quà chứ. Cái phải đáng giá và hấp dẫn, lấp liếm những thứ quà thông thường kia.

"Cậu này!"

Cảm thấy cái chuyện chính dành cho mình, bắt đầu được mào vào, chủ nhà buông đũa, ngồi ngay ngắn lại:

"Lâu lắm mình mới đến thăm lại cậu, nhưng mình rất nhớ cậu, nhất là, thời gian này..."

"Cảm ơn anh!"

Chủ nhà có phần cảm động.

"Tuy không được trực tiếp, nhưng mình biết, từ ngày về, cậu càng có những khó khăn. Cũng may, cậu còn có người vợ nết na, đảm đang..."

Câu sau, khách nói cao giọng hơn, ý để người trong buồng, nếu còn thức, cũng nghe rõ.

"Đến lúc, cậu cần gánh đỡ cái vất vả cho cô ấy."

Chủ nhà tỏ ra chưa hiểu. Khách nhấn mạnh:

"Cậu cần trở lại công tác."

Chủ nhà định ngắt lời.

"Cậu cứ để mình nói. Khối đứa còn dề dề ra đó. Cái lỗi cũ của cậu, vào thời điểm này, chẳng là cái gì cả. Tội gì chịu thiệt thòi mãi để vợ con thêm khổ."

Tuy chưa hiểu khách dẫn mình đến đâu nhưng chủ nhà bắt đầu thấy vui vui.

Khách vẫn trôi chảy:

"Trước đây chẳng thể làm gì, bây giờ mình có thể giúp cậu."

Chủ nhà có vẻ tin tưởng.

"Giấy tờ cũ, cậu còn giữ được cả chứ?"

"Dạ, vâng... còn đủ."

"Cậu thu thập lại. Nói chung, thủ tục cậu nắm được rồi. Chỉ thêm bản tường thuật. Còn mọi chuyện, mình lo."

Chủ nhà thở phào:

"Thưa anh, khi nào..."

Khách được đà:

"Kể ra lại được sớm, cậu làm luôn, mình cầm ngay chuyến này thì hay, nhưng... mình còn qua đây nhiều, lần sau cũng chưa vội, với lại để thời gian cho cậu gọt rũa ngâm cứu."

Chừng câu chuyện đã trọn, khách kết thúc:

"Cứ thế nhé! Cậu biết tính mình, nhanh, gọn, nhưng cụ thể."

Cuối cùng, không quên củng cố cho người nghe:

"Bỏ hết tự ti, mặc cảm đi. Năng lực cậu, khối nơi cần lắm đấy!"

Chủ nhà được khởi động, phấn chấn hẳn lên, tiếp tục rót rượu cho khách. Còn khách, cảm thấy vừa hoàn chỉnh một việc hệ trọng, tư thế có phần thoải mái, tự nhiên hơn.

Chẳng mấy chốc, cái chai nằm lăn ngoài rìa, đĩa thịt chỉ còn mấy mẩu vụn, xương xẩu ùn đống thành mâm phía khách đầy hơn phía chủ.

Gà đã râm ran. Khách nhìn đồng hồ.

Chợt nhớ ra, chủ nhà vội vàng:

"Anh dùng lưng cơm?"

"Nhồi vào đâu được nữa. Quá nửa đêm rồi, còn vài ba tiếng nữa. Thế này nhé. Cậu cho mình cái giẻ sạch."

Chủ nhà giật mình:

"Chết, lấy khăn chứ!"

Khách cười nhẹ:

"Không, giẻ thôi. Trong khi cậu dọn mâm, mình lau qua cái phản, tranh thủ ngả lưng một chút. Đừng đánh động cô ấy đấy!"

Cậu bạn dọn mâm xong vào xì xào trong buồng, ôm ra một bọc, dưới tay cắp thêm chiếc chiếu.

"Ôi giào! Màn với chiếu, nằm không càng thoáng."

"Anh cứ để tôi, nằm trần không ngủ được đâu."

Trải chiếu, giắt màn xong, cậu ta hỏi thêm:

"Anh cần gì nữa không?"

Khách yên vị trong màn:

"Tươm tất rồi. Cậu cùng vào mà nằm."

Chủ nhà vặn ngọn đèn xuống. Đốm lửa nhỏ như hạt đỗ, lúc chập tối suýt đánh lừa anh.

Lúc này giấc ngủ đích thực đã đến. Anh gối lên chiếc cặp căng phồng. Mùi cói chiếu mới ngai ngái, mùi ẩm mốc hôi hôi của chiếc màn cũ, thật lạ lẫm, nhưng mắt anh cứ díp dần, díp dần...

Bên cạnh, cậu bạn thao thức tợn. Có thể vì câu chuyện vừa rồi. Anh chợt thấy như vừa nhếch một nụ cười kỳ khôi và đôi mắt nhắm nghiền lại.

Cùng lúc ấy, đứa trẻ trong buồng kêu lên:

"Mẹ! Muỗi cắn... muỗi cắn."

Liền đó tiếng tay người mẹ quạt mau, mạnh hơn. Trong tiếng mẹ nựng con, tiếng trẻ làu bàu, khách chợp chờn hình ảnh căn phòng tiếp đón cùng cô quản lý. Lần sau lỡ, nhất định phải nghỉ lại đó.

Lát sau, tất cả chìm vào im lắng. Chốc chốc mới lại vù lên tiếng gió phành phạch của chiếc quạt tay sau mỗi lần đứa trẻ kêu muỗi cắn.

Hình như, một lần, gần lúc trở dậy, anh mơ màng quơ tay sang bên. Cậu bạn không còn nằm cạnh. Cậu ấy vẫn trăn trở. Vì câu chuyện hứa hẹn? Vì đứa con luôn miệng kêu muỗi cắn? Vì cậu ta vào quạt đỡ vợ?

Cũng sắp hết đêm rồi.

* * *

Hôm sau, hai người bạn cũ đưa nhau ra ga, lúc mờ sáng.

Từ nhà cậu ta ra ga, không mấy dối. Trên quãng đường ngắn ngủi, có một lần, tiện mồm, khách nhắc chủ nhà cái hồ sơ cá nhân sẽ quay lại lấy dịp sau. Chủ nhà, đôi ba lần, muốn đỡ lấy chiếc cặp căng phồng, xách hộ khách đến tận sân ga, nhưng lại thôi.

Cái ga xép đón chuyến tàu sớm không lấy gì làm nhộn nhịp. Lèo tèo một hai người khách đi. Cậu ta là người tiễn độc nhất.

Con tàu đỗ lại ít phút đủ cho hành khách thủng thỉnh bước lên những toa tàu thưa thớt. Trước khi vào ngồi hẳn trong toa, khách còn ngoái xuống, gửi một nụ cười thay lời tống biệt.

Con tàu lại chuyển bánh.

Người đưa tiễn, rảo theo vài bước, rồi mới đứng hẳn lại. Có bàn tay nào thò qua cửa toa. Không, nhưng người đi tiễn, sững lại đấy, vẫn giơ cao bàn tay mình, với về phía trước, vẫy mãi, vẫy mãi...

Chẳng mấy chốc, con tàu mang đầy hy vọng của người đi tiễn, khuất dần sau khúc đường quành cuối ga.

Làn khói đen kịt, nhả từ miệng ống trên đầu tàu, cuộn lại phía sau, cứ loãng dần, loãng dần... rồi tan biến hẳn trong màu sương đậm đặc, một buổi sáng âm u.■

ĐOÀN NHẬT

CÕI TÌNH NGÀN DÂU

Gặp nhau
Gió thổi cuối trời
Quanh đây
Vang động
Những lời nắng trong
Hình như
Ở nỗi khôn cùng
Gọi nhau
Tiếng vọng
Chập chùng lá xanh
*
Chừng như
Trên nỗi lặng thinh
Nhìn nhau
Mắt đọng
Cuộc tình ngàn xưa
Tịnh yên
Rừng lá xanh thưa
Bên nhau
Nắng muộn
Gió vừa cơn mê
*
Mắt nhìn
Giữa chốn đi về
Dường như
Giọt lệ
Đã nhòe nghìn thu
Vời trông
Ở nỗi xa mù
Nhớ nhau
Trời đất
Bất ngờ phù vân
**
Hình như
Ở nỗi thật gần
Áo bay
Rực rỡ
Mấy lần nắng hanh
Biển xa
Trên nỗi lặng thinh
Xa nhau
Gió thổi
Cõi tình
Ngàn
Dâu...

NHỮNG KHÁM PHÁ MỚI NHẤT VỀ BỆNH ĐAU BAO TỬ

BS. HOÀI NAM

Bệnh đau bao tử hay đúng hơn bệnh loét bao tử và thập nhị chỉ tràng, peptic ulcer disease, là một trong những căn bệnh phổ biến nhất ở Mỹ, khoảng 10% dân chúng Mỹ đều bị ít nhất một lần trong đời và ở người Việt Nam thì tỷ lệ còn cao hơn nữa. Niêm mạc bao tử và thập nhị chỉ tràng (duodenum) bị soi mòn vì một vết lở và đôi khi có những biến chứng như xuất huyết bao tử hoặc bị tắc nghẽn. Tuy căn bệnh hết sức phổ biến nhưng cơ chế của nó lại rất bí mật, mãi đến gần đây mới được khám phá. Trước đây mọi người thường cho rằng có những nguyên nhân tâm lý, căng thẳng tinh thần, ăn uống không điều độ, ăn nhiều gia vị, uống rượu, ảnh hưởng di truyền, lạm dụng thuốc đau nhức như aspirin, NSAID, đời sống văn minh phức tạp gây nên nhiều rối loạn về sinh lý rồi ảnh hưởng lên tâm trí, stress... nhưng cho đến nay tất cả đều chỉ là giả thuyết và rất có thể chỉ đúng một phần nào thôi, vì thế từ trước đến nay vẫn chưa ai tìm ra được cách nào để trị dứt hẳn bệnh đau bao tử, thường hay tái đi tái lại nhiều lần. Nhưng gần đây hiệp hội các Bác sĩ đường ruột đã công nhận rằng giả thuyết mới nhất do vi khuẩn Helicobacter pylori gây ra là đúng và điều này sẽ mở đường cho những phương pháp mới nhất và lần đầu tiên có thể trị dứt hẳn được bệnh đau bao tử.

Triệu chứng của bệnh đau bao tử rất đặc biệt. Người bệnh thường hay bị đau âm ỉ ở bụng trên, ợ chua, cơn đau thường hay xảy ra đúng giờ, vào lúc đói bụng và đôi khi vào ban đêm. Cơn đau cũng thường hay xảy ra vào mùa Thu hoặc mùa Xuân và sau một vài tuần lễ thì khỏi để rồi lại tái diễn vào những năm sau làm cho bệnh nhân bị đau khổ, dằn vặt vì chứng bệnh khó trị này. Đôi khi bệnh gây ra những biến chứng như xuất huyết khiến một số người phải được giải phẫu mới hết bệnh.

Nhưng kể từ khi giả thuyết vi khuẩn H. Pylori được xác nhận thì các Bác sĩ đều công nhận rằng đây là một trong những khám phá quan trọng nhất sẽ làm đảo lộn hoàn toàn cách trị bệnh đau bao tử, tiết kiệm được hàng tỷ Mỹ kim. Lần đầu tiên bệnh đau bao tử được coi như là một chứng bệnh nhiễm trùng và có thể trị dứt hẳn bằng trụ sinh một cách dễ dàng.

VI KHUẨN H. PYLORI

Năm 1983, hai bác sĩ người Úc tên là Barry Marshall và Robin Warren tìm thấy trong ruột của những người bị đau bao tử một loại vi khuẩn đặc biệt và đưa ra giả thuyết là vi khuẩn này là nguyên nhân gây ra bệnh. Ngay từ lúc đầu, đại đa số các bác sĩ đều cho rằng giả thuyết này là một sự hoang đường vì nó đi ngược lại tất cả những giả thuyết đã có từ cả trăm năm nay, họ không tin rằng có một loại vi khuẩn nào có thể tồn tại ở trong bao tử vì nồng độ acid ở đây quá cao. Nhưng sau khi kiểm chứng lại thì một số bác sĩ đã xác nhận là quả thật có vi khuẩn H. Pylori ở trong bao tử những người mắc bệnh, tỷ lệ có thể lên đến 90%. Vi trùng này tiết ra những độc tố làm cho niêm mạc bị hư hại và bao tử tiết ra nhiều chất chua tạo nên vết lở. Vì là một bệnh nhiễm trùng nên bệnh có thể lây lan trong một gia đình và giải thích được hiện tượng trước đây coi căn bệnh này là di truyền vì hay có trong một gia đình, cha truyền con nối...

ĐIỀU TRỊ

Từ trước đến nay việc trị bệnh đau bao tử chỉ có tính cách tạm thời, mỗi khi bị cơn đau hành hạ thì người bệnh phải nghỉ ngơi tĩnh dưỡng, ăn kiêng và uống thuốc chống acid như Maalox, Mylanta... Vào thập niên 70, một khám phá hết sức quan trọng làm thay đổi hoàn toàn cách điều trị bệnh, đó là sự xuất hiện của loại thuốc H2 blockers, có tên thương mại là Tagamet (cimetidine). Lần đầu tiên Y học đã tìm ra được một loại thuốc có thể chận đứng được sự sản xuất acid trong bao tử vào nhiều bệnh nhân được trị lành sau một thời gian ngắn, các biến chứng cũng bớt hẳn, ít ai còn phải mổ bao tử nữa. Nhưng trở ngại lớn là phải dùng thuốc này trong một thời gian lâu dài đôi khi cả đời người. Hãng thuốc Smith Kline sau khi mua được bản quyền chế tạo thuốc Tagamet đã thu được hàng tỷ Mỹ kim tiền lời, vì thuốc này là một trong những dược phẩm bán chạy nhất trên thế giới. Sau đó có thêm những loại thuốc mới hơn như Zantac, Pepcid, Prilosec...

Nhưng sau khi khám phá ra vai trò của vi khuẩn H. Pylori thì các Bác sĩ đã dùng trụ sinh để tiêu diệt vi trùng thì đã đạt những kết quả vô cùng khả quan. Đại đa số các bệnh nhân sau khi dùng trụ sinh trong vòng hai tuần, đã lần đầu tiên trong đời khỏi hẳn bệnh và không phải dùng thuốc nữa, dù là Tagamet hay là các thuốc

chống acid.

Có nhiều cách để tìm ra vi khuẩn H. Pylori ở trong người, có thể thử máu, có thể dùng thử nghiệm gọi là breath test tìm chất urea ở trong hơi thở bệnh nhân. Hiện nay các chuyên viên về đường ruột đều khuyến cáo là tất cả những ai có vi khuẩn H. Pylori và có triệu chứng đau bao tử thì phải được dùng trụ sinh. Công thức thông thường nhất là kết hợp tetracycline với metronidazole và Pepto Bismol. Đôi khi dùng thêm Tagamet hoặc Zantac. Hiện nay các bác sĩ đang tìm kiếm những công thức khác giản dị hơn và hiệu nghiệm hơn. Bệnh đau bao tử đã bị chinh phục, nguyên nhân không phải là tâm lý hoặc di truyền hoặc ăn uống không điều độ... mà có thể trị được dứt hẳn bằng thuốc trụ sinh. Dưới đây là những khuyến cáo mới nhất đối với những người bị chứng bệnh này.

— Nên ăn nhiều bữa nhỏ, vì cơn đau thường hay xảy ra khi bụng trống.

— Nên tránh dùng các loại thuốc aspirin, motrin, indocin.

— Không nên hút thuốc và cố cai thuốc càng sớm càng tốt. Vì những người hút thuốc mà bị đau bao tử thì rất khó lành bệnh. Nên giảm bớt uống cà phê, nước ngọt có cafeine, bớt uống rượu.

— Sau cùng là nên tham khảo bác sĩ gia đình về vấn đề trụ sinh để trị khỏi hẳn bệnh, vì nếu tìm được vi khuẩn H. Pylori thì nên được điều trị gấp vì đây là dịp may tốt nhất để được giải thoát khỏi căn bệnh này và tránh được những biến chứng. ■

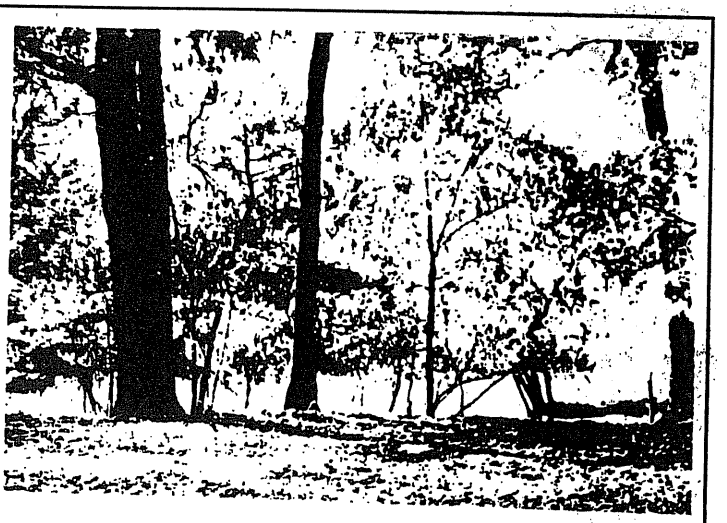

VI KHUÊ

THÁNG MƯỜI Ở MỸ

Tháng Mười ở Mỹ. Mùa Thu muộn!
cây bên đường khô xác lá thu phai
màu đỏ úa như đồi xa đỏ quạnh
và, gầy thon cái dáng đứng chờ ai

Em chờ ai em đứng bên đường đó
xe bus đã vừa qua. Vừa đi qua
em cũng như Thu mà. Đến chậm
phải ngày xưa từng lỡ chuyến qua phà?

Em cứ lỡ. Như em từng đã lỡ
xe bus hôm nào, chuyến phà năm xưa
bởi mùa Thu là mùa tan. Vỡ lở
tháng Mười Thu tóc xõa. Đứng. Bơ thờ...

Ngô đồng mấy lá em? Chân chẳng bước
có dẫm lên để biết tháng Mười Thu?
hay chỉ thấy ngập tràn trong ký ức
lá mùa Thu xao xác cõi sa mù?

Mùa Thu. Tháng Mười. Những ngày đã cuối
vườn âm u chẳng nuối nụ hoa cà
em vẫn đứng bên đường. Em vẫn đợi
tôi bàn tay vẫy gọi. Nhắn em qua

Nhắn em qua cùng tôi nhìn lá đỏ
đợi. Đừng em! Đừng đợi cuối mùa Thu
chẳng ai đến. Mọi nhà đều khóa cửa
đợi gì em. Xe bus đã đi qua

GÓP Ý VỀ THUẬT NGỮ THÔNG DỤNG

NGUYỄN HƯNG QUẢNG

1. Đề nghị loại bỏ mấy chữ RAM, DRAM, SRAM thứ hai (Số 62) vì nếu để, mấy chữ này lại có vẻ như tái định nghĩa cho chính chúng nó? Tôi in lại một chữ để ông xem:

RAM (Random Access Memory) bộ nhớ truy dụng tùy-thời, RAM (chữ ram thứ hai này).

Nếu chúng ta muốn ấn định các chữ tắt cho mấy chữ này bằng tiếng Việt thì có lẽ viết như sau độc giả sẽ dễ hiểu hơn.

RAM (Random Access Memory) Bộ Nhớ Truy Dụng Tùy Thời, BNTDTT

DRAM (Dynamic RAM) Bộ Nhớ Truy Dụng Tùy Thời Động, BNTDTTĐ

SRAM (Static RAM) Bộ Nhớ Truy Dụng Tùy Thời Tĩnh, BNTDTTT.

2. Đề nghị tất cả các chữ *GRAPHICS* dịch là *Họa-*(Hình), tất cả các chữ *CHART* (như trong chữ *FLOW-CHART*) dịch là *Đồ-*(Hình) để cho có quy củ và người học dễ nhớ. Ví dụ:

EGA (Enhanced Graphics Adapter) Bộ Tiếp Hợp Họa Hình Tăng Cường

MGA (Monochrome Graphics Adapter) Bộ Tiếp Hợp Họa Hình Đơn Sắc.

FLOWCHART: Lưu-Đồ, Sơ-Đồ diễn tiến, Tiến trình đồ.

3.1. Dịch CGA card là thẻ CGA v.v... thì hơi khó cho những người mới học. Đề nghị:

EGA card: thẻ Tiếp Hợp Họa hình Tăng cường hoặc thẻ THHHTC. v.v...

3.2. *VGA card thẻ Vi-ga* không đồng nhất với các chữ *CGA card thẻ CGA* ở trên, vì chữ VGA được phiên âm ra là Vi-ga, còn các chữ kia thì không. Đề nghị bỏ hẳn lối phiên âm này.

4. Đề nghị tất cả các chữ *Operating, Operation* dịch là *Điều-Dụng* thay vì *Vận Hành*. Chữ Điều-Dụng có nghĩa rộng rãi hơn, vừa điều khiển vừa sử dụng đúng cho hệ thống máy điện toán. Chữ vận hành dùng cho các máy đơn giản như máy xe hơi, cầu thang máy, hoặc máy cần trục thì sát nghĩa. Ví dụ sau:

DOS (Disk Operating System) Hệ Thống Điều-Dụng Bằng Đĩa, viết tắt là HTĐDBĐ.

OS (Operation System) Hệ-thống Điều Dụng IBM.

OS/2 Hệ thống Điều Dụng/2 IBM, hoặc HTĐD/2IBM.

5. Đề nghị đổi hai chữ *đơn màu* ra *một màu*, chữ *đa màu* ra *nhiều màu*. *Đa sắc* và *Đơn sắc* thì đúng. (gọi monochrome monitor là máy giám thị một màu được lắm chứ, vì nó có màu xanh chăng nữa thì cũng chỉ có xanh với trắng mà thôi, đơn màu nghe vẫn gượng gạo vì chữ đơn là Hán Việt, chữ màu thuần túy Việt). Đồng ý với ông là hiện nay chúng ta đã có rất nhiều từ kép vừa Hán-Việt vừa Việt như chữ thông-qua nhưng được dùng đã quen nên không ai thắc mắc nữa. Nhưng việc của ông bây giờ là lập một tự-điển thuật-ngữ điện-toán, ghép ra chữ mới. Vậy nên cố tránh việc gán cho chồng Việt lấy vợ Tàu (nói đùa cho vui) trong trường hợp ta tìm thấy một thiếu nữ Việt xứng đôi vừa lứa với anh chàng Việt. Ví dụ như chữ *sinh-đôi, con một.*

6. Chữ *bug* là danh từ. Các chữ *hư, khiếm khuyết, sai* là tĩnh từ, chỉ có một số ít trường hợp dùng làm danh từ, nhưng phải thêm chữ sự đằng trước. Ví dụ sự khiếm khuyết, sự hư hao v.v... Một ví dụ nữa: *Your program has many bugs* dịch là: *Chương trình của anh hư nhiều quá* không xuôi bằng *Chương trình của anh có nhiều lỗi quá.* Vậy xin đề nghị thêm chữ lỗi vào ba chữ kia. Vì chữ *bug* chỉ là tiếng lóng, khi *debug* một *source program*, thấy lỗi, máy chạy ra các bản tin liệt kê những lỗi viết là *error* (chứ không viết là *bug*) ở dòng số mấy, lý do phạm lỗi v.v... vậy dịch chữ *bug* (error) là *lỗi* là chỉnh. Ngoài ra, tôi đề nghị dịch chữ *bug* ra chữ *bọ* để dùng làm tiếng lóng trong giới thảo chương Việt Nam.

Tôi cũng đề nghị thêm là nếu chữ nào dịch ra nhiều từ Việt, nên sắp xếp những từ này theo thứ tự ưu tiên, từ sát nghĩa nhất để lên trước và in đậm. Ví dụ:

BUG: **Lỗi**, *sai, hư, khiếm khuyết.*

DEBUG: **Sửa lỗi**, *sửa sai.*

7. Đề nghị đổi chữ *liên-tục* ra chữ *Tuần Tự* cho đồng nhất với chữ SAM ông đã dịch là phép truy dụng Tuần Tự ở cột một trang 43 số TK62. Dịch các chữ *Sequence, Sequential* là *Tuần-Tự* chính xác lắm.

8. Đề nghị dịch chữ *Batch processing system* là *Hệ Thống Xử Lý Tập-Trung Theo Lô* thay vì *Hệ Thống Xử Lý Gián Đoạn.*

9. Trong số 12 con giáp có bốn con đã được thay đổi khi sang đến Việt Nam, đó là các con *Sửu, Mão, Dậu,* và *Hợi*. Nguyên bản ở bên Trung Quốc chúng là các con *Bò Rừng, Thỏ, Gà Mái,* và *Heo Rừng*, sang đến Việt Nam chúng được đổi thành *Trâu, Mèo, Gà Trống* và *Heo nhà*. Để tìm hiểu đây là sự nhầm lẫn vô tình hay là do một sự cố ý của tiền nhân, và nếu vậy thì với mục đích gì, tôi xin phân tích như sau.

Thứ nhất, xét về lý do nhầm lẫn một cách vô tình, thì sự lầm lẫn này chỉ xẩy ra một vài con chứ không sai đến bốn con trong số 12 con. Vả lại chúng ta biết rằng cho mãi tới gần đây nước ta mới có lịch hoặc lịch sách âm lịch bằng tiếng Việt dịch từ Trung Hoa. Trước đó, từ đời nhà Nguyễn trở về nước, tiền nhân đều dùng lịch sách của Trung Hoa. Vào các năm *Sửu, Mão, Dậu, Hợi,* người dùng lịch đa phần là giới nho sĩ lại có thể vô tình mà không nhận ra rằng các hình con bò, con thỏ, con gà mái, con heo rừng trên bìa cuốn lịch tàu đã khác với các con giáp của nước mình sao? Tôi không nghĩ như vậy. Hơn nữa, giới nho sĩ lại là giới lãnh đạo trí thức, đảm đương trọng trách ngoại giao

và học hỏi với Trung Quốc, đã được tôi luyện qua một kỷ luật rất khắt khe nghiêm túc khi còn là đồ-sinh, cống sinh, mà môn lý số lại là một trong những môn bắt buộc, được ra bài thi trong các kỳ thi hương.

Trong các kỳ thi hương, thi hội, thi đình từ đời nhà Lý đến gần đây, các thí sinh đi thi viết đến chữ húy mà quên là chữ húy nên đã không viết thiếu đi một nét (kính khuyết nhất bút) thì sẽ bị ghép tội phạm húy và bị đánh trượt hoặc ở tù. Đó là chưa kể đến các bậc danh nho như cụ Trạng Trình đã coi thiên văn để soạn ra sấm ký, cụ Lê Quý Đôn đã san định kinh dịch và lý số, cụ Ngô Thời Sĩ đã viết cuốn *Việt Sử Tiêu Án* bằng một tinh thần tôn trọng sự thật cao độ v.v... thì vài sự sai biệt trong thập nhị chi như vậy không thể lọt qua mắt sĩ tử từ thế hệ này sang thế hệ khác được.

Xét như vậy, theo thiển ý, không thể có sự nhầm lẫn vô tình trong bốn con giáp. Bây giờ chúng ta xét đến sự dụng tâm chọn lựa và mục đích của sự thay đổi này. Chúng ta biết rằng đồng bằng sông Hồng tại Bắc Việt là trung tâm văn hóa của nước ta ngày xưa. Ở trong khu vực này, con mèo là một gia súc rất quen thuộc, có nhiệm vụ bắt chuột, trong khi con thỏ thì lạ lùng ít người nuôi. Trâu được nuôi rất nhiều, có khả năng đa dụng, bò được nuôi ít hơn trâu vì yếu hơn trâu, khả năng bò lại chỉ giới hạn trong vùng đất khô và cao. Trâu đã đi vào đời sống và nguồn thơ của người dân:

... Trên đồng cạn, dưới đồng sâu,
Chồng cày vợ cấy, con trâu đi bừa...

Đối với loài gà, gà trống đẹp đẽ oai vệ hơn gà mái, ban đêm lại gáy sang canh, giữ nhiệm vụ cái đồng hồ của nông dân. Trái lại, gà mái mà gáy thì cho là điềm gở sẽ bị bắt làm thịt ngay. Trường hợp con heo rừng và heo nhà thì cũng như trường hợp con mèo, heo rừng là con vật không quen thuộc đối với người dân miền đồng bằng, trong khi con heo nhà thì hầu như gia đình nào cũng nuôi, ngoại trừ các gia đình ở thành thị.

Xét tám con còn lại là Tí (chuột), Dần (cọp), Thìn (rồng), Tỵ (rắn), Ngọ (ngựa), Mùi (dê), Thân (khỉ), Tuất (chó), chúng ta nhận thấy không có sự phân biệt rõ ràng giữa hai giống như gà trống và gà mái. Hơn nữa không có con vật nào trong nhóm gia súc có thể thay thế cho một trong tám con giáp còn lại kể trên được. Như vậy thiết nghĩ việc thay thế bốn con giáp kể trên là sự chọn lựa và ứng dụng thực tiễn do óc sáng tạo của tiền nhân không những để cho người dân dễ nhớ mà còn đem được văn hóa vào đời sống của người dân cả từ môn lý số để tránh sự quá lệ thuộc vào ngoại bang, và nhất là làm cho sắc thái Việt Nam ngày một hưng khởi và phát triển.

Vài thí dụ điển hình về óc sáng tạo của tiền nhân là việc Lý Thường Kiệt khi đánh Tống, cắm trại trên bờ sông Như Nguyệt, có một đêm nghe tiếng đọc to rằng:

Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư!
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

và việc sáng chế ra chữ Nôm, việc lấy mỡ viết trên lá cây mấy chữ *Lê Lợi vi quân Nguyễn Trãi vi thần* của cụ Nguyễn Trãi.

10. Chữ *GNP* là chữ tắt của chữ *Gross National Product* chứ không phải của chữ *Gross National Production* như ông đã viết. Tôi nghĩ có thể đây là lỗi ấn công. Vậy ông coi lại bản thảo nhé. Nghĩa hai chữ *product* và *production* tuy giống nhau nhưng vẫn có điểm khác nhau. Chỉ có chữ *product* là dùng trong chữ *GNP* được thôi.

Tôi mạo muội trình bày một vài ý kiến thô thiển, kính mong quý vị lượng thứ và chỉ giáo cho.■

RA MẮT SÁCH

"CÂU CHUYỆN CỦA LÁ PHONG"
của **TRẦN MỘNG TÚ**
vào hồi 2:00 giờ chiều
thứ Bẩy 12 tháng Mười Một 1994.

*

NÓI CHUYỆN về CA TRÙ

với diễn giả **BẢO VÂN BÙI VĂN BẢO**
(có minh họa bằng diễn ngâm qua băng)
vào hồi 2:00 giờ chiều
Chủ Nhật 13 tháng Mười Một 1994.

VAALA
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
.Vào cửa tự do.
.Liên lạc: **(714) 537-8352**

(KIM CONTINENTAL TRAVEL)

CHUYÊN

- ***Bán vé máy bay Quốc nội & Quốc ngoại***
- ***Làm Công Hàm Ngoại Giao (chứng chỉ độc thân)***
- ***Lo các thủ tục xuất nhập cảnh***

ĐẶC BIỆT ĐƯỜNG BAY
TAM GIÁC VÀNG PHÁP, ÚC và VN

9842 Bolsa Ave., # 200A
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 839-9468
Fax: (714) 839-4283

VÒNG CHÂN TRỜI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Sinh nhật lần thứ 74 của nhạc sĩ Phạm Duy

Năm nay sinh nhật Phạm Duy diễn ra tại nhà tư của ông vào chiều ngày thứ Bảy 8 tháng Mười. Trong bộ quần áo bà ba nâu Phạm Duy đã đón các bạn bè thân thiết đến với ông: Đỗ Đình Hải người bạn ca hát thuở thiếu thời, Tạ Tỵ tác giả cuốn *Phạm Duy còn đó nỗi buồn*, Lê Ngộ Châu người chủ trương tờ *Bách Khoa* trước kia mới từ Việt Nam sang, Cung Trầm Tưởng từ Minnesota xuống, cùng một số bạn khác trẻ hơn.

Sinh nhật năm nào Phạm Duy cũng cho ra mắt một cái gì đó mới mẻ thuộc lĩnh vực âm nhạc. Năm nay cũng không ra ngoài thông lệ đó, ông mời mọi người vào một phòng nghe nhạc vừa mới sửa sang xong và cho nghe trường ca *Mẹ Việt Nam* không có lời ca. Đây là một công trình mới của Duy Cường, dựa vào kỹ thuật máy điện toán để tạo ra một *compact disc* nhạc hòa tấu *Mẹ Việt Nam*. Một món quà mới lạ Phạm Duy dành cho mọi người nhân ngày sinh nhật của ông. Người nghe bâng khuâng giữa những giai điệu quen thuộc ngày cũ nay được thể hiện bằng những âm thanh lạ. Và đó là Phạm Duy, ông không chịu dừng lại ở bất cứ một thời điểm nào trong đời ông, ông khai phá không ngừng.

Tiễn khách ra về người nhạc sĩ già hẹn tái ngộ năm sau với lời hứa: chắc chắn sẽ có một cái gì đó mới lạ nữa.

Đêm Ngàn Khơi tại San Jose

Tại hội trường của Foothill College hơn 800 chỗ ngồi đã đầy chật khán giả trong buổi Hòa Tấu Hợp Xướng Ngàn Khơi, bắt đầu vào lúc 4 giờ 15 chiều ngày Chủ Nhật 9 tháng Mười năm 1994. Dưới sự điều khiển của hai nhạc trưởng Lê Văn Khoa và Trần Chúc, hơn 30 nhạc công và 60 ca sĩ đã trình diễn một chương trình âm nhạc phong phú và lôi cuốn. Sau bài *Việt Nam Việt Nam* của Phạm Duy do toàn ban hợp xướng như là một nghi lễ khơi dậy hồn dân tộc, những bài dân ca đã được trình bày một cách điêu luyện bởi Nguyễn Thành Vân, Bích Liên, Tứ ca Ngàn Khơi, và đặc biệt là ca đoàn Thiếu nhi Ngàn Khơi với bản *Trống Cơm* đã được khán giả nhiệt liệt tán thưởng.

Nhạc phẩm *Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ* của Nguyễn Đức Quang do toàn ban hợp xướng đã gây một cảm xúc ngất ngây nơi người nghe, như làm hồi phục một sức mạnh quật cường vẫn tiềm tàng trong mỗi người con dân Việt. Trong khi đó những bản tình ca của Cung Tiến, Vũ Thành An, Phạm Đình Chương, Lê Văn Khoa, qua giọng ca của Mai Hương, Thiên Thanh, Nguyễn Thành Vân, lại khiến khán giả thổn thức với bao nỗi niềm xưa cũ.

Phần hai của chương trình là trường ca *Con Đường Cái Quan* của Phạm Duy do Trần Chúc soạn hòa âm cho dàn nhạc đại hòa tấu và điều khiển ban hợp xướng, đã đưa khán giả đi lại con đường dân tộc đã đi từ mấy ngàn năm qua, những khán giả giờ đây không còn ở trên đất mẹ nữa mà đang ở trên *con đường thế giới xa xôi* như nhạc sĩ Phạm Duy đã tiên cảm ba mươi năm về trước.

Nhân chuyến trình diễn này nhạc sĩ Lê Văn Khoa cho biết trong dự trù của "Dự Án 20" kỷ niệm 20 năm người Việt xa xứ, Đêm Ngàn Khơi sẽ tái ngộ Thung Lũng Hoa Vàng, có lẽ vào mùa hè 1995, với một chương trình phong phú và đặc sắc hơn nữa.

Ngày Điện Ảnh Việt Nam kỳ VIII Tại Little Saigon

Ngày Điện Ảnh Việt Nam kỳ VIII (1994) đã được long trọng tổ chức tối 30 tháng Chín tại rạp hát Thủ Đô, trung tâm Little Saigon, thị xã Westminster, California, trước sự hiện diện của 500 nam, nữ tài tử, quan khách và khán giả Việt Nam.

Ngày Điện Ảnh Việt Nam kỳ VIII là tiếp nối các Ngày Điện Ảnh Việt Nam đã được tổ chức ở trong nước trước năm 1975, lần đầu vào năm 1969. Trong diễn văn khai mạc, đạo diễn Bùi Sơn Duân, chủ tịch ban chấp hành Hội Điện Ảnh và Truyền hình Việt Nam tại hải ngoại đã cho biết chủ đề của kỳ đại hội này là "Tìm thị trường cho phim Việt Nam."

Ông Nguyễn Ngọc Chấn, Tổng Thư Ký Hội Điện Ảnh VNHN, đọc lời vinh danh hai nghệ sĩ Việt Hùng và Diễm Hương.

Tham dự Ngày Điện Ảnh Việt Nam kỳ VIII này có nữ tài tử Kiều Chinh, Lê Quỳnh, Trần Quang, Ngọc Phu, nữ ca sĩ kiêm tài tử Thanh Lan, Xuân Phát, Trần Hoàng Ngữ, Kim Tuyến, Mai Khanh, Túy Hồng, Hùng Cường, Đạo diễn Võ Doãn Châu, *cameraman* kỳ cựu Ngọc Tùng vừa đến Hoa Kỳ, Nguyễn Ngọc Chấn, tài tử Đặng Hùng Sơn, Nghiêm Xuân Trường, Đỗ Lệnh Khải, Đạo diễn Hoàng Anh Tuấn, Vũ Bội Minh Giao (từng là vai chánh của phim "Bụi Đời," do đạo diễn Lê Mộng Hoàng thực hiện hồi năm 1959 tại Sàigòn).

Ngày Điện Ảnh Việt Nam kỳ VIII này đã vinh danh các nam, nữ

tài tử, đạo diễn đã đóng góp nhiều cho nền điện ảnh Việt Nam, trong đó có tài tử kiêm đạo diễn Lê Quỳnh, tài tử Đoàn Châu Mậu, nữ nghệ sĩ Túy Hồng, đạo diễn Đỗ Tiến Đức.

Nhóm Club O'Noodles trình diễn vở kịch Hoa Hậu Áo Bà Ba

Khoảng 400 khán giả đã đến thưởng thức buổi trình diễn vở hài nhạc kịch "Hoa Hậu Áo Bà Ba" (*Miss Little Saigon '95*) của Nhóm kịch sinh viên *Club O'Noodles* tại rạp hát Ebell, Santa Ana, Orange County, tối 1 tháng Mười 1994.

"Hoa Hậu Áo Bà Ba" là một hài kịch đặc biệt vui nhộn, trong đó nhiều vấn đề thời sự, xã hội nóng bỏng của cộng đồng Việt Nam ở trong vùng Orange County (đặc biệt là tại Little Saigon) cũng như của cả nước Mỹ đã được hài kịch hóa, để đưa vào vở kịch.

Chủ đề của vở kịch rất rõ rệt, đó là cười các thói hư tật xấu của xã hội, và xã hội đây là cộng đồng Việt Nam vùng Nam California, mà trung tâm là khu phố Bolsa. Ban kịch *Club O'Noodles* là một tập hợp các thanh niên Việt Nam thuộc thế hệ thứ hai của tập thể di dân Việt Nam. Nơi họ chất Việt Nam còn nhiều nhưng chất Mỹ cũng đã khá rõ, nhiều người diễn đạt ý tưởng bằng tiếng Anh dễ dàng hơn tiếng Việt. Tính chất văn hóa đang biến thái, nằm lưng chừng giữa hai dân tộc Việt và Mỹ là điểm đặc biệt của ban kịch này. Họ hoàn toàn mang tính chất của thế hệ thứ hai. Vở kịch "Hoa Hậu Áo Bà Ba" là cái cách thế hệ thứ hai nhìn thế hệ thứ nhất cũng như toàn thể cộng đồng Việt Nam. Cái nhìn của họ thẳng thắn và không mang gánh nặng kiêng dè nể nang của quá khứ.

Đây là những cái cười nhức nhối nhưng lành mạnh, có mục đích trong sáng là hy vọng làm tốt hơn cộng đồng tị nạn của chúng ta.

Hội Nghị Âm Nhạc Cổ Truyền tại Oxford, Anh Quốc

Đây là hội nghị thường niên của Hội Âu Châu về Dân Tộc Nhạc học (*European Seminar in Ethnomusicology*). Năm nay thành phố Oxford của Anh Quốc nhận trách nhiệm tổ chức hội nghị này, từ ngày 29 tháng Tám đến 2 tháng Chín, 1994.

Đề tài hội nghị lần này gồm ba khía cạnh:

1. Nhạc khí và cơ thể người ta (*Musical Instruments and the Human Body*).

2. Trình diễn giọng hát và khung cảnh xã hội (*Vocal performance and its social contexts*).

3. Cảm tưởng xúc động, ấn tượng tình cảm: từ cách làm tê liệt tới nhập xác (*Emotional Expression, Affective Impression: from the Tingle Factor to Possession*).

Với tư cách là thành viên của Hội Âu Châu về Dân tộc nhạc học, một người Việt Nam, ông Trần Quang Hải, đã đi dự hội nghị này, và đã thuyết trình đề tài: "Giọng bồi âm bằng âm vang với giọng bồi âm với dạng thái" (*Harmonic Voice by Resonance virsus Harmonic Voice with Formants*).

Nhà văn Kenzaburo Oe được trao tặng giải Nobel Văn Chương 1994

Sau 26 năm, đây là lần thứ hai Nhật Bản được giải văn chương cao quý nhất thế giới là giải Nobel. Hàn Lâm Viện Thụy Điển đã loan báo tặng giải này cho văn hào Kenzaburo Oe (đọc là Ô-ê) năm nay 59 tuổi.

Năm 1968, văn hào Nhật đầu tiên được thưởng giải Nobel là Yasunari Kawabata, tác giả cuốn "Ngàn cánh hạc."

Mặc dù khi nghe tin được giải, ông Oe nói đây là sự tặng thưởng cho tất cả nền văn học Nhật Bản, nhưng Hàn Lâm Viện Thụy Điển trong bản thông cáo đã nêu ra những điểm rất đặc sắc của các tác phẩm Oe đã viết, và nhận xét ông đã chịu rất nhiều ảnh hưởng của nền văn học Tây phương, nhưng cũng đã tự tạo ra một lối hành văn mới lạ, linh động, năng nổ và mạnh dạn đi thẳng vào những vấn đề đặt ra, khác với văn học truyền thống của Nhật.

Kenzaburo Oe đã trưởng thành trong một nước Nhật bị quân Mỹ chiếm đóng và các tác phẩm của ông đã bị ám ảnh bởi sự thất trận của Nhật Bản. Hàn Lâm Viện Thụy Điển nhận xét: "Sự tủi nhục đã xâm chiếm tâm hồn ông, và đã nổi bật trong phần lớn các tác phẩm của ông, tạo thành những bức họa nhiều màu sắc kỳ diệu."

"Hà Nội Trong Mắt Tôi" ra mắt tại Twin City và Chicago

Các hồ nước đã trở nên lạnh và lá cây đã đổi màu tại vùng bắc nước Mỹ khi nhà xuất bản Thế Kỷ và tác giả Phạm Xuân Đài đến đây để ra mắt cuốn "Hà Nội Trong Mắt Tôi."

Tại Minneapolis-St Paul, dưới sự bảo trợ của Hội Văn Hóa, Hội Cựu Chiến Sĩ VNCH, Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị HO, báo *Ngày Nay Minnesota*, tuần báo *Asian American Press*, Cơ quan Xã hội VN và một số cá nhân tại Twin City, buổi ra mắt sách đã được tổ chức tại Music Center (Concordia College), thành phố St Paul vào chiều ngày 15 tháng Mười 1994. Sau phần giới thiệu của trưởng ban tổ chức Phan Thanh Tâm, các diễn giả Thái Khắc Phan và Tô Thùy Yên đã nhận xét về cuốn sách, và nhạc sĩ Cung Tiến, nhân danh Chủ tịch Hội Văn Hóa Việt Nam tại Minnesota đã hoan nghênh buổi ra mắt sách như là một sinh hoạt văn hóa có ý nghĩa tại địa phương đồng thời nhiệt liệt giới thiệu cuốn sách với quan khách.

Hội Người Việt tại Illinois, với ông Nguyễn Hà làm giám đốc điều hành, đã cùng tạp chí *Thế Kỷ 21* bảo trợ buổi ra mắt sách tại Chicago, được tổ chức tại trụ sở Hội Người Việt, vào lúc 4 giờ chiều ngày Chủ Nhật 16 tháng Mười năm 1994. Khoảng 150 người tham dự ngồi đầy phòng hội để nghe ý kiến nhận xét của các ông Đỗ Đức Thái, Nguyễn Liêm, Khanh An, Bùi Hữu Anh Huy và Đỗ Văn Thư về cuốn "Hà Nội Trong Mắt Tôi." Mọi người chia sẻ một cách lý thú các nhận xét thân tình, và thẳng thắn của các diễn giả.

Cả hai buổi ra mắt sách tại Twin City và Chicago có một nét chung là có sự tham gia của giới trẻ. Tại Twin City, cô Sương, đại diện Hội Sinh Viên Việt Nam đã đứng ra mua 30 cuốn sách để phân phối cho hội viên, trong khi tại Chicago, Nguyễn Liêm và Bùi Hữu Anh Huy cũng là hai sinh viên, đã trình bày cái nhìn của lớp trẻ đối với một số vấn đề mà Phạm Xuân Đài đã nêu ra trong cuốn "Hà Nội Trong Mắt Tôi." ■

NHỊP CẦU VĂN HÓA NỐI ĐÔI BỜ SẮC TỘC

PHAN SINH

Trời nắng ấm và đẹp, mặc dù trước đó tin thời tiết nói rằng Chủ Nhật 23 tháng Mười có thể mưa. Góc phố Main và Acacia, với con đường mang dáng vẻ của một thành phố cổ, gạch đỏ lót trên lòng đường và vỉa hè, lấp lánh ánh nắng, và rực rỡ với áo mầu, bên một dãy bàn trải khăn trắng: nơi tiếp tân đầy chất lãng mạn, để mừng khai trương trụ sở mới của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA), với một chương trình sinh hoạt kéo dài suốt từ sáng tới đêm.

Thị xã Garden Grove vui mừng chào đón VAALA

Ông Mark Leyes, Phó Thị trưởng, thay mặt Thị trưởng công xuất, đã đến cùng hai nghị viên Hội đồng Thị xã, Robert Dinsen và Bruce Broadwater, để cùng nữ giáo sư Mary Kay Crouch, thuộc viện Đại học Fullerton (CSUF), cũng là chủ tịch Hội đồng Cố vấn Hội VAALA, cắt băng khai mạc đúng 12 giờ trưa, trong tiếng vỗ tay và tiếng nút chai sâm banh nổ ròn.

Ông Lê Đình Điểu, Chủ tịch Hội VAALA, thay mặt Hội chào mừng tân khách, đã giới thiệu sơ lược sự hình thành và những hoạt động của Hội. VAALA là một tổ chức văn hóa bất vụ lợi, do một nhóm văn nghệ sĩ, ký giả và nhà hoạt động cộng đồng thành lập từ năm 1991, được hưởng quy chế miễn thuế liên bang, nhằm cung ứng cho các văn nghệ sĩ nơi và cơ hội phô diễn tài năng, phục vụ nhu cầu thưởng ngoạn văn học nghệ thuật của quần chúng, và tạo nhịp cầu thông cảm giữa các sắc dân trong một đất nước đa văn hóa. Trước đây, Hội được báo *Người Việt* cho mượn trụ sở trên đường Moran, thị xã Westminster, đã tổ chức được hàng chục sinh hoạt như triển lãm tranh, tượng, ảnh; trình diễn nhạc thính phòng, nhạc cổ truyền Việt Nam, kịch, ảnh chiếu; ra mắt sách, hội luận văn học, v.v.

"Tại trụ sở mới này," ông Lê Đình Điểu nói, "Hội sẽ tiếp tục tổ chức các sinh hoạt, và có thể phát triển thêm nhiều loại hình khác, trong đó có phòng đọc sách, báo, câu lạc bộ nghệ sĩ,..."

Trước đó, trong lúc chờ giờ khai mạc, ông Lê Văn Khoa, Phó Chủ tịch Hội VAALA, cho biết rằng trụ sở mới của Hội may mắn nằm ngay trung tâm của thị xã, và trung tâm của khu văn hóa có tên là Village Green, với những rạp hát, phòng triển lãm, phòng hội. Ông Khoa nói: "Chúng tôi đã liên lạc với các giới chức thị xã để bàn về những dự án hợp tác giữa Hội và Thị xã, làm bừng lên không khí sinh hoạt văn hóa trong vùng."

Hiếu Trung, Thanh Liễu, Minh Hoà và Trần Gia Toản trình bày một ca khúc được sáng tác trong "tù cải tạo."

Ông Phó Thị trưởng Mark Leyes, trong diễn từ ngắn chào mừng Hội, cũng tỏ ra lạc quan về một tương lai tươi sáng của tình thần hợp tác. Ông nhân danh Thị xã Garden Grove trao tặng Hội VAALA một bảng huy hiệu lưu niệm để ghi dấu ngày khai trương trụ sở.

Giáo sư Mary Kay Crouch, thay mặt Hội đồng Cố vấn VAALA, cũng hân hoan tin tưởng vào một bầu không khí thân hữu và hợp tác, giữa các văn nghệ sĩ có nguồn gốc văn hóa, chủng tộc, ngôn ngữ khác nhau, có một mục đích chung là làm đẹp va phục vụ cộng đồng.

Sau phần nghi lễ, tân khách và bằng hữu cùng thăm phòng tranh, và dự bữa trưa theo kiểu "buffet" (ăn đứng), với những món ăn Việt Nam — mà bà Anne Frank (UCI Southeast Asian Archives) và cựu Khoa trưởng Văn khoa Saigon Nguyễn Khắc Hoạch, đều cho rằng "đó là một nét văn hóa đặc thù."

Tuổi trẻ Việt trong nghệ thuật tạo hình

Phòng tranh tuy nhỏ nhưng lôi cuốn, vì rất đa dạng. Mỗi họa sĩ góp tranh chỉ có chỗ cho một bức tranh hoặc tượng. Ngoài những tên tuổi quen thuộc, đã từng có triển lãm ở trụ sở VAALA cũ, như Duyên Hà, Lê Tài Điển, Nguyễn Cầm, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Phạm Bách Phi, Cù Nguyễn, v.v., phòng tranh này "trình làng" nhiều khuôn mặt trẻ và mới như Tuấn Nguyễn, Khương Tiêu, Lê Chi, Suzie Vương, Ann Phong, Lê Thủy. Hai tác phẩm điêu khắc của Tuấn Nguyễn lôi cuốn sự chú ý đặc biệt vì nét khắc già dặn và chất liệu độc đáo (hydrostone) của một người ở lứa tuổi 30 trưởng thành trên đất Mỹ.

VAALA cũng trưng bầy một số "poster" (bích chương) của Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Phạm Hoán, Trần Đại Lộc, ghi dấu những sinh hoạt đã qua của Hội.

Bước khởi đầu cho một dàn nhạc hòa tấu Việt Nam

"Gần 20 năm định cư trên đất

Mỹ, cộng đồng chúng ta đã đạt nhiều thành tựu về nhiều mặt. Thế mà ở ngay nơi mệnh danh là 'thủ đô tị nạn,' chúng ta cũng chưa có một dàn nhạc quy tụ được vài chục nhạc sĩ, để thực hiện những chương trình lớn." Nhạc sĩ Lê Văn Khoa cho biết như trên khi giới thiệu dự án thành lập một dàn nhạc Việt Nam, "trước mắt là chuẩn bị cho những buổi trình diễn của 'Dự Án 20,' sau đó về lâu về dài, trở thành ban nhạc của cộng đồng."

Thông báo về việc thành lập ban nhạc này đã được phổ biến trên nhiều báo, đài phát thanh và bản tin, từ nhiều tháng qua. Số người ghi tên tham dự, theo lời ông Khoa, cũng đã được khoảng 30 người, có người cư ngụ ở miền Bắc Cali, hoặc ngay cả các tiểu bang khác. Nhưng trong cuộc họp mặt lần đầu tiên hôm nay, mới chỉ có mười người tham dự.

Đông đảo nhất là nhóm sử dụng vĩ cầm (violin), có Đặng Trần Kính, Phạm Văn Phúc, Hà Thục Tố, Michael Chu, Hà Thục Chi, và Vân Khanh. Hai cây sáo là Lê Thị Kiều Thu và Hồ Kim Anh. Hà Thục Vi chơi trung hồ cầm (cello) và Trần Thiện Đỗ thổi hắc tiêu (clarinet).

"Điều đáng mừng là có nhiều bạn trẻ tham gia, như vậy sinh hoạt của ban nhạc sẽ lâu dài và đầy sinh khí." Nhạc sĩ Phạm Hưng, từ Tampa, Florida, tình cờ tham dự buổi sinh hoạt, nhận xét như trên. Ông Phạm Hưng cho biết ông rất hứng khởi khi được tận mắt chứng kiến những sinh hoạt và bầu không khí văn nghệ ở Hội VAALA, nên ông sẽ vận động để thành lập một chi hội VAALA ở nơi ông cư ngụ.

"Tù ca" và những tiếng hát "thông tầm"

"Thông tầm" (có nghĩa là làm liền không nghỉ) là thuộc từ mà người nhạc sĩ tài tử đầy tài năng và nhiệt huyết Nguyễn Tiến Việt dành cho ca sĩ tài tử có giọng hát mạnh và ấm Trần Gia Toản, vì ca sĩ họ Trần có thể hát "mệt không nghỉ" ngay trong những "trại cải tạo" mà hai người đã trải qua ở Việt Nam trước khi được sang Mỹ theo "diện HO."

Nguyễn Tiến Việt, trong bài nói mở đầu chương trình "Tù ca" vào buổi tối, cho biết anh và các bạn tù cũng như thân nhân, đáp lời kêu gọi của "Dự Án 20" thâu thập và trình bày các ca khúc sáng tác trong tù để "nói lên tiếng nói của những tù nhân Cộng sản mà trong những ngày tối đen của thân phận con người, của dòng giống dân tộc, đã từng đem tim óc viết nên những lời thơ, dòng nhạc, rồi giấu kín trong tâm tư, để có thể trút vào đó bao uất ức, đớn đau, bao niềm thương, nỗi nhớ, cả niềm hy vọng lạc quan lẫn nỗi tuyệt vọng vô bờ khi trong đường hầm lao nhục không thấy chút hy vọng tương lai."

Các cựu tù cải tạo Lê Xuân Điểm, Lê Ngọc Linh, và các thân hữu Khánh Hoàng, Minh Hòa, Thanh Liễu, Hiếu Trung, đã cùng Tiến Việt và Trần Gia Toản trình bầy một chương trình "tù ca" qua hình thức đơn ca, song ca và tứ ca, cho thấy sức sống tiềm tàng lúc nào cũng có trong những con người tự do mà cộng sản dù muốn "tẩy não" hoặc hủy diệt cũng không làm được. Hàng chục năm trong tù đầy, nếu có làm một số đồng đội của các anh gục ngã vì bị hành hạ, bị hủy diệt có toan tính, thì đại đa số vẫn tin tưởng ở chiến thắng cuối cùng của điều thiện, của sự thật và của tự do tư tưởng.

Những bản nhạc viết ra trong tù, có những lúc đầy u uẩn, bi thương, nhưng cũng có lúc hào khí chất ngất và lạc quan về tương lai dân tộc.

Chị Thiên Thanh, một thính giả, nhưng ở chương trình cuối của ngày VAALA khai trương trụ sở mới lại là một người trình diễn, thú nhận rằng chị đã "khóc mùi khi nghe những bản nhạc của các cựu tù cải tạo trình bầy hôm nay."

Nhạc Việt đi vào thị trường Mỹ

Nhạc sĩ Lê Quang Anh, một sựu sĩ quan hải quân QLVNCH, đến Mỹ từ những ngày đầu của mùa di tản tị nạn cộng sản, tiếp nối chương trình sinh hoạt bằng một bản gợi ý có kèm theo dẫn chứng bằng các băng nhạc, về việc nhạc Việt có thể đi vào thị trường Mỹ.

"Phải làm lời bằng tiếng Mỹ." Ông Lê Quang Anh cho biết như vậy, khi nói rằng ông đã thử và đạt một vài thành công nho nhỏ, khởi đầu với bản nhạc ca tụng những người lính Mỹ đến Việt Nam giúp miền Nam tranh đấu cho tự do. Bản "You are the heroes" (Các bạn là những anh hùng) là nhạc phẩm đầu tiên ông Anh viết năm 1986, và đã được trình diễn trong đại hội cựu chiến binh Mỹ năm 1987. "Tôi cũng làm nhiều bản nhạc tình." Ông Anh cho biết khi mở băng cát-xét cho thính giả thưởng thức liên tiếp ba bản nhạc tình cảm do các ca sĩ Mỹ hát cùng ban nhạc Mỹ. Ông nói rằng những bản nhạc này đều đã được gửi dự thi cuộc thi ca khúc Mỹ hàng năm và được giải khuyến khích. Ông hy vọng có ngày ông sẽ chiếm những giải lớn.

Những giọng ca vàng của văn nghệ nghiệp dư

Kết thúc chương trình sinh hoạt kéo dài nguyên một ngày Chủ Nhật nhân dịp khai trương trụ sở mới của Hội VAALA, nhiều thân hữu đã đóng góp tiếng hát làm cho không khí văn nghệ thân tình cuốn hút tới độ mọi người muốn tiếp tục, dù đêm đã vào khuya và ban tổ chức cuộc xổ số vui lấy tặng phẩm đòi giữ đúng thời biểu!

Nổi bật trong phần này là sự đóng góp của một số thành viên Ca đoàn Ngàn Khơi. Hai giọng nữ cao Bích Liên và Thiên Thanh chinh phục hoàn toàn sự ngưỡng mộ của thính giả qua những tràng pháo tay kéo dài và những tiếng hô "bis, bis" liên tục.

Hai nhạc sĩ Lê Văn Khoa và Phạm Hưng đàn dương cầm, Lê Xuân Điểm đàn "banjo" và Nguyễn Tiến Việt ghi-ta, giúp cho chương trình văn nghệ thân hữu trở thành những tiết mục độc đáo, đáng ghi nhớ, chấm hết một cách tốt đẹp cho một ngày đầy ắp không khí văn học nghệ thuật.

Được biết, trụ sở Hội VAALA mở cửa mỗi ngày từ 10 giờ sáng tới 5 giờ chiều; thứ Bẩy và Chủ Nhật có chương trình và thời biểu riêng. Các tuần lễ tới đây sẽ có những sinh hoạt vào cửa tự do như ra mắt sách "Câu Chuyện Của Lá Phong" của Trần Mộng Tú (thứ Bẩy 12 tháng Mười Một), nói chuyện về ca trù với diễn giả Bảo Vân Bùi Văn Bảo (Chủ Nhật 13 tháng Mười Một). Trụ sở này Hội cũng cho các cá nhân và hội đoàn mượn hoặc mướn để tổ chức các sinh hoạt văn hóa, giáo dục, cộng đồng. Liên lạc (714) 537-8352.■

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

NGUYỄN QUANG AN
LÊ TAM CA
PHẠM XUÂN ĐÀI

SÁCH

A Taste of Earth. Đây chính là tác phẩm **Văn Lang Dị Sử** của Thượng Toạ **Nhất Hạnh** được chuyển sang Anh Ngữ bởi Mobi Warren. Sách do nhà xuất bản Paralax Press, Berkeley California thực hiện, dầy 128 trang, in trên giấy dầy, giá bán $14.00. Địa chỉ liên lạc: Paralax Press P.O. Box 7355 Berkeley, CA 94707. Ngoài ra nhà xuất bản Lá Bối hiện đang phát hành tất cả những tác phẩm Việt Ngữ của thầy Nhất Hạnh. Địa chỉ của nhà xuất bản Lá Bối là: P.O. Box 781, San Jose, CA 95106.

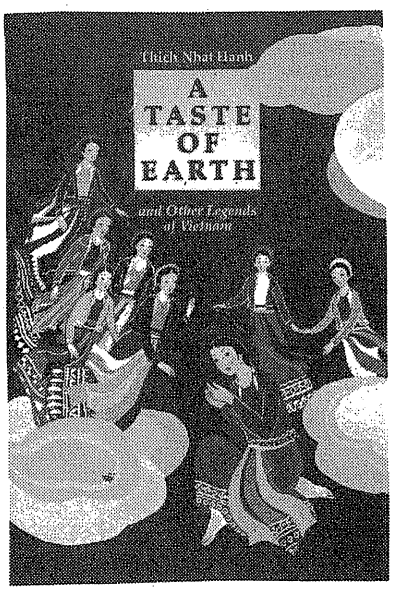

Sách gồm 12 truyện cổ tích truyền kỳ, từ thuở khai thiên lập địa bao gồm những nét chính trong văn hóa Việt Nam kể từ thời dân tộc chúng ta lập quốc. Sách rất cần cho người Mỹ muốn tìm hiểu phong tục tập quán của người Việt Nam, sách còn tỏ ra cần thiết hơn cho chính con em chúng ta, sinh ra trên đất nước này và không có cơ hội thấm nhuần cội rễ của tổ tiên từ thời hồng hoang. Con em của chúng ta dù muốn hay không cũng đã bị cắt xa lìa nguồn gốc, qua tập sách này các em sẽ biết những truyện tích như: Một bọc trăm trứng, Bánh dầy bánh chưng, Mỵ Châu Trọng Thủy, Sơn Tinh Thủy Tinh, Trầu Cau, An Tiêm... Sách do nhà xuất bản Mỹ thực hiện, nên phần kỹ thuật của quyển sách e rằng các nhà xuất bản Việt không thể làm hơn, ngoài ra sách có 23 phụ bản tranh vẽ do hai họa sĩ Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp thực hiện.

Thượng Tọa Nhất Hạnh hiện nay đang cư ngụ tại Pháp, ông lập nên Làng Hồng là nơi cho những người nào nghiên cứu và thích hành thiền tu tập. Mỗi năm Thượng Tọa Nhất Hạnh qua sinh hoạt với làng Cây Phong, tại Canada.

Vietnamese Literature: A Brief Survey. Biên khảo của giáo sư **Nguyễn Đình-Hoà**. Sách được viết bằng Anh Ngữ, do Trường Đại Học San Diego State University thực hiện, địa chỉ liên lạc: San Diego State University, San Diego CA 92182-0137. Sách để giá $12.00.

Sách dầy ngót 200 trang, chia làm bốn phần chính, mỗi phần lại chia ra làm nhiều chương mà trong đó Giáo sư Tiến Sĩ Nguyễn Đình- Hoà đã thâu tóm một cách tổng quát văn chương Việt Nam suốt hơn một ngàn năm từ những tác phẩm trước tác bằng Hán Văn sang tới những tác phẩm viết bằng chữ Nôm. Ông cũng điểm qua những thời điểm lịch sử Việt Nam chói lọi nhất, như thời Lý, Trần, Lê và đối chiếu với sinh hoạt văn học cùng thời. Ông còn giới thiệu với nước Mỹ những khuôn mặt lớn trong văn chương Việt Nam trải qua các thời đại. Do đó tác phẩm có tính cách yếu lược nhiều hơn là một công trình khảo cứu chi li. Ngay cả những tác giả trẻ tuổi xuất hiện tại hải ngoại sau năm 1975 cũng được giáo sư Nguyễn Đình-Hoà nhắc tới. Cũng như tác phẩm của Thượng Tọa Nhất Hạnh, quyển sách này cần thiết cho những ai không rành tiếng Việt nhưng muốn nghiên cứu văn chương Việt Nam.

Những Mối Ưu Tư Của Người Việt Đôi Bờ biên khảo của **Bửu Sao**. Sách do nhà xuất bản Tân Lạc, New York thực hiện, dầy 340 trang, giá bán $15.00. Địa chỉ liên lạc số P.O. Box 680797, Orlando FL 32868-0797. Khu vực Âu Châu xin liên lạc với M David Trinh, 26 rue Henri Turot 75019 Paris, France.

Sách là một tài liệu biên khảo công phu. Ngay nơi trang bìa, tác giả cho in một hàng chữ lớn dưới

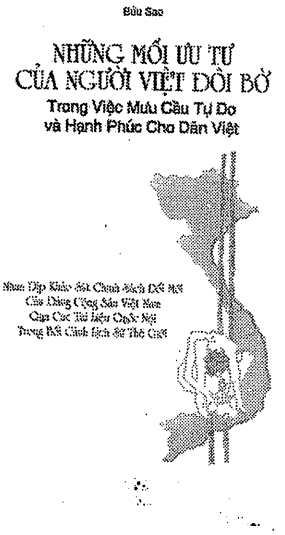

nhan đề quyển sách: *Trong Việc Mưu Cầu Tự Do và Hạnh Phúc cho Dân Việt*, dưới đó một chút cũng nơi trang bìa, một hàng chữ nhỏ hơn: *Nhân dịp khảo sát chính sách đổi mới của Đảng Cộng Sản Việt Nam qua các tài liệu quốc nội trong bối cảnh lịch sử thế giới.*"

Sách được chia làm ba phần không đều. Phần thứ nhất: Độc Lập, Tự Do, Hạnh Phúc gồm 5 chương, chiếm một chiều dầy 50 trang; phần thứ hai: Nước Mạnh Dân Giầu gồm 11 chương, chiếm 165 trang và phần thứ ba: Niềm Tự Hào Dân Tộc gồm 4 chương, chiếm khoảng 50 trang nữa. Sau cùng là phần kết luận, cùng ghi chú những tài liệu trích dẫn.

Những ai thích nghiên cứu chính trị, đặc biệt là chính trị Việt Nam quốc nội cũng như quốc ngoại, nên tìm đọc tác phẩm này.

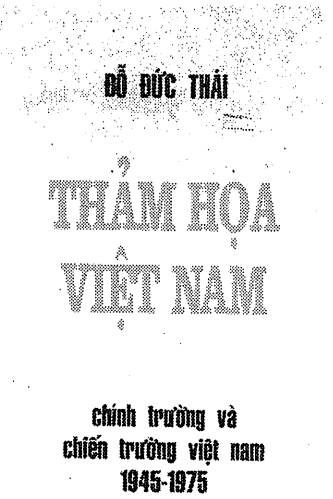

Thảm Họa Việt Nam biên khảo chính trị của **Đỗ Đức Thái**. Sách do tác giả tự xuất bản, không đề giá bán và cũng không ghi địa chỉ liên lạc.

Sách dầy 250 trang, chia làm 22 chương không đều nhau mà trong đó tác giả lướt qua 30 năm lịch sử của thời cận đại. Nơi bìa sách tác giả cho in một hàng chữ đậm: **"Chính trường và Chiến Trường Việt Nam 1945-1975"**. Công tâm mà nói nếu muốn biên khảo cả về chính trường và chiến trường trong giai đoạn này thì với 250 trang sách quả là không đủ. Ngay trong tên của mỗi đề mục của 22 chương sách, mỗi chương là một trời thảm họa, thật không thể nào trói gọn trong mười trang giấy. Nơi trang bìa trong, độc giả bắt gặp một đoạn văn giới thiệu quyển sách: *"...Sử và chính trị thường khô khan và khó hiểu. Ấy vậy mà nhờ ngọn bút linh hoạt và điêu luyện, tác giả đã dễ dàng đưa bạn đọc đi từ khởi thủy của cuộc chiến tranh chính trị 30 năm đến trận đánh cuối cùng kết thúc trận chiến. Đọc sách bạn có cảm tưởng như được xem một cuốn phim hay về chiến tranh Việt Nam từ 1945 đến 1975".*

Trân trọng giới thiệu đến độc giả một quyển sách viết về những biến cố lớn trong chiến tranh Việt Nam.

Việt Nam 50 Năm Bể Dâu tác giả **Minh Kỳ Trần Khâm**. Sách do tác giả tự xuất bản, dầy 252 trang, đề giá $15.00. Địa chỉ liên lạc: Khâm Trần P.O. Box 585023, Orlando FL 32858.

Quyển sách không đề thể loại biên khảo, truyện dài, truyện ngắn hay tạp văn. Sách gồm 8 chương, chia ra làm 72 bài viết. Trong lời nói đầu tác giả dẫn một câu danh ngôn của Raymond Aron: *"Lịch sử viết ra thường là lịch sử của kẻ chiến thắng" vì kẻ chiến bại mồ sâu chôn lấp trong quên lãng, làm sao nói lên được những nỗi uất ức của lòng mình. Hồi ký của các danh nhân viết ra thường chỉ ghi lại những chiến công hiển hách, chứ ít khi nói lên tất cả những sự thật về một giai đoạn lịch sử nào đó. Do đó tác giả vốn chỉ là một thường dân chỉ cố gắng phê bình một cách khách quan theo lương tâm, gọi là đóng góp một phần nào cho nền văn hóa dân tộc Việt Nam đã chịu nhiều đau khổ trong hàng nửa thế kỷ.*

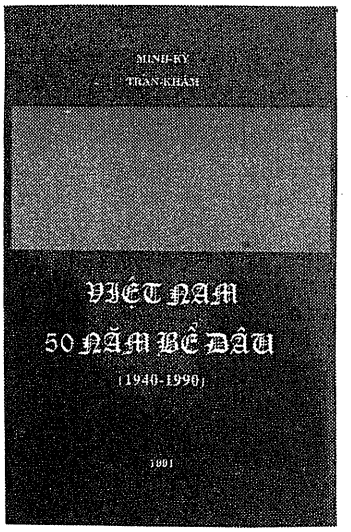

Tác giả mở đầu quyển sách bằng cách liên kết năm 1933, ông sinh ra đời với một chuỗi biến động lịch sử thế giới. Trọn 250 trang sách là những hồi tưởng, dựa trên những cảnh đời mắt thấy tai nghe của tác giả. Ông đóng quyển sách lại bằng một câu thành ngữ tiếng La-tinh *"Cogito ergo sum"* mà ông diễn ra bằng tiếng Pháp là *"Je pense, donc je suis"*. Ông suy tưởng để chứng tỏ sự hiện hữu của chính mình.

Trân trọng giới thiệu một tác phẩm khác viết về những tại ương nước Việt đã phải gánh chịu trong nửa thế kỷ vừa qua.

Văn Hoá Việt tập I biên khảo của **Lạp Chúc Nguyễn Huy**. Sách do nhà xuất bản Nắng Mới thực hiện, dầy 180 trang, đề giá US$10.00 hay 13 Gia Kim. Địa chỉ liên lạc Nắng Mới C.P. 40, Succ. Côte Des Neiges, Montréal, PQ H3S 2S4 Canada.

Quyển sách bao gồm 30 bài viết ngắn, được tác

giả sử dụng một giọng văn trong sáng, mạch lạc để đề cập đến các vấn đề liên hệ tới văn hóa. Văn hóa của một sắc dân phải chăng hiển hiện khắp chốn trong sinh hoạt dân gian. Từ cách ăn mặc, đi đứng, nói năng, cho tới nhà cửa, ruộng nương... Ngay cả trong cách trai gái tỏ tình với nhau trong những chỗ kín đáo, văn hóa cũng góp mặt. Nói tóm lại, từ những việc diễn ra trong thanh thiên bạch nhật đến những việc người ta làm trong những lúc kín đáo riêng tư nhất, văn hóa đều có chỗ chen chân vào.

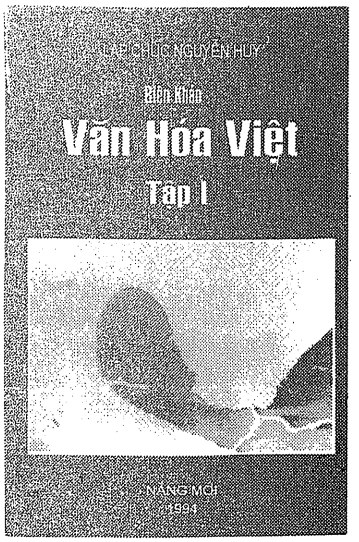

Tuy nhiên tôi vẫn thấy sử dụng chữ biên khảo cho tập sách này có điều không ổn. Những bài viết trong quyển sách có tính chất tạp văn nhiều hơn là biên khảo. Bởi vì nói tới biên khảo là nói tới những sách vở, tài liệu tra cứu. Quyển sách chứa những suy nghĩ của chính tác giả về văn hóa hơn là một công trình biên khảo thật sự. Chỉ có một số nhỏ bài viết có tham khảo các tài liệu, và toàn bộ quyển sách không có một cái thư mục tham khảo. Tuy nhiên đây là một quyển sách dành cả cho người lớn đã hội nhập, hay những con trẻ của chúng ta sắp hội nhập, biết thế nào là tập quán của cha ông, sẽ không đến nỗi bỡ ngỡ mỗi khi tiếp xúc với những người mới tới.

Dòng Sông Sữa Mẹ tuyển tập truyện ngắn của Nguyễn Lê Hồng Hưng do nhà xuất bản Cái Đình phát hành. Sách dầy 160 trang, đề giá $10.00. Địa chỉ liên lạc: Cái Đình, Den Uylstraat 36-8015 DZ-Zwolle, Holland. Tel 038-600989.

Trước khi đi vào quyển truyện, tưởng chúng ta cũng nên biết qua nhà xuất bản Cái Đình là một nhà xuất bản mới xuất hiện tại Hòa Lan. Tác phẩm của Nguyễn Lê Hồng Hưng là ấn phẩm đầu tiên của nhà xuất bản này. Tuy là ấn phẩm đầu tiên song nhà xuất bản Cái Đình đã có thể nói là một trong nhà xuất bản chăm nom ấn phẩm của mình một cách tận tình. Sách in đẹp. Hy vọng trong những ngày sắp tới nhà xuất bản Cái Đình sẽ cho độc giả những món ăn tinh thần đẹp về hình thức và phong phú về nội dung.

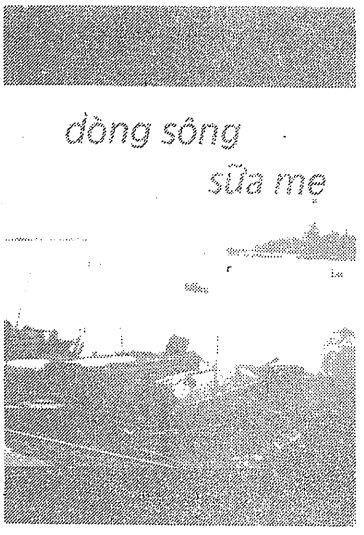

Nguyễn Lê Hồng Hưng là một nhà văn vừa mới vào nghề đã có một bản sắc riêng. Anh viết không cầu kỳ, mà lại không dễ dãi cũng không chung chung, ấy thế mà chuyện của anh cứ tà tà đi thẳng vô đầu độc giả. Năm 1989, tạp chí *Văn Học* đăng một truyện ngắn của anh, truyện viết về một thủy thủ Việt Nam đi theo một tầu buôn ngoại quốc, thế mà anh ít thuật đến những cái hay, cái lạ của nơi anh ghé bến, lại toàn nhớ về vùng đất đã ruồng rẫy anh, khiến anh phải bỏ mà đi tha phương cầu thực nơi xứ người. Văn anh trong sáng, giản dị không chuộng sự bóng bẩy hào nhoáng, nhưng đồng thời văn anh có sức chuyên chở nặng. Truyện của anh xuất hiện rải rác trong các tạp chí nặng về văn chương ở hải ngoại như *Văn Học, Thế Kỷ 21, Làng Văn, Độc Lập...*

Dòng Sông Sữa Mẹ là tác phẩm đầu tay của Nguyễn Lê Hồng Hưng. *Thế Kỷ 21* chân thành chúc anh đi thật xa trên con đường riêng anh, đã chọn. Hệt như con tầu hàng hải đã đem anh đi bốn phương trời, mười phương đất, mong rằng ngòi bút của Nguyễn Lê Hồng Hưng chạm được tới bến con người.

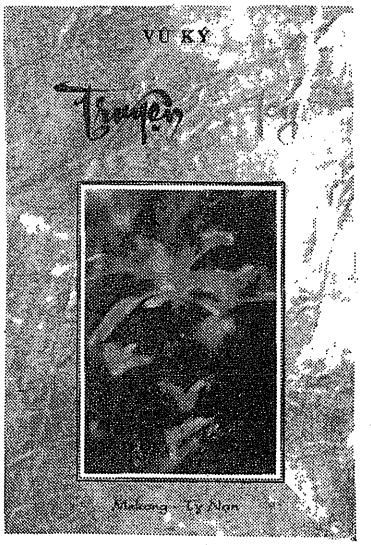

Truyện và Ký, tập truyện và ký của nhà văn, kiêm giáo sư Vũ Ký do nhà xuất bản Mekong Tị Nạn ấn hành. Sách dầy 200 trang, giá bán $10.00. Địa chỉ liên lạc P.O. Box 612101, San Jose, CA 95161.

Vũ Ký là một tên tuổi quen thuộc trong giới cầm bút ở Việt Nam. ông còn là một nhà giáo lão thành đã dậy rất nhiều học trò của các trường trung học của cả ba cõi Bắc Trung Nam mà trong đó có trường Quốc Học và trường Petrus Ký. Dưới bút hiệu Vũ Ký, ông là tác giả của 20 quyển sách gồm truyện dài, truyện ngắn, truyện dịch, sách giáo khoa, sách biên khảo... Ngoài những hoạt động văn học, ông còn là một nhà chính trị bị cả hai phía cầm

tù. Ông bị Cộng sản giam g0ữ trước hiệp định Genève, và bị chính quyền của ông Ngô Đình Diệm bỏ tù sau hiệp định này. Năm 1975, ông không di tản và vì vậy lại một lần nữa bị Cộng sản giam giữ, nhưng lần này ông được chính phủ Bỉ can thiệp nên được phóng thích và cho xuất ngoại. Ông định cư tại Bỉ từ năm 1980 cho tới nay.

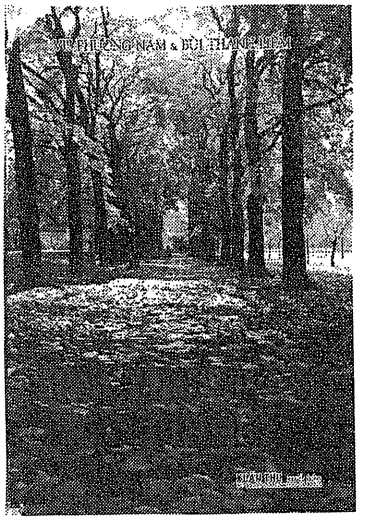

Ngay khi vừa đặt chân tới xứ sở tự do ông lập tức sử dụng lại ngoài bút của mình trong chức năng của một người làm văn hóa.

Truyện và Ký gồm 14 bài viết mà trong đó tác giả ký thác tâm sự của mình trên những hoàn cảnh đặc biệt của đời sống. Với bút pháp của một nhà giáo chuyên dậy Việt Văn từ nửa thế kỷ nay, hiển nhiên là những bài viết chặt chẽ, giọng văn cổ, nghiêm cẩn. Chen vào những bài viết này là những phụ bản thư pháp của Vũ Hối, tranh của Phi Hùng, Văn Đạt và Nguyễn Hữu Tuân. Những phụ bản này theo tôi không cần thiết mà chỉ làm cho quyển sách bị rối.

Ngõ Hẹp Quanh Co, tập truyện của Huy Trâm, nhà xuất bản Thời Điểm ấn hành, giá bán $12.00. Địa chỉ liên lạc: P.O. Box 2847, Garden Grove, CA 92642-2847, Đ.T số (714) 530-6301.

Sách dầy 200 trang gồm 16 truyện ngắn, chen kẽ với hai phụ bản tranh vẽ của họa sĩ Minh Quân. Để giới thiệu văn chương của Huy Trâm tưởng không có gì bằng giới thiệu con người tác giả. Ông vốn là một thẩm phán của miền Nam, đã sinh hoạt văn chương khoảng bốn chục năm rong rã. Năm 1969, ông đã có lần đoạt giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc của miền Nam bằng một tác phẩm biên khảo. Ông còn là nhạc trưởng và sáng lập chương trình Nhạc Chủ Đề trên Đài Truyền Hình Việt Nam.

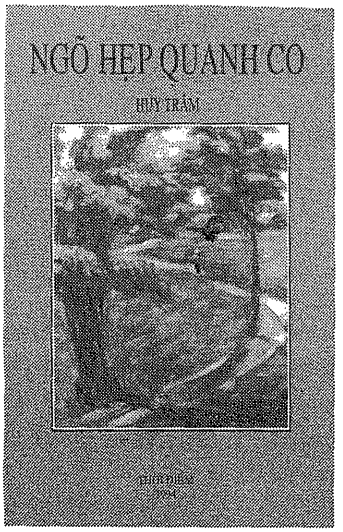

Năm 1975 ông không di tản và nhận lãnh tai họa như bất kỳ một công chức hạng cao nào của phần đất thất trận. Ông bị giam giữ bảy năm trong các trại tù cải tạo. Khi được thả về ông tham gia những hoạt động chính trị và lại bị giam lần thứ hai thêm ba năm . Ông đến Mỹ cuối năm 1991 trong diện HO. Và ngay lập tức khi được hít thở một chút không khí tự do, con người sáng tác của ông trỗi dậy. Ông đóng góp với phần đất mới hai năm hai tập thơ. Tập *Dòng Lệ Thơ Ngây* in năm 1992 và tập *Đồng Xanh* in năm 1993.

Mùa Thu Trên Phím Đàn, tập truyện của **Vũ Phương Nam** và **Bùi Thanh Liêm**. Sách do nhà xuất bản Xuân Thu phát hành, dầy 230 trang, giá $10.00. Địa chỉ liên lạc P.O. Box 97, Los Alamitos, CA 90720.

Sách gồm 17 truyện ngắn và khá nhiều phụ bản không cần thiết, đã không làm cho quyển sách đẹp thêm mà trái lại còn làm cho nó rườm thêm. Trong 17 truyện ngắn này người đọc không thể biết trong hai tác giả ai là người viết truyện nào. Có thể là cả hai viết chung toàn bộ 17 truyện ngắn này?

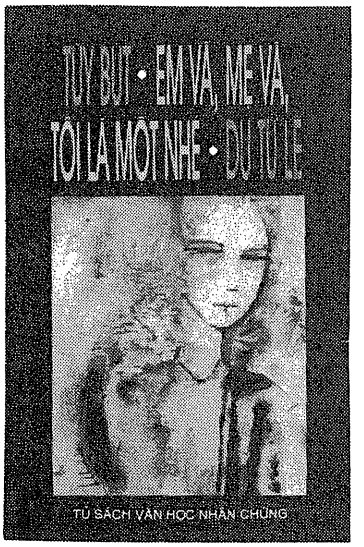

Em và, Mẹ và, Tôi là một nhé tùy bút của **Du Tử Lê**, do tủ sách Văn Học Nhân Chứng xuất bản, dầy 128 trang, giá $8.00. Địa chỉ liên lạc 706 La Vergn Way, Santa Ana, CA 97703, ĐT (714) 554-7161.

Sách gồm 16 bài viết mà trong đó quá nửa những bài tác giả viết để tặng những bằng hữu của ông, những người đã cùng ông chia sẻ những cay, đắng, ngọt, bùi trong đời sống. Mỗi bài viết làm như là kỷ niệm cho một chuyến đi, một lần gặp gỡ, hội ngộ để rồi chia xa trong nhịp sống nhanh như âm thanh này.

Du Tử Lê mặc dù viết khá nhiều văn xuôi, nhưng hầu như ai ai cũng nhìn nhận ông là một nhà thơ. Ngay trong tập tùy bút này ngôn ngữ thơ cũng có vẻ lấn lướt ngôn ngữ văn xuôi trong tùy bút. Cho dù đôi khi người ta khen một bài tùy bút đẹp như một bài thơ, không có nghĩa một tùy bút viết toàn bằng ngôn ngữ thơ thuần túy là một tùy bút hay. Ngoài ra, ông có vẻ lạm dụng... dấu phẩy!

Trân trọng giới thiệu với độc giả một tập tùy bút của một nhà thơ.

BĂNG và ĐĨA

Nhặt Cánh Sao Rơi, băng cát-xét với giọng ca **Mai Hương**, do Diễm Xưa Productions phát hành. Liên lạc (714) 540-7537.

Cuốn băng gồm 12 ca khúc thuộc loại "tiền chiến" (?) của các tác giả như Văn Cao, Vũ Thành, Tử Phác, Tô Vũ, v.v... Mai Hương khéo chọn, vì những giai điệu và tiết tấu của các ca khúc rất hợp với giọng hát của cô — trong trẻo, dịu dàng. Mở đầu bằng *Trường Ca Sông Lô* hùng tráng, cuốn băng đi dần vào cõi mông lung của tình cảm ướt át, từ *Nhớ Trăng Huyền Xưa* của Nguyễn Văn Quỳ đến *Trách Người Đi* của Đan Trường, và các bản khác cùng loại, kết thúc bằng những lời nguyện cầu thiết tha qua *Ave Maria* của Gounod (lời Việt Phạm Duy).

Mai Hương chưa bao giờ làm băng nhạc thương mại, dù cô hát đã lâu và là một trong những giọng hát hàng đầu của tân nhạc Việt từ những thập niên 50 đến nay. Loại nhạc mà cô chọn cũng chỉ thích hợp với tâm thức thưởng ngoạn của một số người — trí thức tiểu tư sản, ở lứa tuổi 50. **Nhặt Cánh Sao Rơi** là một băng nhạc hay, đánh dấu một giai đoạn vàng son của nhạc Việt.(LTC)

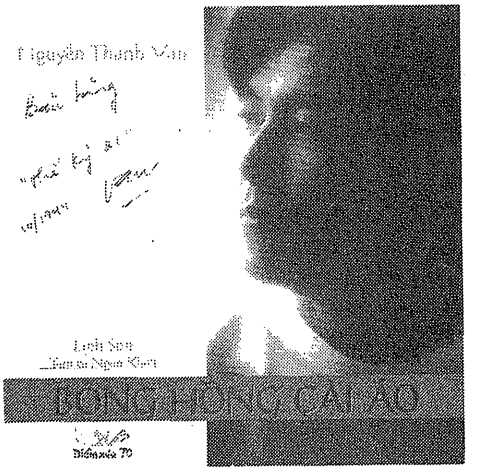

Bông Hồng Cài Áo, đĩa gọn (CD) của **Nguyễn Thành Vân**, có thêm giọng hát của Linh Sơn và Tam ca Ngàn Khơi (Ngọc Sương, Hoàng Như An và Trân Hương), do Diễm Xưa Productions phát hành. Liên lạc (714) 540-7537.

Nếu chúng ta biết Nguyễn Thành Vân chính là con trai của nữ ca sĩ Linh Sơn (nổi danh cùng thời với những Mộc Lan, Kim Tước, Châu Hà,...), chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy có tiếng hát Linh Sơn trong đĩa này, và cái tựa của đĩa là *Bông Hồng Cài Áo* (tên một bài thơ của Nhất Hạnh, ca tụng người mẹ), cho thấy Nguyễn Thành Vân muốn dùng đĩa hát này làm món quà tặng mẹ — một món quà đầy ý nghĩa.

Đây là đĩa nhạc thứ ba, sau "Tình Mong Manh" (1992), và "Bèo Giạt Mây Trôi" (1993), Nguyễn Thành Vân hát với kỹ thuật cao. Đôi lúc quá kỹ thuật khiến cho nét nhạc Việt bị "Âu hóa." Hòa âm công phu, và ba giọng nữ phụ họa giúp cho đĩa nhạc chuyên chở được tính cách thính phòng đến với đại chúng.(LTC) ■

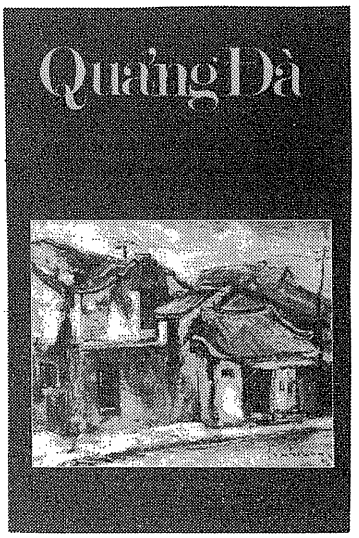

Thế Kỷ 21 hân hạnh giới thiệu:

QUẢNG ĐÀ

GIAI PHẨM MÙA THU 1994

Với bìa lọc mầu, một họa phẩm của Đinh Cường: "Mùa Thu Hội An," và văn, thơ, nhạc, họa và ảnh của hàng chục cây bút lừng lẫy, trải trên gần 350 trang báo, trình bày trang trọng, công phu...

Giá: US$10.00 (ngoài nước Mỹ US$12.00)
Liên lạc: **Giai phẩm QUẢNG ĐÀ**
PO BOX 428 ROSEMEAD CA 91770 USA
TEL (818) 286-1239 / 286-9798
FAX (818) 286-3293

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ

** Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Saigon * Nguyên Giáo Sư Môn Nội Khoa Đại Học Y Khoa Oklahoma*
** Nguyên Phó Giám Đốc Oklahoma City V.A. Medical Center.*

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN BÍCH VÂN, M.D.

FAMILY MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN Y KHOA GIA ĐÌNH HOA KỲ

** Tốt nghiệp Y Khoa tại University of Oklahoma * Nguyên Nội Trú và Thường Trú Chuyên Khoa Nội Khoa, Thần Kinh và Y Khoa Gia Đình tại các University of Oklahoma, Louisiana State University, University of California Irvine*

13832 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92643

(Góc Brookhurst/Westminster trong khu chợ Kinh Đô, cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

BỆNH NỘI KHOA VÀ BỆNH NGOÀI DA

- **BỆNH DỊ ỨNG**: Sổ mũi, nổi mề đay, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA**: Mụn trứng cá, tàn nhang, mụn cóc, lang ben, bệnh phong thấp: Đau khớp xương, đau nhức thần kinh.
- **BỆNH THẦN KINH**: Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh.
- **BỆNH DINH DƯỠNG VÀ BỆNH NỘI TIẾT**: Áp Huyết Cao, tiểu đường, mở cao trong máu, mập phì, bướu cổ.
- **BỆNH TIÊU HÓA**: Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu.
- **BỆNH TIM**: Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp.
- **BỆNH PHỔI**: Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi.
- **BỆNH THẬN VÀ ĐƯỜNG TIỂU**: Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu, thận suy.

BỆNH PHỤ KHOA VÀ NHI KHOA

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não.
- Bệnh tê liệt, bại xuội.

Y KHOA PHÒNG NGỪA

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư: máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh, thử máu trước khi lập gia đình

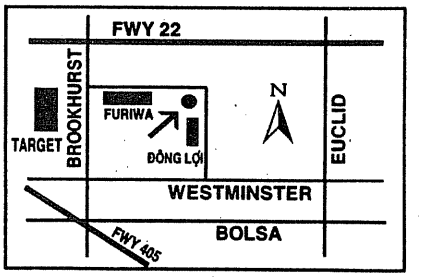

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ 2, 4 & 6: 10AM - 7PM
Thứ 3 & 5: 1:30PM - 7PM
Thứ 7: 10AM - 5PM
Chủ Nhật: Nghỉ

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM
XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN

LIÊN HIỆP TỊ NẠN QUẬN CAM (OCRC, Orange County Refugee Coalition),
một nhóm các tổ chức bất vụ lợi giới thiệu:

CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC VẬN ĐỘNG NHẬP QUỐC TỊCH

(PARTNERSHIP FOR CITIZENSHIP)

- Khóa học nhập tịch MIỄN PHÍ để GIÚP NGƯỜI TỊ NẠN chuẩn bị thi nhập quốc tịch Hoa Kỳ, gồm 25 giờ học dạy các môn về LỊCH SỬ và CƠ CẤU CHÍNH QUYỀN HOA KỲ, và luyện tập để trả lời những câu phỏng vấn của nhân viên sở di trú và nhập tịch (INS).
- Điều kiện theo học: bạn phải ở Mỹ hợp pháp bốn (4) năm trở lên.
- Chương trình MIỄN PHÍ này được chính phủ liên bang chuẩn chi và chấp nhận bởi Sở Định Cư Người Tị Nạn, và được các cơ quan Thiện Nguyện địa phương, các Hội Tương Trợ, cùng ty Xã Hội hạt Orange bảo trợ.
- Các lớp học sẽ được tổ chức vào các buổi

CHIỀU và TỐI MỖI NGÀY TRONG TUẦN và SÁNG THỨ BẢY

tại các địa điểm sau:

- *Garden Grove (4 trung tâm)*
- *Westminster (4 trung tâm)*
- *Santa Ana (2 trung tâm)*
- *Anaheim (2 trung tâm)*

Ngoài ra chúng tôi còn có các bài học và các lớp **ESL MIỄN PHÍ*.**

THỜI GIAN GHI DANH: BẮT ĐẦU TỪ NGÀY 3 THÁNG MƯỜI 1994

XIN GỌI SỐ

CITIZENSHIP HOT-LINES
(714) 444-0400 hoặc (714) 558-3097

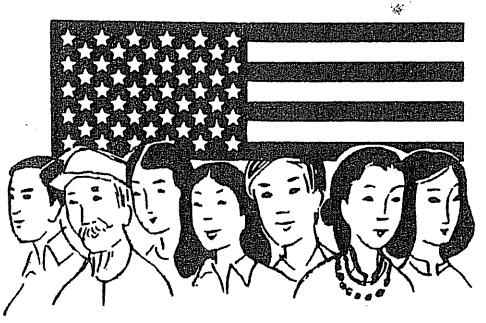

Các Cơ Quan và Hội Đoàn đồng bảo trợ chương trình:

Catholic Charities of Orange County/USCC
County of Orange/Social Service Agency
Episcopal Migration Ministries/ESA
International Rescue Committee, Inc.
Jewish Family Services of Orange County
Laotian American Organized Support
Lutheran Social Services of Southern California
St.Anselm's Cross-Cultural Center/Church World Services
The Cambodian Family, Inc.
Vietnamese American Arts and Letters Association
Vietnamese Community of Orange County, Inc.
World Relief

** Chúng tôi có lớp dạy đặc biệt MIỄN PHÍ cho những thường trú nhân không phải tị nạn ở Mỹ năm năm trở lên, xin gọi lấy hẹn riêng.*

Bánh Mì Cali

$1.35/1 ổ
MUA 2 TẶNG 1

- Bánh mì thịt nguội
- Bánh mì bì
- Bánh mì chả lụa
- Bánh mì thịt nướng
- Bánh mì nem chua
- Bánh mì xíu mại
- Bánh mì gà rô-ti
- Bánh mì cá mòi

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GOC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

HOÀNG OANH
MUSIC CENTER

Hân hạnh giới thiệu các CD, Video, Băng Thơ, Băng Nhạc đã phát hành

Compact Disc:
CD 01: Nhạc Vàng Tuyển Chọn
CD 02: Thương Người Chiến Sĩ VNCH
CD 03: Ave Maria
CD 04: Sao Chưa Thấy Hồi Âm
CD 05: Hòn Vọng Phu
CD 06: Cô Lái Đò
CD 07: Đêm Đông Chúa Sinh Ra Đời
CD 08: Dân Ca Ba Miền
CD 09: Chúa Là Nơi Con Nương Tựa
CD 10: Đi Trên Cỏ Non
CD 11: Thi Ca Cho Người Việt Nam Vượt Biển, Tỵ Nạn.
Video 1 Hai Vì Sao Lạc
Băng Thơ:
Băng Thơ 01: Tiếng Thơ
Băng Thơ 02: Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi
Băng Thơ 03: Đôi Bờ Nhớ Thương
Băng Thơ 04: Hai Sắc Hoa TyGôn
Băng Thơ 05: Chúng Ta Mất Hết Chỉ Còn Nhau
Băng Thơ 06: Thi Ca Cho Người Việt Nam Vượt Biển Tỵ Nạn
Băng Nhạc:
Hoàng Oanh 06: Dân Ca Ba Miền
Hoàng Oanh 07: Buồn Trong Kỷ Niệm
Hoàng Oanh 08: Ai Ra Xứ Huế
Hoàng Oanh 09: Thương Người Chiến Sĩ VNCH
Hoàng Oanh 10: Tuổi Học Trò
Hoàng Oanh 11: Về Đâu Mái Tóc Người Thương
Hoàng Oanh 12: Hòn Vọng Phu
Hoàng Oanh Xuân: Rước Xuân Về Nhà
Hoàng Oanh 14: Đi Trên Cỏ Non

GIÁ TIỀN:
* $US 7.00
1 Cassette
* $US12.00
1 CD
* $US 15.00
1 Video

P.O. Box 9541
Fountain Valley
CA 92728
(714)
964-7591

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster,
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D,
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

Phở Cali

* Ngon mà lại rẻ
*Không bột ngọt
*Ngò gai rau quế bốn mùa

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GÓC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

ASE CERTIFIED AUTOMOTIVE SERVICE EXCELLENCE

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ (MANAGER) (714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK $19.00 + $7 CERT. VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA; 2 WHEEL $25 MOST CARS

1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-TII CHUYÊN TRỊ:

Vô xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chắc tìm được nơi nào đáng tin cậy.

☆ Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đàng hoàng, đúng tiêu chuẩn dealer.

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.
- Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.
- Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.
- Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.
- FREE ESTIMATE.

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT

(714) 373-3344

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE $50.00 EVACUATE EXTRA

THANH BUI (GENERAL MANAGER) Kính Mời

AIR CONDITIONING SPECIALIST

- * Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System
- * Máy lạnh thổi không ra hơi
- * Hơi thổi ra không đúng chỗ
- * Hệ thống lạnh bị xì
- * Xe bị nóng khi xài máy lạnh
- * Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
永西實貨超市場

9622 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quý khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME ATM

California Lotto LOTTO
California Lotto DECCO
Little Lotto

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sỉ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nĩa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

14901 MORAN ST. ◻ WESTMINSTER, CA 92683 ◻ TEL: (714) 894-5630 ◻ FAX: (714) 894-2752

- Phát huy các giá trị dân tộc Việt Nam trong nghệ thuật, văn chương, học thuật.
- Tạo nhịp cầu thông cảm giữa các sắc tộc qua văn học, nghệ thuật.
- Giữ gìn và làm giầu các di sản văn hóa.
- Tạo điều kiện cho các văn nghệ sĩ cùng làm việc phục vụ tự do, dân chủ.

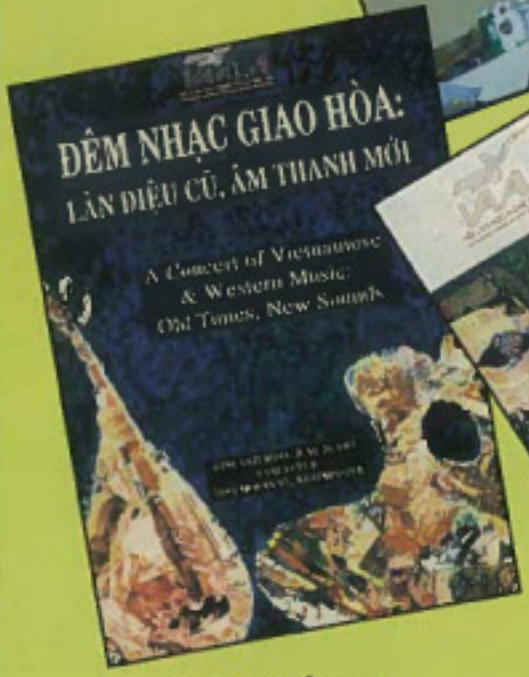

Tham gia và ủng hộ
Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ

AAA
Vietnamese American Arts & Letters Association

Giá: US $ 3.00